NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP.HCM
HCMC DEVELOPMENT J. S COMMERCIAL BANK
Số: 1275 /2026/CV-HDBank
V/v: Công bố thông tin chào bán trái phiếu HDBank ra công chúng – Đợt 2
Announcement of the public offering of HDBank bonds – 2nd tranche

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence – Freedom - Happiness

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 06 năm 2026
Ho Chi Minh City, June 12 ,2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - **Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước**
To: State Securities Commission
- **Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM**
Ho Chi Minh City Stock Exchange
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**
Ha Noi Stock Exchange

1. **Tên tổ chức: NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP.HCM (HDBANK)**
Name of organization: Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank
   - Mã chứng khoán: HDB
   Securities code: HDB
   - Địa chỉ: 25 bis Nguyễn Thị Minh Khai, P. Sài Gòn, Tp.HCM
   Address: 25 Bis Nguyen Thi Minh Khai, Sai Gon Ward, HCMC
   - Điện thoại liên hệ: (028) 62 915 916
   Telephone: (028) 62 915 916
   - Email: info@hdbank.com.vn

2. **Nội dung thông tin công bố:**
Contents of disclosure:

Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán ra công chúng số 552/GCN-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) ngày 26/12/2025 chấp thuận việc chào bán trái phiếu HDBank ra công chúng, Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM (HDBank) được phát hành 02 đợt chào bán trái phiếu ra công chúng.

According to the Certificate of Public Offering Registration No. 552/GCN-UBCK dated December 26, 2025 issued by the State Securities Commission (SSC) approving HDBank's public bond offering, Ho Chi Minh Development Joint Stock Commercial Bank (HDBank) was authorized to conduct 02 public bond offerings.

Theo Công văn số số 5014/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 05/06/2026 về tài liệu báo cáo triển khai thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng đợt 2, HDBank công bố các văn bản liên quan đến việc phát hành trái phiếu ra công chúng đợt 2 như sau:
According to Official Dispatch No. 5014/UBCK-QLCB dated June 05, 2026 of the SSC regarding the report of the public bond offering – 2nd tranche, HDBank announces the documents related to the public bond offering – 2nd tranche as follows:

- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái phiếu ra công chúng
Certificate of Public Bond Offering Registration.
- Thông báo chào bán Trái phiếu ra công chúng – Đợt 2
Notice of Public Bond Offering – the 2nd tranche
- Bản cáo bạch chào bán.
Prospectus for the Bond Offering.
- Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán.
Update Information for the Bond Offering Prospectus.

- Nghị quyết HĐQT số 209/2025/NQ-HĐQT ngày 27/10/2025 thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng vốn và Phương án trả nợ vốn

  Resolution of the Board of Directors No. 209/2025/NQ-HĐQT dated October 27, 2025 approving the Issuance Plan, the Plan for the use and repayment of proceeds
- Quyết định TGĐ số 2474/2026/QĐ-TGĐ ngày 27/05/2026 về việc triển khai chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng năm 2026 - Đợt chào bán 2

  Decision of Chief Executive Officer No. 2474/2026/QĐ-TGĐ dated May 27, 2026 on the implementation of the public offering of bonds in 2026 - the 2nd offering tranche.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của HDBank vào ngày 12 /06/2026 tại đường dẫn:

   The information was published on HDBank's website on June 12 , 2026, as in the link:

   Đường dẫn tiếng Việt: https://hdbank.com.vn/vi/investor/thong-tin-nha-dau-tu/quan-he-co-dong/thong-tin-trai-phieu-hdbank

   English Link: https://hdbank.com.vn/en/investor/thong-tin-nha-dau-tu/quan-he-co-dong/thong-tin-trai-phieu-hdbank

   Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

   We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Nơi nhận/ Recipients:
- *Ủy ban Chứng khoán Nhà nước*
- *State Securities Commission*
- *Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM*
- *Ho Chi Minh City Stock Exchange*
- *Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội*
- *Ha Noi Stock Exchange*
- *Lưu: Văn thư*
- *Filed: Records Office*

Tài liệu đính kèm/ Attached documents:
- *Như trên.*
- *As above*

NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP.HCM
HCMC DEVELOPMENT J.S.COMMERCIAL BANK
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH
CHIEF FINANCIAL OFFICER

PHẠM VĂN ĐẢU

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Digitally signed by NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Date: 2026.06.12 14:33:55 +07'00'

BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 552 /GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 (sau đây gọi là Luật Chứng khoán);

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng ban Quản lý Chào bán Chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng cho:
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HO CHI MINH CITY DEVELOPMENT JOINT STOCK COMMERCIAL BANK;

– Tên công ty viết tắt: HDBANK;

– Địa chỉ trụ sở chính: Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;

– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11 tháng 08 năm 1992, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05 tháng 09 năm 2023;

– Vốn điều lệ: 38.594.158.370.000 đồng *(Ba mươi tám nghìn năm trăm chín mươi tư tỷ một trăm năm mươi tám triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).*

Điều 2. Trái phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được chào bán ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Loại chứng khoán: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành;

2. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu *(Một trăm nghìn đồng)*;

3. Tổng số lượng trái phiếu chào bán ra công chúng: 100.000.000 trái phiếu *(Một trăm triệu trái phiếu)* được chia thành 02 Đợt:

– Đợt 1: 50.000.000 trái phiếu, bao gồm: 25.000.000 Trái phiếu HDBC7Y263301, 25.000.000 Trái phiếu HDBC8Y263401;

– Đợt 2: 50.000.000 trái phiếu, bao gồm: 25.000.000 Trái phiếu HDBC7Y263302, 25.000.000 Trái phiếu HDBC8Y263402.

Sau khi kết thúc Đợt 1, Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả chào bán Đợt 1, bổ sung các tài liệu có liên quan đến Đợt 2 theo quy định.

4. Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá: 10.000.000.000.000 đồng *(Mười nghìn tỷ đồng)*;

5. Thời gian phân phối:

– Đợt 1: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực;

– Đợt 2: Dự kiến Quý II/2026 – Quý IV/2026.

Thời gian chào bán của Đợt 2 không được kéo dài quá 90 ngày. Khoảng cách giữa Đợt 1 và Đợt 2 không quá 12 tháng.

6. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;

7. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán SSI.

Điều 3. Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ phải tuân thủ quy định tại Điều 11a Luật Chứng khoán và khoản 1 Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025.

Điều 4. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tiếp nhận, xử lý hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 11a Luật Chứng khoán và điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025.

Điều 5. Giấy chứng nhận này được lập thành năm (05) bản gốc (trong đó: 01 bản cấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, 02 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và 01 bản gửi cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam) và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Thu

BỘ TÀI CHÍNH **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 5014/UBCK-QLCB V/v tài liệu báo cáo triển khai thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 2 của HDBank	*Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2026*

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được tài liệu báo cáo triển khai chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 2 theo Công văn số 1094/2026/CV-HDBank ngày 27/5/2026 của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (Ngân hàng, mã cổ phiếu: HDB, niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh). UBCKNN có ý kiến như sau:

1. Ngân hàng thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 2 theo nội dung Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 552/GCN-UBCK của Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 26/12/2025, Nghị quyết HĐQT số 209/2025/NQ-HĐQT ngày 27/10/2025 và Quyết định số 2474/2026/QĐ-TGĐ ngày 27/5/2026 của Tổng giám đốc HDBank và Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch ngày 27/5/2026.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được tài liệu báo cáo triển khai thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 2, Ngân hàng phải công bố Bản thông báo phát hành (Đợt 2) trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp theo quy định tại khoản 5 Điều 41 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 19 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025. Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch ngày 27/5/2026 phải được đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng, Sở giao dịch chứng khoán.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán (Đợt 2), Ngân hàng phải gửi báo cáo kết quả đợt chào bán cho UBCKNN kèm theo văn bản xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán theo quy định tại khoản 7 Điều 41 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

UBCKNN thông báo Ngân hàng được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch UBCK (để b/c);
- HNX;
- VSDC;
- GSĐC;
- SSI;
- Lưu: VT, QLCB (08b).

TL. CHỦ TỊCH
TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN

Khương Tiến Hùng

HDBank
Cam kết lợi ích cao nhất

Số: 1222/2026/CV-HDBank

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 06 năm 2026

THÔNG BÁO

Chào bán trái phiếu ra công chúng – Đợt Chào Bán 2

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 552/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/12/2025 và Văn bản số 5014/UBCK-QLCB ngày 05/06/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước v/v tài liệu báo cáo triển khai thực hiện chào bán Trái phiếu ra công chúng Đợt 2 của HDBank)

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

1. Tên Tổ chức phát hành: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("**HDBank**" hoặc "**Tổ Chức Phát Hành**")
2. Tên viết tắt: HDBank
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
4. Điện thoại: (028) 62 915 916 Fax: (028) 62 915 900 Website: www.hdbank.com.vn
5. Vốn điều lệ: 50.052.763.230.000 đồng *(theo Quyết định số 4065/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 30/12/2025 về việc sửa đổi nội dung vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh).*
6. Mã cổ phiếu: HDB
7. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Sở Giao dịch

   Số hiệu tài khoản: 119849 (Mã Citad: 79321001)
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023.

- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động trung gian tiền tệ khác (Mã ngành: 6419).

  Nội dung hoạt động của Ngân hàng theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 12/02/2020 (và các quyết định sửa đổi, bổ sung) như sau:

  - Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;
  - Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: Cho vay; Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; Bảo lãnh ngân hàng; Phát hành thẻ tín dụng; Bao thanh toán trong nước;
  - Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;
  - Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: Cung ứng phương tiện thanh toán; Thực hiện

dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

- Mở tài khoản: Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;
- Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
- Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;
- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
- Dịch vụ môi giới tiền tệ;
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định;
- Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất;
- Lưu ký chứng khoán;
- Kinh doanh mua, bán vàng miếng;
- Ví điện tử;
- Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa;
- Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;
- Mua nợ;
- Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động của ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, được quy định tại

các quyết định sửa đổi, bổ sung của Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 12/02/2020.

- Sản phẩm/dịch vụ chính:
  - Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm huy động vốn, tín dụng, dịch vụ kinh doanh ngoại tệ và thanh toán, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác;
  - Hoạt động ngân hàng bán lẻ: tập trung phục vụ các tầng lớp dân cư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn/cho vay/thanh toán đáp ứng các nhu cầu tài chính của cá nhân; phát triển các sản phẩm thẻ.

9. Giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/06/1992, được cấp đổi bởi Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 12/02/2020 và các quyết định sửa đổi, bổ sung.

II. Mục đích chào bán

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ chào bán Trái Phiếu nhằm bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của HDBank.

III. Phương án chào bán

A. Thông tin chung về các Đợt Chào Bán:

1. Tên trái phiếu: Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2026 ("**Trái Phiếu**").
2. Loại trái phiếu: Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 VND (*Một trăm nghìn đồng*)/Trái Phiếu.
4. Tổng số lượng và giá trị Trái Phiếu chào bán: Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán là 100.000.000 (*Một trăm triệu*) Trái Phiếu, tương ứng với tổng giá trị Trái Phiếu chào bán (theo mệnh giá) là 10.000.000.000.000 VND (*Mười nghìn tỷ đồng*), được chia làm 02 (*Hai*) Đợt chào bán như sau:

Đợt chào bán Trái Phiếu	Mã Trái Phiếu	Kỳ hạn Trái Phiếu	Số lượng Trái Phiếu dự kiến chào bán (Trái Phiếu)	Giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá (VND)
Đợt Chào Bán 1	HDBC7Y263301	07 năm	25.000.000	2.500.000.000.000
	HDBC8Y263401	08 năm	25.000.000	2.500.000.000.000
Đợt Chào Bán 2	HDBC7Y263302	07 năm	25.000.000	2.500.000.000.000
	HDBC8Y263402	08 năm	25.000.000	2.500.000.000.000
Tổng cộng			**100.000.000**	**10.000.000.000.000**

Đợt Chào Bán 2 chỉ được thực hiện sau khi kết thúc Đợt Chào Bán 1. Trường hợp Đợt Chào Bán 1 chưa phân phối hết số lượng Trái Phiếu chào bán thì số lượng Trái Phiếu chưa phân

phối hết sẽ được chuyển sang Đợt Chào Bán 2 để phân phối tiếp.

B. Thông tin về Đợt Chào Bán 2:

1. Tên trái phiếu: Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2026 ("**Trái Phiếu**").

2. Loại trái phiếu: Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Mã trái phiếu:

   Trái Phiếu có kỳ hạn 07 (*Bảy*) năm có mã trái phiếu là **HDBC7Y263302**.

   Trái Phiếu có kỳ hạn 08 (*Tám*) năm có mã trái phiếu là **HDBC8Y263402**.

4. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 VND (*Một trăm nghìn đồng*)/Trái Phiếu.

5. Tổng số lượng trái phiếu chào bán: 53.054.000 (*Năm mươi ba triệu không trăm năm mươi bốn nghìn*) Trái Phiếu gồm 2 mã Trái Phiếu như sau:

- **Trái Phiếu HDBC7Y263302: 27.178.000 Trái Phiếu**, trong đó:
  - Số lượng Trái Phiếu chào bán dự kiến của Đợt Chào Bán 2 ban đầu: 25.000.000 Trái Phiếu
  - Số lượng Trái Phiếu của kỳ hạn tương ứng phân phối tiếp từ Đợt Chào Bán 1: 2.178.000 Trái Phiếu
- **Trái Phiếu HDBC8Y263402: 25.876.000 Trái Phiếu**, trong đó:
  - Số lượng Trái Phiếu chào bán dự kiến của Đợt Chào Bán 2 ban đầu: 25.000.000 Trái Phiếu
  - Số lượng Trái Phiếu của kỳ hạn tương ứng phân phối tiếp từ Đợt Chào Bán 1: 876.000 Trái Phiếu

6. Tổng giá trị trái phiếu chào bán (*theo mệnh giá*): 5.305.400.000.000 VND (*Năm nghìn ba trăm lẻ năm tỷ bốn trăm triệu đồng*) gồm 2 mã Trái Phiếu như sau:

Mã Trái Phiếu	Giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá (VND)
HDBC7Y263302	2.717.800.000.000
HDBC8Y263402	2.587.600.000.000
Tổng cộng	**5.305.400.000.000**

7. Giá chào bán: bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu, tương đương 100.000 VND (*Một trăm nghìn đồng*)/Trái Phiếu.

8. Lãi suất: Lãi suất Trái Phiếu ("**Lãi Suất**") là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

   Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + Biên Độ

   Trong đó:

- "**Biên Độ**" được xác định tùy theo kỳ hạn của Trái Phiếu:

  Với Trái Phiếu HDBC7Y263302: Biên Độ là **2,80%/năm** (*Hai phẩy tám phần trăm một năm*).

Với Trái Phiếu HDBC8Y263402: Biên Độ là **2,90%/năm** (*Hai phẩy chín phần trăm một năm*).

- "**Lãi Suất Tham Chiếu**" dùng để xác định Lãi Suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (*Mười hai*) tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức ("**website**") của 04 (*Bốn*) ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (mỗi ngân hàng này được gọi là "**Ngân Hàng Tham Chiếu**") tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Trong trường hợp website thể hiện nhiều địa điểm/khu vực, ưu tiên lấy lãi suất tại địa bàn nơi các Ngân Hàng Tham Chiếu đó đặt hội sở chính. Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến bốn chữ số ở phần thập phân sau dấu phẩy.
- "**Kỳ Tính Lãi**" là khoảng thời gian định kỳ 01 (*Một*) năm/lần kể từ Ngày phát hành Trái Phiếu.
- "**Ngày Xác Định Lãi Suất**" (i) đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đăng ký mua Trái Phiếu của Đợt chào bán; và (ii) đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là ngày làm việc thứ 07 (*Bảy*) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi đó.

9. Kỳ hạn trái phiếu:

   Trái Phiếu HDBC7Y263302 có kỳ hạn là 07 (*Bảy*) năm.

   Trái Phiếu HDBC8Y263402 có kỳ hạn là 08 (*Tám*) năm.

10. Kỳ trả lãi: Lãi Trái Phiếu được thanh toán sau, trả định kỳ 01 (*Một*) năm/lần vào các ngày tròn 01 (*Một*) năm kể từ Ngày phát hành Trái Phiếu.

11. Phương thức phân phối: Bán trực tiếp cho các nhà đầu tư tại Trụ sở chính, các Chi nhánh/Phòng Giao dịch của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc thông qua Đại Lý Phát Hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI.

12. Số lượng đăng ký mua tối thiểu:

- Số lượng đăng ký mua tối thiểu đối với nhà đầu tư là cá nhân: tối thiểu 500 (*Năm trăm*) Trái Phiếu, tương đương với 50.000.000 VND (*Năm mươi triệu đồng*) tính theo mệnh giá.
- Số lượng đăng ký mua tối thiểu đối với nhà đầu tư là tổ chức: tối thiểu 1.000 (*Một nghìn*) Trái Phiếu, tương đương 100.000.000 VND (*Một trăm triệu đồng*) tính theo mệnh giá.

  Để làm rõ, nhà đầu tư chỉ được đăng ký mua số lượng Trái Phiếu chẵn đến hàng đơn vị và tối thiểu là 500 (*Năm trăm*) Trái Phiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân và tối thiểu là 1.000 (*Một nghìn*) Trái Phiếu đối với nhà đầu tư là tổ chức.

13. Thời gian nhận đăng ký mua trái phiếu: từ ngày 01/07/2026 đến ngày 24/07/2026

14. Địa điểm nhận đăng ký mua trái phiếu:

- Thông qua Tổ Chức Phát Hành:

  Nhà đầu tư đăng ký mua Trái Phiếu trực tiếp tại Trụ sở chính và các Chi nhánh/Phòng Giao dịch trên toàn quốc của Tổ Chức Phát Hành. Chi tiết địa chỉ Trụ sở chính và các Chi nhánh/Phòng Giao dịch được đăng tải tại website: www.hdbank.com.vn/vi/atm-branch
- Thông qua Đại Lý Phát Hành:

  Nhà đầu tư đăng ký mua Trái Phiếu trực tiếp tại Trụ sở chính và các Chi nhánh/Phòng Giao

dịch trên toàn quốc của Đại Lý Phát Hành. Chi tiết địa chỉ Trụ sở chính và các Chi nhánh/Phòng Giao dịch được đăng tải tại website: www.ssi.com.vn/mang-luoi

15. Thời gian nhận tiền mua trái phiếu: từ ngày 01/07/2026 đến ngày 24/07/2026
16. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu:
    - Số tài khoản: 139000000979
    - Tên chủ tài khoản: NH THUONG MAI CP PHAT TRIEN TPHCM
    - Tại: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
17. Các điều khoản về chuyển đổi trái phiếu: Không có.
18. Các điều khoản đối với chứng quyền kèm theo trái phiếu: Không có.
19. Các thông tin khác liên quan trái phiếu có bảo đảm: Không có.
20. Địa điểm công bố Bản cáo bạch: Bản cáo bạch và các tài liệu liên quan khác sẽ được cung cấp tại:
    - Website của Tổ Chức Phát Hành: www.hdbank.com.vn
    - Website của Đại Lý Phát Hành: www.ssi.com.vn

IV. Các tổ chức liên quan

1. Tổ Chức Tư Vấn, Đại Lý Phát Hành, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu:

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 242 897

Website: www.ssi.com.vn

2. Tổ Chức Kiểm Toán:

- *Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 và năm 2024*

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Địa chỉ: Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 230 796

Website: www.pwc.com/vn

- *Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025*

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza, 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 7105 0000

Website: www.deloitte.com/vn

3. Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký ban đầu:

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD

Địa chỉ: Số 23 A-B Nguyễn Đình Chiểu và Lầu 9, Số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 6283 6888

Website: www.hdbs.vn

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu: VT.*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 06 năm 2026

NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỮU ĐẠNG

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023 và Giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/06/1992, được cấp đổi bởi Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 12/02/2020 và các quyết định sửa đổi, bổ sung)

HDBank
Cam kết lợi ích cao nhất

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 552/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 12 năm 2025)

ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày ..... tháng ..... năm ..... tại:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)

Trụ sở chính: Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 62 915 916 Fax: (028) 62 915 900

Website: www.hdbank.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN, ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH, ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI)

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 242 897 Fax: (028) 38 242 997

Website: www.ssi.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Phạm Văn Đậu Chức vụ: Giám đốc Tài chính

Điện thoại: (028) 62 915 916 Fax: (028) 62 915 900

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023 và Giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/06/1992, được cấp đổi bởi Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 12/02/2020 và các quyết định sửa đổi, bổ sung)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên trái phiếu: Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2026 ("**Trái Phiếu**").

Loại trái phiếu: Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

Mệnh giá: 100.000 VND (*Một trăm nghìn đồng*)/Trái Phiếu

Tổng số lượng và giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá: Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán là 100.000.000 (*Một trăm triệu*) Trái Phiếu, tương ứng với tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá là 10.000.000.000.000 VND (*Mười nghìn tỷ đồng*), được chia làm 02 (*Hai*) Đợt Chào Bán như sau:

Đợt chào bán Trái Phiếu	Mã Trái Phiếu	Số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán (Trái Phiếu)	Giá trị Trái Phiếu đăng ký chào bán theo mệnh giá (VND)
Đợt Chào Bán 1	HDBC7Y263301	25.000.000	2.500.000.000.000
	HDBC8Y263401	25.000.000	2.500.000.000.000
Đợt Chào Bán 2	HDBC7Y263302	25.000.000	2.500.000.000.000
	HDBC8Y263402	25.000.000	2.500.000.000.000
Tổng cộng		**100.000.000**	**10.000.000.000.000**

Kỳ hạn trái phiếu:

Đợt chào bán Trái Phiếu	Mã Trái Phiếu	Kỳ hạn Trái Phiếu	Thời gian dự kiến chào bán
Đợt Chào Bán 1	HDBC7Y263301	07 năm	Quý I/2026 – Quý II/2026
	HDBC8Y263401	08 năm	
Đợt Chào Bán 2	HDBC7Y263302	07 năm	Quý II/2026 – Quý IV/2026
	HDBC8Y263402	08 năm	

Lãi suất: Lãi suất Trái Phiếu ("**Lãi Suất**") là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + Biên Độ

Trong đó:

- "**Biên Độ**" được xác định tùy theo kỳ hạn của Trái Phiếu và **tối đa là 2,90%/năm**. Biên Độ cụ thể của mỗi Trái Phiếu sẽ do Tổng Giám đốc của HDBank quyết định trước khi triển khai mỗi Đợt Chào Bán phù hợp tình hình thị trường tại thời điểm phát hành.
- "**Lãi Suất Tham Chiếu**" dùng để xác định Lãi Suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (*Mười hai*) tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức ("**website**") của 04 (*Bốn*) ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (mỗi ngân hàng này được gọi là "**Ngân Hàng Tham Chiếu**") tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Trong trường hợp website thể hiện nhiều địa điểm/khu vực, ưu tiên lấy lãi suất tại địa bàn nơi các Ngân Hàng Tham Chiếu đó đặt hội sở chính. Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến bốn chữ số ở phần thập phân sau dấu phẩy.
- "**Kỳ Tính Lãi**" là khoảng thời gian định kỳ 01 (*Một*) năm/lần kể từ Ngày phát hành Trái Phiếu.
- "**Ngày Xác Định Lãi Suất**" (i) đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đăng ký mua Trái Phiếu của mỗi Đợt Chào Bán; và (ii) đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là ngày làm việc thứ 07 (*Bảy*) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi đó.

Các đối tác liên quan đến Đợt Chào Bán:

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 và năm 2024:

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Trụ sở chính: Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 230 796

Website: www.pwc.com/vn

Tổ chức soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2025:

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza, 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 7105 0000

Website: www.deloitte.com/vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN, ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH, ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 242 897 Fax: (028) 38 242 997

Website: www.ssi.com.vn

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 6
1. Tổ Chức Phát Hành 6
2. Tổ Chức Tư Vấn 6
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 7
1. Rủi ro về kinh tế 7
2. Rủi ro về luật pháp 8
3. Rủi ro đặc thù 9
4. Rủi ro về đợt chào bán 13
5. Rủi ro đối với Trái Phiếu chào bán 13
6. Rủi ro quản trị ngân hàng 14
7. Rủi ro khác 15
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT 16
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 17
1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành 17
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành 19
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành 22
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành 23
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối 30
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành 31
7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành 35
8. Hoạt động kinh doanh 36
9. Thông tin về cổ đông lớn sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên 68
10. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng 69
11. Chính sách chi trả cổ tức 91
12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại 91
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành 91
14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán 93
15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà

chưa được xóa án tích 93
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 94
1. Kết quả hoạt động kinh doanh 94
2. Tình hình tài chính 99
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC của Tổ Chức Phát Hành 111
4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm 112
5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 112
6. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo 114
VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN 115
1. Cơ sở pháp lý liên quan đến Đợt Chào Bán 115
2. Định nghĩa 116
3. Tên Trái Phiếu 118
4. Loại Trái Phiếu 119
5. Mệnh giá 119
6. Tổng số lượng và tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá 119
7. Kỳ hạn Trái Phiếu 120
8. Lãi suất 120
9. Kỳ hạn trả Lãi, trả Gốc và việc thanh toán Lãi, Gốc của Trái Phiếu 122
10. Giá chào bán 124
11. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động 124
12. Quyền và nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu 124
13. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu 127
14. Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký 128
15. Đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch Trái Phiếu 130
16. Cam kết về bảo đảm 131
17. Việc mua lại Trái Phiếu trước hạn 131
18. Quyết định của Người Sở Hữu Trái Phiếu 132
19. Phương thức phân phối 135
20. Đăng ký mua Trái Phiếu 135
21. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu 137
22. Tài khoản phong toả nhận tiền mua Trái Phiếu 139
23. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành 140
24. Các loại thuế có liên quan 140
25. Thông tin về các cam kết 141

26. Các điều khoản khác 142
VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 145
VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 145
1. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ Đợt Chào Bán 145
2. Kế hoạch trả nợ vốn thu được từ Đợt Chào Bán 145
IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN 148
1. Tổ Chức Kiểm Toán 148
2. Tổ Chức Tư Vấn, Đại Lý Phát Hành, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu 148
3. Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký ban đầu 148
4. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán 149
X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ 149
XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN 150
XII. PHỤ LỤC 152

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ Chức Phát Hành

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank")

(Ông) Kim Byoungho – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

(Ông) Nguyễn Hữu Đặng – Chức vụ: Tổng Giám đốc

(Ông) Phạm Văn Đấu – Chức vụ: Giám đốc Tài chính

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng ("**Bản Cáo Bạch**") này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản Cáo Bạch.

2. Tổ Chức Tư Vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("SSI")

Người đại diện được ủy quyền: (Bà) Nguyễn Thị Thanh Hà – Chức vụ: Giám đốc Tài chính

(Theo Giấy ủy quyền số 10/2025/UQ-SSI ngày 01/08/2025 do Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI ủy quyền cho Ông Nguyễn Đức Thông – Tổng Giám đốc SSI và Giấy ủy quyền số 27/2025/UQ-SSI ngày 01/08/2025 do Ông Nguyễn Đức Thông – Tổng Giám đốc SSI ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Giám đốc Tài chính SSI)

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn phát hành Trái Phiếu số HD_NHDT-HO/POB/1027/2025 ngày 27/10/2025 với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà Đầu Tư mua Trái Phiếu tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư Trái Phiếu, hạn chế về giao dịch Trái Phiếu được đầu tư (nếu có theo quy định của pháp luật) và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

Nhà Đầu Tư tiềm năng nên cân nhắc kỹ lưỡng các yếu tố rủi ro trình bày trong phần này cùng với những thông tin khác được cung cấp trong Bản Cáo Bạch trước khi đầu tư vào Trái Phiếu. Khi một hoặc nhiều sự kiện nêu dưới đây xảy ra có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành, và có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán tiền gốc và tiền lãi Trái Phiếu.

1. Rủi ro về kinh tế

a) Về GDP

Môi trường kinh doanh và sự tăng trưởng của nền kinh tế được coi là yếu tố vĩ mô quan trọng nhất ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế; khi môi trường kinh doanh thuận lợi, ít có biến động và nền kinh tế tăng trưởng thì cơ hội kinh doanh của các doanh nghiệp cũng gia tăng và ngược lại.

GDP năm 2023 tăng 5,05% so với năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 2,87% và 2,55% của các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011 – 2023. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%.

GDP năm 2024 tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011 – 2024. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%.

GDP 9 tháng năm 2025 ước tăng 7,85% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 9,44% của cùng kỳ năm 2022 trong giai đoạn 2011 – 2025. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 5,36% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,69%, đóng góp 43,05%; khu vực dịch vụ tăng 8,49%, đóng góp 51,59%.

Sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong những năm qua đã được các tổ chức quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Những cải cách kinh tế và chính trị từ giai đoạn đổi mới bắt đầu từ năm 1986 đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, giúp Việt Nam từ một trong những quốc gia nghèo trên thế giới đã trở thành một quốc gia có thu nhập trung bình. Mặc dù vậy, HDBank không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm nào liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Một đợt suy thoái của nền kinh tế Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của HDBank.

b) Về lạm phát

Trong những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, biện pháp quyết liệt để kiểm chế lạm phát và nhằm ổn định kinh tế vĩ mô.

Năm 2023, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân đạt 3,25%, hoàn thành mục tiêu Quốc hội đề ra. Có được kết quả như vậy là do trong năm nhiều giải pháp được tích cực triển khai như: Giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối; thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; giảm thuế giá trị gia tăng với một số nhóm hàng hóa và dịch vụ từ 10% xuống 8% từ ngày 01/07/2023; giảm thuế môi trường với nhiên liệu bay; miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất, hỗ trợ doanh nghiệp; gia hạn visa cho khách du lịch; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản; công tác an sinh xã hội được quan tâm thực hiện.

Năm 2024, CPI bình quân tăng 3,63% so với năm 2023, lạm phát đã được kiểm soát vượt mục tiêu Quốc hội giao từ đầu năm. Đây là mức lạm phát phù hợp với tình hình kinh tế – xã hội ở trong nước, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, là điểm sáng trong kết quả phát triển kinh tế của Việt Nam năm 2024.

CPI bình quân 9 tháng năm 2025 tăng 3,27% so với cùng kỳ năm trước, lạm phát cơ bản tăng 3,19% – thấp hơn mức tăng của CPI bình quân chung, nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát đã được duy trì ở mức ổn định trong những năm gần đây, HDBank không thể bảo đảm rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt khi nền kinh tế được dự báo có thể tăng trưởng nhanh trở lại. Nếu lạm phát tăng cao trở lại sẽ dẫn đến các chi phí hoạt động của HDBank gia tăng. Nếu HDBank không thể chuyển các chi phí/lãi suất đầu vào gia tăng (như lãi suất huy động tiền gửi...) vào lãi suất cho vay khách hàng thì các chi phí đó có thể tạo ra những ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của HDBank. Ngoài ra, không thể chắc chắn rằng Chính phủ Việt Nam sẽ tiếp tục thực hiện các chính sách kiềm chế lạm phát một cách quyết liệt và mạnh mẽ, bao gồm cả việc cấm tăng hoặc hạn chế tăng giá của một số mặt hàng và sản phẩm do Chính phủ quản lý, kiểm soát.

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, trực tiếp tác động tới chi phí đầu vào của các ngành kinh doanh khác, đồng thời chịu sự ảnh hưởng trực tiếp từ các rủi ro khách quan và nội tại của nền kinh tế, bất kỳ một sự thay đổi kinh tế nào cũng có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán của HDBank. Tuy nhiên, HDBank hàng năm đều nghiên cứu, phân tích và dự báo triển vọng kinh tế vĩ mô và vi mô để đưa ra các kịch bản hoạt động Ngân hàng tương ứng để kịp thời điều chỉnh kế hoạch kinh doanh trên toàn hệ thống.

2. Rủi ro về luật pháp

Hiện nay, Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ, do vậy hệ thống pháp luật của Việt Nam đang không ngừng được hoàn thiện nhằm nội luật hóa các cam kết của Việt Nam tại các điều ước quốc tế nhằm hướng tới mục tiêu hoàn thiện một khung pháp lý mới chặt chẽ hơn cho các TCTD tại Việt Nam, trong đó có các ngân hàng TMCP như HDBank.

Trong những năm gần đây, Quốc hội Việt Nam đã thông qua một số luật quan trọng nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho môi trường kinh doanh và hoạt động của các TCTD tại Việt Nam, bao gồm: Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Đầu tư số 61/2020/QH14; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; Luật

Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh Bất động sản số 29/2023/QH15, và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có). Luật các TCTD được ban hành ngày 18/01/2024 được kỳ vọng sẽ góp phần hoàn thiện quy định pháp luật về tổ chức hoạt động của TCTD, xử lý những vướng mắc, bất cập của Luật các TCTD cũ; hoàn thiện khung pháp lý về xử lý TCTD gặp rủi ro thanh toán; luật hóa một số quy định về xử lý nợ xấu của các TCTD. Sau khi Luật các TCTD mới được ban hành, dự kiến Chính phủ và NHNN sẽ sớm ban hành các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện. Do đó, cơ sở pháp lý về hoạt động của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, trong đó có HDBank trong thời gian tới sẽ tiếp tục có những thay đổi tích cực.

Với đặc thù là một nền kinh tế đang phát triển và đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ nên mặc dù Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh trong lĩnh vực này nhưng có thể đánh giá, hệ thống pháp luật về ngân hàng tại Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện để dần đáp ứng các chuẩn mực quốc tế. Do vậy, đây vẫn có thể coi là một trong các rủi ro tiềm tàng đối với các Nhà Đầu Tư liên quan đến vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Để giảm thiểu những rủi ro do luật pháp mang lại, HDBank luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng và đặt việc tuân thủ lên hàng đầu trong mọi quyết định hoạt động kinh doanh. Đồng thời, HDBank đã xây dựng Ban Pháp chế & Kiểm soát tuân thủ thuộc Hội sở và các Phòng chính sách thuộc các Khối nghiệp vụ tại Hội sở. Ban Pháp chế & Kiểm soát tuân thủ có trách nhiệm theo dõi, cập nhật pháp luật mới, các sửa đổi, bổ sung và kịp thời rà soát, sửa đổi bổ sung quy định nội bộ để phù hợp với quy định pháp luật trong từng thời kỳ và tổ chức triển khai quy định mới/thay đổi trong toàn Ngân hàng cho toàn bộ cán bộ nhân viên. Bên cạnh đó, trong vận hành hoạt động hỗ trợ tín dụng, HDBank đã thành lập các Trung tâm quản lý và hỗ trợ tín dụng, thực hiện công tác pháp lý chứng từ, nhằm tập trung kiểm soát hồ sơ và thực hiện các thủ tục pháp lý cho các khoản cấp tín dụng và giao dịch bảo đảm. HDBank cũng đã xây dựng hệ thống biểu mẫu cho các nghiệp vụ hoạt động kinh doanh, cho các giao dịch với khách hàng và không ngừng rà soát định kỳ hệ thống và chuẩn hóa bộ mẫu biểu, phù hợp quy định pháp luật, an toàn cho giao dịch và phục vụ tốt hơn cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Ngoài ra, HDBank luôn chủ động nghiên cứu, tham gia góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng để nắm bắt các thay đổi của chính sách pháp luật và định hướng hoạt động kinh doanh cho phù hợp; đồng thời kiến nghị với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để quy định chi tiết, hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật để đảm bảo hành lang pháp lý cho hoạt động ngân hàng. Đối với các giao dịch có giá trị lớn, phức tạp hoặc có liên quan đến yếu tố nước ngoài, HDBank thường chỉ định các công ty luật có uy tín, kinh nghiệm để tư vấn nhằm đảm bảo tính pháp lý của giao dịch phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

3. Rủi ro đặc thù

a) Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro có thể xảy ra do khách hàng, đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, thanh toán theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với HDBank.

Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ môi trường pháp lý cho hoạt động tín

dụng chưa hoàn thiện; thông tin được cung cấp không đầy đủ, trung thực; khách hàng cố tình không trả nợ, chủ ý lừa đảo Ngân hàng; sự suy giảm chung của nền kinh tế khu vực hoặc toàn cầu; việc sụt giảm hiệu quả kinh doanh của khách hàng; thiên tai dịch họa hoặc dịch bệnh gây tác động tới toàn bộ nền kinh tế toàn cầu, hoặc các yếu tố bất khả kháng khác. Tất cả những rủi ro đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ vay của HDBank và đòi hỏi HDBank phải tăng chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

Để quản lý, kiểm soát rủi ro tín dụng, HDBank triển khai chặt chẽ công tác quản trị rủi ro tín dụng xuyên suốt từ Hội sở đến các Đơn vị kinh doanh:

- Cơ cấu tổ chức liên quan hoạt động cấp tín dụng chặt chẽ từ Phòng giao dịch đến Chi nhánh, Khu vực, Hội sở đảm bảo nguyên tắc độc lập giữa các khâu Quan hệ Khách hàng – Thẩm định – Phê duyệt – Giải ngân – Quản lý và Xử lý nợ.
- Cơ chế phê duyệt chủ yếu tập trung về Hội sở và phân quyền phê duyệt cụ thể cho các cấp thẩm quyền phê duyệt.
- Hệ thống sản phẩm tín dụng, quy định tín dụng, các quy trình liên quan cấp tín dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, nhằm đảm bảo thực hiện theo chuẩn mực, mẫu biểu, thời gian, trách nhiệm cụ thể.
- Thiết lập hệ thống xếp hạng tín dụng (do công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu tư vấn) và Hướng dẫn thẩm định tín dụng theo thông lệ quốc tế, nhằm đánh giá chính xác mức độ tin cậy và tính khả thi của phương án vay vốn của khách hàng.
- Thiết lập hệ thống các giới hạn cấp tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng có thể chấp nhận được đối với một khách hàng, một nhóm khách hàng liên quan, một ngành nghề, hoặc một mục đích sử dụng vốn vay cụ thể.
- Thiết lập hệ thống kiểm soát giải ngân từng khoản vay, giám sát từ xa, kiểm tra khách hàng sau cho vay, kiểm tra tại chỗ các chi nhánh ... nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các rủi ro và dự báo sớm những thay đổi về mức độ tin cậy của từng khách hàng, bên cạnh việc kiểm tra, định giá lại tài sản đảm bảo thường xuyên.

b) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro có thể xảy ra do biến động bất lợi của các yếu tố thị trường như lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường.

HDBank thực hiện việc kiểm soát rủi ro thị trường trên nguyên tắc độc lập giữa đơn vị thực hiện giao dịch và đơn vị kiểm soát rủi ro. Công tác kiểm tra, giám sát, đo lường trạng thái rủi ro và xây dựng các kịch bản kiểm thử được thực hiện thường xuyên, liên tục. Hệ thống các hạn mức rủi ro thị trường liên tục được rà soát, điều chỉnh hoặc thiết lập các hạn mức mới đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành cũng như thực tế hoạt động và kiểm soát độc lập đảm bảo tính tuân thủ và hạn chế rủi ro cho Ngân hàng.

c) Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất là rủi ro có thể xảy ra do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả, giá trị cam kết ngoại bảng của HDBank và chịu tác động bởi các yếu tố khác như cấu trúc, kỳ hạn điều chỉnh lãi suất của tài sản nợ và tài sản có.

Rủi ro lãi suất được đo lường bằng mức độ chênh lệch (ở từng thời điểm trong tương lai)

giữa tổng số dư các khoản cấp tín dụng (tài sản có) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, so với tổng số dư các khoản huy động (tài sản nợ) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, còn gọi là chênh lệch kỳ điều chỉnh lãi suất (Re-pricing Gap). Do vậy, nếu ngân hàng phải điều chỉnh tăng lãi suất huy động, trong khi không/chưa điều chỉnh lãi suất cho vay thì dẫn đến giảm thu nhập.

HDBank quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc xây dựng hệ thống quản lý tài sản nợ và tài sản có (được công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu tư vấn) bao gồm tổ chức Hội đồng ALCO, Phòng quản lý tài sản có & tài sản nợ nhằm giám sát thường xuyên chênh lệch kỳ điều chỉnh lãi suất nêu trên và đưa ra các biện pháp kinh doanh hiệu quả với chênh lệch lãi suất ròng (NIM) hiệu quả nhất, đồng thời hạn chế rủi ro lãi suất.

d) Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro có thể xảy ra do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với HDBank. Rủi ro hoạt động có thể xuất phát từ các nguyên nhân như: do cán bộ nhân viên (sai sót khi tác nghiệp hoặc khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, cố tình gian lận); do hệ thống máy móc thiết bị/công nghệ thông tin bị hư hỏng; do hệ thống quy định/quy trình không hiệu quả; hoặc do bên ngoài tác động (thiên tai, bất khả kháng, kẻ gian v.v.).

Để hạn chế rủi ro trên, HDBank đã triển khai Khung quản lý rủi ro hoạt động, bao gồm: chủ động rà soát hệ thống quy định/quy trình nhằm phát hiện sớm rủi ro (RCSA); Tổ chức thu thập sự cố đã xảy ra và rút kinh nghiệm phòng chống (LDC); Xây dựng các Chỉ số rủi ro chính để giám sát các dấu hiệu rủi ro tiềm ẩn (KRI); Xây dựng các kế hoạch đảm bảo hoạt động liên tục để sẵn sàng ứng phó những tình huống khẩn cấp (BCP); Tổ chức giám sát các hoạt động đáng ngờ để phát hiện sai sót, gian lận nếu có (SAM).

HDBank đã ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp và khung kỷ luật đối với từng mức độ vi phạm nhằm định hướng và răn đe việc không tuân thủ. Bên cạnh đó, HDBank đã thường xuyên tổ chức đào tạo, truyền thông về ý thức quản lý rủi ro và phương pháp quản lý rủi ro cho toàn thể cán bộ nhân viên từ cấp nhân viên đến cấp quản lý.

e) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro có thể xảy ra do HDBank không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường để thực hiện nghĩa vụ đó.

Rủi ro thanh khoản được đo lường bằng mức độ chênh lệch (ở từng thời điểm trong tương lai) giữa tổng số tiền ngân hàng thu về (tài sản có), so với tổng số tiền ngân hàng phải chi trả (tài sản nợ), còn gọi là chênh lệch kỳ hạn thu chi. Chênh lệch này xảy ra do nhiều nguyên nhân: (i) người gửi tiền và/hoặc người vay tiền không thực hiện đúng thời hạn rút tiền/trả tiền; (ii) ngân hàng muốn đa dạng hóa và tối đa hóa kỳ hạn huy động, kỳ hạn cho vay dùng các khoản huy động ngắn hạn (có lãi suất thấp và luôn sẵn có) để cho vay trung dài hạn (có lãi suất cao và nguồn thường không nhiều).

HDBank quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc xây dựng hệ thống quản lý tài sản nợ và tài sản có (được công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu tư vấn) bao gồm tổ chức Hội đồng ALCO, Phòng quản lý tài sản có & tài sản nợ nhằm giám sát thường xuyên chênh lệch kỳ hạn nêu trên và đưa ra các biện pháp kinh doanh hiệu quả nhất đồng thời hạn chế rủi ro thanh

khoản. Kể từ khi thành lập và đi vào hoạt động, Ngân hàng luôn bảo đảm duy trì khả năng thanh khoản và luôn tuân thủ các quy định về các chỉ số và quản lý thanh khoản của NHNN.

Bên cạnh đó, HDBank cũng đã xây dựng Kế hoạch phòng chống khủng hoảng thanh khoản, trong đó xác định các nguồn vốn dự phòng, các thủ tục và nguyên tắc thực hiện, các cấp thẩm quyền có trách nhiệm xử lý kịp thời, hiệu quả.

f) Rủi ro tập trung

Rủi ro tập trung là rủi ro có thể xảy ra do hoạt động kinh doanh của HDBank tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro của HDBank.

Để phòng ngừa rủi ro tập trung, HDBank xây dựng chiến lược quản lý rủi ro tập trung dựa trên nguyên tắc đa dạng hóa danh mục tín dụng nhằm phân tán rủi ro. Theo đó, cơ cấu các ngành nghề lĩnh vực trong nền kinh tế luôn được Ngân hàng chú trọng và phân bổ. Định kỳ hàng năm, Ngân hàng thiết lập hạn mức rủi ro tập trung tín dụng theo khách hàng, khách hàng và người có liên quan/ ngành/ lĩnh vực kinh tế phù hợp với các quy định của NHNN và quy định nội bộ của HDBank; đồng thời, thường xuyên theo dõi cơ cấu danh mục tín dụng đa chiều, tình hình thực hiện hạn mức để có biện pháp xử lí kịp thời đối với các trường hợp vượt quá hạn mức rủi ro tập trung.

g) Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Rủi ro từ hoạt động ngoại bảng chủ yếu là một dạng rủi ro tín dụng đối với các giao dịch kỳ hạn, các khoản cam kết cho vay, các khoản bảo lãnh L/C có khả năng ảnh hưởng đến tình hình tài chính của HDBank. Các hình thức cấp tín dụng này được hạch toán ngoại bảng. Trường hợp khách hàng thực hiện không đầy đủ và/hoặc không đúng thời hạn đối với bên thụ hưởng theo cam kết nêu trên, thì HDBank buộc phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay cho khách hàng. Lúc đó, các khoản cam kết ngoại bảng này sẽ trở thành các khoản trả nợ trả thay (còn gọi là khoản cho vay bắt buộc) và được chuyển sang hạch toán nội bảng như là một khoản vay quá hạn.

Để phòng chống rủi ro này, Ngân hàng áp dụng các biện pháp tương tự như đối với rủi ro tín dụng, bên cạnh việc yêu cầu khách hàng phải ký quỹ, có tài sản bảo đảm phù hợp và xác định rất chặt chẽ các điều khoản trong hợp đồng bảo lãnh/cam kết cấp tín dụng.

h) Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động tỷ giá đối với trạng thái ngoại hối của HDBank. Trạng thái ngoại hối là chênh lệch giữa tổng tài sản có và tổng tài sản nợ của từng loại ngoại tệ/vàng, bao gồm cả các cam kết ngoại bảng tương ứng.

Để hạn chế rủi ro này, HDBank đã xây dựng quy trình kinh doanh ngoại hối thông qua ba khâu độc lập: Kinh doanh (Front) – Kiểm soát (Middle) – Hỗ trợ (Back) và thiết lập chính sách quản lý tập trung, các giao dịch với khách hàng trên hạn mức đều được thực hiện cân bằng trạng thái với Hội sở chính, cuối ngày toàn bộ trạng thái ngoại hối tại chi nhánh được chuyển về Hội sở chính. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành ban hành các hạn mức cho rủi ro ngoại hối phù hợp với khẩu vị rủi ro của ngân hàng như hạn mức giao dịch với đối tác trong ngày, hạn mức trạng thái cuối ngày, hạn mức dừng lỗ (stoploss) v.v.

4. Rủi ro về đợt chào bán

a) Rủi ro của việc chào bán

Trong đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng lần này, HDBank không có đơn vị bảo lãnh phát hành Trái Phiếu nên sẽ có rủi ro về khả năng thành công của đợt chào bán trong trường hợp không chào bán hết số lượng Trái Phiếu dự kiến phát hành, dẫn tới không huy động được đủ số vốn dự kiến. Trong trường hợp không chào bán hết số lượng Trái Phiếu đã đăng ký, HDBank có thể (i) huy động vốn qua các kênh khác như: huy động tiền gửi, phát hành giấy tờ có giá... phù hợp với quy định pháp luật; và/hoặc (ii) điều chỉnh kế hoạch huy động và sử dụng vốn cho phù hợp với tình hình thực tế của thị trường.

b) Rủi ro của việc sử dụng số vốn thu được từ đợt chào bán

Toàn bộ số vốn huy động được từ việc chào bán Trái Phiếu dự kiến được sử dụng để bổ sung nguồn vốn cấp 2, đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của NHNN, đồng thời phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của HDBank. Do đó, việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu cũng đi kèm với những rủi ro chung gắn liền với hoạt động ngân hàng như rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất... như đã đề cập ở Mục 3: "Rủi ro đặc thù" nêu trên.

5. Rủi ro đối với Trái Phiếu chào bán

a) Trái Phiếu là nợ thứ cấp, không được bảo đảm

Trái Phiếu xác nhận nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không có bảo đảm và trong mọi trường hợp, quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (không phải là chủ nợ thứ cấp của HDBank) hiện tại và trong tương lai của HDBank.

Do đó, trong trường hợp HDBank phá sản hoặc giải thể, có khả năng tỷ lệ nợ được thu hồi của Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể sẽ thấp hơn so với các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác của HDBank. Quyền ưu tiên thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu cũng tương ứng xếp sau quyền ưu tiên thanh toán của các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (hiện tại và trong tương lai) của HDBank. Trái Phiếu cũng không hạn chế giá trị các khoản nợ được xếp quyền ưu tiên thanh toán trước Trái Phiếu mà HDBank có thể gánh chịu hoặc tiếp nhận.

Bên cạnh đó, cấu trúc Trái Phiếu có thể có những rủi ro cho Người Sở Hữu Trái Phiếu, cụ thể:

- Trái Phiếu chỉ được HDBank mua lại trước hạn với điều kiện sau khi thực hiện mua lại vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm tuân thủ và phù hợp các quy định về tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo pháp luật hiện hành và báo cáo NHNN (Cơ quan Thanh tra, Giám sát ngân hàng) để giám sát; và
- HDBank được ngừng trả lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi Trái Phiếu dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của HDBank bị lỗ.

b) Tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp

Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp và không

có gì bảo đảm rằng Trái Phiếu sẽ được giao dịch sôi động như kỳ vọng của HDBank. Trên thị trường thứ cấp, Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình hoạt động của HDBank và thị trường của các loại chứng khoán tương tự.

c) Phát hành thêm chứng khoán

Để đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu về vốn hiện hành theo pháp luật Việt Nam (kể cả các văn bản hướng dẫn của NHNN) hoặc phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, tùy từng thời điểm HDBank có thể huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc phát hành thêm chứng khoán nợ (có thể có các điều khoản khác hoặc tương tự so với các Trái Phiếu đang phát hành) hoặc các công cụ tài chính lưỡng tính, tùy thuộc vào việc xin được phê duyệt theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì bảo đảm rằng các hoạt động tăng vốn huy động này sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

d) Lãi Trái Phiếu có thể phải chịu thuế

Việc thanh toán lãi đối với Trái Phiếu có thể bị khấu trừ hoặc khấu lưu thuế nếu pháp luật tại từng thời điểm có yêu cầu.

e) Lãi suất áp dụng cho Trái Phiếu

Lãi suất của Trái Phiếu được áp dụng thả nổi theo công thức đã quy định. Do đó, lãi suất của Trái Phiếu có thể thay đổi (tăng hoặc giảm) theo như diễn biến của nền kinh tế vĩ mô Việt Nam cũng như diễn biến thị trường trong từng giai đoạn tại thời điểm xác định lãi suất.

Ngoài ra, hiện chưa có quy định cụ thể nào về việc áp dụng trần lãi suất đối với trái phiếu có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên đo TCTD và doanh nghiệp phát hành. Tuy nhiên để thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt theo từng thời kỳ, trong tương lai, NHNN có thể quy định mức trần lãi suất áp dụng đối với trái phiếu do TCTD và doanh nghiệp phát hành và không loại trừ việc quy định mới này có thể bị áp dụng hồi tố đối với Trái Phiếu.

f) Bảo hiểm tiền gửi

Nhà Đầu Tư cần biết rằng lợi ích được hưởng từ Trái Phiếu không phải là đối tượng được bảo hiểm theo Chế độ Bảo hiểm Tiền gửi.

6. Rủi ro quản trị ngân hàng

Quản trị ngân hàng liên quan đến những biện pháp nội bộ để điều hành và kiểm soát công ty trong các mối quan hệ giữa Ban TGĐ, HĐQT và các cổ đông của Ngân hàng với các bên có quyền lợi liên quan.

Rủi ro quản trị ngân hàng thường xảy ra trong trường hợp xung đột lợi ích giữa các mối quan hệ nêu trên, ảnh hưởng đến mục tiêu vì lợi ích công, lợi ích của HDBank. Xung đột lợi ích được thể hiện ở các vấn đề như: giao dịch có nguy cơ tư lợi; lạm dụng tài sản hoặc cơ hội của HDBank phục vụ lợi ích riêng và cạnh tranh với HDBank. Việc không kiểm soát được các xung đột nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, bí mật kinh doanh và cơ hội kinh doanh của HDBank.

Để giảm thiểu rủi ro, HDBank luôn chủ động tăng cường xây dựng tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro, thực hiện nghiêm túc các quy định quản trị nội bộ, thường xuyên tổ

chức các chương trình đào tạo về kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Đồng thời, HDBank luôn thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của một công ty đại chúng quy mô lớn trong việc công khai, minh bạch và công bố thông tin định kỳ, bất thường về quản trị công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán.

7. **Rủi ro khác**

a) Rủi ro sự kiện bất khả kháng

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, động đất, hạn hán, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố... mặc dù hiếm khi xảy ra nhưng nếu có sẽ tác động và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của HDBank. Nhằm ứng phó với các rủi ro bất khả kháng ở trên, Ngân hàng đã thiết lập các kịch bản ứng phó với từng trường hợp nhằm sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp xảy ra.

b) Rủi ro cụ thể khác tại Việt Nam

Thuế tại Việt Nam

Pháp luật về thuế và các quy định của Việt Nam tiếp tục được bổ sung và hướng dẫn do có những vấn đề này sinh trong quá trình triển khai và thực hiện. Bất kỳ thay đổi nào về pháp luật thuế của Việt Nam dẫn đến thay đổi nghĩa vụ thuế và tình trạng thuế của HDBank có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của HDBank.

Hạn chế chuyển tài sản về nước

Đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài đầu tư vào Trái Phiếu, quyền chuyển tiền thu được từ các khoản đầu tư hay thu nhập từ các khoản đầu tư vào Trái Phiếu từ Việt Nam ra nước ngoài sẽ phải chịu sự điều chỉnh và hạn chế theo các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối (bao gồm cả việc mở tài khoản đầu tư gián tiếp tại TCTD được phép, chuyển đổi ngoại tệ) và có thể là đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật thuế Việt Nam (bao gồm nhưng không giới hạn bởi thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam).

DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CÓ NHỮNG ĐÁNH GIÁ KHÁCH QUAN ĐỂ CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ CÁC NHÂN TỐ RỦI RO CÓ THỂ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Bất kỳ khác biệt nào trong các bảng nêu tại Bản Cáo Bạch này giữa các hạng mục số tiền được liệt kê và Tổng số tiền đó hoặc các hạng mục số tỷ lệ phần trăm được liệt kê và Tổng số tỷ lệ phần trăm là do việc làm tròn số. Vì thế các con số về tổng cộng các hạng mục trong một số bảng có thể không là tổng số tương ứng của những con số đứng trước nó.

Trong Bản Cáo Bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

"HDBank", "Tổ Chức Phát Hành", "Ngân hàng", "Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh": Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

"ĐHĐCĐ": Đại hội đồng cổ đông

"HĐQT": Hội đồng Quản trị

"ATM": Máy rút tiền tự động

"ALCO": Hội đồng Quản lý Tài sản và Nợ phải trả

"BKS": Ban Kiểm soát

"BCTC": Báo cáo tài chính

"CASA": Tiền gửi không kỳ hạn

"CAR": Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu

"CCCD": Căn cước công dân

"CC": Căn cước

"CNTT": Công nghệ Thông tin

"CTCP": Công ty Cổ phần

"ĐVKD": Đơn vị kinh doanh

"LNTT": Lợi nhuận trước thuế

"LNST": Lợi nhuận sau thuế

"L/C": Thư Tín Dụng (Letter Of Credit)

"PGD": Phòng Giao dịch

"Sở KH&ĐT": Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính)

"ESG": Environmental (Môi trường) – Social (Xã hội) – Governance (Quản trị doanh nghiệp)

"HĐTV": Hội đồng Thành viên

"MTV": Một thành viên

"HNX": Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

"HĐTD": Hội đồng Tín dụng

"ISO": Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng

"NHNN": Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

"NHTM": Ngân hàng thương mại

"NIM": Biên lợi nhuận ròng

"NPL": Tỷ lệ nợ xấu

"TCTD": Tổ chức tín dụng

"TGĐ": Tổng Giám đốc

"TMCP": Thương mại Cổ phần

"TNHH": Trách nhiệm hữu hạn

"TTS": Tổng Tài sản

"USD": Đồng đô la Mỹ

"UBCKNN": Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

"UBND": Ủy ban Nhân dân

"VND": Đồng Việt Nam

"VSDC": Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

"VCSH": Vốn Chủ sở hữu

"TSCĐ": Tài sản cố định

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

- **Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:** NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
- **Tên viết tắt:** HDBank
- **Tên viết bằng tiếng nước ngoài:** Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank
- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:** số 0300608092 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023
- **Giấy phép thành lập và hoạt động:** Giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP do NHNN cấp ngày 06/06/1992, được cấp thay đổi bởi Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 12/02/2020 và các quyết định sửa đổi, bổ sung
- **Địa chỉ trụ sở chính:** Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- **Điện thoại:** (028) 62 915 916 **Fax:** (028) 62 915 900
- **Website:** www.hdbank.com.vn
- **Vốn điều lệ:** 38.594.158.370.000 đồng *(theo Quyết định số 3595/QĐ-NHNN do NHNN cấp ngày 03/11/2025 về việc sửa đổi nội dung vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh)*
- **Người đại diện theo pháp luật:** Ông Nguyễn Hữu Đặng - Chức vụ: Tổng Giám đốc
- **Mã cổ phiếu:** HDB
- **Sàn niêm yết cổ phiếu:** Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)
- **Logo:** HDBank Con kết lợi ích cao nhất
- **Ngành nghề kinh doanh chính:** Nội dung hoạt động của Ngân hàng theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 12/02/2020 (và các quyết định sửa đổi, bổ sung) như sau:
  - Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;
  - Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: Cho vay; Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; Bảo lãnh ngân hàng; Phát hành thẻ tín dụng; Bao thanh toán trong nước;
  - Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;
  - Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: Cung ứng phương tiện thanh toán; Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

- Mở tài khoản: Mở tài khoản tại NHNN; Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;
- Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
- Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;
- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
- Dịch vụ môi giới tiền tệ;
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của NHNN;
- Vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của NHNN;
- Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN;
- Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN;
- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN;
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định;
- Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất;
- Lưu ký chứng khoán;
- Kinh doanh mua, bán vàng miếng;
- Ví điện tử;
- Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa;
- Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;
- Mua nợ;
- Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động của ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của NHNN, được quy định tại các quyết định sửa đổi, bổ sung của Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 12/02/2020.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 47/QĐ-UB của UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/02/1989, Giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP do NHNN cấp ngày 06/06/1992 và được thay thế bởi Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN ngày 12/02/2020 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung của Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN ngày 12/02/2020. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày của Giấy phép đầu tiên.

Sau hơn 30 năm hoạt động, HDBank đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP tầm trung ở Việt Nam. Tại ngày 30/09/2025, Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 02 Văn phòng đại diện (gồm 01 Văn phòng đại diện khu vực miền Bắc tại thành phố Hà Nội và 01 Văn phòng đại diện tại Myanmar), 87 Chi nhánh, 288 Phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước. Số lượng nhân viên của Ngân hàng và công ty con là 18.045 người.

Các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

Năm 1989

- HDBank được thành lập theo Quyết định số 47/QĐ-UB ngày 11/02/1989 với tên gọi Ngân hàng Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1992

- HDBank nhận giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP ngày 06/06/1992 do NHNN cấp, chính thức chuyển đổi thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh với vốn điều lệ là 5 tỷ đồng.

Năm 2010

- HDBank tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên theo công văn số 6554/NHNN-TTGSNH ngày 27/08/2010 của NHNN Việt Nam cấp.
- HDBank thực hiện việc phát hành thẻ và cung cấp các dịch vụ bảo hiểm.

Năm 2011

- Ngày 19/09/2011, NHNN cấp quyết định chấp thuận sửa đổi tên Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh thành "Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh".
- HDBank đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên.

Năm 2013

- Mua lại 100% vốn Công ty SGVF của Tập đoàn Societé Générale (Pháp) để trở thành công ty con của HDBank mang tên HDFinance.
- Phát hành riêng lẻ để hoán đổi cổ phần của Ngân hàng TMCP Đại Á (DaiABank) để sáp nhập vào HDBank, tăng vốn điều lệ lên 8.100 tỷ đồng.

Năm 2015

- HDBank chuyển nhượng thành công 49% vốn điều lệ tại HDFinance cho Credit Saison Co., Ltd. (Nhật Bản) và 1% vốn điều lệ cho Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. HDFinance chính thức thay đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và thay đổi

tên thành HD SAISON.

Năm 2016

- HDBank được Moody's xếp hạng tín nhiệm tiền gửi dài hạn ở mức B2 với triển vọng ổn định.

Năm 2017

- Ngân hàng tăng vốn điều lệ lên 8.829 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Ngân hàng tăng vốn điều lệ lên 9.810 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

Năm 2018

- Ngân hàng chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã HDB và nằm trong nhóm 20 cổ phiếu vốn hóa lớn nhất HOSE.
- Moody's công bố nâng bậc xếp hạng tiền gửi dài hạn (nội và ngoại tệ), xếp hạng rủi ro đối tác (CRR) và đánh giá rủi ro đối tác (CRA) của HDBank lên B1, triển vọng Ổn định.

Năm 2019

- HDBank đánh dấu cột mốc kỷ niệm 30 năm ngày thành lập ngân hàng với văn phòng đại diện đầu tiên tại Myanmar, đóng góp những hiệu quả thiết thực vào hoạt động đầu tư, giao thương giữa hai quốc gia, đồng thời quảng bá thương hiệu HDBank ra thị trường quốc tế.
- Ngân hàng chính thức được Thống đốc NHNN chấp thuận cho HDBank áp dụng Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 ("**Thông tư 41**") (Basel II) từ ngày 01/10/2019.

Năm 2020

- Ngân hàng tăng vốn điều lệ lên hơn 16.088 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Phát hành thành công 160 triệu USD trái phiếu quốc tế - là tổ chức tín dụng có khối lượng phát hành thành công lớn nhất trong năm.

Năm 2021

- Tăng vốn điều lệ lên gần 20.073 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
- Phát hành thành công 165 triệu USD trái phiếu quốc tế.
- Cơ quan xếp hạng tín nhiệm Moody's nâng triển vọng xếp hạng HDBank từ Ổn định lên Tích cực.

Năm 2022

- Kết quả kinh doanh cao nhất từ trước đến nay, gia nhập câu lạc bộ ngân hàng có lợi nhuận trước thuế vượt 10 nghìn tỷ đồng.
- Là một trong bốn ngân hàng

Năm 2023

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2023 của HDBank đạt 10.336 tỷ đồng, tăng 25,9% so với cùng kỳ năm ngoái và đạt mức tăng trưởng cao nhất từ trước đến nay về lợi

Năm 2024

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2024 của HDBank đạt 13.248 tỷ đồng, tăng 28,17% so với cùng kỳ và hoàn thành 105,13% kế hoạch lợi nhuận cả năm. Tỷ lệ ROE

lành mạnh được Chính phủ, NHNN tin tưởng lựa chọn tham gia Đề án tái cơ cấu hệ thống Ngân hàng Thương mại.

- Khẳng định uy tín thương hiệu và vị thế trên thị trường với nhiều giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế.

nhuận.

- HDBank đã hoàn thành triển khai toàn diện Basel III Reforms, khẳng định nền tảng quản trị rủi ro vững chắc của HDBank trong hoạt động, đáp ứng các chuẩn mực quốc tế, nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Các chỉ số an toàn hoạt động tại 31/12/2023 của HDBank đều tốt đáng kể so với quy định của NHNN. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) hợp nhất đạt 12,6%, thuộc nhóm dẫn đầu trên thị trường và cao hơn trên 50% so với mức quy định tối thiểu 8%.
- Tổng tài sản của HDBank đạt 602.315 tỷ đồng, tăng 44,7% so với năm 2022, tăng gần 10 lần qua 10 năm tăng trưởng.

đạt 25,71%, ROA đạt 2,04% nằm trong nhóm dẫn đầu ngành.

- Tại ngày 31/12/2024, tổng tài sản hợp nhất đạt 697.366 tỷ đồng, tăng 15,78% so với cùng kỳ.

Năm 2025

- Trong 9 tháng đầu năm 2025, HDBank ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 14.803 tỷ đồng, tăng 16,97% so với cùng kỳ năm trước. ROE tiếp tục duy trì ở mức cao, đạt 25,23%, thuộc nhóm dẫn đầu toàn ngành.
- Tại thời điểm 30/09/2025, tổng tài sản của HDBank đạt 781.937 tỷ đồng, tăng 24,20% so với cùng kỳ.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của HDBank



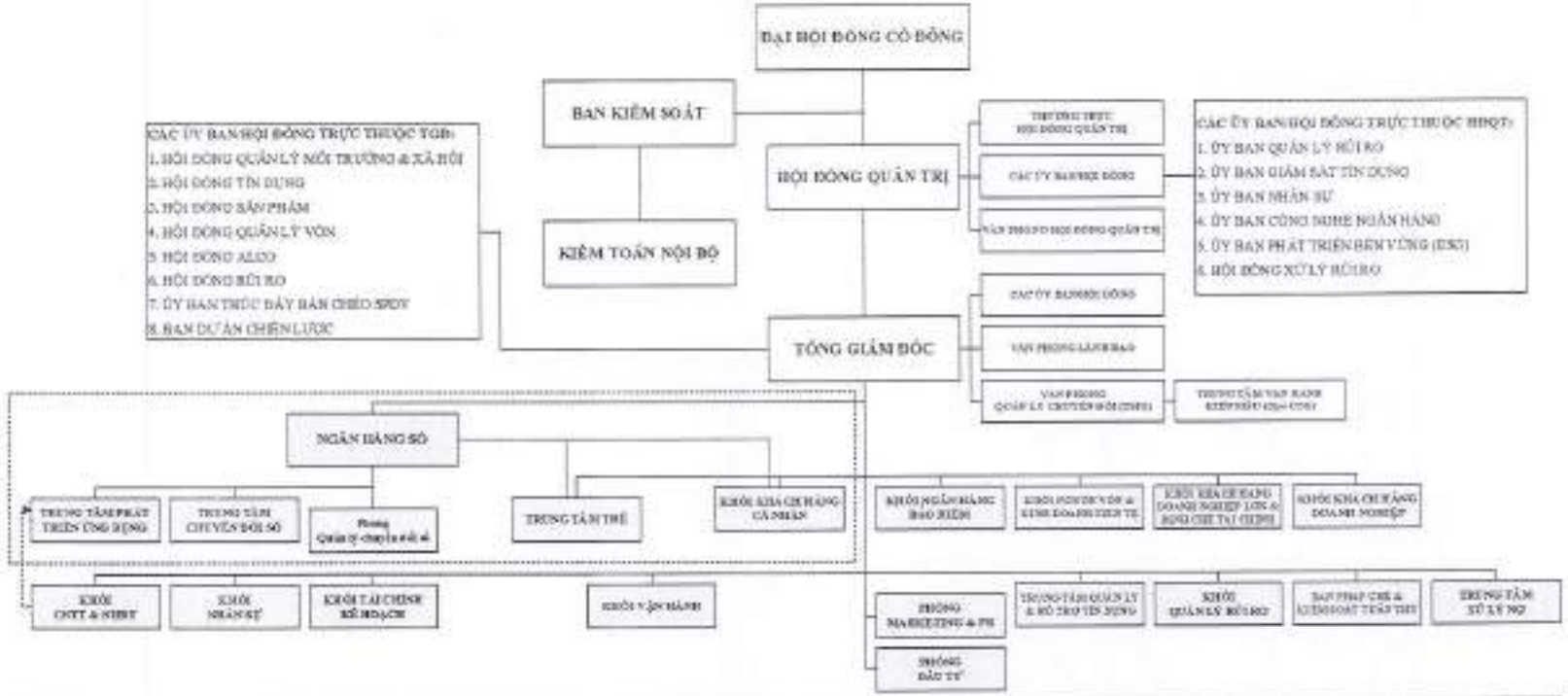
Nguồn: HDBank

HDBank hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Chi tiết thông tin về các công ty con của HDBank được trình bày tại Mục IV.5.2 của Bản Cáo Bạch này.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành

Hình 2: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của HDBank



Nguồn: HDBank

- **Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng. ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;
- Thông qua Điều lệ, Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;
- Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS;
- Quyết định số lượng thành viên HĐQT, BKS từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, thành viên BKS phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng;
- Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS và ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS;
- Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;
- Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng;
- Thông qua phương án thay đổi mức Vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
- Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán;
- Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền;
- Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp Ngân hàng được can thiệp sớm;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; thông qua phương án phân phối lợi nhuận và mức cổ tức được trả sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;
- Thông qua báo cáo của HĐQT, BKS về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của Ngân hàng;
- Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, TCTD khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 42 Điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;
- Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, tổ chức lại,

giải thể (thanh lý và chỉ định người thanh lý) hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;

- Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;
- Quyết định lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

- **Hội đồng Quản trị**

HĐQT là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT:

- Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và hoạt động của Ngân hàng;
- Đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng và quy chế, quy định nội bộ của Ngân hàng;
- Trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ của Ngân hàng. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Ngân hàng lên ĐHĐCĐ;
- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Phê duyệt kế hoạch kinh doanh hàng năm, kế hoạch ngân sách, kế hoạch xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản, kế hoạch lao động và tiền lương hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm người phụ trách quản trị ngân hàng; bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành ngân hàng khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của HĐQT;
- Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, TCTD khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, TCTD khác. Cử nhân sự tham gia vào các cơ quan quản trị, điều hành, kiểm soát tại các Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng;
- Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá

mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% đến dưới 20% Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

- Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật các TCTD và thông qua các khoản cấp tín dụng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 135 của Luật các TCTD, trừ các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ quy định tại Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan;
- Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 Điều lệ của Ngân hàng có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất phát sinh trong trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc hoặc hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết;
- Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% Vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Trích lập và sử dụng các quỹ, chia lợi tức cổ phần theo nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ;
- Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và Người quản lý ngân hàng khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Ngân hàng sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
- Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý ngân hàng khác trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc;
- Giám sát phê duyệt tín dụng trong một số trường hợp theo quy định của HDBank trong từng thời kỳ;
- Ban hành quy chế tài chính, các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của BKS hoặc của ĐHĐCĐ. Xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng trình ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng;
- Xem xét, phê duyệt Báo cáo thường niên;
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán. Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác, trừ trường hợp huy động vốn thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ và Tổng Giám đốc;
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
- Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu của Ngân hàng, trừ trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền thuộc thẩm quyền phê duyệt của ĐHĐCĐ;
- Triển khai, thực hiện việc mua lại cổ phần của Ngân hàng theo nghị quyết/quyết định mua lại cổ phần đã được ĐHĐCĐ thông qua theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan;

- Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng theo phương án được phê duyệt;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của mỗi loại;
- Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng. Phê duyệt và triển khai các nội dung liên quan đến phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu theo quy định pháp luật và NHNN;
- Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu tại Công ty con của Ngân hàng, quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty con của Ngân hàng;
- Quyết định việc điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trong nội bộ Ngân hàng hoặc giữa các Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng;
- Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Quyết định việc tạm ứng cổ tức căn cứ theo kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính gần nhất của Ngân hàng, đảm bảo tuân thủ điều kiện được phép chi trả cổ tức theo quy định của pháp luật;
- Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS;
- Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ; triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ;
- Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;
- Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo ủy quyền, phân công, phân cấp, giao cho theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, quy định của pháp luật (nếu có).

Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể ủy quyền và/hoặc giao cho Người điều hành Ngân hàng hoặc nhân viên cấp dưới thực hiện, xử lý một hoặc một số công việc cụ thể để triển khai và thực hiện một vấn đề mà HĐQT thông qua.

- **Ban Kiểm Soát**

BKS là cơ quan đại diện cho cổ đông, có trách nhiệm như sau:

- BKS thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng;
- Ban hành quy định nội bộ của BKS; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của BKS, quy định nội bộ của HDBank về kế toán và báo cáo. Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các

chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ;

- Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành và hoạt động kinh doanh Ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của BKS;
- Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng đầu năm của Ngân hàng; báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả thẩm định các báo cáo này; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
- Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho ĐHĐCĐ, HĐQT;
- Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng;
- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Ngân hàng;
- Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo trong các trường hợp sau đây: theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ; theo yêu cầu của NHNN hoặc của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra đang thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này trong Điều lệ không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;
- Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông;
- Kịp thời thông báo cho ĐHĐCĐ, HĐQT khi phát hiện Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ của Ngân hàng, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có);
- Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu 01% Vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc của Ngân hàng, cổ đông sở hữu từ 01% Vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này;
- Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định của Luật các TCTD và Điều lệ của Ngân hàng;

- Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng trong quy định của Luật các TCTD hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng;
- Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng và của pháp luật.

* **Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng**

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và (các) Phó Tổng Giám đốc phụ trách và điều hành chính các mảng/lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng theo sự phân công, phân nhiệm của Tổng Giám đốc.

Giám đốc Tài chính tham mưu cho Tổng Giám đốc trong công tác phân bổ nguồn vốn và đảm bảo nguồn vốn được sử dụng hiệu quả nhất, đồng thời xây dựng các kế hoạch chi tiết cho quá trình phát triển của Ngân hàng.

Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng đều là những chuyên gia với kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, pháp lý, kinh doanh. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Ngân hàng;
- Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả;
- Lập và trình HĐQT thông qua hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;
- Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý;
- Báo cáo HĐQT, BKS, ĐHĐCĐ và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Ngân hàng;
- Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó, kịp thời báo cáo HĐQT;
- Kiến nghị, đề xuất phương án cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ngân hàng, quy chế/quy định quản lý nội bộ của Ngân hàng trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ quyết định theo thẩm quyền;
- Đề nghị HĐQT họp bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh Ngân hàng theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng;
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Ngân hàng;

- Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền (kể cả Người quản lý ngân hàng thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc);
- Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng và các hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng có giá trị dưới 10% Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
- Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, tại Điều lệ của Ngân hàng, các quy chế/quy định nội bộ của Ngân hàng, các quyết định của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Ngân hàng.

- **Các Ủy ban:** Tham mưu và giúp việc cho HĐQT hoặc Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT hoặc Tổng Giám đốc.
- **Các Hội đồng:** Tham mưu và giúp việc cho HĐQT hoặc Tổng Giám đốc trong các vấn đề do từng Hội đồng phụ trách.
- HDBank có các Khối, Phòng/Ban và Trung tâm chức năng thuộc Hội sở.

  Các Khối thuộc sự điều hành của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Khối. Mỗi Khối chức năng được chia làm nhiều phòng, được phân chia theo định hướng khách hàng và thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn riêng trong mục tiêu chung của Ngân hàng, nhằm đảm bảo phát huy tối đa những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của đội ngũ nhân viên trong việc phục vụ Khách hàng. Giữa các Khối có sự trao đổi thông tin thường xuyên thông qua các cuộc họp Ban Điều hành và họp giao ban giữa các Khu vực trên toàn quốc.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Danh sách các công ty trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán (năm 2023 và năm 2024) và đến thời điểm hiện tại, kèm thông tin cụ thể tính đến thời điểm nắm giữ gần nhất bao gồm:

5.1. Thông tin về công ty mẹ của Tổ Chức Phát Hành

Không có.

5.2. Thông tin về công ty con của Tổ Chức Phát Hành

Bảng 1: Danh sách công ty con của HDBank

STT	Tên công ty	Ngày thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy phép thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu của HDBank tại công ty	Tỷ lệ sở hữu của công ty tại HDBank
1	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON	Ngày 08/05/2007 theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 05/GP-NHNN do NHNN cấp	Tài chính/ Ngân hàng	31/12/2023	50%	0%
				31/12/2024	50%	0%
				30/09/2025	50%	0%

STT	Tên công ty	Ngày thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy phép thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu của HDBank tại công ty	Tỷ lệ sở hữu của công ty tại HDBank
		và các văn bản sửa đổi, bổ sung				
2	Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki ("**Vikki Bank**")	Ngày 27/03/1992 theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 0009/NH-GP do NHNN cấp và các văn bản sửa đổi, bổ sung	Tài chính/ Ngân hàng	31/12/2023 (*)	0%	0%
				31/12/2024 (*)	0%	0%
				30/09/2025	100%	0%

Nguồn: HDBank

(*) Tại các thời điểm này, Vikki Bank chưa phải là công ty con của HDBank. Từ ngày 17/01/2025, Ngân hàng TMCP Đông Á (tiền thân của Vikki Bank) được chuyển giao bắt buộc cho HDBank theo Quyết định số 116/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

5.3. Thông tin về những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành

Không có.

5.4. Thông tin về những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Không có.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

HDBank được thành lập từ năm 1989 với vốn điều lệ ban đầu là 3.000.000.000 VND. Kể từ khi thành lập đến nay, HDBank không có đợt giảm vốn điều lệ nào. Trải qua các lần tăng vốn, hiện tại HDBank đã nâng số vốn điều lệ lên 38.594.158.370.000 VND.

Chi tiết quá trình tăng vốn điều lệ của HDBank được trình bày dưới đây:

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 2: Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của HDBank kể từ khi thành lập (*)

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (VND)	Giá trị vốn tăng thêm (VND)	Vốn điều lệ sau khi tăng (VND)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận
Tháng 02/1989	0	3.000.000.000	3.000.000.000	Góp vốn thành lập bằng tiền	UBND Thành phố Hồ Chí Minh
Tháng 06/1992	3.000.000.000	2.000.000.000	5.000.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	NHNN
Tháng 10/1993	5.000.000.000	5.008.000.000	10.008.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	NHNN
Tháng 04/1994	10.008.000.000	11.608.000.000	21.616.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	NHNN
Tháng 01/1998	21.616.000.000	20.458.000.000	42.074.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	NHNN
Tháng 08/1998	42.074.000.000	7.652.000.000	49.726.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	NHNN
Tháng 02/1999	49.726.000.000	10.000.000.000	59.726.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	NHNN
Tháng 06/2002	59.726.000.000	10.300.000.000	70.026.000.000	Phát hành riêng lẻ	NHNN
Tháng 12/2004	70.026.000.000	79.997.000.000	150.023.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	NHNN
Tháng 08/2005	150.023.000.000	50.236.000.000	200.259.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	NHNN
Tháng 12/2005	200.259.000.000	99.741.000.000	300.000.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	NHNN
Tháng 12/2006	300.000.000.000	200.000.000.000	500.000.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	NHNN, UBCKNN
Tháng 01/2008	500.000.000.000	500.000.000.000	1.000.000.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên	NHNN, UBCKNN
Tháng 10/2008	1.000.000.000.000	550.000.000.000	1.550.000.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên	NHNN, UBCKNN
Tháng 08/2010	1.550.000.000.000	450.000.000.000	2.000.000.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên	NHNN, UBCKNN

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (VND)	Giá trị vốn tăng thêm (VND)	Vốn điều lệ sau khi tăng (VND)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận
Tháng 01/2011	2.000.000.000.000	1.000.000.000.000	3.000.000.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên	NHNN, UBCKNN
Tháng 06/2012	3.000.000.000.000	2.000.000.000.000	5.000.000.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên	NHNN, UBCKNN
Tháng 12/2013	5.000.000.000.000	3.100.000.000.000	8.100.000.000.000	Phát hành riêng lẻ để hoán đổi cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Á	NHNN, UBCKNN
Tháng 10/2017	8.100.000.000.000	728.999.810.000	8.828.999.810.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	NHNN, UBCKNN
Tháng 12/2017	8.828.999.810.000	980.999.980.000	9.809.999.790.000	Phát hành riêng lẻ	NHNN, UBCKNN
Tháng 10/2020	9.809.999.790.000	2.897.763.860.000	12.707.763.650.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	NHNN, UBCKNN
Tháng 12/2020	12.707.763.650.000	3.380.724.530.000	16.088.488.180.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	NHNN, UBCKNN
Tháng 10/2021	16.088.488.180.000	3.984.418.240.000	20.072.906.420.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	NHNN, UBCKNN
Tháng 07/2022	20.072.906.420.000	200.000.000.000	20.272.906.420.000	Phát hành thêm cho cán bộ công nhân viên	NHNN, UBCKNN
Tháng 11/2022	20.272.906.420.000	5.030.522.800.000	25.303.429.220.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	NHNN, UBCKNN
Tháng 09/2023	25.303.429.220.000	3.772.892.100.000	29.076.321.320.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	NHNN, UBCKNN
Tháng 10/2024	29.076.321.320.000	200.000.000.000	29.276.321.320.000	Phát hành thêm cho cán bộ công nhân viên	NHNN, UBCKNN
Tháng 12/2024	29.276.321.320.000	5.825.101.220.000	35.101.422.540.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	NHNN, UBCKNN
Tháng 11/2025	35.101.422.540.000	3.492.735.830.000	38.594.158.370.000	Phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi	NHNN, UBCKNN

Nguồn: HDBank

(*) Ngày 02/12/2025, HDBank đã nhận được Công văn số 10629/NHNN-QLGS của NHNN chấp thuận việc HDBank tăng vốn điều lệ tối đa thêm 11.578.247.500.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024 và phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Đến ngày 08/12/2025, HDBank đã được UBCKNN thông báo nhận được tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của HDBank theo Công văn số 8548/UBCK-QLCB. Hiện tại, HDBank đang triển khai thực hiện các phương án phát hành đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận nêu trên.

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán: Không có.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

7.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 3: Cơ cấu sở hữu cổ phiếu phổ thông của HDBank (*)

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	**Trong nước**	**31.259**	**2.942.582.889**	**76,24**
a	Cá nhân trong nước	31.085	1.673.118.939	43,35
b	Tổ chức trong nước	174	1.269.463.950	32,89
2	**Nước ngoài**	**771**	**916.832.948**	**23,76**
a	Cá nhân nước ngoài	613	5.386.973	0,14
b	Tổ chức nước ngoài, trong đó:	158	911.445.975	23,62
	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	*11*	*6.700.986*	*0,17*
	Tổng cộng	**32.030**	**3.859.415.837**	**100,00**

Nguồn: Danh sách cổ đông của HDBank do VSDC cung cấp tại ngày 28/11/2025

(*) Ngày 02/12/2025, HDBank đã nhận được Công văn số 10629/NHNN-QLGS của NHNN chấp thuận việc HDBank tăng vốn điều lệ tối đa thêm 11.578.247.500.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024 và phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Đến ngày 08/12/2025, HDBank đã được UBCKNN thông báo nhận được tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của HDBank theo Công văn số 8548/UBCK-QLCB. Hiện tại, HDBank đang triển khai thực hiện các phương án phát hành đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận nêu trên.

7.2. Cổ phiếu ưu đãi

Ngân hàng không có cổ phiếu ưu đãi.

7.3. Các loại chứng khoán khác

7.3.1. Trái phiếu phát hành ra công chúng:

- Khối lượng trái phiếu phát hành ra công chúng đang lưu hành tại thời điểm 28/11/2025: 12.532 tỷ Đồng.
- Đặc điểm: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành.

7.3.2. Trái phiếu phát hành riêng lẻ:

- Khối lượng trái phiếu phát hành riêng lẻ đang lưu hành tại thời điểm 28/11/2025: 44.556 tỷ Đồng.
- Đặc điểm:
  + 19.515 tỷ Đồng là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không

có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank;

+ 20.701 tỷ Đồng là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là nợ thứ cấp của HDBank;

+ 4.340 tỷ Đồng là trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền.

Chi tiết danh sách các trái phiếu đang lưu hành được trình bày tại Mục V.2.1.2 của Bản Cáo Bạch này.

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

HDBank được thành lập nhằm thực hiện đầy đủ các giao dịch của một ngân hàng thương mại theo quy định Pháp luật hiện hành, trong đó bao gồm: huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

8.1.1. Loại sản phẩm, dịch vụ

a) Cơ cấu doanh thu:

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu của HDBank (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2023		2024		% tăng/ giảm	9T/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	47.041	87,77%	51.954	89,01%	10,44%	44.368	86,24%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.988	3,71%	2.391	4,10%	20,27%	3.841	7,47%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.375	4,43%	2.498	4,28%	5,18%	2.138	4,16%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	194	0,36%	412	0,71%	112,37%	659	1,28%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.425	2,66%	298	0,51%	-79,09%	83	0,16%
Thu nhập từ hoạt động khác	187	0,35%	567	0,97%	203,21%	352	0,68%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	384	0,72%	250	0,43%	-34,90%	5	0,01%

Tổng cộng thu nhập hoạt động	**53.594**	**100,00%**	**58.370**	**100,00%**	**8,91%**	**51.446**	**100,00%**

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2025 của HDBank

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu của HDBank (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2023		2024		% tăng/ giảm	9T/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	52.641	87,72%	57.996	88,61%	10,17%	49.115	85,75%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.830	4,72%	3.296	5,04%	16,47%	4.542	7,93%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.372	3,95%	2.508	3,83%	5,73%	2.151	3,76%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	194	0,32%	412	0,63%	112,37%	659	1,15%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.425	2,37%	298	0,46%	-79,09%	83	0,14%
Thu nhập từ hoạt động khác	542	0,90%	870	1,33%	60,52%	579	1,01%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	9	0,01%	72	0,11%	700,00%	151	0,26%
Tổng cộng thu nhập hoạt động	**60.013**	**100,00%**	**65.452**	**100,00%**	**9,06%**	**57.280**	**100,00%**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2025 của HDBank

b) Cơ cấu lãi thuần:

Bảng 6: Cơ cấu lãi thuần của HDBank (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2023		2024		% tăng/ giảm	9T/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	17.305	82,95%	25.409	92,14%	46,83%	20.707	82,65%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.348	6,46%	516	1,87%	-61,72%	2.554	10,19%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	704	3,37%	857	3,11%	21,73%	1.008	4,02%

Chỉ tiêu	2023		2024		% tăng/ giảm	9T/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	42	0,20%	69	0,25%	64,29%	635	2,53%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.167	5,59%	68	0,25%	-94,17%	8	0,03%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	384	1,84%	250	0,91%	-34,90%	5	0,02%
Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động khác	-89	-0,43%	408	1,48%	558,43%	139	0,55%
Tổng lãi thuần từ các hoạt động kinh doanh	**20.861**	**100,00%**	27.577	**100,00%**	**32,19%**	**25.055**	**100,00%**

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2025 của HDBank

Bảng 7: Cơ cấu lãi thuần của HDBank (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2023		2024		% tăng/ giảm	9T/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	22.184	83,99%	30.857	90,67%	39,10%	24.991	82,32%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.188	8,28%	1.417	4,16%	-35,24%	3.252	10,71%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	565	2,14%	844	2,48%	49,38%	956	3,15%
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	42	0,16%	69	0,20%	64,29%	635	2,09%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.167	4,42%	68	0,20%	-94,17%	8	0,03%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	9	0,03%	72	0,21%	700,00%	151	0,50%
Lãi thuần từ hoạt động khác	259	0,98%	706	2,07%	172,59%	365	1,20%
Tổng lãi thuần từ các hoạt động kinh doanh	**26.414**	**100,00%**	**34.032**	**100,00%**	**28,84%**	**30.357**	**100,00%**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2025 của HDBank

8.1.2. Hoạt động huy động vốn

HDBank đang tập trung khai thác thị trường nội địa, nguồn vốn huy động hiện tại của Ngân hàng phần lớn từ thị trường trong nước, theo số liệu hợp nhất trung bình chiếm 94,73%. Thị trường huy động vốn nước ngoài chiếm tỷ trọng trung bình 5,27%.

a) Nguồn vốn huy động:

Hoạt động huy động vốn là một trong những hoạt động chủ đạo trong quá trình vận hành kinh doanh của HDBank. Nguồn vốn huy động của HDBank bao gồm:

- Tiền gửi và vay NHNN
- Tiền gửi và vay các TCTD khác
- Tiền gửi của khách hàng
- Phát hành giấy tờ có giá

Theo BCTC hợp nhất Quý III năm 2025, tổng giá trị huy động vốn tại thời điểm 30/09/2025 của HDBank đạt 692.755 tỷ đồng, tăng 12,04% so với cuối năm 2024, tập trung chủ yếu vào nguồn vốn huy động từ Tiền gửi của Khách hàng và Phát hành Giấy tờ có giá, chiếm khoảng 81,19% tổng nguồn vốn huy động.

Bảng 8: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động của HDBank (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	30/09/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
I. Loại hình							
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	27	0,01%	15	0,00%	-44,44%	10	0,00%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	109.464	20,83%	97.368	15,95%	-11,05%	124.697	18,25%
Tiền gửi của khách hàng	370.778	70,56%	437.505	71,67%	18,00%	487.863	71,41%
Phát hành Giấy tờ có giá	45.187	8,60%	75.560	12,38%	67,22%	70.569	10,33%
Tổng cộng	**525.456**	**100,00%**	**610.448**	**100,00%**	**16,17%**	**683.139**	**100,00%**
II. Trong nước/Ngoài nước							
Trong nước	490.302	93,31%	584.613	95,77%	19,24%	655.117	95,90%
Ngoài nước	35.154	6,69%	25.835	4,23%	-26,51%	28.022	4,10%
Tổng cộng	**525.456**	**100,00%**	**610.448**	**100,00%**	**16,17%**	**683.139**	**100,00%**

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2025 của HDBank

Bảng 9: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động của HDBank (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	30/09/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
I. Loại hình							
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	27	0,01%	15	0,00%	-44,44%	10	0,00%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	112.087	21,00%	99.461	16,09%	-11,26%	130.268	18,80%
Tiền gửi của khách hàng	370.778	69,46%	437.505	70,76%	18,00%	487.863	70,42%
Phát hành Giấy tờ có giá	50.938	9,54%	81.350	13,16%	59,70%	74.614	10,77%
Tổng cộng	**533.830**	**100,00%**	**618.331**	**100,00%**	**15,83%**	**692.755**	**100,00%**
II. Trong nước/Ngoài nước							
Trong nước	497.559	93,21%	590.620	95,52%	18,70%	661.267	95,45%
Ngoài nước	36.271	6,79%	27.711	4,48%	-23,60%	31.488	4,55%
Tổng cộng	**533.830**	**100,00%**	**618.331**	**100,00%**	**15,83%**	**692.755**	**100,00%**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2025 của HDBank

b) Huy động từ Phát hành Giấy tờ có giá:

Theo BCTC hợp nhất Quý III năm 2025, tổng số dư Giấy tờ có giá phát hành tại thời điểm 30/09/2025 đạt 74.614 tỷ đồng, chiếm 10,77% trong tổng nguồn vốn huy động. Điều này không chỉ giúp bổ sung nguồn vốn huy động trung dài hạn tương ứng với nhu cầu cho vay, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả mà còn giúp HDBank đa dạng hóa các sản phẩm huy động vốn để nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng và là thước đo uy tín, vị thế, thương hiệu của Ngân hàng trên thị trường.

c) Huy động từ tiền gửi của khách hàng:

Tiền gửi của khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn huy động, chiếm trung bình trên 70,11% tổng nguồn vốn huy động của HDBank (hợp nhất) trong giai đoạn 2023 – 2024. Huy động từ tiền gửi khách hàng tăng trưởng liên tục, ổn định đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động tín dụng và các hoạt động đầu tư. Tại ngày 30/09/2025, tổng tiền gửi của khách hàng trên BCTC hợp nhất của HDBank đạt 487.863 tỷ đồng, tăng 11,51% so với cuối năm 2024 và chiếm 70,42% tổng nguồn vốn huy động.

Bảng 10: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Công ty mẹ)

STT	Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
	Tổng tiền gửi của khách hàng (tỷ Đồng)	**370.778**	**437.505**	**487.863**
1	**Phân theo khách hàng (%)**	**100,00%**	**100,00%**	**100,00%**
-	Cá nhân	73,38%	76,10%	81,29%
-	Tổ chức	26,62%	23,90%	18,71%
2	**Phân theo kỳ hạn (%)**	**100,00%**	**100,00%**	**100,00%**
-	Tiền gửi không kỳ hạn	10,85%	11,73%	9,19%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	18,96%	15,02%	12,46%
-	Tiền gửi tiết kiệm	69,95%	73,03%	78,06%
-	Tiền gửi ký quỹ	0,21%	0,13%	0,12%
-	Tiền gửi vốn chuyên dùng	0,03%	0,10%	0,17%
3	**Phân theo loại tiền (%)**	**100,00%**	**100,00%**	**100,00%**
-	VND	99,32%	99,12%	98,18%
-	Ngoại tệ	0,68%	0,88%	1,82%

Nguồn: HDBank

Bảng 11: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Hợp nhất)

STT	Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
	Tổng tiền gửi của khách hàng (tỷ Đồng)	**370.778**	**437.505**	**487.863**
1	**Phân theo khách hàng (%)**	**100,00%**	**100,00%**	**100,00%**
-	Cá nhân	73,38%	76,10%	81,29%
-	Tổ chức	26,62%	23,90%	18,71%
2	**Phân theo kỳ hạn (%)**	**100,00%**	**100,00%**	**100,00%**
-	Tiền gửi không kỳ hạn	10,85%	11,73%	9,19%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	18,96%	15,02%	12,46%
-	Tiền gửi tiết kiệm	69,95%	73,03%	78,06%
-	Tiền gửi ký quỹ	0,21%	0,12%	0,12%
-	Tiền gửi vốn chuyên dùng	0,03%	0,10%	0,17%
3	**Phân theo loại tiền (%)**	**100,00%**	**100,00%**	**100,00%**
-	VND	99,32%	99,12%	98,18%
-	Ngoại tệ	0,68%	0,88%	1,82%

Nguồn: HDBank

Về cơ cấu tiền gửi của khách hàng theo kỳ hạn, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi của Khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng (chiếm gần 81,29% tại thời điểm 30/09/2025), phù hợp với chiến lược phát triển là Ngân hàng bán lẻ của HDBank trong những năm qua.

Về kỳ hạn, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả tiền gửi tiết kiệm) của HDBank chiếm tỷ trọng lớn, trên 88,48% tổng huy động từ tiền gửi của khách hàng trong giai đoạn 2023 – 2024, đảm bảo tính ổn định cho nguồn vốn của toàn hệ thống. Tính tại ngày 30/09/2025, tiền gửi không kỳ hạn (CASA) chiếm 9,19% và tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả tiền gửi tiết kiệm) chiếm 90,52% tổng tiền gửi của khách hàng.

Về loại hình tiền tệ, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi nội tệ luôn chiếm tỷ trọng lớn hơn nhiều so với tiền gửi ngoại tệ (trên 99% tổng tiền gửi của khách hàng trong giai đoạn 2023 – 2024). Tại ngày 30/09/2025, tổng số dư tiền gửi nội tệ đạt 478.989 tỷ đồng, tăng 10,46% so với năm 2024 và chiếm 98,18% tổng số dư tiền gửi của khách hàng.

Bảng 12: Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng/giảm	30/09/2025
VND	368.253	433.635	17,75%	478.989
Ngoại tệ	2.525	3.870	53,27%	8.874
Tổng	**370.778**	**437.505**	**18,00%**	**487.863**

Nguồn: HDBank

Bảng 13: Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng/giảm	30/09/2025
VND	368.253	433.635	17,75%	478.989
Ngoại tệ	2.525	3.870	53,27%	8.874
Tổng	**370.778**	**437.505**	**18,00%**	**487.863**

Nguồn: HDBank

8.1.3. Hoạt động tín dụng

a) Quy mô, cơ cấu và tăng trưởng tín dụng:

Tốc độ tăng trưởng tín dụng của HDBank tăng đều qua các năm. Tính đến 30/09/2025, tổng dư nợ tín dụng theo số liệu hợp nhất của HDBank đạt 500.413 tỷ đồng (tăng 14,32% so với năm 2024), trong đó gồm khoản tín dụng 10.965 tỷ đồng thông qua đầu tư trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành. Với mục tiêu phát triển bền vững, HDBank xác định tăng trưởng tín dụng phải gắn với nhiệm vụ huy động vốn đồng thời phát triển dịch vụ cũng như kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và luôn đảm bảo tuân thủ theo các theo quy định của NHNN.

Xét về kỳ hạn các khoản vay:

Tại ngày 30/09/2025, dư nợ cho vay trung dài hạn theo số liệu hợp nhất của HDBank đạt 249.621 tỷ đồng, chiếm 51,00% trong cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng, tăng 22,27% so với cuối năm 2024. Trong khi đó, dư nợ ngắn hạn tại 30/09/2025 là 239.826 tỷ đồng (tương đương 49,00% trong cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng), tăng 5,58% so với thời điểm cuối năm 2024. Ngoài việc triển khai các sản phẩm tín dụng theo nhu cầu của khách hàng, việc cân đối thời hạn giữa vốn huy động và dư nợ cho vay luôn được HDBank chú trọng, nhằm đảm bảo sự an toàn và tính thanh khoản trong hoạt động kinh doanh.

Bảng 14: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	30/09/2025 (*)	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	176.985	54,07%	219.624	53,17%	24,09%	232.076	49,37%
Nợ trung hạn	83.651	25,56%	127.570	30,88%	52,50%	144.794	30,80%
Nợ dài hạn	66.682	20,37%	65.900	15,95%	-1,17%	93.222	19,83%
Tổng cộng	**327.318**	**100,00%**	**413.094**	**100,00%**	**26,21%**	**470.092**	**100,00%**

Nguồn: HDBank

(*) Bao gồm Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn và dư nợ của hoạt động mua nợ

Bảng 15: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	30/09/2025 (*)	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	183.332	53,39%	227.159	52,67%	23,91%	239.826	49,00%
Nợ trung hạn	93.390	27,20%	138.248	32,05%	48,03%	156.399	31,95%
Nợ dài hạn	66.682	19,42%	65.900	15,28%	-1,17%	93.222	19,05%
Tổng cộng	**343.404**	**100,00%**	**431.306**	**100,00%**	**25,60%**	**489.447**	**100,00%**

Nguồn: HDBank

(*) Bao gồm Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn và dư nợ của hoạt động mua nợ

Xét về nhóm ngành cho vay:

Phân theo ngành kinh tế, các khoản vay hoạt động phục vụ cá nhân và hộ gia đình luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng dư nợ cho vay của HDBank. Tính đến 30/09/2025, theo số liệu hợp nhất, các khoản vay hoạt động phục vụ cá nhân và hộ gia đình chiếm 31,98% trong cơ cấu dư nợ cho vay. Điều này là phù hợp với định hướng phát triển ngân hàng bán lẻ và SME của HDBank, đẩy mạnh khai thác khách hàng hệ sinh thái, tài trợ chuỗi và liên kết đối tác nền tảng. Đa dạng hóa kênh bán hàng qua App, Website HDBank mới theo tư duy E-

Commerce. Bên cạnh đó, HDBank cũng xây dựng chiến lược cho vay hướng dòng vốn tín dụng đến những ngành là động lực tăng trưởng kinh tế như nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp SME, tài trợ chuỗi, tín dụng xanh, du lịch.

Từ năm 2018, HDBank đã tiên phong cho ra đời các chương trình cấp tín dụng xanh, hỗ trợ phát triển các lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, năng lượng tái tạo cùng phương án sản xuất thân thiện với môi trường. Trong năm 2024 – 2025, HDBank tiếp tục tiên phong tài trợ các dự án năng lượng tái tạo, triển khai các sản phẩm tín dụng xanh và ứng dụng giải pháp công nghệ giảm thiểu tác động môi trường, đặc biệt là giảm thải carbon. Tài chính xanh không chỉ là xu thế mà còn là cam kết của HDBank trong việc phát triển các dự án năng lượng tái tạo và cải thiện chất lượng môi trường sống, tích hợp hiệu quả với hoạt động kinh doanh nhằm mang lại giá trị lâu dài cho các bên liên quan và cộng đồng.

Bảng 16: Dư nợ cho vay khách hàng theo lĩnh vực kinh doanh (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	30/09/2025 (*)	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	93.246	28,49%	141.407	34,23%	51,65%	137.145	29,17%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	14.278	4,36%	2.996	0,73%	-79,02%	2.407	0,51%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	11.590	3,54%	18.627	4,51%	60,72%	19.514	4,15%
Hoạt động kinh doanh bất động sản	58.249	17,80%	68.292	16,53%	17,24%	67.510	14,36%
Xây dựng	24.449	7,47%	42.190	10,21%	72,56%	54.631	11,62%
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	9.995	3,05%	7.052	1,71%	-29,44%	6.489	1,38%
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác	46.004	14,05%	68.168	16,50%	48,18%	86.370	18,37%
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	3.980	1,22%	9.570	2,32%	140,45%	8.135	1,73%
Vận tải, kho bãi	5.394	1,65%	7.706	1,87%	42,86%	24.373	5,18%
Hoạt động tài chính và bảo hiểm	13.039	3,98%	30.707	7,43%	135,50%	32.977	7,02%

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	30/09/2025 (*)	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Khác	47.094	14,39%	16.378	3,96%	-65,22%	30.541	6,50%
Tổng cộng	**327.318**	**100,00%**	**413.094**	**100,00%**	**26,21%**	**470.092**	**100,00%**

Nguồn: HDBank

(*) Bao gồm dư nợ cho vay khách hàng theo lĩnh vực kinh doanh và dư nợ của hoạt động mua nợ

Bảng 17: Dư nợ cho vay khách hàng theo lĩnh vực kinh doanh (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	30/09/2025 (*)	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	109.333	31,84%	159.619	37,01%	45,99%	156.501	31,98%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	14.278	4,16%	2.996	0,69%	-79,02%	2.407	0,49%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	11.590	3,38%	18.627	4,32%	60,72%	19.514	3,99%
Hoạt động kinh doanh bất động sản	58.249	16,96%	68.292	15,83%	17,24%	67.510	13,79%
Xây dựng	24.449	7,12%	42.190	9,78%	72,56%	54.631	11,16%
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	9.995	2,91%	7.052	1,64%	-29,44%	6.489	1,33%
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác	46.004	13,40%	68.168	15,81%	48,18%	86.370	17,65%
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	3.980	1,16%	9.570	2,22%	140,45%	8.135	1,66%
Vận tải, kho bãi	5.394	1,57%	7.706	1,79%	42,86%	24.373	4,98%
Hoạt động tài chính và bảo hiểm	13.039	3,80%	30.707	7,12%	135,50%	32.977	6,74%
Khác	47.094	13,71%	16.378	3,80%	-65,22%	30.541	6,24%
Tổng cộng	**343.404**	**100,00%**	**431.306**	**100,00%**	**25,60%**	**489.447**	**100,00%**

Nguồn: HDBank

(*) Bao gồm dư nợ cho vay khách hàng theo lĩnh vực kinh doanh và dư nợ của hoạt động mua nợ

Xét về đối tượng khách hàng:

Đối với nhóm khách hàng cá nhân: Được xác định là một trong những nhóm khách hàng mục tiêu, HDBank đã có những nỗ lực trong việc mở rộng và phát triển mạng lưới khách hàng này. Các dòng sản phẩm cho vay đối với cá nhân không ngừng được cải tiến và thiết kế phù hợp với các nhu cầu của khách hàng mà vẫn đảm bảo độ an toàn cho HDBank.

Đối với khách hàng doanh nghiệp: Theo định hướng đa dạng hóa sản phẩm và số hóa các sản phẩm, dịch vụ tài chính nhằm mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng. Đặc biệt, đối với đối tượng khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa, HDBank đã triển khai hàng loạt các gói tín dụng ưu đãi về lãi suất và phí giao dịch. Đồng thời, Ngân hàng tiếp tục tiên phong trong việc phát triển dòng tín dụng Xanh, góp phần thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng địa phương và doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Bên cạnh đó, tài trợ chuỗi tiếp tục thể hiện vai trò chủ lực, thương hiệu và lợi thế cạnh tranh của HDBank khi thiết lập quan hệ với các tập đoàn, tổng công ty, các công ty đa quốc gia trong nhiều lĩnh vực khác nhau: sản xuất hàng tiêu dùng nhanh, chăn nuôi, nước giải khát, sắp thép, xăng dầu, hàng không và vận tải, v.v., qua đó có thể đẩy mạnh các giải pháp tài trợ cho các nhà phân phối, nhà thầu, v.v. từ những lĩnh vực này. Trong năm 2024 – 2025, HDBank tiếp tục mở rộng cho vay xanh và bền vững để tạo ra giá trị kinh tế và lan tỏa tác động tích cực đến môi trường, xã hội. Thông qua việc tài trợ chuỗi cung ứng, HDBank sẽ đẩy mạnh cung cấp vốn và tiện ích tài chính cho các doanh nghiệp, nông dân và lao động.

b) Hoạt động bảo lãnh:

Hoạt động bảo lãnh là một phần của hoạt động cấp tín dụng của HDBank. Tại thời điểm 30/09/2025, số dư bảo lãnh của HDBank đạt 66.940 tỷ Đồng, giảm 7,82% so với cuối năm 2024.

c) Chất lượng nợ cho vay:

Về phân loại dư nợ tín dụng, HDBank đặc biệt chú trọng công tác kiểm soát chất lượng nợ cho vay. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng tăng trưởng bền vững của HDBank. Tính đến ngày 30/09/2025, tỷ lệ nợ xấu (tính theo thông tư số 11/2021/TT-NHNN và thông tư số 31/2024/TT-NHNN) của HDBank theo số liệu hợp nhất vẫn được duy trì ở mức an toàn, bằng 2,14% tổng dư nợ tín dụng (tại thời điểm cuối năm 2024 tỷ lệ này là 1,48%).

Bảng 18: Phân loại chất lượng nợ cho vay khách hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	30/09/2025 (*)	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	305.849	93,44%	386.327	93,52%	26,31%	435.369	92,61%
Nợ cần chú ý	16.534	5,05%	19.557	4,73%	18,28%	21.960	4,67%
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.743	0,53%	3.406	0,82%	95,41%	5.251	1,12%
Nợ nghi ngờ	1.576	0,48%	1.589	0,38%	0,82%	6.120	1,30%

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	30/09/2025 (*)	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Nợ có khả năng mất vốn	1.617	0,49%	2.214	0,54%	36,92%	1.393	0,30%
Tổng cộng	**327.318**	**100,00%**	**413.094**	**100,00%**	**26,21%**	**470.092**	**100,00%**

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2025 của HDBank

(*) Bao gồm phân loại chất lượng dư nợ cho vay khách hàng và dư nợ của hoạt động mua nợ

Bảng 19: Phân loại chất lượng nợ cho vay khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	30/09/2025 (*)	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	319.239	92,96%	401.835	93,17%	25,87%	451.946	92,34%
Nợ cần chú ý	18.005	5,24%	20.915	4,85%	16,16%	23.328	4,77%
Nợ dưới tiêu chuẩn	2.610	0,76%	4.200	0,97%	60,92%	6.021	1,23%
Nợ nghi ngờ	1.908	0,56%	1.967	0,46%	3,09%	6.490	1,33%
Nợ có khả năng mất vốn	1.642	0,48%	2.389	0,55%	45,49%	1.664	0,34%
Tổng cộng	**343.404**	**100,00%**	**431.306**	**100,00%**	**25,60%**	**489.447**	**100,00%**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2025 của HDBank

(*) Bao gồm phân loại chất lượng dư nợ cho vay khách hàng và dư nợ của hoạt động mua nợ

Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo công tác kiểm soát và xử lý nợ xấu, việc trích lập dự phòng rủi ro các khoản vay của khách hàng, công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng được HDBank nghiêm túc thực hiện theo các quy định hiện hành. Việc theo dõi, thực hiện trích lập dự phòng rủi ro đã hỗ trợ hữu ích cho Ngân hàng trong quản lý, giảm thiểu nợ xấu và tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Bảng 20: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	31/12/2023	31/12/2024	% tăng/giảm	30/09/2025 (*)
Dự phòng cụ thể	1.091	2.022	85,33%	1.883
Dự phòng chung	2.443	3.165	29,55%	3.515
Tổng cộng	**3.534**	**5.188**	**46,80%**	**5.398**

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2025 của HDBank

(*) Bao gồm số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng và số dư dự phòng rủi ro đối với hoạt động mua nợ

Bảng 21: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	31/12/2023	31/12/2024	% tăng/giảm	30/09/2025 (*)
Dự phòng cụ thể	1.491	2.578	72,90%	2.521
Dự phòng chung	2.563	3.301	28,79%	3.658
Tổng cộng	**4.054**	**5.879**	**45,02%**	**6.179**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2025 của HDBank

(*) Bao gồm số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng và số dư dự phòng rủi ro đối với hoạt động mua nợ

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/07/2021 của NHNN quy định về phân loại tài sản Có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung của NHNN từng thời điểm và theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng. Ngày 30/06/2024, NHNN đã ban hành Thông tư số 31/2024/TT-NHNN quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của NHTM, TCTD phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hiệu lực thi hành từ 01/07/2024 để thay thế Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/07/2021. Ngày 11/07/2024, Chính Phủ đã ban hành Nghị định số 86/2024/NĐ-CP quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp TCTD phân bổ lãi phải thu phải thoái và có hiệu lực thi hành từ ngày 11/07/2024.

d) Tỷ lệ an toàn vốn:

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) hợp nhất của HDBank tại thời điểm 30/09/2025 là 15,00%, tại thời điểm 31/12/2024 là 14,03%. Tỷ lệ này qua các năm đều đáp ứng các quy định hiện hành của NHNN.

Bảng 22: Tỷ lệ an toàn vốn của HDBank (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng/giảm	30/09/2025
Vốn tự có	**57.895**	**82.053**	**41,73%**	**96.429**
Vốn cấp 1	43.630	53.339	22,25%	64.115
Vốn cấp 2	15.525	30.619	97,22%	34.219
Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có	1.261	1.905	51,07%	1.905
Tổng tài sản "Có" rủi ro	**474.193**	**602.788**	**27,12%**	**667.309**
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	**12,21%**	**13,61%**	**11,47%**	**14,45%**

Nguồn: HDBank, tỷ lệ tính theo Thông tư 41 và Thông tư 22/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41

Bảng 23: Tỷ lệ an toàn vốn của HDBank (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng/giảm	30/09/2025
Vốn tự có	**61.900**	**87.255**	**40,96%**	**103.460**
Vốn cấp 1	44.347	54.362	22,58%	65.720
Vốn cấp 2	17.553	32.893	87,39%	37.739
Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có	-	-	N/A	-
Tổng tài sản "Có" rủi ro	**492.262**	**621.842**	**26,32%**	**689.777**
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	**12,57%**	**14,03%**	**11,61%**	**15,00%**

Nguồn: HDBank, tỷ lệ tính theo Thông tư 41 và Thông tư 22/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41

HDBank đã sẵn sàng áp dụng chỉ số CAR theo Basel III ngay khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo chỉ số này ở mức tốt hơn so với khuyến nghị, tuân thủ đầy đủ quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP). Tỷ lệ an toàn vốn của HDBank đạt theo tiêu chuẩn Basel III, Ngân hàng đang tiếp tục triển khai áp dụng đầy đủ chuẩn Basel III vào công tác quản trị hệ thống. Các tỷ lệ an toàn khác theo Basel III như tỷ lệ đòn bẩy, LCR, NSFR... đều đạt mức tốt. Hệ thống kiểm soát nội bộ tiếp tục được hoàn thiện và nâng cấp.

8.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán

a) Hoạt động kinh doanh ngoại hối:

Các loại ngoại tệ kinh doanh chủ yếu của HDBank bao gồm USD, EUR, GBP, JPY, AUD, CAD, CNY, SGD, THB... Mục đích chủ yếu của hoạt động kinh doanh ngoại tệ là phục vụ nhu cầu thanh toán quốc tế của khách hàng, kinh doanh chênh lệch tỷ giá và điều hòa trạng thái ngoại tệ của Ngân hàng. Năm 2024, thu nhập từ kinh doanh ngoại hối hợp nhất của HDBank đạt 2.508 tỷ đồng, tăng 5,73% so với năm 2023 và lãi thuần đạt 844 tỷ đồng, tăng 49,38% so với năm 2023. 9 tháng đầu năm 2025, thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối hợp nhất của HDBank lần lượt đạt 2.151 tỷ đồng và 956 tỷ đồng.

Bảng 24: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2023	2024	% tăng/giảm	9T/2025
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.375	2.498	5,18%	2.138
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.671	1.641	-1,80%	1.130
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**704**	**857**	**21,73%**	**1.008**

Nguồn: HDBank

Bảng 25: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2023	2024	% tăng/giảm	9T/2025
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.372	2.508	5,73%	2.151
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.807	1.664	-7,91%	1.195
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**565**	**844**	**49,38%**	**956**

Nguồn: HDBank

b) Hoạt động thanh toán trong nước:

Năm 2024, số lượng giao dịch thanh toán trong nước (bao gồm các kênh Citad, VCB Money, BIDV Epay và Napas) của HDBank đạt 143.638.729 giao dịch, tăng 111,32% so với năm 2023; doanh số thanh toán đạt 14.204.019 tỷ đồng, tăng 44,56% so với năm 2023. Trong 9 tháng đầu năm 2025, số lượng giao dịch thanh toán trong nước của HDBank đạt 162.656.455 giao dịch, tăng 66,03% so với cùng kỳ năm 2024 và doanh số thanh toán trong nước đạt 15.620.792 tỷ đồng, tăng 65,46% so với cùng kỳ năm 2024.

Thực hiện theo Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt của Chính phủ, HDBank đã, đang và sẽ ứng dụng mạnh mẽ công nghệ 4.0 vào hoạt động thanh toán trong nước, phát triển hệ thống thanh toán, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ thanh toán, không ngừng nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu thanh toán một cách thuận tiện, hiệu quả của khách hàng: ứng dụng các phương thức xác thực hiện đại, công nghệ eKYC, ứng dụng giải pháp tự động hóa quy trình chuyển tiền bằng robot (RPA), mở rộng hợp tác thanh toán với các đối tác liên kết, các hệ thống thanh toán song phương/đa phương, kết nối cổng thanh toán điện tử đối với dịch vụ hành chính công, khu vực chính phủ... Do vậy, mặc dù lượng giao dịch thanh toán ngày càng tăng cao, hoạt động thanh toán trong nước tại Ngân hàng vẫn đảm bảo tính nhanh chóng, kịp thời, tiết kiệm chi phí.

c) Hoạt động thanh toán quốc tế:

Năm 2024, số lượng giao dịch thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại của HDBank đạt 58.612 giao dịch, tăng 9,35% so với năm 2023; doanh số thanh toán đạt gần 16 tỷ USD, tăng 23,08% so với năm 2023. Trong 9 tháng đầu năm 2025, số lượng giao dịch thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại của HDBank đạt 44.980 giao dịch; doanh số thanh toán đạt hơn 12,09 tỷ USD.

8.1.5. Hoạt động Ngân hàng đại lý

HDBank đã thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều ngân hàng đại lý trong và ngoài nước, đối tác tổ chức quốc tế. HDBank hiện có quan hệ ngân hàng đại lý (Swift RMA) với hơn 350 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng tại các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Bên cạnh đó, các ngân hàng đại lý cấp hạn mức tín chấp lớn cho HDBank phục vụ nghiệp vụ xác nhận, chiết khấu, tài trợ L/C, bảo lãnh, kinh doanh tiền tệ và ngoại hối. HDBank là một trong số ít ngân hàng tại Việt Nam ký kết thỏa thuận Ngân hàng Xác nhận (Confirming Banking) với ADB và là ngân hàng tiên phong triển khai thành công Thư tín dụng trên nền tảng công nghệ blockchain của hệ thống tài trợ thương mại toàn cầu mang tên "Contour" lần đầu tiên tại Việt Nam. Việc liên tục đẩy mạnh quan hệ hợp tác và mở rộng mạng lưới ngân

hàng đại lý là cơ sở vững chắc để HDBank xây dựng và triển khai thành công nhiều sản phẩm thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại.

8.1.6. Hoạt động kinh doanh khác

a) Hoạt động đầu tư tài chính:

Bằng việc đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, HDBank là một trong những thành viên tích cực và thường xuyên trên thị trường. Trong năm 2024, HDBank nằm trong top 2 thành viên giao dịch Outright Trái phiếu chính phủ và top 3 thành viên giao dịch Tự doanh Trái phiếu Chính phủ trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX"). HDBank là một trong những thành viên năng động và đóng góp vào sự phát triển của thị trường giao dịch Trái phiếu Chính phủ nói riêng, thị trường tài chính nói chung. Danh mục nắm giữ cũng như doanh số giao dịch mua bán giấy tờ có giá của HDBank đa dạng về loại và kỳ hạn, nâng cao vị thế và uy tín trên thị trường.

Tính đến 30/09/2025, tổng giá trị đầu tư chứng khoán và góp vốn đầu tư dài hạn hợp nhất đạt 65.082 tỷ đồng, trong đó hoạt động đầu tư và kinh doanh trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các Tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành đạt 32.374 tỷ đồng, hoạt động đầu tư và kinh doanh trái phiếu Chính phủ đạt 20.514 tỷ đồng, chiếm lần lượt 49,74% và 31,52% tổng danh mục đầu tư. Lợi nhuận từ các hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư và kinh doanh đạt 643 tỷ đồng.

Bảng 26: Hoạt động đầu tư tài chính (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	30/09/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Tổng đầu tư chứng khoán	**62.757**	**97,85%**	**70.800**	**97,23%**	**12,82%**	**64.080**	**96,98%**
Trái phiếu Chính phủ (*)	17.326	27,01%	36.199	49,71%	108,93%	20.514	31,05%
Trái phiếu và CCTG do các TCTD khác trong nước phát hành	35.110	54,74%	27.949	38,38%	-20,40%	32.374	48,99%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	10.036	15,65%	6.425	8,82%	-35,98%	10.965	16,59%
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	285	0,45%	227	0,31%	-20,35%	227	0,34%
Góp vốn đầu tư dài hạn khác	1.379	2,15%	2.019	2,77%	46,41%	1.998	3,02%
Tổng cộng	**64.136**	**100,00%**	**72.819**	**100,00%**	**13,54%**	**66.078**	**100,00%**

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2025 của HDBank

(*) Trái phiếu Chính phủ bao gồm: (i) Trái phiếu Chính phủ; và/hoặc (ii) Trái phiếu do Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành được Chính phủ bảo lãnh; và/hoặc (iii) Tín phiếu do NHNN phát hành

Bảng 27: Hoạt động đầu tư tài chính (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	30/09/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Tổng đầu tư chứng khoán	**62.757**	**99,74%**	**70.800**	**98,78%**	**12,82%**	**64.080**	**98,46%**
Trái phiếu Chính phủ (*)	17.326	27,54%	36.199	50,50%	108,93%	20.514	31,52%
Trái phiếu và CCTG do các TCTD khác trong nước phát hành	35.110	55,80%	27.949	38,99%	-20,40%	32.374	49,74%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	10.036	15,95%	6.425	8,96%	-35,98%	10.965	16,85%
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	285	0,45%	227	0,32%	-20,35%	227	0,35%
Góp vốn đầu tư dài hạn khác	164	0,26%	876	1,22%	434,15%	1.002	1,54%
Tổng cộng	**62.921**	**100,00%**	**71.676**	**100,00%**	**13,91%**	**65.082**	**100,00%**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2025 của HDBank

(*) Trái phiếu Chính phủ bao gồm: (i) Trái phiếu Chính phủ; và/hoặc (ii) Trái phiếu do Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành được Chính phủ bảo lãnh; và/hoặc (iii) Tín phiếu do NHNN phát hành

b) Hoạt động kinh doanh bảo hiểm:

Năm 2024, HDBank tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu trong thị trường bảo hiểm nhân thọ, đạt tăng trưởng doanh số ấn tượng nhờ chiến lược kinh doanh hiệu quả và sự tin tưởng của khách hàng. Ngân hàng đặc biệt chú trọng đến đầu tư vào đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm, ứng dụng công nghệ hiện đại để tối ưu hóa quy trình tư vấn và mua bảo hiểm. HDBank tự hào là đơn vị tiên phong trong việc mang đến trải nghiệm vượt trội, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng, đồng thời tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật. Mọi quy trình tư vấn khách hàng đều được giám sát chặt chẽ thông qua sự kết hợp giữa công nghệ tiên tiến và phương pháp quản lý truyền thống.

Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng và tăng cường khả năng cạnh tranh, HDBank đã chú trọng đa dạng hóa các sản phẩm bảo hiểm. Điều này không chỉ mở rộng danh mục sản phẩm, thu hút khách hàng mới và tăng doanh thu, mà còn giúp tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh, giảm sự phụ thuộc vào các dịch vụ truyền thống.

Năm 2025, HDBank tập trung đầu tư vào công nghệ số để nâng cao hiệu quả hoạt động và trải nghiệm khách hàng, đồng thời chú trọng đào tạo nhân viên để nâng cao chất lượng phục vụ. Chiến lược này không chỉ xây dựng lòng tin và sự trung thành của khách hàng, mà còn giúp HDBank hiểu rõ hơn nhu cầu của khách hàng và kiểm soát chất lượng tư vấn, từ đó khẳng định vị thế là một trong những ngân hàng hàng đầu trong phân phối sản phẩm bảo hiểm tại Việt Nam.

c) Hoạt động kinh doanh thẻ:

Nắm bắt và khai thác hiệu quả xu hướng thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam, HDBank đã ra mắt dòng thẻ HDBank JCB Ultimate, đồng thời đẩy mạnh phát triển các dòng thẻ đồng thương hiệu Vietjet, Petrolimex và HDBank Priority để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng. Bên cạnh đó, HDBank không ngừng cải thiện trải nghiệm khách hàng thông qua việc tích hợp giao nhận thẻ trên ứng dụng di động, nâng cấp dịch vụ ATM với tính năng rút tiền qua mã QR và rút tiền bằng CCCD trên Kiosk banking. Hệ thống POS cũng được nâng cấp với Merchant Portal, hóa đơn điện tử e-receipt, và quy trình onboarding cho các đơn vị chấp nhận thẻ. Bên cạnh đó, việc kích hoạt thẻ và mã PIN điện tử trên ứng dụng di động, thiết lập quy tắc giám sát giao dịch, và nâng cấp hệ thống quản lý thẻ góp phần nâng cao tính bảo mật và đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

Năm 2024 – 2025, HDBank tập trung vào chiến lược phát triển bền vững với ba mục tiêu chính: đa dạng hóa sản phẩm thẻ, nâng cấp dịch vụ khách hàng, và tối ưu hóa quy trình vận hành. HDBank cũng triển khai các chiến lược truyền thông đa dạng và hấp dẫn khuyến khích khách hàng giao dịch, đồng thời hợp tác với các đối tác lớn để triển khai các chương trình khuyến mại hấp dẫn.

d) Hoạt động tài chính tiêu dùng:

Mảng tài chính tiêu dùng của HDBank nằm ở công ty con của Ngân hàng là HD SAISON. Tiền thân của HD SAISON là Công ty TNHH MTV Tài chính Việt – Société Générale ("**SGVF**"), thuộc sở hữu của Ngân hàng Pháp Société Générale. Sau khi nhận được chấp thuận của NHNN tại Quyết định số 2532/QĐ-NHNN và Quyết định số 2533/QĐ-NHNN ngày 30/10/2013, Tập đoàn Société Générale S.A, chủ sở hữu duy nhất của SGVF đã chuyển nhượng 100% vốn chủ sở hữu của SGVF cho HDBank và SGVF đã chính thức đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM ("**HDFinance**"). Đến tháng 03/2015, CREDIT SAISON (Nhật Bản) đã đầu tư vào HDFinance, nắm giữ 49% vốn điều lệ và HDFinance đã được đổi tên thành HD SAISON như hiện nay.

HD SAISON thực hiện các hoạt động cho vay tiêu dùng bao gồm: Cho vay mua trả góp phương tiện đi lại, đồ dùng, trang thiết bị gia đình, chi phí học tập, thẩm mỹ, nha khoa, tiệc cưới, du lịch, thể dục/thể thao và cho khách hàng vay tiền mặt phục vụ cho mục đích tiêu dùng cá nhân.

HD SAISON liên tục duy trì sự phát triển bền vững và luôn không ngừng đổi mới để giữ vững vị thế trên thị trường. Phát triển kinh doanh thông qua việc hỗ trợ tài chính người tiêu dùng cùng với chú trọng trách nhiệm với cộng đồng là những mục tiêu không thể thiếu trong toàn bộ hoạt động của HD SAISON. HD SAISON thực hiện cam kết trách nhiệm xã hội thông qua những hành động thiết thực, có ý nghĩa đối với những trường hợp cụ thể: Tài trợ học bổng giáo dục; Gói vay tri ân dành cho giáo viên, bác sĩ; Gói vay ưu đãi đặc biệt dành cho đoàn viên và công nhân trên toàn quốc; Đưa tài chính tiêu dùng đến gần với người dân; Thiết kế gói vay tiêu dùng mang đến lợi ích cho khách hàng.

Năm 2024, sự chuyển đổi số mạnh mẽ và sâu rộng đã giúp HD SAISON đạt được những kết quả kinh doanh tích cực như: tăng trưởng lợi nhuận đạt trên 1.200 tỷ đồng, tăng 83,9% so với năm 2023; dư nợ tín dụng đạt 18.212 tỷ đồng, tăng 13% so với năm 2023, đóng góp đáng kể vào hoạt động cho vay tiêu dùng của HDBank.

Đến 30/09/2025, tổng tài sản của HD SAISON đạt 20.865 tỷ đồng, trong đó cho vay khách hàng đạt 19.356 tỷ đồng, lần lượt tăng 6,19% và 6,28% so với cuối năm 2024, luôn tuân thủ các quy định về an toàn hoạt động của NHNN. Trong đó, hệ số an toàn vốn (CAR) luôn được HD SAISON duy trì ở mức cao, tại thời điểm 30/09/2025 tỷ lệ an toàn vốn là 26,58%, tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức 7,29%.

Bên cạnh việc đảm bảo an toàn hoạt động, HD SAISON cũng triển khai nhiều giải pháp để nâng cao hiệu suất kinh doanh, trong đó nổi bật là thực hiện chuyển đổi số, tích hợp công nghệ vào quy trình kinh doanh, giúp tối ưu hóa chi phí và cải thiện năng suất lao động. Đồng thời, nhờ quản trị rủi ro hiệu quả, đẩy mạnh chiến lược giải ngân ở phân khúc khách hàng có rủi ro thấp, chú trọng gia tăng giá trị khoản vay cho khách hàng trung thành có lịch sử thanh toán tốt đã giúp HD SAISON giảm thiểu tác động từ sự suy giảm chất lượng tín dụng của toàn ngành Tài chính tiêu dùng.

8.2. Tài sản

8.2.1. Tài sản cố định hữu hình

Bảng 28: Chi tiết tài sản cố định hữu hình (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2023			31/12/2024			30/09/2025		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	511	158	353	594	180	414	595	198	397
Máy móc thiết bị	366	208	158	469	225	244	501	253	248
Phương tiện vận tải	427	281	146	478	327	151	514	342	172
Thiết bị, dụng cụ quản lý	277	255	22	311	272	39	317	283	34
TSCĐ hữu hình khác	21	13	7	30	16	14	29	18	11
Tổng cộng	**1.602**	**916**	**686**	**1.881**	**1.020**	**861**	**1.957**	**1.095**	**862**

Nguồn: HDBank

Bảng 29: Chi tiết tài sản cố định hữu hình (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2023			31/12/2024			30/09/2025		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	512	159	353	594	180	414	595	198	397
Máy móc thiết bị	366	208	158	469	225	244	501	253	248
Phương tiện vận tải	427	281	146	478	327	151	514	342	172
Thiết bị, dụng cụ quản lý	378	329	49	413	348	65	420	365	55
TSCĐ hữu hình khác	21	13	7	30	16	14	29	18	11
Tổng cộng	**1.703**	**990**	**713**	**1.984**	**1.096**	**887**	**2.059**	**1.176**	**883**

Nguồn: HDBank

8.2.2. Tài sản cố định vô hình

Bảng 30: Chi tiết tài sản cố định vô hình (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2023			31/12/2024			30/09/2025		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất có thời hạn	110	14	95	116	17	99	116	18	98
Quyền sử dụng đất không thời hạn	531	0	531	612	0	612	612	0	612
Phần	383	308	76	522	358	164	582	422	160

mềm máy vi tính									
TSCĐ vô hình khác	1	0,35	0,65	1	0	1	1	0	1
Tổng cộng	**1.025**	**322**	**703**	**1.250**	**375**	**876**	**1.311**	**440**	**871**

Nguồn: HDBank

Bảng 31: Chi tiết tài sản cố định vô hình (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2023			31/12/2024			30/09/2025		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất có thời hạn	110	14	95	116	17	99	116	18	98
Quyền sử dụng đất không thời hạn	531	0	531	612	0	612	612	0	612
Phần mềm máy vi tính	427	347	80	563	396	167	623	460	163
TSCĐ vô hình khác	8	5	3	1	0	1	1	0	1
Tổng cộng	**1.076**	**367**	**710**	**1.291**	**413**	**878**	**1.352**	**479**	**873**

Nguồn: HDBank

8.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

8.3.1. Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng

a) Quản lý rủi ro tín dụng:

HDBank thực hiện chính sách quản lý rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, quy định của NHNN và Quy định nội bộ của HDBank. Cụ thể:

- Thường xuyên cập nhật tài liệu nội bộ theo Luật, Thông tư, Nghị định, chủ trương,

chính sách của NHNN trong từng thời kỳ;

- Thực hiện quản lý rủi ro tín dụng xuyên suốt trong quá trình xem xét, thẩm định, phê duyệt và quản lý sau cấp tín dụng đảm bảo nguyên tắc độc lập, khách quan giữa việc đề xuất, thẩm định và phê duyệt cấp tín dụng;
- Thiết lập chính sách và khẩu vị rủi ro, trong đó xây dựng các giới hạn về nợ quá hạn, nợ xấu; giới hạn hạn mức cấp tín dụng theo khách hàng, ngành nghề, lĩnh vực kinh tế; sản phẩm và hình thức bảo đảm để làm định hướng phát triển hoạt động cấp tín dụng toàn hàng. Đồng thời, Ngân hàng luôn chú trọng việc quản lý, theo dõi và điều chỉnh chính sách, khẩu vị rủi ro để phù hợp với thực tế phát sinh;
- Ngân hàng sử dụng mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ trong quá trình cấp tín dụng, đo lường được rủi ro của khách hàng nhằm đảm bảo việc cấp tín dụng được độc lập, khách quan; đánh giá và cải thiện tính chính xác, hiệu quả của việc ra quyết định cấp tín dụng;
- Cơ cấu tổ chức công tác quản lý và giám sát rủi ro tín dụng của HDBank gồm 3 tuyến phòng thủ chính nhằm thực hiện xây dựng, nhận dạng, đo lường, đánh giá, kiểm soát và xử lý, khắc phục các rủi ro tín dụng nếu có phát sinh nhanh chóng và kịp thời;
- Ngân hàng đã áp dụng hệ thống quản lý rủi ro theo Basel III nhằm cải thiện quản lí rủi ro nói chung và rủi ro tín dụng nói riêng;
- Chuyển dịch dần hoạt động tín dụng theo hướng ứng dụng công nghệ để phù hợp với xu hướng thị trường, tăng hiệu quả của hoạt động và góp phần giảm rủi ro tín dụng;
- Luôn nghiên cứu xây dựng các phần mềm chương trình, giải pháp công nghệ hỗ trợ công tác giám sát quản lý rủi ro tín dụng;
    - Chính thức áp dụng chương trình khai thác thông tin tín dụng CIC tập trung qua kênh Host-to-Host từ năm 2022 đã giúp HDBank nâng cao năng lực quản lý, kiểm soát rủi ro, tiết kiệm chi phí và khai thác có hiệu quả sản phẩm, dịch vụ của CIC nhằm phục vụ cho hoạt động quản trị và xây dựng/phát triển các mô hình quản trị rủi ro nội bộ.
    - Triển khai và áp dụng các mô hình về PD (tỉnh xác suất vỡ nợ), lượng hóa tổn thất khi vỡ nợ (LGD) để ứng dụng trong công tác phê duyệt tín dụng cũng như kiểm soát rủi ro đối với từng khách hàng cụ thể.
- Trong công tác phân loại nợ: Ngân hàng sử dụng kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ, kết quả phân loại nợ của CIC trong công tác phân loại nợ, đồng thời thực hiện trích lập dự phòng theo định kỳ tháng/quý, tuân thủ theo đúng Thông tư số 31/2024/TT-NHNN (hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024) và Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11/07/2024 đảm bảo các chi phí dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập đầy đủ;
- Xây dựng và theo dõi các báo cáo rủi ro tín dụng định kỳ và đột xuất.

b) Quản lý rủi ro hoạt động:

HDBank ban hành Quy chế chính sách quản lý rủi ro, trong đó rủi ro hoạt động là một trong những rủi ro trọng yếu. Đồng thời HDBank cũng đã ban hành đầy đủ các quy định, quy trình liên quan và thực hiện công tác quản lý rủi ro hoạt động đảm bảo tuân thủ quy định của

NHNN, phù hợp với thông lệ quốc tế và tình hình thực tế:

- Thiết lập cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro hoạt động theo mô hình 3 tuyến bảo vệ độc lập;
- Thiết lập khẩu vị, hạn mức rủi ro hoạt động, và cơ chế theo dõi giám sát;
- Tuân thủ theo chiến lược quản lý rủi ro hoạt động, hạn mức rủi ro hoạt động theo khẩu vị rủi ro và các giới hạn rủi ro hoạt động;
- Triển khai các công cụ quản lý rủi ro hoạt động: Tự đánh giá rủi ro và chốt kiểm soát – RCSA; Chỉ số rủi ro trọng yếu – KRI; Thu thập và phân tích dữ liệu tổn thất rủi ro hoạt động – LDC; Giám sát và cảnh báo các giao dịch đáng ngờ (STM);
- Triển khai quản lý rủi ro hoạt động đối với sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới, quản lý rủi ro hoạt động đối với hoạt động thuê ngoài, quản lý rủi ro hoạt động trong ứng dụng công nghệ và mua bảo hiểm để giảm thiểu tổn thất rủi ro hoạt động;
- Xây dựng kế hoạch duy trì hoạt động liên tục, kế hoạch ứng phó với những tác động bên ngoài (Ví dụ: thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, cúp điện, ...) có nguy cơ ảnh hưởng đến tính liên tục trong hoạt động kinh doanh của HDBank;
- Triển khai tính vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN và kiểm tra sức chịu đựng về vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN; và các quy định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế liên quan;
- Luôn nghiên cứu, xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu, công cụ, phần mềm hỗ trợ việc nhận diện, đo lường, giám sát, phân tích, cảnh báo liên quan tới quản lý rủi ro hoạt động;
- Xây dựng và theo dõi các báo cáo rủi ro hoạt động định kỳ và đột xuất.

c) Quản lý rủi ro thị trường:

HDBank đã ban hành Quy chế về Chính sách quản lý rủi ro, Quy định quản lý rủi ro và được định kỳ rà soát hàng năm, để phù hợp với thực tế hoạt động và thông lệ thị trường, trong đó quản lý rủi ro thị trường là một trong những loại rủi ro trọng yếu. HDBank đã ban hành đầy đủ các quy định và thực hiện quản lý rủi ro thị trường trên cơ sở bám sát các yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN, Thông tư 41/2016/TT-NHNN, các sửa đổi, bổ sung và thông lệ của Hiệp ước Basel, cụ thể:

- Tuân thủ theo chiến lược quản lý rủi ro thị trường, các chỉ tiêu khẩu vị rủi ro và các hạn mức rủi ro thị trường;
- Tổ chức hoạt động quản lý rủi ro thị trường theo 03 tuyến bảo vệ, đảm bảo thực hiện việc kiểm soát độc lập giữa đơn vị kinh doanh, quản lý rủi ro, kiểm toán nội bộ;
- Thực hiện nhận diện, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro thị trường thông qua các công cụ, phương pháp luận/mô hình đo lường được xây dựng phù hợp thông lệ tiên tiến và các chuẩn mực Basel; Định kỳ HDBank thực hiện kiểm tra sức chịu đựng cho rủi ro thị trường nhằm đánh giá khả năng chịu đựng trong các kịch bản có diễn biến bất lợi và đề xuất các hành động phù hợp để hạn chế tổn thất có thể xảy ra.

d) Quản lý rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản là một trong các rủi ro trọng yếu được HDBank triển khai quản lý nhằm

đảm bảo tuân thủ các các quy định của NHNN và phù hợp với thông lệ quốc tế trong từng thời kỳ, cụ thể:

- Nhận diện, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro thanh khoản thông qua cơ chế ba tuyến phòng vệ. Theo đó, ban hành hệ thống chính sách, quy định, quy trình về quản lý rủi ro thanh khoản nêu rõ vai trò trách nhiệm của từng tuyến phòng thủ và từng bộ phận;
- Phát triển và ứng dụng công nghệ, hệ thống phần mềm trong việc quản lý, đo lường rủi ro thanh khoản, xây dựng bộ các chỉ tiêu cảnh báo sớm, hạn mức và khẩu vị rủi ro về thanh khoản;
- Thực hiện quản lý thanh khoản trong ngày, tài sản thanh khoản cao, việc huy động vốn, sử dụng vốn;
- Thực hiện kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản theo định kỳ 06 tháng/lần. Rà soát và diễn tập kế hoạch dự phòng thanh khoản định kỳ hàng năm;
- Triển khai áp dụng chuẩn mực Basel III nhằm cải thiện quản lý rủi ro nói chung và rủi ro thanh khoản nói riêng.

8.3.2. Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế

HDBank đã triển khai khung quản trị rủi ro hoạt động theo chuẩn Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 của NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và thông lệ tiên tiến một cách thường xuyên và thành thục. Tuy nhiên, các rủi ro mới như từ các kẻ gian bên ngoài, không gian mạng.... vẫn luôn tồn tại và ngày càng tinh vi, dẫn đến việc quản trị rủi ro sẽ gặp nhiều khó khăn. Do đó, HDBank luôn rà soát thường xuyên và cập nhật thường xuyên các xu hướng rủi ro mới để có cơ chế phòng ngừa nhằm giảm thiểu rủi ro (nếu có).

8.3.3. Định hướng công tác quản lý rủi ro năm 2025

Trong năm 2025 công tác Quản lý rủi ro là một nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động của Ngân hàng với sự đầu tư, hoạch định các kế hoạch, chiến lược mới: triển khai Dự án IFRS9 – chủ động trích lập dự phòng rủi ro trên cơ sở áp dụng mô hình tổn thất tín dụng dự kiến (Expected Credit Loss - ECL), Dự án Đo lường hiệu suất kinh doanh điều chỉnh theo rủi ro (RORWA/ RAROC), Dự án Hệ thống phòng chống gian lận và các dự án nhằm hiện đại hóa công tác quản lý rủi ro.

Từ năm 2023 đến nay, trước diễn biến phức tạp của nền kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường tài chính nói riêng, HDBank đẩy mạnh và tăng cường công tác kiểm soát, giám sát từ xa thông qua số liệu và kiểm tra thực tế ĐVKD. Đồng thời điều chỉnh mô hình thẩm định/tái thẩm định, phê duyệt nhằm đảm bảo công tác thẩm định, phê duyệt độc lập, khách quan và đưa ra nhiều phương án xử lý trong trường hợp xảy ra các sự cố không mong muốn trong thời gian qua.

Ngân hàng sẽ tiếp tục đầu tư nguồn lực triển khai, nâng cấp các công cụ, mô hình quản lý rủi ro để giám sát, tính toán, đo lường và đưa ra các cảnh báo kịp thời về diễn biến của các tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động luôn đáp ứng tốt theo quy định của NHNN.

8.4. Thị trường hoạt động

8.4.1. Mạng lưới Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện

Sau hơn 30 năm hoạt động, HDBank đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP tầm trung ở Việt Nam. Tại ngày 30/09/2025, Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 02 Văn phòng đại diện (gồm 01 Văn phòng đại diện khu vực miền Bắc tại thành phố Hà Nội và 01 Văn phòng đại diện tại Myanmar), 87 Chi nhánh, 288 Phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước. Số lượng nhân viên của Ngân hàng và công ty con là 18.045 người.

8.4.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

a) Mạng lưới khách hàng:

Mạng lưới hoạt động trong nước phân bổ rộng khắp các tỉnh/thành phố giúp HDBank và các đơn vị thành viên tiếp cận khách hàng tại các tỉnh thành phố trên toàn quốc, cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, tài chính tiêu dùng cho nhiều đối tượng khách hàng như khách hàng cá nhân, hộ gia đình, khách hàng doanh nghiệp, đồng thời HDBank cũng mở rộng chuỗi và hợp tác chiến lược với các tập đoàn, tổng công ty, định chế tài chính lớn.

b) Các loại dịch vụ cho khách hàng:

Sản phẩm dịch vụ dành cho cá nhân:

- Sản phẩm tiền gửi:
  - Tiền gửi không kỳ hạn: Tiền gửi thanh toán; Tiết kiệm không kỳ hạn;
  - Tiền gửi có kỳ hạn: Tiết kiệm có kỳ hạn thông thường; Tiền gửi tiết kiệm gửi góp linh hoạt; Tiền gửi có kỳ hạn; Tiền gửi tiết kiệm Online…
- Sản phẩm vay: triển khai đa dạng các sản phẩm cho vay đáp ứng nhiều mục đích và đối tượng khách hàng cá nhân như sản phẩm cho vay bất động sản; cho vay có tài sản bảo đảm là thẻ tiết kiệm; cho vay tiêu dùng; cho vay mua xe ô tô; cho vay nông nghiệp; cho vay kinh doanh…
- Ngân hàng điện tử: bao gồm đa dạng các dịch vụ SMS Banking; Mobile Banking; Internet Banking; và tiện ích chức năng như tài khoản số đẹp; tiện ích VNPAY; vay cầm cố sổ tiết kiệm mở tại quầy trên App HDBank…
- Thẻ: bao gồm các sản phẩm, dịch vụ dành cho thẻ tín dụng; thẻ ghi nợ; thẻ trả trước;
- Bảo hiểm: bao gồm các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ dành cho khách hàng cá nhân;
- Ngoại tệ: bao gồm các sản phẩm, dịch vụ giao dịch ngoại tệ; và chuyển tiền quốc tế;
- Dịch vụ kiều hối: bao gồm các dịch vụ chi trả kiều hối từ nhiều thị trường khác nhau và đa dạng cách thức chi trả (chi tại nhà, chi tại quầy, chi chuyển khoản);
- Các sản phẩm dịch vụ khác.

Sản phẩm dịch vụ dành cho doanh nghiệp:

- Quản lý dòng tiền:
  - Dịch vụ tiền gửi: Tiền gửi có kỳ hạn, Tiền gửi có kỳ hạn online; eAccount – Tài

khoản trực tuyến; Tài khoản ký quỹ; Tài khoản thanh toán; HDBank Bemax – Tài khoản tối đa lợi ích;

- Dịch vụ quản lý tiền mặt: Dịch vụ thu tiền có quản lý thông tin; Dịch vụ chi tiền mặt tại quầy HDBank; Dịch vụ Ủy thác thanh toán; Dịch vụ Chi lương nhân viên/hoa hồng đại lý; Dịch vụ thu/chi tiền mặt tại địa điểm chỉ định; Giải pháp tài khoản thanh toán mã hóa; Giải pháp thu hộ tiền mặt thông qua ứng dụng số - eCash;
- Dịch vụ thanh toán: Nộp thuế, lệ phí Hải quan điện tử & thông quan 24/7; Nạp tiền giao thông EPASS; Thanh toán học phí SSC; Thanh toán hóa đơn; Thu ngân sách nhà nước cho cơ quan thuế tại quầy giao dịch & nộp thuế điện tử;
- Dịch vụ khác: eDoc - Chuyển chứng từ online, eBanking - Ngân hàng điện tử, Gói giải pháp tài chính số dành cho Trường học, Gói giải pháp tài chính số dành cho cơ sở Y tế;
- Gói giải pháp: Gói chi lương Happy Di-Payroll.

- Tín dụng:
  - Tài trợ vốn lưu động: Thấu chi tài khoản doanh nghiệp; Sản phẩm tài trợ chi lương cho khách hàng doanh nghiệp; eCredit – Cấp tín dụng doanh nghiệp online; eDrawdown – Giải ngân Online; Tài trợ doanh nghiệp cung ứng Dược và vật tư y tế cho Bệnh viện/Sở Y tế; Tài trợ cho các nhà thầu;…
  - Tài trợ trung dài hạn: Tài trợ khách hàng doanh nghiệp đầu tư xây dựng, mua lại nhà xưởng – nhà kho; Tài trợ cho khách hàng doanh nghiệp xây lắp các dự án điện mặt trời trên mái nhà; Cấp tín dụng mua xe ô tô dành cho khách hàng doanh nghiệp; Tài trợ nhà đầu tư nhượng quyền chuỗi cửa hàng tiện lợi GS25;
  - Bảo lãnh.
- Tài trợ thương mại: Tài trợ chuỗi; Tài trợ nhập khẩu; Tài trợ xuất khẩu; Dịch vụ nhập khẩu; Dịch vụ xuất khẩu; Dịch vụ thanh toán biên mậu;
- Ngoại tệ & Phái sinh: Mua & bán ngoại tệ; Phái sinh lãi suất; Phái sinh giá cả hàng hóa.

8.4.3 Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

a) Vị thế của HDBank so với các ngân hàng khác:

Hơn 1 thập kỷ kiến tạo động lực cho phát triển bền vững

Hành trình 35 năm bền bỉ xây dựng thương hiệu HDBank và 7 năm tăng trưởng bứt phá sau IPO đã đưa HDBank lên một vị thế mới đầy tự hào: là ngân hàng thuộc nhóm dẫn đầu, gặt hái nhiều "quả ngọt" trong lĩnh vực mảng bán lẻ, là ngân hàng dành nguồn vốn ưu tiên cho lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn và đột phá trong kỷ nguyên số hoá.

Với truyền thống tiên phong trong lĩnh vực ESG, từ nhiều năm trước, HDBank là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam cung cấp tín dụng xanh và nhanh chóng dẫn đầu thị trường trong nhiều năm nay.

Năm 2024 đánh dấu một năm đặc biệt, HDBank tiếp tục ghi đậm dấu ấn trên thị trường là

ngân hàng tiên phong thực thi hiệu quả chiến lược ESG, xây dựng Hệ thống Quản lý rủi ro môi trường và xã hội, và thành lập Ủy ban Phát triển Bền vững (Ủy ban ESG) trực thuộc Hội đồng Quản trị để dẫn dắt và giám sát các sáng kiến phát triển bền vững. HDBank cũng là ngân hàng tiên phong phát hành Báo cáo riêng về phát triển bền vững trong năm 2024; hợp tác với PwC, trở thành ngân hàng tiên phong tại Việt Nam triển khai toàn diện dự án "Tư vấn quản trị ESG và Tài chính bền vững".

HDBank không chỉ tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng xanh, mà còn huy động nguồn vốn trung và dài hạn từ trái phiếu xanh để hỗ trợ các dự án mang lại lợi ích thân thiện với môi trường, giảm phát thải CO_2 và hỗ trợ Chính phủ trong mục tiêu đạt trung hòa carbon vào năm 2050.

Ngoài ra, HDBank đã 6 năm liên tiếp thuộc Top 20 Chỉ số Phát triển Bền Vững của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE), và được các tổ chức tài chính phát triển quốc tế như IFC, DEG và Proparco đánh giá về các nỗ lực trong tài chính khí hậu và bình đẳng giới.

Tiên phong phát triển văn hoá số, kinh doanh số

Thực hiện "Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030", HDBank đã tiên phong ứng dụng công nghệ, tự hào cung cấp danh mục sản phẩm dịch vụ đa dạng tới mọi đối tượng khách hàng.

Kênh số của HDBank cũng đóng góp số lượng lớn khách hàng mới, số lượng khách hàng mới toàn hàng vượt mốc 2 triệu khách hàng. Số lượng giao dịch vượt mốc 100 triệu giao dịch, số dư tiền gửi trên kênh số tăng trưởng theo cấp số nhân. Số hóa hành trình khách hàng, quy trình vận hành, phân tích dữ liệu lớn, ứng dụng robot, AI vào phục vụ khách hàng được đẩy mạnh, giúp nâng cao năng suất và tối ưu hóa chi phí. Nhiều chỉ số tăng trưởng khác của HDBank tăng vượt theo cấp số nhân.

Nằm trong chiến lược phát triển xanh và bền vững, HDBank tiếp tục đẩy mạnh tích hợp công nghệ số nhằm phục vụ tốt hơn nữa nhóm khách hàng bán lẻ và doanh nghiệp nhỏ tại các khu vực nông thôn và đô thị đang phát triển. Tại khu vực thị trường này, HDBank đã triển khai thành công tài trợ các chuỗi có quy mô lớn. Đây cũng chính là một "big data" để lượng khách hàng số, giao dịch trên kênh số của HDBank tăng nhiều lần chỉ vài năm qua.

Trong đó, năng lực số hóa và dữ liệu lớn (Big Data) cũng giúp HDBank đã đẩy mạnh chiến lược tăng trưởng thông qua đa dạng hóa phân khúc khách hàng, cung cấp các tư vấn và giải pháp tài chính cá nhân hóa, được "may đo" riêng cho từng tệp khách hàng, và đã mang lại những giá trị đột phá cho người dùng. HDBank có gói sản phẩm dịch vụ cho ngành lâm, thuỷ sản; ngành xuất khẩu lúa gạo; tài trợ cho vay; tài trợ bảo lãnh; dịch vụ chi trả lương qua tài khoản thẻ HDBank…

Nhiều chương trình ưu đãi cùng các sản phẩm chuyên biệt của HDBank đã nhanh chóng thu hút nhiều khách hàng để mở rộng thị phần, với những chuỗi liên kết và chuỗi giá trị hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh. Với chiến lược cho vay theo chuỗi liên kết, HDBank đang cùng các doanh nghiệp và bà con nông dân nắm bắt cơ hội tăng trưởng trong thị trường gạo đầy tiềm năng, góp phần mở ra kỳ vọng ngành lúa gạo Việt Nam hướng tới những kỷ lục mới, với vị thế mới trên trường quốc tế.

Định hướng trong thời gian tới, HDBank kiên định mục tiêu phát triển bền vững, trở thành ngân hàng số hiện đại, đóng góp tích cực thực hiện hiệu quả chiến lược phát triển ngành

Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và chương trình Chuyển đổi số quốc gia.

Liên tục mở rộng không gian tăng trưởng

Là ngân hàng thương mại lớn, hoạt động an toàn và hiệu quả hàng đầu trên thị trường, với bề dày 35 năm hoạt động và giàu kinh nghiệm trong thực tiễn tái cấu trúc các tổ chức tài chính, HDBank tiên phong thực hiện nhiệm vụ lớn theo chủ trương của Đảng và Nhà nước để góp sức ổn định, phát triển bền vững hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Trong đó, thương vụ nhận chuyển giao Ngân hàng Đông Á là một trong những cột mốc quan trọng trong chiến lược của HDBank trong việc mở rộng không gian tăng trưởng và hệ sinh thái, góp phần tăng giá trị lâu dài cho ngân hàng.

Như vậy, sau 12 năm với thương vụ sáp nhập Đại Á Bank vào năm 2013, đến nay, HDBank tiếp tục sử dụng chiến lược M&A để cộng hưởng sức mạnh, giúp Ngân hàng mở rộng quy mô và thị phần, tăng năng lực cạnh tranh và nâng cao vị thế trong ngành.

Theo đó, HDBank sẽ tiếp tục phát huy lợi thế về mạng lưới, đa dạng hóa, cung cấp sản phẩm dịch vụ ngân hàng bán lẻ với chất lượng cao dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, nhất là khách hàng tại địa bàn nông nghiệp, nông thôn.

Trách nhiệm với cộng đồng

Hướng tới mục tiêu trở thành ngân hàng số hạnh phúc, HDBank – "Happy Digital Bank" đã góp phần mang lại hạnh phúc cho khách hàng, cán bộ nhân viên và người dân thông qua các chương trình tín dụng tiêu dùng, cho vay công nhân và người lao động với lãi suất ưu đãi, liên kết với các dự án nhà ở xã hội, tư vấn cho khách hàng quản lý tài chính cá nhân trên nền tảng công nghệ hiện đại, xây dựng môi trường làm việc hạnh phúc cho cán bộ nhân viên…

Song hành cùng thành tựu kinh doanh, HDBank chủ động thực thi trách nhiệm xã hội, tích cực tham gia các chương trình xã hội với các hoạt động tiếp sức khách hàng phục hồi sản xuất kinh doanh sau bão số 3 thông qua gói tín dụng ưu đãi cùng hoạt động hỗ trợ người dân tái thiết sau thiên tai tại các tỉnh, thành phố phía Bắc. Năm 2024, HDBank và các đơn vị thành viên đóng góp 80 tỷ đồng vào chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước do Thủ tướng Chính phủ phát động.

Trong năm 2024, HDBank đã tài trợ cho các hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng (như xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương, cầu nông thôn, trùng tu di tích lịch sử,…); tài trợ cho giáo dục (trao tăng học bổng, nâng cấp và xây dựng trường học, tặng quà cho các làng trẻ em SOS…); tài trợ y tế (trao tặng thẻ Bảo hiểm y tế, kinh phí phẫu thuật mắt, kinh phí mua máy chạy thận…). Gần 2 thập kỷ qua, những chương trình an sinh xã hội như trao thẻ bảo hiểm y tế, trao kinh phí phẫu thuật mắt… đã trở thành một phần của thương hiệu HDBank, một cách bền bỉ và hết lòng, đã khơi mạch nguồn yêu thương tới các hoàn cảnh kém may mắn.

Năm 2024, HDBank năm thứ 8 đồng hành cùng giải Bóng đá Futsal Việt Nam. Cùng với sự thành công của gần 1 thập kỷ mùa giải Cờ vua Quốc tế HDBank bắt đầu từ năm 2011, những dấu ấn của giải Futsal trong 7 năm qua đã góp phần đưa Việt Nam đến gần với quốc tế và tạo cơ hội cho thế giới hiểu hơn về Việt Nam qua cờ vua, bóng đá - những môn thể thao có khả năng kết nối mọi màu da, dân tộc.

Trước đó, HDBank phối hợp cùng Tập đoàn FPT đã đóng góp, chung tay với Bộ Tài chính tham gia xử lý tình trạng nghẽn mạng trên sàn HoSE. Kết quả sau ba tháng, hệ thống do hai tập đoàn thực hiện đã được triển khai, chuyển giao, đưa vào hoạt động thông suốt, an toàn từ ngày 05/07/2021 với năng lực xử lý gấp 3-5 lần hệ thống cũ. Với hệ thống giao dịch mới (3-5 triệu lệnh/ngày), hệ thống mới sẽ đáp ứng nhu cầu của HoSE và thị trường ít nhất 3-5 năm tới, đồng thời HoSE hoàn toàn làm chủ về công nghệ để có thể mở rộng trong tương lai.

25 danh hiệu và giải thưởng uy tín là những ghi nhận xứng đáng dành cho HDBank trong năm 2024. Trong đó, có Bằng khen của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh với thành tích xuất sắc trong công tác nộp Ngân sách Nhà nước, ghi dấu mốc sáu năm liên tiếp HDBank đạt thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong việc chấp hành pháp luật về thuế và thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách Nhà nước.

Năm 2025, Ngân hàng tiếp tục phát triển theo chiến lược giai đoạn 2021 - 2025 với mục tiêu xây dựng HDBank trở thành ngân hàng số của mọi nhà, ưu tiên chuỗi cung ứng xanh và nông nghiệp - nông thôn trong định hướng phát triển bền vững.

b) Thị phần của HDBank trong ngành ngân hàng:

Bảng 32: Thị phần HDBank trong ngành ngân hàng tại thời điểm 30/09/2025

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Cho vay khách hàng	Tiền gửi của khách hàng
HDBank	781.937	68.407	482.447 (*)	487.863
Thị phần HDBank trong ngành ngân hàng	3,97%	4,04%	3,60%	3,98%
Thứ hạng của HDBank trong ngành ngân hàng	#10	#8	#10	#10

Số liệu được tổng hợp và tính toán từ BCTC hợp nhất Quý III năm 2025 của các Ngân hàng TMCP đại chúng dựa trên cơ sở dữ liệu của FiinPro-X

(*) Số liệu đã bao gồm dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

8.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh

Thông tin về một số dự án đã và đang được HDBank triển khai trong năm 2023, năm 2024 và đến thời điểm hiện tại để phát triển hoạt động kinh doanh như sau:

Bảng 33: Thông tin về các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đã và đang triển khai

STT	Tên Dự án/Nội dung	Tiến độ triển khai	Đánh giá ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của HDBank
1	Kiosk Banking - Tối ưu mạng hóa lưới Chi nhánh & ATM	Hoàn tất quy hoạch mạng lưới toàn quốc, đưa vào vận hành mô hình Kiosk	Góp phần chuyển đổi mô hình phục vụ theo hướng tinh gọn – hiệu quả. Tối ưu hóa chi phí vận hành, cải thiện năng lực phục vụ tại điểm chạm vật lý, đặc biệt tại

		tại các khu vực đô thị đông dân.	các khu vực tăng trưởng chiến lược (Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, vùng ven).
2	Dự án Tư vấn Quản trị ESG và tài chính bền vững	Đang triển khai dự án.	Thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của Ngân hàng, xây dựng chiến lược và quản trị ESG toàn diện trên toàn hàng, nâng cao công tác Quản trị rủi ro ESG, hoàn thiện khung tài chính xanh và bền vững, triển khai công cụ báo cáo ESG tiên tiến, góp phần thực hiện cam kết net zero năm 2050 của Việt Nam.
3	Chương trình mở rộng độ phủ ngân hàng tại nông thôn	Triển khai trên toàn hệ thống HDBank từ Quý IV/2024.	Là một trong các chương trình thể hiện định hướng chiến lược "tài chính toàn diện". Không chỉ mở rộng cơ hội tiếp cận dịch vụ ngân hàng cho khu vực nông thôn, chương trình còn giúp HDBank khai phá dư địa tăng trưởng mới, đa dạng hóa danh mục khách hàng và thúc đẩy hoạt động tín dụng lành mạnh.
4	Chương trình giải pháp ngành cho các ngành ưu tiên	Đã triển khai trên toàn hệ thống HDBank. Ban hành các hướng dẫn định hướng tiếp cận khách hàng chuyên biệt theo ngành (nông nghiệp, y tế, giáo dục, năng lượng, giao thông vận tải, may mặc, hàng tiêu dùng…).	Là chương trình tạo lợi thế cạnh tranh theo chiều sâu. Việc thiết kế giải pháp tài chính chuyên biệt theo đặc thù từng ngành trọng tâm theo định hướng chiến lược của Ngân hàng giúp HDBank tối ưu hóa cấu trúc tín dụng – tăng trưởng hiệu quả – kiểm soát rủi ro theo ngành, đồng thời nâng cao vị thế ngân hàng đồng hành cùng phát triển kinh tế quốc gia ở các kinh tế trọng điểm.
5	Mở rộng quy mô nền tảng VCF (Value Chain Finance)	Đã golive Nền tảng chuỗi và mở rộng triển khai đến các nhóm ngành ưu tiên. Tích hợp dữ liệu chuỗi cung ứng – kết nối hệ sinh thái đầu vào – đầu ra.	Là chương trình tiên phong trong chiến lược phục vụ toàn diện chuỗi giá trị doanh nghiệp. VCF giúp HDBank không chỉ cung cấp tài chính cho doanh nghiệp chính mà còn mở rộng phục vụ đến nhà cung cấp, đại lý, đối tác… Nhờ đó, ngân hàng nâng cao khả năng giữ chân doanh nghiệp lớn, đồng thời khai thác hiệu quả phân khúc SMEs vệ tinh – một nguồn CASA và tín dụng chất lượng cao.
6	Khách hàng đặc biệt	Triển khai mô hình	Đây là phân khúc mang lại giá trị tài chính

	(Priority Banking)	kinh doanh Khách hàng đặc biệt tại tất cả Đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống HDBank.	và thương hiệu lớn cho ngân hàng. Chương trình giúp HDBank giữ chân khách hàng có giá trị vòng đời cao (CLV), tăng thu nhập ngoài lãi, đồng thời nâng cao hình ảnh chuyên nghiệp – đẳng cấp trong thị trường tài chính.
7	Phát triển đối tác chiến lược	Đã hoàn tất bộ giải pháp và triển khai trên toàn quốc.	Là chương trình chiến lược mở rộng nền tảng khách hàng thông qua hệ sinh thái sản phẩm – dịch vụ tích hợp giữa khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân. Không chỉ giúp gia tăng CASA từ khách hàng doanh nghiệp, chương trình còn xây dựng kết nối chặt chẽ với chủ doanh nghiệp, tạo đòn bẩy phát triển mảng tài sản, thẻ và ngân hàng số. Đây là một trong những mô hình bán chéo kiểu mẫu, hướng đến tăng CLV & giảm chi phí thu hút khách hàng mới (CAC).
8	Tăng trưởng CASA	Đang triển khai dự án.	Là mục tiêu trọng tâm của chiến lược tối ưu chi phí vốn. Việc tăng trưởng CASA không chỉ giúp cải thiện NIM mà còn hỗ trợ mở rộng quy mô tín dụng, phát triển sản phẩm dịch vụ ngân hàng bán lẻ/ngân hàng doanh nghiệp và duy trì nền tảng thanh khoản ổn định cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Nguồn: HDBank

8.6. Chiến lược kinh doanh

8.6.1. Mục tiêu phát triển chiến lược 2021 – 2025

HDBank đặt mục tiêu và tầm nhìn chiến lược trở thành ngân hàng hàng đầu về bán lẻ, SME và tiêu dùng, là một trong những tập đoàn tài chính ngân hàng lớn của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, đóng góp cho sự phát triển, hội nhập của thị trường tài chính toàn cầu, dựa trên 3 mục tiêu chính:

Ngân Hàng Số – Đi đầu về ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển ngân hàng số, fintech... tiếp tục cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính chất lượng vượt trội và ngày càng tiện lợi, văn minh, trở thành ngân hàng của mọi người dân – Ngân hàng số hạnh phúc.

Tài Chính Tiêu Dùng – Chú trọng phát triển HD SAISON trở thành công ty dẫn đầu trong lĩnh vực tài chính tiêu dùng, đồng thời hoàn thiện và thúc đẩy khai thác hiệu quả hệ sinh thái Tài chính – Hàng không – Bán lẻ – Tiêu dùng – Năng lượng – Viễn thông – Bất động sản, hướng đến mục tiêu phục vụ khoảng hơn 40 triệu khách hàng cá nhân và doanh nghiệp trong nền kinh tế, mang đến lợi ích cao nhất cho cổ đông, đối tác, khách hàng và cán bộ nhân viên.

Ngân Hàng Xanh – Kiên định với chiến lược phát triển bền vững, tiếp tục phát triển mạnh

ngân hàng Xanh, góp phần vào tăng trưởng kinh tế Xanh, vì sự phát triển của cộng đồng, môi trường, tương lai bền vững của Việt Nam.

8.6.2 Các mục tiêu trọng tâm trong năm 2025

- ***Mục tiêu 1 – Nâng tầm quy mô, tăng trưởng vượt trội, vươn mình mạnh mẽ***
- Tăng trưởng quy mô vượt trội, tối ưu tăng trưởng tín dụng theo hạn mức NHNN phê duyệt. Nâng cao chất lượng danh mục cho vay, mở rộng cho vay vào các lĩnh vực có rủi ro thấp, các sản phẩm vay xanh và sản phẩm đầu tư thân thiện với môi trường.
- Đảm bảo các cân đối, chỉ tiêu hiệu quả và an toàn hoạt động thuộc Top đầu.
- Tăng trưởng CASA đột phá hỗ trợ cải thiện chi phí vốn và nâng cao năng lực cạnh tranh về giá của HDBank thông qua việc đẩy mạnh triển khai kết nối thanh toán không tiền mặt với các trường học, bệnh viện, cơ sở y tế, giao thông, phát triển merchant, và bán các giải pháp thanh toán.
- Đóng các chương trình chuyển đổi chiến lược và bàn giao cho BAU.
- Nhận chuyển giao bắt buộc ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á. Triển khai các biện pháp hỗ trợ, phối hợp, tích hợp, nhằm tối ưu hiệu quả kinh doanh và vận hành thông suốt.
- Lựa chọn nhà đầu tư chiến lược và đối tác Banca; Nâng cao năng lực vốn, tiếp tục củng cố vị thế cổ phiếu HDB trên thị trường chứng khoán.
- ***Mục tiêu 2 – Tăng trưởng mạnh mẽ khách hàng hệ sinh thái & phát triển kênh phân phối***
- Chuyển đổi mạnh mẽ khách hàng của hệ sinh thái để tăng trưởng mạnh số lượng khách hàng HDBank trong năm 2025.
- Triển khai các nền tảng onboarding khách hàng: Di-HDBank, VCF, R2,... chú trọng vào trải nghiệm hành trình khách hàng.
- Phát triển mạng lưới đại lý thanh toán và ngân hàng đại lý.
- ***Mục tiêu 3 – Cung cấp sản phẩm dịch vụ đổi mới và sáng tạo***
- Mở ra các mảng kinh doanh mới leasing và lưu ký.
- Tăng cường tích hợp các sản phẩm dịch vụ để cung cấp Wealth management và SME-MME.
- Khẳng định sản phẩm mortgages, payroll, VCF, & dịch vụ NH Đầu tư là những dòng sản phẩm thương hiệu HDBank.
- Triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới, sáng tạo, đáp ứng hầu hết nhu cầu giao dịch tài chính của khách hàng, góp phần thúc đẩy xã hội không tiền mặt và khẳng định mục tiêu dẫn đầu về số hóa trong ngành ngân hàng.
- ***Mục tiêu 4 – Chuyên môn, tập trung hóa hoạt động kinh doanh, kiểm soát rủi ro và vận hành***
- Tập trung và tự động hóa phê duyệt tín dụng & công tác kiểm soát.

- Outsource các mảng vận hành thẩm định giá, Contact Center.
- Hoàn thành dự án Digital Core Banking Thought Machine, Di-HDBank và IBanking, CLOS/RLOS.
- Ứng dụng công nghệ để tự động hóa sản phẩm, dịch vụ trên các hệ thống từ nội bộ đến bên ngoài, gia tăng trải nghiệm cho khách hàng.
- ***Mục tiêu 5 – DOGE, văn hóa và thương hiệu hàng đầu***
- Triển khai văn hóa thực thi, nâng cao kỷ luật nghiêm minh.
- Xây dựng văn hóa quản trị rủi ro bền vững, tích hợp các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị để tạo dựng hình ảnh ngân hàng tích cực, xanh hóa và đáng tin cậy.
- Tái cấu trúc, tinh gọn bộ máy nhân sự, nâng cao hiệu suất, hiệu năng, hiệu quả. Tăng cường đào tạo nâng cao năng lực, hoàn thiện khung năng lực & lộ trình nghề nghiệp của chương trình chuyển đổi nền tảng nhân sự xuất sắc.
- Tái định vị thương hiệu, giá trị cốt lõi, song hành với việc xác định, định vị chiến lược, thương hiệu Vikki Bank (DAB).

9. Thông tin về cổ đông lớn sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên

Tại thời điểm ngày 28/11/2025, HDBank có 01 cổ đông lớn là tổ chức, chi tiết như sau:

Tên cổ đông lớn:	**Công ty Cổ phần Sovico**
Năm thành lập:	2008
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	Giấy đăng ký kinh doanh số 0103028102 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/11/2008, và các lần đăng ký thay đổi
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ trụ sở chính:	Phòng 1102, Tầng 11, Tòa Nhà Pacific Place, Số 83B Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Hà Nội
Vốn điều lệ:	5.000.000.000.000 VND
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Phạm Khắc Dũng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền tại HDBank:	Không có
Số lượng cổ phần của Cổ đông lớn sở hữu tại HDBank:	385.643.232 cổ phần, tương đương với tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 9,99% vốn điều lệ
Số lượng cổ phần của Người có liên quan của Cổ đông lớn sở hữu tại HDBank:	- Ông Phạm Khắc Dũng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc, sở hữu 41.977.968 cổ phần, tương ứng 1,0877% vốn điều lệ - Ông Nguyễn Cảnh Sơn, Người quản lý, sở hữu 1.067.342 cổ phần, tương ứng 0,0277% vốn điều lệ
Lợi ích liên quan đối với	- Hợp đồng, giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và

HDBank:	chưa thực hiện giữa đại diện theo ủy quyền của Cổ đông lớn và người có liên quan của họ với HDBank: Không có - Không có lợi ích mâu thuẫn với HDBank

Nguồn: HDBank

10. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng

10.1. Hội đồng Quản trị

Bảng 34: Danh sách Thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	(Ông) Kim Byoungho	Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập
2	(Bà) Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực
3	(Ông) Lưu Đức Khánh	Phó Chủ tịch HĐQT
4	(Ông) Nguyễn Thành Đô	Phó Chủ tịch HĐQT
5	(Ông) Phạm Quốc Thanh	Phó Chủ tịch HĐQT
6	(Ông) Lê Mạnh Dũng	Thành viên HĐQT độc lập

Nguồn: HDBank

Thông tin chi tiết của từng thành viên HĐQT như sau:

10.1.1. (Ông) Kim Byoungho – Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập

- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Năm sinh: 1961
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh – Trường Kinh doanh Haas, Đại học California, Berkeley, Hoa Kỳ
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 04/2022 – nay	Chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT độc lập	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2022 – 03/2025	Thành viên HĐQT độc lập	SK Inc. (Hàn Quốc)
Từ 2018 – 2019	Thành viên Ủy ban Cố vấn cấp cao	Hana Bank (Hàn Quốc)
Từ 2015 – 2018	Phó Chủ tịch HĐQT	Hana Financial Group (Hàn Quốc)
Từ 2014 – 2015	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	Hana Bank (Hàn Quốc)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2009 – 2014	Giám đốc Tài chính/ Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp/ Giám đốc Marketing/ Phó Chủ tịch	Hana Bank (Hàn Quốc)
Từ 2005 – 2009	Giám đốc Tài chính/ Giám đốc Khối Nguồn vốn/ Giám đốc chiến lược/ Phó Chủ tịch	Hana Financial Group (Hàn Quốc)
Từ 1991 – 2005	Giám đốc Khối Kế hoạch Chiến lược/ Giám đốc Chi nhánh New York	Hana Bank (Hàn Quốc)
Từ 1988 – 1991	Giám đốc Quan hệ Khách hàng	First National Bank of Chicago (Hoa Kỳ)

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 120.000 cổ phần, tương ứng 0,0031% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	**09 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)**	**ESOP (cổ phần)**	**Cổ tức**
15.085	6.959	Không có	Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 28/11/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.1.2. (Bà) Nguyễn Thị Phương Thảo – Phó Chủ tịch HĐQT thường trực

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1970
- Trình độ học vấn: Tiến sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân tài chính và tín dụng – Học viện kinh doanh Quốc tế Matxcơva – Liên bang Nga
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2003 – nay	Phó Chủ tịch Thường trực	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
	HĐQT	phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 05/2015 – nay	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Thành viên	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON
Từ 04/2023 – nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Hàng không Vietjet
Từ 2007 – 04/2023	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty CP Hàng không Vietjet
Từ 2019 – nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sovico
Từ 2019 – nay	Chủ tịch HĐTV	Công ty TNHH Đầu tư Hướng Dương Sunny
Từ 2020 – 2023	Chủ tịch HĐTV	Công ty TNHH GalaxyOne
Từ 11/2013 – 05/2015	Chủ tịch Hội đồng Thành viên	Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HD Finance)
Năm 2006	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)
Năm 2005	Cổ đông, Sáng lập viên	Ngân hàng TMCP Quốc Tế (VIB)
Từ 1992 – 2021	Phó Chủ tịch, Chủ tịch điều hành, Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Sovico

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 130.753.406 cổ phần, tương ứng 3,3879% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại HDBank tại thời điểm 28/11/2025: 1.067.342 cổ phần, tương ứng 0,0277% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
3.692	2.305	1.300.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 28/11/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.1.3. (Ông) Lưu Đức Khánh – Phó Chủ tịch HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1960
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh quốc tế – Đại học New England (Úc)
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2009 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2020 – 05/2025	Thành viên HĐQT	Công ty CP Hàng không Vietjet
Từ 2020 – nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
Từ 2010 – 05/2023	Chủ tịch Ban đại diện	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam VFMVF1 (Nay là Quỹ Đầu tư Chứng khoán Năng động DC)
Từ 2011 – 2020	Giám đốc Điều hành	Công ty CP Hàng không Vietjet
Từ 2008 – 2009	Giám đốc	Công ty Cổ phần Sovico
Từ 2006 – 2008	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP An Bình (ABBank)
Năm 2006	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 1995 – 2006	Giám đốc chiến lược	Ngân hàng HSBC (Việt Nam)
Năm 1995	Giám đốc	Ngân hàng Vietcombank
Từ 1988 – 1995	Phó Tổng Giám đốc	Công ty CCL Sài Gòn (thuộc Saigon Tourist)

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 10.295.235 cổ phần, tương ứng 0,2668% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	**09 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)**	**ESOP (cổ phần)**	**Cổ tức**

888	479	240.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 28/11/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.1.4. (Ông) Nguyễn Thành Đô – Phó Chủ tịch HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1954
- Trình độ học vấn: Tiến sĩ
- Năng lực chuyên môn: Tiến sĩ ngành Tài chính Ngân hàng – Đại học Tài chính Matxcova – Liên Xô
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 04/2022 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2017 – 04/2022	Phó Chủ tịch HĐQT - Thành viên HĐQT Độc lập	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 08/2020 – nay	Thành viên Hội đồng trường	Trường Đại học Hòa Bình
Từ 2009 – 2014	Cục trưởng Cục Quản lý nợ và tài chính đối ngoại	Bộ Tài chính
Từ 1993 – 2009	Phó vụ trưởng, Vụ trưởng Vụ Tài chính đối ngoại	Bộ Tài chính
Từ 1991 – 1993	Trưởng phòng Thư ký Đoàn Văn phòng Bộ	Bộ Tài chính
Từ 1986 – 1991	Chuyên viên Ban Thư ký	Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) – Matxcova
Từ 1983 – 1986	Phó Trưởng phòng Kế hoạch Vụ Ngân sách Nhà nước	Bộ Tài chính
Từ 1981 – 1983	Cán bộ Vụ Tài vụ công nghiệp nặng	Bộ Tài chính
Từ 1977 – 1981	Giảng viên	Trường Đại học Tài chính – Kế toán Hà Nội

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 324.000 cổ phần, tương ứng 0,0084% vốn cổ phần

- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại HDBank tại thời điểm 28/11/2025: 106.732 cổ phần, tương ứng 0,0028% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	**09 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)**	**ESOP (cổ phần)**	**Cổ tức**
2.410	1.701	270.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 28/11/2025: Không có

10.1.5. (Ông) Phạm Quốc Thanh – Phó Chủ tịch HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1970
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán – Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 05/2025 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2023 – 05/2025	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2020 – 04/2023	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 03/2013 – 04/2020	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 07/2022 – nay	Thành viên Hội đồng Thành viên	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON
Từ 01/2012 – 02/2013	Giám đốc Khối CIB miền Nam	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 04/2007 – 12/2011	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP An Bình (ABBank)
Từ 01/2006 – 03/2007	Giám đốc Chi nhánh Bình Tây	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 09/1995 – 12/2005	Trưởng phòng tín dụng	Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)
Từ 01/1994 – 08/1995	Nhân viên tín dụng	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)
Từ 06/1993 – 12/1993	Nhân viên kế toán	Công ty May Việt Tiến

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 8.143.830 cổ phần, tương ứng 0,2110% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 99 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản (*)		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	**09 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)**	**ESOP (cổ phần)**	**Cổ tức**
4.334	3.371	1.200.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

(*) Thù lao cơ bản bao gồm thù lao Thành viên HĐQT và thù lao thành viên Ban Tổng Giám đốc

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 28/11/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.1.6. (Ông) Lê Mạnh Dũng – Thành viên HĐQT độc lập

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1975
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh – Trung tâm Pháp – Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG), Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2022 – nay	Thành viên HĐQT độc lập	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2013 – nay	Đại diện tại Việt Nam	Deutsche Investitions- und Entwicklungsgesellschaft mbH (DEG)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2007 – 2012	Giám đốc Đầu tư	Mekong Capital
Từ 2005 – 2007	Giám đốc nhóm tư vấn định chế tài chính	Citi Capital Partners
Từ 1997 – 2004	Trưởng phòng Tín dụng	Ngân hàng Woori Bank – Chi nhánh Hà Nội

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	**09 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)**	**ESOP (cổ phần)**	**Cổ tức**
1.876	1.567	Không có	Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 28/11/2025: Không có

10.2. Ban Kiểm soát

Bảng 35: Danh sách Thành viên BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	(Ông) Đào Duy Tường	Trưởng BKS
2	(Bà) Đường Thị Thu	Thành viên BKS
3	(Bà) Bùi Thị Kiều Oanh	Thành viên BKS
4	(Ông) Nguyễn Lê Hiếu	Thành viên BKS

Nguồn: HDBank

Thông tin chi tiết của từng thành viên BKS như sau:

10.2.1. (Ông) Đào Duy Tường – Trưởng BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1970
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán – Đại học Kinh tế Quốc dân

- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2010 – nay	Trưởng Ban Kiểm soát	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2007 – 2010	Kế toán trưởng	Công ty CP Đầu tư Sông Việt
Từ 2007 – 2008	Phó Tổng Giám đốc Tài chính	Công ty XNK Nhà Bè
Từ 2004 – 2007	Kế toán trưởng	Công ty CP ĐT XD & PT hạ tầng Phú An
Từ 1997 – 2004	Kế toán trưởng	Xí nghiệp 347, Công ty Sông Hồng - Bộ Quốc phòng

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 95.741.985 cổ phần, tương ứng 2,4807% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 5.803.992 cổ phần, tương ứng 0,1504% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 của thành viên BKS được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
6.011	4.174	75.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 28/11/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.2.2. (Bà) Đường Thị Thu – Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1980
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán – Học viện Tài chính
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2020 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2014 – 2020	Phó Trưởng Kiểm toán Nội bộ	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2012 – 2014	Trưởng Kiểm toán Nội bộ Khu vực phía Bắc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2006 – 2012	Kiểm toán viên Nội bộ	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2002 – 2005	Giảng viên	Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 36.999 cổ phần, tương ứng 0,0010% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 của thành viên BKS được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	**09 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)**	**ESOP (cổ phần)**	**Cổ tức**
1.760	1.300	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 28/11/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.2.3. (Bà) Bùi Thị Kiều Oanh – Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1980
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Tài chính Ngân hàng – ĐH DL Thăng Long, Hà Nội
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 04/2022 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2019 – 03/2022	Phó Trưởng Kiểm toán Nội bộ	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2016 – 2019	Phó giám đốc Phụ trách khối KHCN	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)
Từ 2014 – 2016	Giám đốc Chi nhánh Chợ Lớn, Phòng Giao dịch An Đông	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 2010 – 2014	Trưởng phòng Khách hàng cá nhân	Ngân hàng TMCP Đại Á (DaiABank)
Từ 2003 – 2010	Kiểm soát viên Tín dụng – Chi nhánh Hải Phòng/ Chi nhánh Sài Gòn	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 của thành viên BKS được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.675	1.189	Không có	Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 28/11/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.2.4. (Ông) Nguyễn Lê Hiếu – Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1986
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ, chuyên ngành Kinh tế Phát triển – Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 02/2025 – nay	Trưởng Ban kiểm soát	Ngân hàng TNHH Một Thành viên Số Vikki
Từ 2022 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 11/2011 – nay	Giám đốc	Công ty TNHH MTV Nguyễn Lê Gia Phát
Từ 2020 – 2021	Thành viên đội triển khai Basel	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)
Từ 2019 – 2020	Nhân viên phòng Kiểm toán và Kiểm soát nội bộ	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sovico
Từ 2016 – 2019	Trưởng Kiểm toán Nội bộ khu vực	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Năm 2015	Giám đốc Phòng giao dịch Chánh Hưng (tên cũ PGD Cao Thắng), Chi nhánh An Đông	Ngân hàng TMCP Nam Á (NamABank)
Từ 2014 – 2015	Trưởng kiểm toán nội bộ khu vực Đông Sài Gòn	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2013 – 2014	Kiểm toán viên nội bộ	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2010 – 2013	Cán bộ Quan hệ khách hàng Doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)
Từ 2009 – 2010	Cán bộ Quan hệ khách hàng Doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 853.875 cổ phần, tương ứng 0,0221% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 của thành viên BKS được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	**09 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)**	**ESOP (cổ phần)**	**Cổ tức**
1.599	1.206	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm ngày 28/11/2025: Không có

10.3. Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng

Bảng 36: Danh sách Ban TGĐ, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	(Ông) Nguyễn Hữu Đặng	Tổng Giám đốc
2	(Ông) Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
3	(Ông) Nguyễn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
4	(Ông) Nguyễn Văn Hảo	Phó Tổng Giám đốc
5	(Ông) Trần Thái Hòa	Phó Tổng Giám đốc
6	(Ông) Đàm Thế Thái	Phó Tổng Giám đốc
7	(Ông) Phạm Văn Đầu	Giám đốc Tài chính
8	(Bà) Hồ Đặng Hoàng Quyên	Kế toán trưởng

Nguồn: HDBank

Thông tin chi tiết của từng thành viên Ban TGĐ, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng như sau:

10.3.1. (Ông) Nguyễn Hữu Đặng - Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1970
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ ngành Ngân hàng – Đại học GRIGGS (Hoa Kỳ)
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 13/05/2025 – nay	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 02/2025 – 05/2025	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Ngân hàng TNHH Một thành viên Số Vikki
Từ 04/2020 – 01/2025	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 12/2010 – 04/2020	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2007 – 2010	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 1999 – 2007	Nhân sự phụ trách kinh doanh	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2020 – 12/2023	Tổng Giám đốc	Công ty TNHH GalaxyOne

Từ 1995 – 1999	Cán bộ tín dụng	Ngân hàng Công thương Long An
Từ 1993 – 1995	Cán bộ chuyên quản các TCTD ngoài quốc doanh	NHNN Tỉnh Đồng Tháp

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		**Lợi ích khác**	
Năm 2024 (triệu đồng)	**09 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)**	**ESOP (cổ phần)**	**Cổ tức**
2.514	1.347	200.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 28/11/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.3.2. (Ông) Trần Hoài Nam - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1965
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư chuyên ngành chế tạo máy – Đại học Bách khoa Hà Nội; Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý công nghiệp – Viện Công nghệ Châu Á
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	**Chức vụ**	**Nơi công tác**
Từ 07/2018 – nay	Thành viên HĐQT	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)
Từ 02/2012 – nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 01/2008 – 10/2023	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí
Từ 05/2015 – 12/2021	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Hàng Không Vietjet

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 09/2007 – 02/2012	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB)
Từ 02/1996 – 09/2007	Giám đốc Quan hệ Khách hàng Cao cấp	Ngân hàng Citibank Việt Nam (Citibank)
Từ 08/1987 – 01/1996	Trưởng phòng	Tổng cục Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng/ Bộ Khoa học Công nghệ

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 3.610.056 cổ phần, tương ứng 0,0935% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 8.451 cổ phần, tương ứng 0,0002% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 của thành viên Ban TGĐ được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
2.371	1.921	750.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 28/11/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.3.3. (Ông) Nguyễn Minh Đức - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1962
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Luật – Đại học Luật Hà Nội, Thạc sĩ Kinh tế - Đại học Hàng Hải Việt Nam
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2009 – nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2000 – 2009	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 1995 – 2000	Giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh Quảng Ninh
Từ 1994 – 1995	Phó Giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh Quảng Ninh
Từ 1992 – 1994	Trưởng phòng Khách hàng cá nhân	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh Quảng Ninh
Từ 1992 – 11/1992	Nhân viên	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh Quảng Ninh
Từ 1985 – 1992	Giảng viên	Đại học Hàng Hải

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 1.056.167 cổ phần, tương ứng 0,0274% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 2.700 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 của thành viên Ban TGĐ được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
2.621	2.061	800.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 28/11/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.3.4. (Ông) Nguyễn Văn Hảo - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1972
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Tiếng Anh – Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc Gia Hà Nội; Thạc sĩ kinh tế - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 10/2020 – nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2017 – 11/2020	Thành viên HĐQT	Công ty CP Bảo hiểm Hùng Vương
Từ 07/2020 – 09/2020	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 04/2018 – 07/2020	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 06/2017 – 07/2020	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 03/2017 – 06/2017	Quyền Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 09/2016 – 02/2017	Phó Tổng Giám đốc Thường trực	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 05/2016 – 08/2016	Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 11/2015 – 04/2016	Phó Tổng Giám đốc Thường trực	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 08/2015 – 10/2015	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 05/2011 – 07/2015	Giám đốc Tài chính kế toán kiêm Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng Quản trị	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PGBank)
Từ 12/2009 – 04/2011	Giám đốc Tài chính kế toán kiêm Kế toán trưởng	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PGBank)
Từ 08/2007 – 11/2009	Giám đốc Tài chính kế toán	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PGBank)
Từ 12/2000 – 07/2007	Trưởng phòng kế toán và hệ thống	The bank of Tokyo Mitsubishi UFJ - Chi nhánh Hà Nội
Từ 12/1997 – 11/2000	Trưởng phòng kế toán; Kế toán trưởng	Công ty phát triển tin học, công nghệ và môi trường - Công ty thành viên của Tổng Công ty Than Việt Nam
Từ 06/1997 – 11/1997	Nhân viên	Công ty kiểm toán và tư vấn tài chính kế toán Sài Gòn

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 462.324 cổ phần, tương ứng 0,0120% vốn cổ phần

- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 của thành viên Ban TGĐ được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	**09 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)**	**ESOP (cổ phần)**	**Cổ tức**
2.063	1.791	750.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 28/11/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.3.5. (Ông) Trần Thái Hòa - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1968
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Xây dựng cơ bản, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 05/2015 – nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2010 – 2015	Phó Tổng giám đốc	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 2008 – 2010	Trưởng phòng	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 1995 – 2008	Chuyên viên	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh
Từ 1991 – 1994	Kinh doanh	

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 864.000 cổ phần, tương ứng 0,0224% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 của thành viên Ban TGĐ được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.615	1.535	720.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 28/11/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.3.6. (Ông) Đàm Thế Thái – Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1980
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn Cử nhân Tài chính – Ngân hàng - Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, Thạc sĩ Tài chính - Solvay Brussels School - Bỉ
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 06/2025 – nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách NHBL	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2022 – 05/2025	Giám đốc Kinh doanh Ngân hàng số, Giám đốc Kinh doanh Ngân hàng số kiêm Giám đốc Trung Tâm Thẻ, Giám đốc Trung Tâm Thẻ	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2015 – nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Tài Chính TNHH HD SAISON
Từ 2012 – 2014	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2011 – 2012	Phó Tổng Giám đốc	VPĐD Công ty Cổ phần Sovico
Từ 2010 – 2011	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2007 – 2010	Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân	Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (ABBank)
Từ 2005 – 2007	Phó Giám đốc ngân hàng (Chi nhánh Tân Bình)	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu (ACB)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2003 – 2005	Chuyên viên kinh doanh	Ngân hàng HSBC Việt Nam

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 562.670 cổ phần, tương ứng 0,0146% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản (*)		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
N/A	639	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

(*) (Ông) Đàm Thế Thái được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc của HDBank từ ngày 01/06/2025 theo Quyết định số 93/2025/QĐ-HĐQT ngày 28/05/2025 của Hội đồng Quản trị HDBank

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 28/11/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.3.7. (Ông) Phạm Văn Đầu – Giám đốc Tài chính

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1973
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Thạc sĩ kinh tế - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 13/05/2025 – nay	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Ngân hàng TNHH Một Thành viên Số Vikki
Từ 02/2025 – 05/2025	Thành viên Hội đồng thành viên	Ngân hàng TNHH Một Thành viên Số Vikki
Từ 08/2023 – nay	Giám đốc Tài chính kiêm Giám đốc Khối Nhân sự	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)

Từ 09/2009 – 08/2023	Giám đốc Tài chính	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2017 – 06/2021	Thành viên Ban Kiểm soát	Công ty Cổ phần hàng không Vietjet
Từ 08/2008 – 09/2009	Trưởng phòng Kế hoạch	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 05/2008 – 08/2008	Phó Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – Chi nhánh Nguyễn Trãi
Từ 03/2005 – 03/2008	Trưởng phòng Kế hoạch	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 11/2002 – 02/2005	Phó phòng kinh doanh	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 1999 – 2002	Chuyên viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 1995 – 1999	Chuyên viên tín dụng	Ngân hàng TMCP Đệ Nhất

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 150.119.859 cổ phần, tương ứng 3,8897% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 của Giám đốc Tài chính được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		**Lợi ích khác**	
Năm 2024 (triệu đồng)	**09 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)**	**ESOP (cổ phần)**	**Cổ tức**
1.940	1.408	800.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 28/11/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.3.8. (Bà) Hồ Đăng Hoàng Quyên – Kế toán trưởng

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1976
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ

- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính lưu thông tiền tệ - Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 07/2011 – nay	Kế toán trưởng	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 01/2008 – 07/2011	Trưởng phòng	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 12/2006 – 01/2008	Phó Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – Chi nhánh Phú Thọ
Từ 11/2004 – 12/2006	Kiểm soát viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – Chi nhánh Lãnh Binh Thăng
Từ 06/2004 – 11/2004	Chuyên viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 03/2004 – 06/2004	Kiểm soát viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – Chi nhánh Nguyễn Trãi
Từ 02/1998 – 03/2004	Thanh toán viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 2.627 cổ phần, tương ứng 0,0001% vốn cổ phần
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 28/11/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 của Kế toán trưởng được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2024 và 09 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	09 tháng đầu năm 2025 (triệu đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.304	2.086	400.000	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 28/11/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

11. Chính sách chi trả cổ tức

Việc chi trả cổ tức của HDBank được quy định tại Điều lệ của HDBank, cụ thể dựa trên các yếu tố sau:

- Ngân hàng chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận còn lại của Ngân hàng nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất trên cơ sở trung thực sau khi đã lấy ý kiến các cổ đông tại ĐHĐCĐ.

Bảng 37: Tình hình chi trả cổ tức của HDBank trong 02 năm gần nhất

Năm	Tỷ lệ chi trả cổ tức/mệnh giá cổ phần	Hình thức chi trả
2023	30%	10% Tiền mặt và 20% Cổ phiếu
2024 (*)	25%	25% Cổ phiếu

Nguồn: HDBank

(*) Theo Nghị quyết số 25/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/11/2025 của Đại hội đồng cổ đông HDBank v/v Phương án chia cổ tức năm 2024

12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

HDBank thực hiện thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ gốc và lãi các trái phiếu đến hạn trong 03 năm liền trước năm đăng ký chào bán và không có nợ phải trả quá hạn trên 01 năm tính đến thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

13.1. Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất

Bảng 38: Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Nội dung	31/12/2024	30/09/2025
1	Chi phí các hợp đồng thuê mặt bằng làm trụ sở làm việc của HDBank	353	290
2	Bất động sản là tài sản HDBank đang sở hữu	1.298	1.298
	a) Nhà cửa (nguyên giá)	570	570
	b) Quyền sử dụng đất (nguyên giá)	728	728

Nguồn: HDBank

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

13.2. Thông tin về các trái phiếu chưa đáo hạn

Tính đến thời điểm 28/11/2025, số dư trái phiếu HDBank đang lưu hành mà chưa đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi là 57.087 tỷ Đồng, cụ thể như sau:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng: 12.532 tỷ Đồng
- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 44.556 tỷ Đồng

Bảng 39: Thông tin về các trái phiếu chưa đáo hạn

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại trái phiếu	Kỳ hạn	Giá trị tại 31/12/2023 (*)	Giá trị tại 31/12/2024 (*)	Giá trị tại 28/11/2025 (*)
Trái phiếu tăng vốn cấp 2	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	0	0	0
	Từ 5 năm trở lên	19.539	35.644	37.572
Trái phiếu thường	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	9.800	16.550	14.865
	Từ 5 năm trở lên	3.500	4.650	4.650
Tổng		**32.839**	**56.844**	**57.087**

Nguồn: HDBank

(*) Giá trị trái phiếu được tính theo mệnh giá

Chi tiết danh sách các trái phiếu chưa đáo hạn được trình bày tại Mục V.2.1.2 của Bản Cáo Bạch này.

13.3. Thông tin về các cam kết chưa thực hiện khác

Bảng 40: Thông tin về các cam kết chưa thực hiện (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	30/09/2025
1	Bảo lãnh vay vốn	809	9
2	Cam kết giao dịch hối đoái	199.138	338.272
	Cam kết mua ngoại tệ	*6.817*	*1.986*
	Cam kết bán ngoại tệ	*8.977*	*3.562*
	Cam kết giao dịch hoán đổi	*183.344*	*332.724*
	Cam kết giao dịch tương lai	-	-
3	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	46.477	41.205
4	Bảo lãnh khác	24.925	25.400
5	Các cam kết khác	12.364	9.828
6	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	3.336	3.963

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	30/09/2025
7	Nợ khó đòi đã xử lý	20.135	28.589
8	Tài sản và chứng từ khác	47.589	46.787
	Tổng cộng	**354.773**	**494.052**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2025 của HDBank

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Ngoài thông tin về các cam kết và nghĩa vụ nợ nêu tại Mục IV.13 của Bản Cáo Bạch này, tính đến thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, các vụ tranh chấp, kiện tụng mà HDBank tham gia chủ yếu là với tư cách nguyên đơn trong các vụ khởi kiện khách hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với HDBank nhằm thu hồi nợ và hầu hết HDBank đều bảo toàn được vốn vay với các vụ tranh chấp này. Ngoài ra, HDBank cũng tham gia một số vụ kiện với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến các vụ án dân sự, hình sự của khách hàng vay của HDBank với tổ chức, cá nhân khác, và hầu hết các vụ án này HDBank đều kiểm soát và đảm bảo được quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do vậy, theo đánh giá và tin tưởng tốt nhất của HDBank, chưa có bất kỳ vụ tranh chấp, kiện tụng nào có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến hoạt động kinh doanh hoặc điều kiện tài chính của Tổ Chức Phát Hành, các Đợt chào bán và việc sử dụng vốn thu được từ các Đợt chào bán Trái Phiếu của HDBank.

15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

1.1.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Bảng 41: Một số chỉ tiêu cơ bản về hoạt động kinh doanh của HDBank (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm	9T/2025
Tổng giá trị tài sản	589.986	684.976	16,10%	766.747
Thu nhập lãi thuần	17.305	25.409	46,83%	20.707
Tổng thu nhập hoạt động	20.861	27.577	32,19%	25.055
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	14.026	17.949	27,97%	19.154
Lợi nhuận trước thuế	12.736	15.695	23,23%	13.567
Lợi nhuận sau thuế	10.186	12.457	22,30%	10.814
Tỷ lệ trả cổ tức	30%	25%	-16,67%	N/A

Nguồn: HDBank

Bảng 42: Một số chỉ tiêu cơ bản về hoạt động kinh doanh của HDBank (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm	9T/2025
Tổng giá trị tài sản	602.315	697.366	15,78%	781.937
Thu nhập lãi thuần	22.184	30.857	39,10%	24.991
Tổng thu nhập hoạt động	26.414	34.032	28,84%	30.357
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	17.284	22.051	27,58%	22.562
Lợi nhuận trước thuế	13.017	16.730	28,52%	14.803
Lợi nhuận sau thuế	10.336	13.248	28,17%	11.833
Tỷ lệ trả cổ tức	30%	25%	-16,67%	N/A

Nguồn: HDBank

Kết thúc năm 2024, HDBank đã hoàn thành 105,54% kế hoạch lợi nhuận trước thuế hợp nhất và 103,94% kế hoạch riêng lẻ và các chỉ tiêu tài chính cơ bản khác vượt kế hoạch chiến lược và cam kết với nhà đầu tư. Một số điểm nhấn nổi bật như sau: Tổng tài sản của HDBank tại 31/12/2024 theo BCTC hợp nhất đạt 697.366 tỷ đồng, tăng 15,78% so với thời điểm cuối

năm 2023 và đạt 99,49% so với kế hoạch; Quy mô vốn chủ sở hữu tại 31/12/2024 đạt 56.657 tỷ đồng, tăng 22,11% so với thời điểm cuối năm 2023. Hiệu quả kinh doanh được cải thiện mạnh mẽ với Lợi nhuận sau thuế trong năm 2024 đạt 13.248 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng trưởng cao là 28,17% so với cùng kỳ năm 2023. Lợi nhuận năm 2024 của HDBank đạt kết quả tích cực là nhờ tăng cường hiệu quả hoạt động và áp dụng các sáng kiến chuyển đổi số của HDBank. Trong đó, thu nhập lãi thuần đạt 30.857 tỷ đồng, tăng 39,10% so với cuối năm 2023, chi phí hoạt động và chi phí dự phòng rủi ro kiểm soát trong hạn mức đề ra.

Trong 9 tháng đầu năm 2025, HDBank ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 14.803 tỷ đồng, tăng 16,97% so với cùng kỳ năm trước. ROE tiếp tục duy trì ở mức cao, đạt 25,23%, thuộc nhóm dẫn đầu toàn ngành. Tổng thu nhập hoạt động hợp nhất đạt 30.357 tỷ đồng, tăng trưởng bền vững nhờ sự đóng góp tích cực từ các hoạt động cốt lõi cùng các chỉ tiêu kinh doanh số tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ. Tại thời điểm 30/09/2025, tổng tài sản của HDBank đạt 781.937 tỷ đồng, tăng 24,20% so với cùng kỳ; tiền gửi khách hàng đạt 487.863 tỷ đồng, tăng 22,88% so với cùng kỳ, phản ánh niềm tin của khách hàng và vị thế của ngân hàng trên thị trường. Dư nợ tín dụng đạt 500.413 tỷ đồng, tăng trưởng 14,32% so với đầu năm, hướng vào các lĩnh vực ưu tiên là hạ tầng, sản xuất, tiêu dùng và là những động lực tăng trưởng của nền kinh tế với rủi ro thấp.

1.1.2. Các chỉ tiêu khác

a) Cơ cấu chi phí trong thu nhập:

Bảng 43: Cơ cấu chi phí trong thu nhập của HDBank (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	2023	2024	% tăng/giảm	9T/2025
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	29.736	26.545	-10,73%	23.661
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	*63,21%*	*51,09%*		*53,33%*
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	640	1.875	192,97%	1.287
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động dịch vụ	*32,19%*	*78,42%*		*33,51%*
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác)	6.834	9.630	40,91%	5.902
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động (*)	*32,76%*	*34,92%*		*23,56%*
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.290	2.254	74,73%	5.587
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	*9,20%*	*12,56%*		*29,17%*

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2025 của HDBank

(*) Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động = Chi phí hoạt động/Tổng thu nhập hoạt động (thuần) (riêng lẻ)

Bảng 44: Cơ cấu chi phí trong thu nhập của HDBank (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	2023	2024	% tăng/ giảm	9T/2025
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	30.457	27.138	-10,90%	24.124
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	*57,86%*	*46,79%*		*49,12%*
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	642	1.879	192,68%	1.290
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động dịch vụ	*22,68%*	*57,01%*		*28,40%*
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác)	9.129	11.981	31,24%	7.795
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động (*)	*34,56%*	*35,21%*		*25,68%*
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	4.268	5.321	24,67%	7.760
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	*24,69%*	*24,13%*		*34,39%*

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2025 của HDBank

(*) Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động = Chi phí hoạt động/Tổng thu nhập hoạt động (thuần) (hợp nhất)

b) Cơ cấu chi phí hoạt động:

Trong cơ cấu chi phí hoạt động hợp nhất của HDBank, chi phí nhân viên luôn có tỷ trọng cao nhất, chiếm 57,72% chi phí hoạt động trong năm 2024 và 57,29% trong 9 tháng đầu năm 2025; chi phí về tài sản có tỷ trọng cao thứ hai trong tổng chi phí hoạt động, lần lượt là 9,70% năm 2024 và 11,66% trong 9 tháng đầu năm 2025; chi phí quảng cáo, tiếp thị và khuyến mãi có tỷ trọng cao thứ ba trong tổng chi phí hoạt động, lần lượt là 7,16% trong năm 2024 và 5,94% trong 9 tháng đầu năm 2025.

Bảng 45: Cơ cấu chi phí hoạt động của HDBank (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2023		2024		% tăng/ giảm	9T/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Chi phí nhân viên	3.682	53,88%	5.332	55,37%	44,81%	3.181	53,90%
Chi về tài sản	896	13,11%	1.037	10,77%	15,74%	799	13,54%
Chi phí hoa hồng cho đại lý	0	0,00%	0	0,00%	N/A	0	0,00%
Chi phí hội nghị, lễ tân và khánh tiết	452	6,61%	411	4,27%	-9,07%	141	2,39%
Chi phí quảng cáo, tiếp thị và khuyến mãi	591	8,65%	777	8,07%	31,47%	446	7,56%

Chỉ tiêu	2023		2024		% tăng/ giảm	9T/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng (*)	285	4,17%	430	4,47%	50,88%	397	6,73%
Chi phí khác	928	13,58%	1.643	17,06%	77,05%	938	15,89%
Tổng chi phí hoạt động	**6.834**	**100,00%**	**9.630**	**100,00%**	**40,91%**	**5.902**	**100,00%**

Nguồn: HDBank

(*) Là Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng theo BCTC riêng Quý III năm 2025 của HDBank

Bảng 46: Cơ cấu chi phí hoạt động của HDBank (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2023		2024		% tăng/ giảm	9T/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Chi phí nhân viên	5.130	56,20%	6.915	57,72%	34,80%	4.466	57,29%
Chi về tài sản	997	10,92%	1.162	9,70%	16,55%	909	11,66%
Chi phí hoa hồng cho đại lý	598	6,55%	418	3,49%	-30,10%	335	4,30%
Chi phí hội nghị, lễ tân và khánh tiết	466	5,10%	459	3,83%	-1,50%	158	2,03%
Chi phí quảng cáo, tiếp thị và khuyến mãi	603	6,61%	858	7,16%	42,29%	463	5,94%
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng (*)	285	3,12%	430	3,59%	50,88%	397	5,09%
Chi phí khác	1.050	11,50%	1.739	14,51%	65,62%	1.067	13,69%
Tổng chi phí hoạt động	**9.129**	**100,00%**	**11.981**	**100,00%**	**31,24%**	**7.795**	**100,00%**

Nguồn: HDBank

(*) Là Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng theo BCTC hợp nhất Quý III năm 2025 của HDBank

1.1.3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập

Chi tiết được trình bày tại Mục V.3 của Bản Cáo Bạch này.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán được đánh giá từ góc độ các nhân tố thuận lợi cũng như khó khăn như sau:

1.2.1. Những nhân tố thuận lợi

- Định hướng có tầm nhìn chiến lược của HĐQT và sự chỉ đạo kịp thời, đúng đắn của

Ban lãnh đạo, HDBank đã chủ động được các phương án ứng phó, thích nghi nhanh với những biến động của nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng;

- Khẳng định uy tín thương hiệu và vị thế trên thị trường, trở thành ngân hàng có độ nhận diện thương hiệu và sức khỏe thương hiệu thuộc Top dẫn đầu các Ngân hàng Thương mại Cổ phần;
- Bộ máy tổ chức ổn định, mô hình tổ chức mới được triển khai hoạt động mang lại nhiều kết quả tốt;
- Quy trình, quy chế hoạt động đầy đủ tạo hành lang pháp lý cho các nghiệp vụ;
- Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại đã hỗ trợ nhiều trong việc quản trị rủi ro và mang lại nhiều tiện ích cho khách hàng;
- HDBank đi đầu về ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển ngân hàng số, fintech... tiếp tục cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính chất lượng vượt trội và ngày càng tiện lợi, văn minh, trở thành ngân hàng của mọi người dân – Ngân hàng số hạnh phúc;
- HDBank đã linh hoạt đưa ra các phương án, sáng kiến nhằm đáp ứng các nhu cầu thay đổi của khách hàng, hỗ trợ khách hàng vượt qua khó khăn do những tác động của nền kinh tế. Nhờ đó, HDBank đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả hoàn thành tốt kế hoạch năm 2024, tăng trưởng cao cả về quy mô và chất lượng;
- Trong năm 2024, Ngân hàng đã và đang tăng tốc số hóa toàn diện từ quy trình vận hành, báo cáo, quản trị, đến số hóa các hành trình khách hàng và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và trải nghiệm khách hàng;
- HDBank kiên định chiến lược phát triển bền vững, tập trung cho bán lẻ và số hóa gắn với nỗ lực nâng cao trải nghiệm và giá trị cho khách hàng, và là một trong những Ngân hàng có tốc độ tăng trưởng nhanh trong nhiều năm qua. Đồng thời, HDBank cũng đặt ra cho mình những trách nhiệm cụ thể hướng tới mục tiêu "phát triển bền vững". Các mục tiêu chiến lược của HDBank được cụ thể hóa thành các sáng kiến chiến lược và các hành trình. Đến nay, các sáng kiến đã dần đưa vào vận hành góp phần tạo nền tảng vững chắc, tạo đà cho HDBank tiến gần đến kết quả mục tiêu 5 năm vào năm 2025;
- Năm 2025, HDBank có tiềm năng duy trì vị thế là một trong những ngân hàng tăng trưởng tốt nhất tại Việt Nam. Với chiến lược tập trung vào tín dụng xanh, chuyển đổi số và phát triển bền vững, ngân hàng sẽ không chỉ mở rộng thị phần mà còn nâng cao giá trị thương hiệu, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội. HDBank sẽ tiếp tục chuyển dịch mạnh mẽ với sự kết hợp giữa công nghệ hiện đại và mô hình kinh doanh bền vững.

1.2.2. Những yếu tố bất lợi

- Tăng trưởng kinh tế thế giới trong năm 2024 ở mức thấp do tác động của chính sách tiền tệ thắt chặt tại phần lớn các quốc gia trên thế giới nhằm kiềm chế lạm phát, tổng cầu phục hồi yếu, những bất ổn về địa chính trị có xu hướng gia tăng, và sự thiếu ổn định của chuỗi cung ứng toàn cầu;

- Tăng trưởng tín dụng chưa cao và ngày càng khó khăn do cạnh tranh của hệ thống và các doanh nghiệp thu hẹp kinh doanh;
- Sự cạnh tranh giữa các ngân hàng diễn ra ngày càng gay gắt. Hầu hết các tổ chức tín dụng đều tập trung củng cố nội lực, tăng quy mô về vốn, mạng lưới hoạt động, hiện đại hóa công nghệ thông tin, đưa ra thị trường nhiều sản phẩm đa dạng, linh hoạt, hấp dẫn với hàng loạt các chương trình khuyến mãi;
- Sự xuất hiện của các công ty công nghệ tài chính (fin-tech) ứng dụng sự bùng nổ của internet, điện thoại di động, công nghệ điện toán đám mây và các phần mềm mã nguồn mở nhằm tiếp cận tới các khách hàng cá nhân với số lượng lớn để cung cấp các dịch vụ thanh toán, đầu tư, cho vay... tương tự như các dịch vụ ngân hàng;
- Năm 2025, ngành ngân hàng phải đối mặt với nhiều cơ hội và thách thức. Áp lực từ tỷ giá, lãi suất và sự cạnh tranh đòi hỏi ngành ngân hàng phải linh hoạt ứng phó. Các chuyên gia nhận định, sự đổi mới và quản trị rủi ro hiệu quả sẽ là chìa khóa để ngành ngân hàng vươn xa hơn trên thị trường tài chính quốc tế.

1.2.3. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Năm 2025, tình hình thế giới dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; Tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng chậm lại, xung đột địa chính trị tiếp tục diễn biến khó lường.

Nền kinh tế Việt Nam vừa có những thuận lợi rất cơ bản, vừa tiếp tục chịu "tác động tiêu cực kép" từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập bên trong; Thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhất là triển khai các giải pháp trong điều hành kinh tế vĩ mô, vừa phải kiểm soát lạm phát, vừa phải thúc đẩy tăng trưởng,... Tuy nhiên, với những thành quả đạt được của năm 2024, nhiều tổ chức quốc tế đều nhận định lạc quan về triển vọng tăng trưởng của kinh tế Việt Nam năm 2025. Với sự ổn định trong chính sách, thúc đẩy chuyển đổi số, và cam kết phát triển bền vững, Việt Nam có tiềm năng duy trì vị thế là điểm sáng tăng trưởng tại khu vực Đông Nam Á và trên thế giới. Nhằm tạo ra những đột phá trong hoạt động, bên cạnh những nền tảng đã đạt được trong năm 2024, HDBank kiên trì với các mục tiêu chiến lược đã đề ra và tiếp tục duy trì tốc độ phát triển trên nền tảng số, đẩy mạnh triển khai hoàn thiện các sáng kiến theo chiến lược, mạnh mẽ vượt qua những khó khăn chung của ngành ngân hàng, sớm trở thành một trong những ngân hàng Top đầu ở Việt Nam và vươn tầm quốc tế. Song hành với các thuận lợi và thách thức của nền kinh tế, ngành Ngân hàng nói chung và HDBank nói riêng vẫn có các cơ hội để phát triển, tăng trưởng, kết quả hoạt động kinh doanh vẫn duy trì ở mức ổn định và tăng trưởng tốt.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Tình hình công nợ

Hoạt động ngành nghề đặc thù, ngoài các khoản cho vay tín dụng và tiền gửi của các bên liên quan (NHNN, TCTD khác và tiền gửi của khách hàng) thì Ngân hàng còn có một số công nợ phải thu và phải trả khác, chi tiết như sau:

Bảng 47: Các khoản phải thu và phải trả của HDBank (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Các khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
I	**Nợ phải thu**	**56.795**	**55.128**	**48.523**
1	Các khoản phải thu	48.734	48.166	37.469
2	Các khoản lãi, phí phải thu	6.350	5.271	6.633
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	77	156	60
4	Tài sản có khác	1.680	1.582	4.408
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các Tài sản Có nội bảng khác	-47	-47	-47
II	**Nợ phải trả**	**17.967**	**18.271**	**16.675**
1	Các khoản lãi, phí phải trả	10.117	7.869	9.938
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	0	0	0
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	7.850	10.402	6.737

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2025 của HDBank

Bảng 48: Các khoản phải thu và phải trả của HDBank (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Các khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
I	**Nợ phải thu**	**57.809**	**56.044**	**49.560**
1	Các khoản phải thu	48.943	48.316	37.644
2	Các khoản lãi, phí phải thu	6.602	5.384	6.919
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	77	156	60
4	Tài sản có khác	2.233	2.235	4.989
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các Tài sản Có nội bảng khác	-47	-47	-53
II	**Nợ phải trả**	**19.274**	**19.571**	**18.041**
1	Các khoản lãi, phí phải trả	10.346	8.013	10.051
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	0	0	0
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	8.927	11.558	7.990

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2025 của HDBank

2.1.2. Trái phiếu chưa đáo hạn

Bảng 49: Danh sách trái phiếu chưa đáo hạn tại thời điểm 28/11/2025

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
I	**Năm 2019**				
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDB1926_03	1.000.000.000	Cố định	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là nợ thứ cấp của HDBank
II	**Năm 2020**				
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDB2025	1.500.000.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
III	**Năm 2021**				
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBH2126008	1.000.000.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
2	HDBD2126019 (*)	4.339.665.000.000	Cố định	5	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền
IV	**Năm 2022**				
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBH2227007	1.000.000.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
2	HDBL2232004	100.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là nợ thứ cấp của HDBank

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
3	HDBL2232005	26.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là nợ thứ cấp của HDBank
4	HDBL2232009	34.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là nợ thứ cấp của HDBank
V	**Năm 2023**				
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBL2331004	1.500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
2	HDBL2331005	2.322.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
3	HDBL2331006	848.600.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
4	HDBL2331007	2.534.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
5	HDBL2331008	375.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
6	HDBL2331009	420.400.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
VI	**Năm 2024**				
Trái phiếu ra công chúng					
1	HDBC7Y202301	3.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VNĐ)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
					cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
2	HDBC7Y202302	1.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
3	HDBC7Y202303	1.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBL2427001	2.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
2	HDBL2427015	1.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
3	HDBL2427018	2.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
4	HDBL2426019	900.000.000.000	Cố định	2	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
5	HDBL2426026	850.000.000.000	Cố định	2	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
6	HDBH2429027	1.150.000.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
7	HDBL2427028	1.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
8	HDBL2431002	300.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
9	HDBL2431003	1.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
10	HDBL2432004	200.000.000.000	Cố định	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
11	HDBL2432005	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
12	HDBL2432006	500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
13	HDBL2432008	500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
14	HDBL2431009	200.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
15	HDBL2431012	200.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
16	HDBL2432014	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
17	HDBL2432017	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
18	HDBL2432020	200.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
19	HDBL2431021	440.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
20	HDBL2432022	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
21	HDBL2432023	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
22	HDBL2432024	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
23	HDBL2432025	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
24	HDBL2431029	500.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
VII	**Năm 2025**				
Trái phiếu ra công chúng					
1	HDBC7Y253201	2.500.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank theo quy định của pháp luật hiện hành
2	HDBC8Y253301	2.500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank theo quy định của pháp luật hiện hành
3	HDBC7Y253202	32.400.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank theo quy định của pháp luật hiện hành
4	HDBC8Y253302	2.499.200.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
					cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank theo quy định của pháp luật hiện hành
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDB12501	2.000.000.000.000	Cố định	2	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
2	HDB12506	2.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
3	HDB12507	800.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
4	HDB12508	1.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
5	HDBL2528004 (*)	1.315.050.000.000	Thả nổi	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm
6	HDB12502	500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
7	HDB12503	500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
8	HDB12504	500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
Tổng (I + II + III + IV + V + VI + VII)		**57.087.315.000.000**			

Nguồn: HDBank

(*) Trái phiếu phát hành riêng lẻ ra thị trường quốc tế, bằng đồng USD được quy đổi theo tỷ giá tại thời điểm 28/11/2025: USD/VND = 26.301

2.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

HDBank thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế và các loại phí theo quy định của Nhà nước, chi tiết như sau:

Bảng 50: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2023	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 31/12/2024	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 30/09/2025
		Số phải nộp	Số đã nộp		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.769	3.317	-4.233	853	2.658	-2.250	1.262
Thuế giá trị gia tăng	64	725	-731	58	310	-335	33
Thuế thu nhập cá nhân	20	576	-523	73	320	-371	22
Thuế nhà thầu	17	115	-116	16	75	-86	5
Khác	0	79	-71	9	9	-18	0
Tổng cộng	**1.870**	**4.813**	**-5.673**	**1.009**	**3.372**	**-3.059**	**1.322**

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2025 của HDBank

Bảng 51: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2023	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 31/12/2024	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 30/09/2025
		Số phải nộp	Số đã nộp		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.821	3.562	-4.467	916	2.874	-2.453	1.337
Thuế giá trị gia tăng	71	790	-800	60	361	-381	40
Thuế thu nhập cá nhân	21	618	-565	74	360	-407	27
Thuế nhà thầu	17	117	-118	16	77	-88	5
Khác	0	79	-71	9	9	-18	0
Tổng cộng	**1.929**	**5.167**	**-6.021**	**1.075**	**3.681**	**-3.347**	**1.409**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2025 của HDBank

2.1.4. Trích lập các quỹ

HDBank thực hiện trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, theo quy chế quản trị tài chính và quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm.

Theo quyết định của ĐHĐCĐ, tình hình trích lập các quỹ từ LNST của HDBank như sau:

Bảng 52: Tình hình trích lập các quỹ

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Trích lập các quỹ	Năm 2023	Năm 2024
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	509	1.246
2	Quỹ dự phòng tài chính	1.019	1.246
3	Quỹ phúc lợi	10	20
4	Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	25	25
5	Trích quỹ công ty con (phần thuộc sở hữu của cổ đông HDBank)	38	92
Tổng cộng		**1.601**	**2.628**

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và năm 2025 của HDBank

2.1.5. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Năm 2025, tình hình thế giới dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; Tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng chậm lại, xung đột địa chính trị tiếp tục diễn biến khó lường.

Nền kinh tế Việt Nam vừa có những thuận lợi rất cơ bản, vừa tiếp tục chịu "tác động tiêu cực kép" từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập bên trong; Thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhất là triển khai các giải pháp trong điều hành kinh tế vĩ mô, vừa phải kiểm soát lạm phát, vừa phải thúc đẩy tăng trưởng,... Tuy nhiên, với những thành quả đạt được của năm 2024, nhiều tổ chức quốc tế đều nhận định lạc quan về triển vọng tăng trưởng của kinh tế Việt Nam năm 2025. Với sự ổn định trong chính sách, thúc đẩy chuyển đổi số, và cam kết phát triển bền vững, Việt Nam có tiềm năng duy trì vị thế là điểm sáng tăng trưởng tại khu vực Đông Nam Á và trên thế giới. Nhằm tạo ra những đột phá trong hoạt động, bên cạnh những nền tảng đã đạt được trong năm 2024, HDBank kiên trì với các mục tiêu chiến lược đã đề ra và tiếp tục duy trì tốc độ phát triển trên nền tảng số, đẩy mạnh triển khai hoàn thiện các sáng kiến theo chiến lược, mạnh mẽ vượt qua những khó khăn chung của ngành ngân hàng, sớm trở thành một trong những ngân hàng Top đầu ở Việt Nam và vươn tầm quốc tế. Song hành với các thuận lợi và thách thức của nền kinh tế, ngành Ngân hàng nói chung và HDBank nói riêng vẫn có các cơ hội để phát triển, tăng trưởng, kết quả hoạt động kinh doanh vẫn duy trì ở mức ổn định và tăng trưởng tốt.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

2.2. *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

Bảng 53: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của HDBank (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
1. Quy mô vốn				
Vốn điều lệ	*tỷ Đồng*	29.076	35.101	35.101
Vốn tự có	*tỷ Đồng*	57.895	82.053	96.429
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) (*)	%	12,21%	13,61%	14,45%
2. Chất lượng tài sản				
Tỷ lệ nợ quá hạn (**)	%	6,56%	4,72%	5,43%
Tỷ lệ nợ xấu (**)	%	1,51%	1,28%	1,97%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	57,47%	62,13%	63,56%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	86,84%	88,48%	93,29%
3. Khả năng thanh khoản				
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	17,87%	17,98%	17,29%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn (***)	%	24,08%	17,20%	22,32%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi (LDR) (***)	%	66,16%	68,48%	68,70%
4. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	31,89%	32,29%	30,75%
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,56%	2,46%	2,49%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	4,12%	4,71%	4,31%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	2,05%	1,95%	1,99%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	25,50%	25,63%	24,51%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	*Đồng*	N/A	N/A	N/A
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	6,46%	1,87%	10,19%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	10,58%	3,29%	18,82%

Nguồn: HDBank

Bảng 54: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của HDBank (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
1. Quy mô vốn				
Vốn điều lệ	*tỷ Đồng*	29.076	35.101	35.101
Vốn tự có	*tỷ Đồng*	61.900	87.255	103.460
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) (*)	%	12,57%	14,03%	15,00%
2. Chất lượng tài sản				
Tỷ lệ nợ quá hạn (**)	%	7,04%	5,07%	5,72%
Tỷ lệ nợ xấu (**)	%	1,79%	1,48%	2,14%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	58,41%	62,91%	64,34%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	87,21%	88,82%	93,53%
3. Khả năng thanh khoản				
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	17,24%	17,67%	17,00%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn (***)	%	24,95%	18,15%	23,17%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi (LDR) (***)	%	68,69%	70,95%	71,27%
4. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	30,49%	32,47%	31,56%
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,56%	2,57%	2,67%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	5,13%	5,58%	5,08%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	2,03%	2,04%	2,13%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	24,21%	25,71%	25,23%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	*Đồng*	3.482	3.671	3.261
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	8,28%	4,16%	10,71%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	16,81%	8,47%	21,97%

Nguồn: HDBank

(*) Tỷ lệ an toàn vốn CAR riêng lẻ và hợp nhất áp dụng theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN do NHNN ban hành quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư 22/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của

Thông tư 41

(**) Theo quy định Thông tư số 31/2024/TT-NHNN của NHNN ngày 30/06/2024

(***) Theo quy định Thông tư số 22/2019/TT-NHNN của NHNN ngày 15/11/2019

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Chi tiết được trình bày tại Mục V.3 của Bản Cáo Bạch này.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC của Tổ Chức Phát Hành

Công ty TNHH PwC (Việt Nam) là Tổ chức kiểm toán lần lượt thực hiện kiểm toán BCTC năm 2023 và năm 2024 của HDBank và Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam là Tổ chức kiểm toán thực hiện soát xét BCTC bán niên năm 2025 của HDBank. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán tại các BCTC kiểm toán năm 2023 và năm 2024 và BCTC soát xét bán niên năm 2025 đều là ý kiến chấp nhận toàn phần, cụ thể như sau:

3.1. BCTC năm 2023 đã kiểm toán

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán về BCTC riêng: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam."*

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán về BCTC hợp nhất: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam."*

3.2. BCTC năm 2024 đã kiểm toán

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán về BCTC riêng: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam."*

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán về BCTC hợp nhất: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam."*

3.3. *BCTC bán niên năm 2025 đã soát xét*

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán về BCTC riêng: *"Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng tại ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ."*

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán về BCTC hợp nhất: *"Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng tại ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ."*

4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm

4.1. *Kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với Tổ Chức Phát Hành*

- Tên tổ chức xếp hạng tín nhiệm: Công ty Cổ phần FiinRatings (Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm số 02/GCN-DVXHTN do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 20/03/2020) ("**FiinRatings**")
- Thời điểm xếp hạng tín nhiệm: ngày 29/09/2025
- Kết quả xếp hạng: HDBank được FiinRatings thông báo cập nhật kết quả Xếp hạng Tín nhiệm Tổ chức phát hành ở mức điểm "A" với triển vọng xếp hạng "Thuận lợi"
- Nguồn thông tin: Website của FiinRatings

4.2. *Kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với Trái Phiếu*

Không có.

5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

5.1. *Kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ thông qua*

Bảng 55: Kế hoạch kinh doanh năm 2025 của HDBank

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	
	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
Thu nhập lãi thuần (*)	37.333	21%
Lợi nhuận sau thuế	17.035	29%

Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi thuần (*)	46%	6%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	26,2%	2%
Tỷ lệ chi trả cổ tức (**)	N/A	N/A

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 của HDBank

(*) Là Thu nhập lãi thuần, số liệu cơ sở để HDBank tính toán các chỉ tiêu tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Tổng Giám đốc HDBank do HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025

(**) Theo Nghị quyết số 25/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/11/2025 của Đại hội đồng cổ đông HDBank v/v Phương án chia cổ tức năm 2024, tỷ lệ chia cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu là 25%

5.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch kinh doanh nêu trên

- Cơ sở để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 2025:

  HDBank xây dựng kế hoạch và tính toán khả năng có thể đảm bảo đạt mục tiêu trên cơ sở các căn cứ sau:

  - Tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, tuân thủ cho vay theo quy định của NHNN và định hướng mục tiêu của HĐQT. Thực hiện chọn lựa, sàng lọc khách hàng tốt và hiệu quả cao để thực hiện cấp tín dụng; gia tăng cho vay khách hàng trong hệ sinh thái, chủ yếu KHCN và SME, đa dạng hóa việc cho vay để giảm thiểu rủi ro tập trung danh mục;
  - Tập trung huy động vốn dân cư, vốn thị trường 1 cho đầu tư, gia tăng tỷ lệ CASA để tận dụng nguồn vốn giá rẻ;
  - Khai thác nguồn khách hàng hiện hữu và của hệ sinh thái nhằm gia tăng các sản phẩm dịch vụ của HDBank, gia tăng thu kinh doanh ngoại hối và các hoạt động đầu tư để gia tăng thu dịch vụ và các khoản thu nhập ngoài lãi;
  - Kiểm soát tín dụng, thực hiện các biện pháp xử lý để giảm nợ xấu đảm bảo ở mức an toàn, tuân thủ tỷ lệ nợ xấu < 2%;
  - Quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả chi phí hoạt động;
  - Đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực hoạt động, chuyển hình thức kinh doanh đa kênh thành hợp kênh trên nền tảng trực tuyến.

- Cơ sở để đạt được kế hoạch cổ tức 2025:

  - Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2025 của ngân hàng;
  - Căn cứ nhu cầu nâng cao năng lực tài chính của ngân hàng;
  - Căn cứ phê duyệt của cấp có thẩm quyền (NHNN, Bộ Tài chính).

- Kết quả thực hiện đến thời điểm hiện tại:

  Trong 9 tháng đầu năm 2025, HDBank ghi nhận thu nhập lãi thuần hợp nhất đạt 24.991 tỷ đồng, tăng 10,32% so với cùng kỳ năm ngoái và hoàn thành 66,94% kế hoạch năm; lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 11.833 tỷ đồng, tăng 18,20% so với cùng kỳ năm ngoái và hoàn thành 69,46% kế hoạch năm. ROE hợp nhất tiếp tục duy trì ở mức cao, đạt 25,23%, thuộc nhóm

dẫn đầu toàn ngành. Tổng thu nhập hoạt động hợp nhất đạt 30.357 tỷ đồng, tăng trưởng bền vững nhờ sự đóng góp tích cực từ các hoạt động cốt lõi cùng các chỉ tiêu kinh doanh sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh.

5.3. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch kinh doanh

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của HDBank được đưa ra trên cơ sở các dự báo về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng nói chung và các dự báo về rủi ro tiềm ẩn, cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của HDBank nói riêng. Trên cơ sở các kết quả tích cực đã đạt được, hoạt động kinh doanh có lãi trong nhiều năm qua, cũng như tình hình tài chính khả quan hiện nay của HDBank, Tổ Chức Tư Vấn nhận thấy khả năng đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2025 của HDBank là có tính khả thi, nếu không gặp phải những rủi ro bất khả kháng và phát sinh các biến động lớn có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh tế vĩ mô, chu kỳ tăng trưởng và hoạt động kinh doanh của ngành ngân hàng.

Trên cơ sở những thông tin đã thu thập được và sau khi nghiên cứu, phân tích, đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về thực trạng hoạt động kinh doanh của HDBank, Tổ Chức Tư Vấn cho rằng các chiến lược kinh doanh, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và khả năng thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu của HDBank có thể thực hiện được, ngoại trừ trường hợp xuất hiện những biến động bất lợi, bất thường và bất khả kháng làm ảnh hưởng tới kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ của một tổ chức tư vấn tài chính doanh nghiệp, căn cứ vào các thông tin chúng tôi đã thu thập và cách tính toán trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính. Những nhận xét đánh giá của chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán, cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo của Ngân hàng. Do vậy, các đánh giá và nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào Trái Phiếu của HDBank.

6. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo

Các đợt chào bán trái phiếu cụ thể trong các năm tiếp theo sẽ được ĐHĐCĐ/HĐQT của HDBank thông qua trên cơ sở kế hoạch kinh doanh từng năm.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

*Mục VI này bao gồm các điều khoản và điều kiện chi tiết của Trái Phiếu được chào bán theo Bản Cáo Bạch này, sau đây được gọi là "**Các Điều Kiện Trái Phiếu**". Cụm từ "**Các Điều Kiện Trái Phiếu**" có nghĩa là đề cập đến toàn bộ các điều khoản và điều kiện chi tiết của Trái Phiếu mà không phải là chỉ đề cập đến bất kỳ quy định cụ thể nào.*

Bằng việc mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo hình thức khác, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được xem là đã hiểu và đồng ý với tất cả các nội dung và quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này và chịu sự ràng buộc của các quy định có liên quan của Các Điều Kiện Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

Trái Phiếu được chào bán thành nhiều đợt. Theo đó, tại mỗi Đợt chào bán, trừ khi được quy định khác đi thì các quy định đối với và liên quan đến Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu được hiểu là đề cập đến Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc quy định cho Trái Phiếu hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu của Đợt chào bán tương ứng đó.

1. Cơ sở pháp lý liên quan đến Đợt Chào Bán

- Luật Các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 do Quốc hội ban hành ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành ("**Luật Tổ Chức Tín Dụng**");
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành ("**Luật Doanh Nghiệp**");
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành ("**Luật Chứng Khoán**");
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành ("**Nghị Định 155**");
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) ("**Thông Tư 118**");
- Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) ("**Thông Tư 41**");
- Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 của NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) ("**Thông Tư 22**") và các quy định khác có liên quan;
- Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nghị quyết số 209/2025/NQ-HĐQT ngày 27/10/2025 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh v/v thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng vốn và phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2026 ("**Nghị Quyết Về Phương Án Phát Hành**");
- Các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Định nghĩa

Các thuật ngữ và cụm từ viết hoa được sử dụng trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này nếu không được định nghĩa khác đi thì có nghĩa như sau:

"**Công Ty Con**" của Tổ Chức Phát Hành có nghĩa quy định tại Điều 4.9 của Luật Tổ Chức Tín Dụng và trong trường hợp điều này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì sẽ theo quy định của điều được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

"**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**" có nghĩa như được quy định tại Điểm 13 Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

"**Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký**" có nghĩa như được quy định tại Điểm 14 Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

"**Điều Lệ**" có nghĩa là điều lệ của Tổ Chức Phát Hành tại từng thời điểm.

"**Đồng**" hoặc "**VND**" có nghĩa là đồng tiền hợp pháp của Việt Nam.

"**Gốc**" hoặc "**Khoản Gốc**" có nghĩa là giá trị tổng mệnh giá Trái Phiếu chưa thanh toán.

"**Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký**" có nghĩa là bất kỳ Hợp đồng cung cấp Dịch vụ Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký nào được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký.

"**Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**" có nghĩa là bất kỳ Hợp đồng cung cấp Dịch vụ Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu nào được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

"**HNX**" có nghĩa là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

"**Kỳ Tính Lãi**" có nghĩa là khoảng thời gian định kỳ 01 (*Một*) năm một lần kể từ Ngày Phát Hành, theo đó Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán lãi trên Khoản Gốc cho Người Sở Hữu Trái Phiếu. Kỳ Tính Lãi đầu tiên sẽ bắt đầu từ và bao gồm Ngày Phát Hành và kết thúc vào, nhưng không bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên. Các Kỳ Tính Lãi tiếp theo sẽ bắt đầu từ và bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Tính Lãi liền trước và kết thúc vào nhưng không bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Tính Lãi đó hoặc Ngày Đáo Hạn hoặc ngày mua lại Trái Phiếu trước hạn (nếu có) hoặc ngày đến hạn khác.

"**Ngày Đăng Ký Cuối Cùng**" liên quan đến việc chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền hoặc thực hiện nghĩa vụ theo Trái Phiếu (kể cả khi Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu), có nghĩa là:

a) <u>Trong trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tập trung tại VSDC:</u>

(i) là Ngày Làm Việc thứ 10 (*Mười*) trước Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc ngày đến hạn khác; hoặc

(ii) là Ngày Làm Việc do Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thông báo để xác định danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quyền tham dự Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tham gia ý kiến bằng văn bản.

b) <u>Trong trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tập trung tại VSDC:</u>

là Ngày Làm Việc do Tổ Chức Phát Hành hoặc VSDC trên cơ sở ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành ấn định để xác định danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng

quyền (quyền nhận Gốc, Lãi Trái Phiếu, quyền tham dự Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tham gia ý kiến bằng văn bản, quyền yêu cầu mua lại trước hạn, các quyền khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này) phù hợp với thông báo của Tổ Chức Phát Hành, VSDC và quy định của pháp luật.

"**Ngày Đáo Hạn**" có nghĩa là ngày kết thúc kỳ hạn của mỗi Trái Phiếu, cụ thể như sau:

a) Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu HDBC7Y263301: là ngày tròn 07 (*Bảy*) năm kể từ Ngày Phát Hành của Trái Phiếu HDBC7Y263301.

b) Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu HDBC8Y263401: là ngày tròn 08 (*Tám*) năm kể từ Ngày Phát Hành của Trái Phiếu HDBC8Y263401.

c) Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu HDBC7Y263302: là ngày tròn 07 (*Bảy*) năm kể từ Ngày Phát Hành của Trái Phiếu HDBC7Y263302.

d) Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu HDBC8Y263402: là ngày tròn 08 (*Tám*) năm kể từ Ngày Phát Hành của Trái Phiếu HDBC8Y263402.

"**Ngày Làm Việc**" có nghĩa là bất kỳ ngày nào không phải ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ kể cả nghỉ bù mà vào ngày đó các ngân hàng mở cửa hoạt động kinh doanh bình thường theo quy định của pháp luật Việt Nam.

"**Ngày Phát Hành**" có nghĩa là ngày kết thúc mỗi Đợt Chào Bán đối với mỗi Trái Phiếu.

"**Ngày Thanh Toán Lãi**" có nghĩa là mỗi ngày tròn 01 (*Một*) năm kể từ Ngày Phát Hành, với điều kiện là (i) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên sẽ là ngày tròn năm thứ nhất kể từ Ngày Phát Hành; và (ii) Ngày Thanh Toán Lãi cuối cùng sẽ là Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại (nếu có) hoặc ngày đến hạn khác.

"**Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại**" có nghĩa là Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại của mỗi Trái Phiếu, cụ thể như sau:

a) Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu HDBC7Y263301: là ngày tròn 02 (*Hai*) năm kể từ Ngày Phát Hành của Trái Phiếu HDBC7Y263301.

b) Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu HDBC8Y263401: là ngày tròn 03 (*Ba*) năm kể từ Ngày Phát Hành của Trái Phiếu HDBC8Y263401.

c) Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu HDBC7Y263302: là ngày tròn 02 (*Hai*) năm kể từ Ngày Phát Hành của Trái Phiếu HDBC7Y263302.

d) Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu HDBC8Y263402: là ngày tròn 03 (*Ba*) năm kể từ Ngày Phát Hành của Trái Phiếu HDBC8Y263402.

"**Người Sở Hữu Trái Phiếu**" có nghĩa là (i) tổ chức, cá nhân được đăng ký là người sở hữu Trái Phiếu trong Sổ Đăng Ký (khi Trái Phiếu chưa được đăng ký tập trung tại VSDC); hoặc (ii) tổ chức, cá nhân được xác định là chủ sở hữu hợp pháp của Trái Phiếu đó theo các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam và VSDC (khi Trái Phiếu đã được đăng ký tập trung tại VSDC).

"**Nợ Thứ Cấp**" là khoản nợ mà trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị giải quyết theo thủ tục phá sản, giải thể hay thanh lý, chủ nợ chỉ được thanh toán sau các nghĩa vụ của các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (các chủ nợ không phải là chủ nợ thứ cấp khác

của Tổ Chức Phát Hành), trong đó các khoản nợ bao gồm toàn bộ các khoản nợ phải trả tồn tại hoặc sẽ phát sinh.

"**Thời Điểm Khóa Sổ**" có nghĩa là (i) nếu Trái Phiếu chưa được đăng ký tập trung tại VSDC, là thời điểm 18:00 (*Mười tám*) giờ (giờ Việt Nam) vào Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan; hoặc (ii) nếu Trái Phiếu đã được đăng ký tập trung tại VSDC, là thời điểm mà VSDC thực hiện chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu vào Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan.

"**Sổ Đăng Ký**" có nghĩa như được quy định tại Điểm 14 Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

"**Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật**" nghĩa là bất kỳ văn bản nào được liệt kê tại Điều 4 của Luật Ban Hành Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được Quốc hội thông qua ngày 22/06/2015, và trong trường hợp các điều này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì sẽ bao gồm bất kỳ văn bản nào sau đó được định nghĩa là văn bản quy phạm pháp luật theo các điều được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

"**Văn Kiện Trái Phiếu**" có nghĩa là bất kỳ văn kiện nào, bao gồm (i) Bản Cáo Bạch; (ii) Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký; (iii) Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu; (iv) Nghị Quyết Về Phương Án Phát Hành; (v) bất kỳ văn kiện, hợp đồng, thỏa thuận nào khác được ký kết hoặc ban hành sau Ngày Phát Hành có quy định hoặc có liên quan về quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu và được các bên liên quan công nhận là một Văn Kiện Trái Phiếu; và (vi) bất kỳ văn kiện hay thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của bất kỳ văn kiện, hợp đồng hay thỏa thuận nào nêu trong các điểm từ (i) đến (v) trên đây.

"**Vấn Đề Loại Trừ**" có nghĩa là bất kỳ vấn đề nào sau đây:

a) Điều chỉnh Ngày Đáo Hạn hoặc bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi nào (ngoại trừ trường hợp quy định tại Điểm 9.12);

b) Giảm hoặc ngừng thanh toán tiền gốc Trái Phiếu;

c) Điều chỉnh Lãi Suất;

d) Thay đổi tỷ lệ chấp thuận cần thiết để thông qua quyết định, nghị quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu;

e) Sửa đổi định nghĩa Vấn Đề Loại Trừ.

"**Việt Nam**" có nghĩa là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

"**VSDC**" có nghĩa là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

3. Tên Trái Phiếu

Tên Trái Phiếu: **Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2026**.

Toàn bộ Trái Phiếu chào bán ra công chúng được chia làm 02 (*Hai*) Đợt Chào Bán như sau:

- Đợt Chào Bán 1: gồm **Trái Phiếu HDBC7Y263301** và **Trái Phiếu HDBC8Y263401**

Trái Phiếu HDBC7Y263301: có mã trái phiếu ban đầu là HDBC7Y263301, kỳ hạn 07 năm, số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán dự kiến là 25.000.000 (*Hai mươi lăm triệu*) Trái Phiếu.

Trái Phiếu HDBC8Y263401: có mã trái phiếu ban đầu là HDBC8Y263401, kỳ hạn 08 năm,

số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán dự kiến là 25.000.000 (*Hai mươi lăm triệu*) Trái Phiếu.

- Đợt Chào Bán 2: gồm **Trái Phiếu HDBC7Y263302** và **Trái Phiếu HDBC8Y263402**

Trái Phiếu HDBC7Y263302: có mã trái phiếu ban đầu là HDBC7Y263302, kỳ hạn 07 năm, số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán dự kiến là 25.000.000 (*Hai mươi lăm triệu*) Trái Phiếu.

Trái Phiếu HDBC8Y263402: có mã trái phiếu ban đầu là HDBC8Y263402, kỳ hạn 08 năm, số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán dự kiến là 25.000.000 (*Hai mươi lăm triệu*) Trái Phiếu.

*Sau đây được gọi chung là "**Các Trái Phiếu**", và gọi riêng là "**Trái Phiếu**" có nghĩa là bất kỳ trái phiếu nào trong số Các Trái Phiếu.*

*Mỗi Đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng nêu trên được gọi chung là "**Đợt Chào Bán**", và gọi riêng là "**Đợt Chào Bán 1**" và "**Đợt Chào Bán 2**".*

4. Loại Trái Phiếu

4.1. Loại Trái Phiếu

Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

4.2. Các tính chất khác của Trái Phiếu

a) Các Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành và trong mọi trường hợp, quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (không phải là chủ Nợ Thứ Cấp) hiện tại và trong tương lai của Tổ Chức Phát Hành. Các Trái Phiếu trong cùng một Đợt Chào Bán tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào;

b) Tổ Chức Phát Hành được ngừng trả lãi Trái Phiếu khi đến hạn thanh toán lãi Trái Phiếu và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ;

c) Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác;

d) Tổ Chức Phát Hành chỉ được mua lại, trả nợ Trái Phiếu trước thời gian đáo hạn với điều kiện sau khi thực hiện việc mua lại, Tổ Chức Phát Hành vẫn đảm bảo tuân thủ và phù hợp các quy định về tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo pháp luật hiện hành và báo cáo NHNN (Cơ quan Thanh tra, Giám sát ngân hàng) để giám sát.

5. Mệnh giá

Trái Phiếu có mệnh giá là 100.000 VND (*Một trăm nghìn đồng*)/Trái Phiếu.

6. Tổng số lượng và tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán là 100.000.000 (*Một trăm triệu*) Trái Phiếu, tương ứng với tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá là 10.000.000.000.000 VND (*Mười nghìn tỷ đồng*), được chia làm 02 (*Hai*) Đợt Chào Bán như sau:

Đợt chào bán Trái Phiếu	Mã Trái Phiếu	Số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán (Trái Phiếu)	Giá trị Trái Phiếu đăng ký chào bán theo mệnh giá (VND)
Đợt Chào Bán 1	HDBC7Y263301	25.000.000	2.500.000.000.000
	HDBC8Y263401	25.000.000	2.500.000.000.000
Đợt Chào Bán 2	HDBC7Y263302	25.000.000	2.500.000.000.000
	HDBC8Y263402	25.000.000	2.500.000.000.000
Tổng cộng		**100.000.000**	**10.000.000.000.000**

Đợt Chào Bán 2 chỉ được thực hiện sau khi kết thúc Đợt Chào Bán 1. Trường hợp Đợt Chào Bán 1 chưa phân phối hết số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán thì số lượng Trái Phiếu chưa phân phối hết sẽ chuyển sang Đợt Chào Bán 2 để phân phối tiếp.

7. **Kỳ hạn Trái Phiếu**

Đợt chào bán Trái Phiếu	Mã Trái Phiếu	Kỳ hạn Trái Phiếu
Đợt Chào Bán 1	HDBC7Y263301	07 năm
	HDBC8Y263401	08 năm
Đợt Chào Bán 2	HDBC7Y263302	07 năm
	HDBC8Y263402	08 năm

8. **Lãi suất**

8.1. Lãi suất Trái Phiếu

Lãi suất của Các Trái Phiếu ("**Lãi Suất**") là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức như sau:

Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + Biên Độ

Vì mục đích của Điểm 8.1 này:

a) "**Biên Độ**" được xác định tùy theo kỳ hạn của Trái Phiếu và **tối đa là 2,90%/năm**. Biên Độ cụ thể của mỗi Trái Phiếu sẽ do Tổng Giám đốc của HDBank quyết định trước khi triển khai mỗi Đợt Chào Bán phù hợp tình hình thị trường tại thời điểm phát hành, và được công bố tại Bản thông báo chào bán Trái Phiếu;

b) "**Lãi Suất Tham Chiếu**" dùng để xác định Lãi Suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (*Mười hai*) tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức ("**website**") của Các Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Để làm rõ, trong trường hợp website thể hiện nhiều địa điểm/khu vực, ưu tiên lấy lãi suất tại địa bàn nơi Các Ngân Hàng Tham Chiếu đó đặt hội sở chính;

c) "**Ngân Hàng Tham Chiếu**" có nghĩa là mỗi ngân hàng trong số 04 (*Bốn*) ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng

Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (gọi riêng là "**Ngân Hàng Tham Chiếu**" và gọi chung là "**Các Ngân Hàng Tham Chiếu**");

d) "**Ngày Xác Định Lãi Suất**" (i) đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đăng ký mua Trái Phiếu của mỗi Đợt Chào Bán; và (ii) đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (*Bảy*) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi đó;

e) Lãi Suất Tham Chiếu được xác định theo nguyên tắc sau:

(i) Trường hợp vào Ngày Xác Định Lãi Suất mà website của một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) Ngân Hàng Tham Chiếu nào không hoạt động hoặc không công bố hoặc không có lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (*Mười hai*) tháng, trả lãi cuối kỳ thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là bình quân của các mức lãi suất tham chiếu do các Ngân Hàng Tham Chiếu còn lại công bố vào Ngày Xác Định Lãi Suất đó;

(ii) Trường hợp nếu tất cả Các Ngân Hàng Tham Chiếu không có hoặc không công bố lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (*Mười hai*) tháng, trả lãi cuối kỳ của mình vào Ngày Xác Định Lãi Suất thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (*Mười hai*) tháng, trả lãi cuối kỳ áp dụng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh công bố trên trang thông tin điện tử của mình tại Ngày Xác Định Lãi Suất có liên quan; và

(iii) Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi thông báo về kết quả xác định Lãi Suất cho Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc VSDC (tùy từng trường hợp áp dụng) và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi ít nhất 03 (*Ba*) Ngày Làm Việc và gửi thông báo về kết quả xác định Lãi Suất cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng cách đăng tải lên website của Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc VSDC (tùy từng thời điểm áp dụng) và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu vào trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi ít nhất 01 (*Một*) Ngày Làm Việc, trừ trường hợp Kỳ Tính Lãi đầu tiên thì Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo về kết quả xác định Lãi Suất tại ngày bắt đầu thực hiện chào bán Trái Phiếu. Những Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý và cam kết rằng kết quả xác định Lãi Suất của Tổ Chức Phát Hành sẽ được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu trừ khi có sai sót về số học một cách rõ ràng.

f) Để làm rõ, trong trường hợp Lãi Suất trên mỗi Trái Phiếu xác định theo quy định tại Điểm 8.1 này không phải là một số nguyên thì Lãi Suất sẽ được làm tròn đến 04 (*Bốn*) chữ số ở phần thập phân sau dấu phẩy. Tổng số tiền Lãi của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quy định tại Điểm 8.2 dưới đây được làm tròn lên đến hàng đơn vị.

8.2. Trong trường hợp pháp luật có quy định áp dụng trần lãi suất đối với Trái Phiếu thì:

a) nếu quy định áp dụng trần lãi suất này không có hiệu lực áp dụng hoặc không bắt buộc áp dụng đối với Lãi Suất đã được quy định tại Điểm 8.1 này thì Lãi Suất sẽ tiếp tục được áp dụng theo quy định tại Điểm 8.1 đó;

b) nếu quy định áp dụng trần lãi suất này có hiệu lực áp dụng đối với Lãi Suất và Lãi Suất đã được quy định tại Điểm 8.1 này vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định

thì Lãi Suất sẽ là mức lãi suất trần tối đa được phép theo quy định của pháp luật; và

c) nếu quy định áp dụng trần lãi suất này có hiệu lực áp dụng đối với Lãi Suất nhưng Lãi Suất được quy định tại Điểm 8.1 này không vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định thì Lãi Suất là mức lãi suất được xác định như tại Điểm 8.1 này.

8.3. Vào Ngày Xác Định Lãi Suất, Tổ Chức Phát Hành xác định Lãi Suất cho Kỳ Tính Lãi tương ứng phù hợp quy định tại Điểm 8.1 này. Trong thời hạn quy định tại Điểm 8.1(c)(iii) nêu trên, Tổ Chức Phát Hành thông báo cho Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc VSDC và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu để Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc VSDC (tùy từng trường hợp áp dụng) và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng tải lên trang thông tin điện tử chính thức của Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc VSDC (nếu cần thiết) và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, đồng thời Tổ Chức Phát Hành đăng tải lên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành để Người Sở Hữu Trái Phiếu biết thông tin về Lãi Suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi tiếp theo.

9. Kỳ hạn trả Lãi, trả Gốc và việc thanh toán Lãi, Gốc của Trái Phiếu

9.1. Kỳ hạn trả Lãi

Áp dụng chung cho Các Trái Phiếu, Lãi được thanh toán sau hàng năm, định kỳ 01 (*Một*) năm một lần vào Ngày Thanh Toán Lãi. Lãi được tính kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành cho đến, nhưng không bao gồm Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này (tùy trường hợp áp dụng).

9.2. Kỳ hạn trả Gốc

Áp dụng chung cho Các Trái Phiếu, Gốc được thanh toán một lần vào Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này (tùy trường hợp áp dụng).

9.3. Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký thực hiện chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu vào Ngày Đăng Ký Cuối Cùng, là Ngày Làm Việc thứ 10 (*Mười*) trước Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc ngày đến hạn khác theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

9.4. Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC, Tổ Chức Phát Hành ấn định Ngày Đăng Ký Cuối Cùng vào Ngày Làm Việc thứ 10 (*Mười*) trước Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc ngày đến hạn khác trong phạm vi các quy định này không trái hoặc xung đột với các quy định pháp luật hiện hành và quy chế của VSDC.

9.5. Tổ Chức Phát Hành đồng ý thanh toán lãi phát sinh trên tổng mệnh giá Trái Phiếu nắm giữ (**"Lãi"**) kể từ Ngày Phát Hành cho đến, và không bao gồm, ngày đến sớm hơn của (i) Ngày Đáo Hạn; hoặc (ii) Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại; hoặc (iii) ngày đến hạn khác, với mức Lãi Suất có liên quan đối với số ngày thực tế đã trôi qua của mỗi Kỳ Tính Lãi trên cơ sở một năm có 365 (Ba trăm sáu mươi lăm) ngày. Công thức tính Lãi cụ thể như sau:

$$\text{Tổng số Lãi được hưởng} = \text{Tổng mệnh giá Trái Phiếu nắm giữ} \times \text{Lãi Suất} \times \frac{\text{Số ngày thực tế của Kỳ Tính Lãi đó}}{365}$$

9.6. Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán khoản Lãi vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi. Khoản Lãi phải thanh toán vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi sẽ là:

a) đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên, khoản Lãi phát sinh kể từ (và bao gồm) Ngày Phát Hành cho đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên của Trái Phiếu tương ứng; và

b) đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo, khoản Lãi phát sinh kể từ (và bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Tính Lãi liền trước cho đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Tính Lãi đó.

9.7. Trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc ngày đến hạn khác, khoản tiền Lãi và/hoặc Gốc không được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ hoặc đúng hạn (ngoại trừ trường hợp quy định tại Điểm 9.12 dưới đây), khoản tiền Lãi và/hoặc Gốc bị chậm thanh toán đó sẽ tiếp tục được hưởng lãi theo Lãi Suất áp dụng trong Kỳ Tính Lãi bị chậm thanh toán đó, tính trên cơ sở một năm có 365 (*Ba trăm sáu mươi lăm*) ngày, kể từ ngày phát sinh việc chậm thanh toán cho đến và không bao gồm ngày Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được tất cả các khoản tiền Lãi và/hoặc Gốc liên quan.

9.8. Trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn khác mà Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được khoản tiền thanh toán Lãi và/hoặc Gốc mà không phải do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký (áp dụng trước khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC) hoặc VSDC (sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC) thì khoản tiền thanh toán Lãi và/hoặc Gốc sẽ được Tổ Chức Phát Hành giữ hộ và không được hưởng lãi phát sinh trên khoản tiền đó.

9.9. Trường hợp Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn khác (gọi chung là **"Ngày Thanh Toán"**) không phải là Ngày Làm Việc thì Lãi và/hoặc Gốc sẽ được thanh toán vào Ngày Làm Việc tiếp theo ngay sau đó (**"Ngày Thanh Toán Thực Tế"**). Trừ trường hợp quy định tại đoạn dưới đây, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán không phải là một Ngày Làm Việc.

Nếu Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc ngày đến hạn khác không phải là Ngày Làm Việc thì đối với mỗi Trái Phiếu do mình sở hữu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ tiếp tục được hưởng lãi tính trên Gốc theo Lãi Suất áp dụng trong Kỳ Tính Lãi mà Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán khoản tiền Gốc đó, cho giai đoạn tính từ và bao gồm ngày đến hạn đó đến nhưng không bao gồm Ngày Thanh Toán Thực Tế, tính trên cơ sở một năm có 365 (*Ba trăm sáu mươi lăm*) ngày.

9.10. Vào Ngày Thanh Toán Lãi, Tổ Chức Phát Hành thực hiện thanh toán tiền Lãi và/hoặc Gốc cho Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng vào Tài Khoản Đăng Ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu theo thông tin Sổ Đăng Ký do Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký cung cấp. Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC, việc thanh toán Lãi và/hoặc Gốc và các khoản tiền khác liên quan tới Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành và quy chế của VSDC. Ngày Đăng Ký Cuối Cùng sẽ được xác định theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và quy chế của VSDC tại thời điểm áp dụng.

9.11. Chỉ những Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký của Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc danh sách tổng hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc tài liệu tương tự) của VSDC lập (tùy từng trường hợp áp dụng) tại Thời Điểm Khóa Sổ cho mỗi lần thanh toán Lãi và/hoặc Gốc mới được nhận tiền Lãi và/hoặc Gốc thanh toán trong Kỳ Tính Lãi đó. Để làm rõ, đối với các giao dịch chuyển nhượng Trái Phiếu diễn ra sau Thời Điểm Khóa Sổ thì bên nhận chuyển nhượng sẽ không được nhận các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu cho Kỳ Tính Lãi có liên quan đó.

9.12. Ngừng thanh toán tiền Lãi

a) Trong suốt kỳ hạn của Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng thanh toán tiền Lãi khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc thanh toán Lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản Lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ ("**Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán**"). Việc chậm trả Lãi như vậy sẽ không bị coi là vi phạm bất kỳ quy định nào của Trái Phiếu cho bất kỳ mục đích nào. Kỳ Tính Lãi mà Tổ Chức Phát Hành tạm ngừng thanh toán tiền Lãi là "**Kỳ Tạm Ngừng**" thanh toán tiền Lãi đó;

b) Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán sẽ không được nhập vào Gốc và sẽ được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày chậm trả Lãi cho đến nhưng không bao gồm ngày hoàn trả thực tế (là ngày Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán và lãi phát sinh tính trên Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán);

c) Lãi suất áp dụng cho Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán là Lãi Suất của Kỳ Tạm Ngừng đó (mức lãi suất này được áp dụng trong suốt thời gian tạm ngừng thanh toán Lãi) và được tính trên số ngày thực tế chậm trả trên cơ sở một năm có 365 (*Ba trăm sáu mươi lăm*) ngày.

10. Giá chào bán

Giá chào bán Trái Phiếu bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu, tương đương 100.000 VND (*Một trăm nghìn đồng*)/Trái Phiếu.

11. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động

Các Trái Phiếu có thứ tự thanh toán sau các nghĩa vụ và khoản nợ của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (không phải là chủ Nợ Thứ Cấp) hiện tại và trong tương lai của Tổ Chức Phát Hành. Các Trái Phiếu phát hành trong cùng một Đợt Chào Bán tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

12. Quyền và nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu

12.1. Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ là chủ sở hữu duy nhất của Trái Phiếu về mọi phương diện và sẽ có quyền nhận tất cả các khoản thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác liên quan đến Trái Phiếu. Các quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu bao gồm:

a) Được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền Gốc và tiền Lãi và các khoản thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Kiện Trái

Phiếu này (trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng thanh toán tiền Lãi theo quy định tại Điểm 9.12 nêu trên);

b) Được tự do chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu của mình (bao gồm nhưng không giới hạn ở mua, bán, cho, tặng, để lại thừa kế và các hình thức chuyển quyền sở hữu khác theo quy định của pháp luật) và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm phù hợp với các quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này và quy định của pháp luật có liên quan;

c) Được cấp trích lục Sổ Đăng Ký và/hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái Phiếu ("**Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu**") nếu có yêu cầu, trừ trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu đã ủy quyền cho Tổ Chức Phát Hành làm thủ tục lưu ký tập trung;

d) Có quyền yêu cầu xác nhận số dư Trái Phiếu theo quy định tại Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký hoặc theo quy định của các thành viên lưu ký tại nơi Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tài khoản chứng khoán;

e) Có quyền yêu cầu Tổ Chức Phát Hành giữ bí mật thông tin liên quan đến số dư Trái Phiếu và các giao dịch của Người Sở Hữu Trái Phiếu (trong trường hợp các giao dịch của Người Sở Hữu Trái Phiếu có sự tham gia, hỗ trợ từ Tổ Chức Phát Hành hoặc Tổ Chức Phát Hành nắm thông tin) trừ khi Tổ Chức Phát Hành phải tiết lộ các thông tin đó theo quy định của pháp luật;

f) Quyền khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây của Tổ Chức Phát Hành, gọi chung là một "**Sự Kiện Vi Phạm**":

(i) Không Thanh Toán:

Nếu Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền Gốc và/hoặc tiền Lãi của Trái Phiếu, và vi phạm đó vẫn chưa được khắc phục trong thời gian 10 (*Mười*) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc ngày đến hạn khác (trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành được phép thực hiện quyền ngừng thanh toán tiền Lãi theo quy định tại Điểm 9.12 phía trên). Trong trường hợp này, Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền khởi kiện Tổ Chức Phát Hành theo thủ tục phá sản hoặc thanh lý hoặc khởi kiện theo các hình thức khác do Người Sở Hữu Trái Phiếu lựa chọn mà không cần gửi thông báo nào khác.

(ii) Phá Sản, Giải Thể:

Nếu có một lệnh của tòa án được đưa ra hoặc một nghị quyết của cấp có thẩm quyền được thông qua về việc phá sản hoặc giải thể đối với Tổ Chức Phát Hành (bất kể là có một Sự Kiện Vi Phạm đã xảy ra và đang tiếp diễn hay không) và lệnh hoặc nghị quyết đó không được thu hồi/hủy bỏ trong thời gian 15 (*Mười lăm*) Ngày Làm Việc kể từ ngày được đưa ra, thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể gửi một thông báo bằng văn bản, được coi là có hiệu lực vào ngày nhận thông báo, cho Tổ Chức Phát Hành và tuyên bố Trái Phiếu mình đang nắm giữ đến hạn và phải thanh toán ngay lập tức mà không phải thực hiện thêm bất cứ thủ tục nào khác nữa. Trong trường hợp này, Trái Phiếu được coi là sẽ đến hạn ngay lập tức cùng với tiền lãi lũy kế (nếu có) được tính cho đến ngày hoàn trả.

g) Được tham dự Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu và biểu quyết tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu và được lấy ý kiến và biểu quyết về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu theo quy định tại các Văn Kiện Trái Phiếu;

h) Được nhận các thông báo, thông tin liên quan đến Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này;

i) Các quyền khác theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này, các Văn Kiện Trái Phiếu khác và quy định của pháp luật.

12.2. Nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu

a) Tuân thủ các quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu liên quan (nếu có);

b) Tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư Trái Phiếu, hạn chế về giao dịch Trái Phiếu được đầu tư và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của chính mình;

c) Không được yêu cầu thanh toán Trái Phiếu không thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình. Trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu cố tình vi phạm bất kỳ quy định nào tại các Văn Kiện Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu đó sẽ phải bồi thường các thiệt hại thực tế cho Tổ Chức Phát Hành và/hoặc bên thứ ba và chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định của pháp luật;

d) Lập tức hoàn trả cho Tổ Chức Phát Hành bất kỳ khoản tiền nào mà Tổ Chức Phát Hành chuyển sai cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sau khi nhận được thông báo kèm theo bằng chứng chứng minh về sai sót đó từ Tổ Chức Phát Hành hoặc ngay khi Người Sở Hữu Trái Phiếu phát hiện ra sai sót đó;

e) Thông báo cho Tổ Chức Phát Hành khi có sự thay đổi hoặc chấm dứt ủy quyền của đại diện của Người Sở Hữu Trái Phiếu trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ định đại diện ủy quyền làm việc với Tổ Chức Phát Hành;

f) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về (i) tính xác thực của các giấy tờ pháp lý cung cấp cho Tổ Chức Phát Hành; và (ii) nguồn gốc hợp pháp của nguồn vốn đầu tư vào Trái Phiếu;

g) Có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ thuế phát sinh từ thu nhập chịu thuế hoặc bất kỳ khoản thanh toán nào mà Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của pháp luật ngoại trừ trường hợp quy định tại Điểm 17.2 Các Điều Kiện Trái Phiếu này;

h) Phối hợp thực hiện các thủ tục, công việc theo yêu cầu của pháp luật hoặc của Tổ Chức Phát Hành để hoàn thành việc đăng ký, lưu ký tập trung và niêm yết Trái Phiếu;

i) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này, các Văn Kiện Trái Phiếu khác và quy định của pháp luật.

12.3. Trường hợp thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trường hợp phát sinh thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu đã quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này, các phát sinh thay đổi chỉ có hiệu lực sau khi có sự thống nhất giữa Tổ Chức Phát Hành, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và những Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng một Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận hoặc theo yêu cầu bắt buộc của pháp luật.

13. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

13.1. Tên Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

Khi còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành, sẽ luôn có một tổ chức làm tổ chức đại diện cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu ("**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**") để giám sát việc Tổ Chức Phát Hành tuân thủ các cam kết tại Các Điều Kiện Trái Phiếu, bảo vệ quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu và thực hiện các nhiệm vụ khác theo thỏa thuận với Tổ Chức Phát Hành. Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("**SSI**") làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc mua và sở hữu Trái Phiếu, có tên trong Sổ Đăng Ký (hoặc tài liệu tương đương) (trước hoặc sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC, tùy trường hợp áp dụng) hoặc nhận chuyển nhượng hoặc chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo các cách khác nhau (sau thời điểm hoàn tất phát hành Trái Phiếu), chấp thuận việc chỉ định SSI làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu. Việc thay thế Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) sẽ theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

13.2. Trách nhiệm cơ bản của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

a) Thay mặt Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện đầy đủ và đúng hạn các quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật;

b) Không được thực hiện bất kỳ hành vi nào cho mình hoặc cho bất kỳ người thứ ba nào nếu hành vi này trực tiếp hoặc gián tiếp xung đột với quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu;

c) Đặt quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu lên trên lợi ích của mình khi có nguy cơ, hoặc khi xảy ra xung đột quyền lợi;

d) Thực hiện các hành vi và công việc nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu;

e) Thực hiện bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu hoặc văn bản, tài liệu nào mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu là một bên hoặc được chỉ định hay yêu cầu ký kết nhân danh và/hoặc vì lợi ích của những Người Sở Hữu Trái Phiếu;

f) Giám sát việc tuân thủ và/hoặc xử lý đối với các cam kết, nghĩa vụ, trách nhiệm và nhiệm vụ của Tổ Chức Phát Hành quy định trong các Văn Kiện Trái Phiếu. Cụ thể, việc giám sát của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện thông qua việc tiếp nhận, kiểm tra, đánh giá trên cơ sở các tài liệu, các báo cáo của Tổ Chức Phát Hành do Tổ Chức Phát Hành gửi đến Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác (nếu có). Trường hợp thông qua các tài liệu, báo cáo này, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phát hiện Tổ Chức Phát Hành có các hành vi vi phạm làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ báo cáo UBCKNN và thông báo ngay cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu về những hành vi vi phạm đó theo quy định;

Để làm rõ, những thông tin trong các tài liệu, báo cáo nêu trên sẽ mặc nhiên được coi

là chính xác và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không có nghĩa vụ kiểm tra, xác minh về tính xác thực của những thông tin đó. Tổ Chức Phát Hành cam kết bảo đảm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực đối với các thông tin do mình cung cấp cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và cam kết chịu trách nhiệm trong trường hợp có bất kì sai sót nào xảy ra đối với những thông tin do mình cung cấp, dù là vô ý hay cố ý;

g) Triệu tập và tổ chức Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản khi có yêu cầu hợp lệ của Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Phát Hành; ký các biên bản hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu nhân danh những Người Sở Hữu Trái Phiếu, ký biên bản kiểm phiếu; ký các Quyết định/Nghị quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo thẩm quyền được giao (tùy từng trường hợp);

h) Nhận và thông báo ngay cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu về nội dung của mỗi thông báo, tài liệu hoặc các thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành, các tổ chức có liên quan khác yêu cầu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng một (01) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được văn bản đó;

i) Thông báo và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành thực hiện các Quyết định/Nghị quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu trong phạm vi các Quyết định/Nghị quyết đó được đưa ra phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu, quy định của pháp luật hiện hành và có tính chất ràng buộc đối với Tổ Chức Phát Hành;

j) Tạo điều kiện và hỗ trợ cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu rà soát, nghiên cứu và sao chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến Trái Phiếu (kể cả các Văn Kiện Trái Phiếu) mà (i) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm lưu giữ và (ii) Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền tiếp cận theo các Văn Kiện Trái Phiếu;

k) Làm trung gian liên lạc giữa Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và/hoặc các tổ chức có liên quan khác;

l) Các nhiệm vụ khác theo quy định tại Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có).

14. Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký

14.1. Tên Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký

Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC, Tổ Chức Phát Hành chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán HD ("**HDS**") là Đại lý đăng ký, lưu ký và quản lý chuyển nhượng Trái Phiếu ("**Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký**") cho Các Trái Phiếu theo Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký.

Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc mua và sở hữu Trái Phiếu, có tên trong Sổ Đăng Ký (trước khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC) hoặc nhận chuyển nhượng hoặc chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo các cách khác nhau (sau thời điểm hoàn tất phát hành Trái Phiếu), chấp thuận việc chỉ định HDS là Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký ban đầu đối với Trái Phiếu. Việc thay thế Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký (nếu có) sẽ theo quy định của Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký và Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

14.2. Trách nhiệm cơ bản của Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký theo Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký

Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký được chỉ định thay mặt Tổ Chức Phát Hành thực hiện các nhiệm vụ cơ bản sau:

a) Lập và lưu giữ sổ đăng ký của Các Trái Phiếu ghi thông tin của những Người Sở Hữu Trái Phiếu ("**Sổ Đăng Ký**"). Sổ Đăng Ký bao gồm nhưng không giới hạn bởi những nội dung cơ bản sau:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính và mã số doanh nghiệp của Tổ Chức Phát Hành;

(ii) Các thông tin chính về Trái Phiếu gồm tên Trái Phiếu, mã Trái Phiếu, tổng số Trái Phiếu đã được phát hành, tổng số Trái Phiếu đang lưu hành, mệnh giá, kỳ hạn, Ngày Phát Hành, Ngày Đáo Hạn, Lãi Suất, phương thức trả Lãi, Ngày Thanh Toán Lãi, địa điểm thanh toán Gốc, Lãi và Lãi quá hạn (nếu có);

(iii) Họ tên, số CC/CCCD/hộ chiếu, ngày cấp và nơi cấp (nếu là cá nhân) hoặc tên tổ chức, số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập, ngày cấp và nơi cấp (nếu là tổ chức) và địa chỉ liên hệ, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử của Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm họ sở hữu Trái Phiếu;

(iv) Tổng số tiền Gốc Trái Phiếu và thông tin chi tiết về Trái Phiếu do từng Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ (bao gồm nhưng không giới hạn ở thông tin về việc sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm và các hạn chế chuyển nhượng Trái Phiếu, nếu có); và

(v) Chi tiết về tài khoản ngân hàng được đăng ký và/hoặc tài khoản chứng khoán của Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tại Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc thành viên lưu ký khác (nếu có) (theo thông báo của Người Sở Hữu Trái Phiếu với Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký) để nhận các khoản tiền thanh toán liên quan đến Trái Phiếu ("**Tài Khoản Đăng Ký**").

b) Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với mỗi Trái Phiếu được ghi nhận thuộc sở hữu của mình trong Sổ Đăng Ký, sẽ được coi là chủ sở hữu hợp pháp và duy nhất của Trái Phiếu đó về mọi phương diện và cho mọi mục đích liên quan đến Trái Phiếu đó. Khi Trái Phiếu chưa được đăng ký tập trung tại VSDC, Sổ Đăng Ký có giá trị hợp lệ và cao nhất để xác định quyền sở hữu Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu;

c) Thực hiện việc cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu hoặc cấp trích lục Sổ Đăng Ký khi Người Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu, trừ trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu đã ủy quyền cho Tổ Chức Phát Hành làm thủ tục lưu ký tập trung. Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC, việc cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký (theo ủy quyền từ Tổ Chức Phát Hành) phát hành, ký và đóng dấu xác nhận theo quy định tại Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký;

d) Thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu này và Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký và cập nhật việc chuyển quyền sở hữu vào Sổ Đăng Ký của mỗi Trái Phiếu tương ứng;

e) Vào Ngày Làm Việc thứ 15 (*Mười lăm*) trước mỗi Ngày Thanh Toán Lãi hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại (nếu có) hoặc Ngày Đáo Hạn của mỗi Trái Phiếu, gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu thông báo về Ngày Đăng Ký Cuối Cùng của Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan tới Trái Phiếu;

f) Duy trì và lưu giữ sổ sách ghi chép về các tài liệu mà Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký nhận được liên quan đến quá trình chuyển quyền sở hữu và các dịch vụ khác mà Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký cung cấp theo Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký;

g) Cung cấp bản sao, bản trích lục Sổ Đăng Ký cập nhật về Người Sở Hữu Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành ngay khi có yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành và trợ giúp những yêu cầu hợp lý liên quan đến Sổ Đăng Ký của Tổ Chức Phát Hành;

h) Xác nhận số lượng Trái Phiếu sở hữu và xác nhận phong tỏa, giải tỏa Trái Phiếu theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu phục vụ cho giao dịch hợp lệ của Người Sở Hữu Trái Phiếu;

i) Tùy thuộc quy định của luật pháp Việt Nam từng thời điểm, khấu trừ, giữ lại, kê khai và nộp thuế, phí và lệ phí trên giá trị giao dịch chuyển quyền sở hữu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu;

Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC, Tổ Chức Phát Hành sẽ chấm dứt việc chỉ định Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký nêu tại Điểm 14 này. Việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc nêu tại Điểm 14 này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế của VSDC.

15. Đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch Trái Phiếu

15.1. Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC, Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký và quản lý chuyển nhượng tại Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký theo quy định của pháp luật, Các Điều Kiện Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

15.2. Trái Phiếu sẽ được đăng ký tập trung tại VSDC, niêm yết và giao dịch trên HNX theo các quy định có liên quan của pháp luật, quy định của VSDC và HNX.

15.3. Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký tập trung (và lưu ký tập trung theo ủy quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu, nếu có) các Trái Phiếu theo các quy định có liên quan của pháp luật, quy định của VSDC, HNX và Các Điều Kiện Trái Phiếu này. Việc chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu trong quá trình làm thủ tục đăng ký và/hoặc lưu ký tập trung Trái Phiếu tại VSDC (nếu áp dụng) sẽ theo quy định/hướng dẫn của VSDC và các quy định pháp luật có liên quan tại thời điểm đó.

15.4. Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm hoàn tất việc đăng ký niêm yết Trái Phiếu tại HNX ngay khi có thể sau khi hoàn tất việc đăng ký tập trung Trái Phiếu tại VSDC theo quy định pháp luật hiện hành và sau đó sẽ duy trì việc niêm yết Trái Phiếu chừng nào còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành. Tổ Chức Phát Hành được hủy niêm yết Trái Phiếu nếu việc hủy niêm yết là nhằm mục đích mua lại Trái Phiếu trước hạn hoặc vào Ngày Đáo Hạn.

15.5. Kể từ thời điểm Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC và niêm yết tại HNX, (i) việc lập, duy trì và lưu giữ Sổ Đăng Ký (hoặc tài liệu tương đương) và nội dung Sổ Đăng Ký sẽ theo quy định có liên quan của pháp luật và của VSDC; (ii) việc chuyển quyền sở hữu và

thực hiện các giao dịch liên quan đến Trái Phiếu được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, quy chế của VSDC và các quy định của HNX nơi Trái Phiếu được niêm yết (nếu áp dụng), vai trò của Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký đối với việc đăng ký, lưu ký và quản lý chuyển nhượng Trái Phiếu sẽ chấm dứt tại thời điểm này; và (iii) việc cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu đối với các Trái Phiếu không được Người Sở Hữu Trái Phiếu lưu ký tập trung tại VSDC sẽ do Tổ Chức Phát Hành thực hiện và/hoặc tổ chức được ủy quyền hợp lệ theo quy định pháp luật có liên quan, quy chế VSDC và các Văn Kiện Trái Phiếu.

16. Cam kết về bảo đảm

Trái Phiếu không có bảo đảm.

17. Việc mua lại Trái Phiếu trước hạn

17.1. Hoàn trả Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn

Trừ khi Trái Phiếu được mua lại và hủy bỏ trước hạn theo quy định tại Điểm 17 này, vào Ngày Đáo Hạn, Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán toàn bộ (i) Khoản Gốc của Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó; (ii) bất kỳ khoản Lãi và tất cả các khoản tiền khác phải trả đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán đối với Trái Phiếu tính đến (nhưng không bao gồm) Ngày Đáo Hạn.

17.2. Mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại

a) Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của NHNN, bằng việc gửi thông báo cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (thông báo này là không hủy ngang) theo quy định tại Điểm 17.2(c) dưới đây, Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại trước hạn toàn bộ nhưng không mua lại một phần Trái Phiếu tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại tương ứng với giá mua bằng mệnh giá Trái Phiếu.

b) Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành và nhận được khoản tiền Gốc do mình sở hữu; khi đó Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ và các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu liên quan (nếu có) sẽ tự động hết hiệu lực lưu hành. Kể từ Thời Điểm Khóa Sổ của Ngày Đăng Ký Cuối Cùng cho đến Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được chuyển nhượng, sử dụng Trái Phiếu để chiết khấu, làm tài sản bảo đảm, tạo lập các nghĩa vụ hoặc biện pháp bảo đảm đối với Trái Phiếu hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác liên quan đến Trái Phiếu mà dẫn đến hoặc có thể dẫn đến việc thay đổi quyền sở hữu Trái Phiếu.

c) Vì mục đích mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại như quy định tại Điểm 17.2 này, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo việc mua lại ("**Thông Báo Mua Lại**") trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành ít nhất 15 (*Mười lăm*) ngày nhưng không sớm hơn 60 (*Sáu mươi*) ngày trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc một thời hạn cụ thể theo quy định của pháp luật liên quan và quy chế của VSDC sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC. Trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được Thông Báo Mua Lại của Tổ Chức Phát Hành mà không do lỗi của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc VSDC hoặc không thực hiện các thủ tục cần thiết để

thực hiện việc bán lại Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành (nếu có), Người Sở Hữu Trái Phiếu vẫn có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số Trái Phiếu đang sở hữu cho Tổ Chức Phát Hành và tiền thanh toán mua lại Trái Phiếu sẽ được chuyển vào Tài Khoản Đăng Ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định.

17.3. Mua lại Trái Phiếu theo thỏa thuận

Tại bất kỳ thời điểm nào, trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật, quy chế của HNX và/hoặc VSDC và vẫn đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của NHNN, bên cạnh việc mua lại trước hạn Trái Phiếu theo quy định tại Điểm 17.2 nêu trên, Tổ Chức Phát Hành có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu từ bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào và theo bất kỳ giá nào với điều kiện phải thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu trước tối thiểu 15 (*Mười lăm*) ngày tính đến ngày dự kiến mua lại Trái Phiếu trước hạn. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền quyết định việc bán lại Trái Phiếu của mình cho Tổ Chức Phát Hành hay không. Việc chào mua Trái Phiếu được thực hiện công khai đối với tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu với cùng một điều kiện và theo tỷ lệ tương ứng với số tiền Gốc của Trái Phiếu mà mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ.

17.4. Mua lại Trái Phiếu bắt buộc khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm

Nếu bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào trong các Sự Kiện Vi Phạm quy định tại Điểm 12.1(f)(ii) của Các Điều Kiện Trái Phiếu này diễn ra thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể tuyên bố Trái Phiếu đến hạn và Tổ Chức Phát Hành bắt buộc phải mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành.

17.5. Hủy bỏ

Tất cả Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành hoàn trả và/hoặc mua lại theo Điểm 17 Các Điều Kiện Trái Phiếu này sẽ được hủy bỏ ngay và sẽ không được phát hành lại hoặc bán lại (trừ trường hợp pháp luật có liên quan hoặc các quy định khác có hướng dẫn khác). Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) sẽ tự động hết hiệu lực kể từ thời điểm Tổ Chức Phát Hành hoàn thành nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền Gốc, Lãi đến hạn theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

18. Quyết định của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Người Sở Hữu Trái Phiếu thông qua các quyết định, nghị quyết thuộc thẩm quyền của mình đối với các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu bằng hình thức biểu quyết tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu (như định nghĩa dưới đây) hoặc bằng cách lấy ý kiến thông qua các hình thức khác phù hợp với các quy định dưới đây:

18.1. Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu

a) Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu là cuộc họp của tất cả những Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm triệu tập cuộc họp đó ("**Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu**"). Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được tổ chức dưới hình thức các phương tiện truyền thông điện tử như hội nghị qua điện thoại (teleconference) hoặc hội nghị trực tuyến (video conference).

b) Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được triệu tập:

(i) Theo quyết định của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (khi có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến Trái Phiếu đòi hỏi Người Sở Hữu Trái Phiếu phải

đưa ra quyết định, chỉ thị cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu);

(ii) Theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc nhóm Người Sở Hữu Trái Phiếu cùng nhau) sở hữu ít nhất 10% (*Mười phần trăm*) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành đối với bất kỳ vấn đề nào liên quan đến Trái Phiếu.

c) Số đại biểu cần thiết để tiến hành:

(i) Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập lần thứ nhất để quyết định (các) vấn đề không phải là Vấn Đề Loại Trừ là một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu trên 65% (*Sáu mươi lăm phần trăm*) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành hội nghị;

(ii) Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập lần thứ nhất để quyết định (các) Vấn Đề Loại Trừ là một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 75% (*Bảy mươi lăm phần trăm*) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành hội nghị;

(iii) Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập lần thứ hai (do lần triệu tập thứ nhất không đủ điều kiện về số đại biểu cần thiết) để quyết định các vấn đề không phải là Vấn Đề Loại Trừ là một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu bất kỳ số lượng Trái Phiếu nào;

(iv) Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập lần thứ hai (do lần triệu tập thứ nhất không đủ điều kiện về số đại biểu cần thiết) để quyết định các Vấn Đề Loại Trừ là một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu trên 65% (*Sáu mươi lăm phần trăm*) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành hội nghị; và

(v) Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập lần thứ ba (do lần triệu tập thứ hai không đủ điều kiện về số đại biểu cần thiết) để quyết định các Vấn Đề Loại Trừ là một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu bất kỳ số lượng Trái Phiếu nào.

d) Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập và tiến hành theo trình tự và thủ tục quy định tại Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

18.2. Lấy Ý Kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu

a) Quyết định, nghị quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu về bất kỳ vấn đề nào liên quan đến Trái Phiếu có thể được thông qua bằng cách lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác phù hợp với quy định của Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và quy định pháp luật ("**Lấy Ý Kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu**").

b) Việc Lấy Ý Kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được thực hiện:

(i) theo quyết định của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu khi có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến Trái Phiếu đòi hỏi Người Sở Hữu Trái Phiếu phải đưa ra quyết định, chỉ thị cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu;

(ii) theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc nhóm

Người Sở Hữu Trái Phiếu cùng nhau) sở hữu ít nhất 10% (*Mười phần trăm*) tổng mệnh giá Trái Phiếu đối với bất kỳ vấn đề nào liên quan đến Trái Phiếu.

c) Việc Lấy Ý Kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được tiến hành theo trình tự và thủ tục quy định tại Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

18.3. Thông qua Quyết Định Người Sở Hữu Trái Phiếu

a) Quyết định, nghị quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu về bất kỳ vấn đề nào không phải là một Vấn Đề Loại Trừ được coi là thông qua hợp lệ nếu được chấp thuận bởi một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu số Trái Phiếu chiếm trên (i) 65% (*Sáu mươi lăm phần trăm*) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành và được biểu quyết hợp lệ tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu; hoặc (ii) 65% (*Sáu mươi lăm phần trăm*) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó nếu được biểu quyết bằng cách Lấy Ý Kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu.

b) Quyết định, nghị quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu về bất kỳ Vấn Đề Loại Trừ nào được thông qua hợp lệ nếu được chấp thuận bởi một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất (i) 75% (*Bảy mươi lăm phần trăm*) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành và được biểu quyết hợp lệ tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu; hoặc (ii) 75% (*Bảy mươi lăm phần trăm*) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm thông qua quyết định/nghị quyết đó nếu được biểu quyết bằng cách Lấy Ý Kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu.

c) Quyết định, nghị quyết được số Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu 100% (*Một trăm phần trăm*) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó chấp thuận (dù tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hay bằng cách Lấy Ý Kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu) là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập hoặc lấy ý kiến không đáp ứng quy định tại Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

d) Quyết định, nghị quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu nếu được thông qua hợp lệ theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này sẽ ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu (cho dù Người Sở Hữu Trái Phiếu có tham dự Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan hay đưa ra ý kiến bằng văn bản hay không) nhưng một quyết định/nghị quyết có hiệu lực làm thay đổi Các Điều Kiện Trái Phiếu này sẽ chỉ ràng buộc Tổ Chức Phát Hành nếu được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận rõ ràng bằng văn bản ("**Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu**").

e) Không phụ thuộc vào các quy định tại các Điểm 18.3a), b), c) và d) nêu trên, trường hợp chỉ có một Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sở hữu 100% (*Một trăm phần trăm*) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thì không cần triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu. Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sẽ thỏa thuận thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Kiện Trái Phiếu này bằng văn bản thỏa thuận giữa hai bên hoặc bằng bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời trực tiếp của bên được xin ý kiến về nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đó, và trong trường hợp này, văn bản thỏa thuận thống nhất giữa Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất và/hoặc bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời đồng ý/chấp thuận của bên được xin ý kiến sẽ có giá trị pháp lý như một Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu đã được Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận thông qua. Đối

với các nội dung để xử lý các Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất có quyền thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Kiện Trái Phiếu này mà không cần sự chấp thuận của Tổ Chức Phát Hành.

19. Phương thức phân phối

- Các Đợt Chào Bán không có bảo lãnh phát hành.
- Phương thức phân phối: (i) Bán trực tiếp cho Nhà Đầu Tư tại Trụ sở chính, các Chi nhánh/Phòng Giao dịch của Tổ Chức Phát Hành; và (ii) Phân phối thông qua Đại lý phát hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("**Đại Lý Phát Hành**" hoặc "**SSI**").
- Trách nhiệm cơ bản của Đại Lý Phát Hành:
  - (i) Tổ chức giới thiệu về việc phát hành Trái Phiếu, phân phối tài liệu hồ sơ chào bán cho các Nhà Đầu Tư do SSI giới thiệu;
  - (ii) Hỗ trợ Tổ Chức Phát Hành tư vấn và giải đáp các câu hỏi thẩm định của Nhà Đầu Tư do SSI giới thiệu trong việc mua Trái Phiếu (nếu có);
  - (iii) Tư vấn, phối hợp và hỗ trợ Tổ Chức Phát Hành thực hiện việc phát hành Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư do SSI giới thiệu theo quy định của pháp luật và tài liệu chào bán;
  - (iv) Các công việc khác thuộc phạm vi công việc của Đại Lý Phát Hành có liên quan tới Nhà Đầu Tư do SSI giới thiệu theo quy định của pháp luật, thông lệ thị trường và/hoặc Văn Kiện Trái Phiếu.
- Việc phân phối Trái Phiếu chỉ được thực hiện sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp và thực hiện các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Phát Hành sẽ phân phối Trái Phiếu theo nguyên tắc công bằng, công khai và bảo đảm thời hạn đăng ký mua cho Nhà Đầu Tư tối thiểu là 20 (*Hai mươi*) ngày kể từ ngày công bố Bản thông báo chào bán Trái Phiếu.

20. Đăng ký mua Trái Phiếu

20.1. Đối tượng mua Trái Phiếu

Tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật ("**Nhà Đầu Tư**").

20.2. Số lượng Trái Phiếu đăng ký mua tối thiểu

a) Số lượng đăng ký mua tối thiểu đối với Nhà Đầu Tư là cá nhân: tối thiểu 500 (*Năm trăm*) Trái Phiếu, tương đương với 50.000.000 VND (*Năm mươi triệu đồng*) tính theo mệnh giá.

b) Số lượng đăng ký mua tối thiểu đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức: tối thiểu 1.000 (*Một nghìn*) Trái Phiếu, tương đương 100.000.000 VND (*Một trăm triệu đồng*) tính theo mệnh giá.

Để làm rõ, Nhà Đầu Tư chỉ được đăng ký mua số lượng Trái Phiếu chẵn đến hàng đơn vị và tối thiểu là 500 (*Năm trăm*) Trái Phiếu đối với Nhà Đầu Tư là cá nhân và tối thiểu là 1.000 (*Một nghìn*) Trái Phiếu đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức.

20.3. Thời hạn đăng ký mua Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành bảo đảm thời hạn đăng ký mua Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư tối thiểu là 20 (*Hai mươi*) ngày kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành công bố Bản thông báo chào bán Trái Phiếu của mỗi Đợt Chào Bán và tối đa là 90 (*Chín mươi*) ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp (i) Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng đối với Đợt Chào Bán 1; hoặc (ii) Văn bản thông báo nhận được tài liệu báo cáo triển khai Đợt Chào Bán 2 ("**Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán**").

20.4. Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua Trái Phiếu

Trong thời hạn đăng ký mua Trái Phiếu được quy định bởi Tổ Chức Phát Hành, Nhà Đầu Tư thực hiện đăng ký mua Trái Phiếu trong phạm vi số lượng Trái Phiếu chào bán và phải đáp ứng yêu cầu về số lượng Trái Phiếu đăng ký mua tối thiểu do Tổ Chức Phát Hành quy định tại Điểm 20.2 nêu trên. Nhà Đầu Tư có thể đăng ký và thanh toán tiền mua Trái Phiếu theo các phương thức sau:

a) Thông qua Tổ Chức Phát Hành

- Địa điểm đăng ký mua: Nhà Đầu Tư đăng ký mua Trái Phiếu trực tiếp tại Trụ sở chính và các Chi nhánh/Phòng Giao dịch trên toàn quốc của Tổ Chức Phát Hành. Chi tiết địa chỉ Trụ sở chính và các Chi nhánh/Phòng Giao dịch được đăng tải tại website: www.hdbank.com.vn/vi/atm-branch
- Nhà Đầu Tư chuyển tiền mua Trái Phiếu vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành quy định tại Điểm 22 dưới đây ("**Tài Khoản Phong Tỏa**").

b) Thông qua Đại Lý Phát Hành

- Địa điểm đăng ký mua: Nhà Đầu Tư đăng ký mua Trái Phiếu trực tiếp tại Trụ sở chính và các Chi nhánh/Phòng Giao dịch trên toàn quốc của Đại Lý Phát Hành. Chi tiết địa chỉ Trụ sở chính và các Chi nhánh/Phòng Giao dịch được đăng tải tại website: www.ssi.com.vn/mang-luoi
- Nhà Đầu Tư chuyển tiền mua Trái Phiếu vào Tài Khoản Phong Tỏa.

Để tránh nhầm lẫn, (i) việc mua Trái Phiếu của Nhà Đầu Tư chỉ được coi là đã hoàn thành khi Nhà Đầu Tư đã đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu trong thời gian do Tổ Chức Phát Hành quy định vào Tài Khoản Phong Tỏa; và (ii) trong trường hợp Nhà Đầu Tư đăng ký nhưng không hoàn thành việc thanh toán tiền mua Trái Phiếu trong thời gian do Tổ Chức Phát Hành quy định thì việc đăng ký được coi như không còn giá trị.

20.5. Phương thức phân bổ Trái Phiếu

- Trái Phiếu sẽ được phân bổ cho các Nhà Đầu Tư theo nguyên tắc công bằng, công khai.
- Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua bằng hoặc nhỏ hơn số lượng Trái Phiếu được phép chào bán thì Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Đại Lý Phát Hành sẽ phân phối cho mỗi Nhà Đầu Tư số lượng Trái Phiếu bằng 100% số lượng Trái Phiếu mà Nhà Đầu Tư đó đăng ký mua.
- Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu được

phép chào bán thì Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Đại Lý Phát Hành sẽ phân phối toàn bộ số lượng Trái Phiếu được phép chào bán cho Nhà Đầu Tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng Nhà Đầu Tư.

- Xử lý phần lẻ Trái Phiếu: Trong mọi trường hợp, số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành phân bổ cho Nhà Đầu Tư sẽ được làm tròn xuống số nguyên gần nhất (nếu không phải là số nguyên). Đối với số lượng Trái Phiếu còn lại (được hình thành từ phần lẻ Trái Phiếu do số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành phân bổ cho Nhà Đầu Tư trên cơ sở tỷ lệ không phải là một số nguyên), Tổ Chức Phát Hành có toàn quyền quyết định việc phân bổ cho một hoặc một số Nhà Đầu Tư nhất định một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu còn lại đó.
- Để làm rõ, trong trường hợp số lượng Trái Phiếu được phân bổ của Nhà Đầu Tư thấp hơn số lượng đăng ký mua tối thiểu theo quy định tại Điểm 20.2 thì Nhà Đầu Tư vẫn sẽ được coi là đã đăng ký mua thành công với số lượng Trái Phiếu đã được phân bổ.

20.6. Chuyển giao Trái Phiếu

Trong vòng 30 (*Ba mươi*) ngày kể từ ngày kết thúc của mỗi Đợt Chào Bán, Nhà Đầu Tư sẽ nhận được bản gốc Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc bản gốc trích lục Sổ Đăng Ký (nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu có yêu cầu), trừ trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu đã ủy quyền cho Tổ Chức Phát Hành làm thủ tục lưu ký tập trung tại VSDC.

20.7. Quyền lợi của người mua Trái Phiếu

Nhà Đầu Tư sau khi hoàn thành việc mua Trái Phiếu sẽ được ghi tên trong Sổ Đăng Ký với tư cách là Người Sở Hữu Trái Phiếu, và được hưởng các quyền và lợi ích của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

20.8. Thời hạn và cách thức trả lại tiền đăng ký mua

Trong trường hợp (i) tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua lớn hơn tổng số lượng Trái Phiếu được phép chào bán; hoặc (ii) Nhà Đầu Tư nộp thừa tiền đăng ký mua Trái Phiếu; hoặc (iii) số lượng Trái Phiếu đăng ký mua của Nhà Đầu Tư không đáp ứng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua tối thiểu được quy định tại Điểm 20.2 nêu trên, Tổ Chức Phát Hành sẽ trả lại tiền cho Nhà Đầu Tư theo quy định như sau:

a) Thời hạn: Trong vòng 05 (*Năm*) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tài Khoản Phong Tỏa được giải tỏa.

b) Cách thức: Chuyển vào tài khoản của người đăng ký mua Trái Phiếu theo thông tin đăng ký mua Trái Phiếu có liên quan.

21. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu

Sau khi Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán do UBCKNN cấp có hiệu lực, Tổ Chức Phát Hành sẽ tiến hành phân phối Các Trái Phiếu và được chia làm 02 (*Hai*) Đợt Chào Bán với thời gian dự kiến triển khai như sau:

Đợt chào bán Trái Phiếu	Mã Trái Phiếu	Thời gian dự kiến chào bán
Đợt Chào Bán 1	HDBC7Y263301	Quý I/2026 – Quý II/2026
	HDBC8Y263401	

Đợt Chào Bán 2	HDBC7Y263302	Quý II/2026 – Quý IV/2026
	HDBC8Y263402	

Thời gian phân phối Trái Phiếu của mỗi Đợt Chào Bán dự kiến tối thiểu là 20 (*Hai mươi*) ngày và tối đa là 90 (*Chín mươi*) ngày. Đợt Chào Bán 2 chỉ được thực hiện sau khi kết thúc Đợt Chào Bán 1 (với điều kiện là khoảng cách giữa Đợt Chào Bán 2 với Đợt Chào Bán 1 không quá 12 (*Mười hai*) tháng), phù hợp với quy định của pháp luật liên quan. Trường hợp Đợt Chào Bán 1 chưa phân phối hết số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán thì số lượng Trái Phiếu chưa phân phối hết sẽ được chuyển sang Đợt Chào Bán 2 để phân phối tiếp.

Cụ thể, lịch trình dự kiến phân phối Các Trái Phiếu của từng Đợt Chào Bán như sau:

21.1. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu của Đợt Chào Bán 1 (Quý I/2026 – Quý II/2026)

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến
1	Ngày Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán do UBCKNN cấp có hiệu lực	T
2	Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin về Đợt Chào Bán 1	T+1 đến T+7 (Ngày Làm Việc)
3	Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu của Đợt Chào Bán 1	T_1 ($T+1 < T_1 < T+90$)
	- *Thời hạn bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu dự kiến;*	T_1
	- *Thời gian cung cấp thông tin cho Nhà Đầu Tư, nhận đơn đăng ký mua và nộp tiền mua Trái Phiếu dự kiến;*	T_1 *đến* T_1+20
	- *Thời hạn cuối cùng nhận đơn đăng ký mua và nộp tiền mua Trái Phiếu từ Nhà Đầu Tư.*	T_1+20
4	Ngày Phát Hành (ngày kết thúc Đợt Chào Bán 1)	T_1+20
5	Tổ Chức Phát Hành thực hiện báo cáo kết quả chào bán của Đợt Chào Bán 1 cho UBCKNN và thực hiện công bố thông tin về kết quả chào bán	Trong vòng 10 (*Mười*) ngày kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán
6	Chuyển giao Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư	Trong vòng 30 (*Ba mươi*) ngày kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán

Trường hợp Đợt Chào Bán 1 chưa phân phối hết số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán thì số lượng Trái Phiếu chưa phân phối hết sẽ được chuyển sang Đợt Chào Bán 2 để phân phối tiếp.

Sau khi kết thúc Đợt Chào Bán 1 và trên cơ sở kế hoạch phát hành Đợt Chào Bán 2 theo Nghị Quyết Về Phương Án Phát Hành ban đầu, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi tài liệu báo cáo triển khai Đợt Chào Bán 2 tới UBCKNN, trong đó bao gồm: (i) Tài liệu về tình hình của Tổ Chức Phát Hành (nếu có thay đổi); và (ii) Bản thông tin cập nhật Bản Cáo Bạch cập nhật các thông tin thay đổi và các phụ lục (nếu có) ("**Tài Liệu Triển Khai Đợt 2**"). Khoảng cách

giữa Đợt Chào Bán 2 và Đợt Chào Bán 1 không quá 12 (*Mười hai*) tháng và việc triển khai Đợt Chào Bán 2 chỉ được thực hiện sau khi Tổ Chức Phát Hành (i) nhận được văn bản của UBCKNN về việc nhận được tài liệu báo cáo triển khai Đợt Chào Bán 2; và (ii) công bố thông tin về Tài Liệu Triển Khai Đợt 2 và Bản thông báo chào bán Trái Phiếu của Đợt Chào Bán 2.

21.2. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu của Đợt Chào Bán 2 (Quý II/2026 – Quý IV/2026)

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến
1	Ngày UBCKNN có văn bản thông báo về việc nhận được tài liệu báo cáo triển khai Đợt Chào Bán 2	T'
2	Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin về Đợt Chào Bán 2	T'+1 đến T'+7 (Ngày Làm Việc)
3	Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu của Đợt Chào Bán 2	T_2 (T'+1 < T_2 < T'+90)
	- *Thời hạn bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu dự kiến;*	*T_2*
	- *Thời gian cung cấp thông tin cho Nhà Đầu Tư, nhận đơn đăng ký mua và nộp tiền mua Trái Phiếu dự kiến;*	*T_2 đến T_2+20*
	- *Thời hạn cuối cùng nhận đơn đăng ký mua và nộp tiền mua Trái Phiếu từ Nhà Đầu Tư.*	*T_2+20*
4	Ngày Phát Hành (ngày kết thúc Đợt Chào Bán 2)	T_2+20
5	Tổ Chức Phát Hành thực hiện báo cáo kết quả chào bán của Đợt Chào Bán 2 cho UBCKNN và thực hiện công bố thông tin về kết quả chào bán	Trong vòng 10 (*Mười*) ngày kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán
6	Chuyển giao Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư	Trong vòng 30 (*Ba mươi*) ngày kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán

Lịch trình phân phối Trái Phiếu cụ thể của mỗi Đợt Chào Bán sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chính thức sau khi được UBCKNN cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán và theo tình hình thực tế của mỗi Đợt Chào Bán. Thời hạn phân phối Trái Phiếu được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán do UBCKNN cấp cho Tổ Chức Phát Hành.

22. Tài khoản phong toả nhận tiền mua Trái Phiếu

Số tài khoản: 139000000979

Tên chủ tài khoản: NH THUONG MAI CP PHAT TRIEN TPHCM

Tại: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

23. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành

Không áp dụng, do theo quy định tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Định 155 ("**Nghị Định 245**"), Nghị Định 245 đã lược bỏ tài liệu "*văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phương án phát hành trái phiếu ra công chúng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng*" trong danh mục hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng theo quy định tại Khoản 9, Điều 20 Nghị Định 155. Như vậy, Tổ Chức Phát Hành không cần có chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền là NHNN về đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng của mình.

24. Các loại thuế có liên quan

Phần trình bày về thuế trong phần này dựa trên luật hiện hành tại ngày công bố Bản Cáo Bạch này và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào mà có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau ngày phát hành Bản Cáo Bạch. Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toán điện về các điểm cần lưu lý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các Nhà Đầu Tư, một số Nhà Đầu Tư (như người môi giới chứng khoán hoặc môi giới mua bán hàng hoá) phải tuân theo các quy định riêng.

24.1. Thuế thu nhập cá nhân

Thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu của cá nhân sẽ được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15/08/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/10/2013, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15/06/2015 và có hiệu lực từ ngày 30/07/2015 và sẽ được khấu trừ thuế với mức thuế như sau:

- Thu nhập từ Lãi Trái Phiếu được xem là thu nhập từ đầu tư vốn. Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ đầu tư vốn là 5%; và
- Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần.

24.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 18/06/2014 và có hiệu lực từ ngày 02/08/2014, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/06/2015 và có hiệu lực từ ngày 06/08/2015 sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận từ năm 2016.

Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển

nhượng Trái Phiếu theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/08/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/10/2014 với mức thuế suất áp dụng như sau:

- Mức thuế suất áp dụng đối với tiền lãi từ Trái Phiếu là 5%; và
- Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu là 0,1% trên tổng thu nhập doanh thu chuyển nhượng Trái Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

24.3. Thuế giá trị gia tăng

Theo các quy định tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2014, Lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu không là đối tượng chịu Thuế giá trị gia tăng.

24.4. Khấu trừ thuế thu nhập cá nhân

Việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân thực hiện như sau:

a) Trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tập trung tại VSDC:

(i) Tổ Chức Phát Hành sẽ khấu trừ, giữ lại và nộp thuế thu nhập cá nhân đối với tiền Lãi trước khi thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định pháp luật hiện hành. Để làm rõ, khoản tiền mà Tổ Chức Phát Hành sẽ khấu trừ, giữ lại và nộp thuế thu nhập cá nhân đối với tiền Lãi trước khi thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành không phải thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào để bù đắp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

(ii) Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký sẽ khấu trừ, giữ lại, kê khai và nộp thuế, phí và lệ phí áp dụng trong trường hợp chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành tại thời điểm thực hiện thủ tục xác nhận chuyển nhượng cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

b) Trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tập trung tại VSDC:

Việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân sẽ theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của VSDC và quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này nếu không mâu thuẫn.

25. Thông tin về các cam kết

Tổ Chức Phát Hành cam kết:

a) Đáp ứng đầy đủ các điều kiện chào bán Trái Phiếu quy định tại các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan tại Ngày Phát Hành;

b) Lựa chọn đại diện người sở hữu Trái Phiếu theo quy định;

c) Không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm;

d) Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;

e) Thanh toán đầy đủ gốc, lãi Trái Phiếu, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư liên quan đến Trái Phiếu;

f) Triển khai niêm yết Trái Phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc Đợt Chào Bán và đảm bảo tuân thủ quy định hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết trong

thời hạn 30 (*Ba mươi*) ngày kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán;

g) Báo cáo NHNN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về Đợt Chào Bán theo quy định của pháp luật (nếu có);

h) Tuân thủ quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong quá trình phát hành Trái Phiếu và khi thực hiện các giao dịch liên quan đến việc phát hành Trái Phiếu. Nghĩa vụ này không áp dụng cho các giao dịch liên quan đến Trái Phiếu giao dịch trên thị trường thứ cấp;

i) Sử dụng nguồn vốn huy động được từ việc phát hành Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật;

j) Giá trị Trái Phiếu dự kiến phát hành từng đợt theo mệnh giá không lớn hơn vốn chủ sở hữu;

k) Các nghĩa vụ và cam kết khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này, các Văn Kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật.

26. Các điều khoản khác

26.1. Thông báo và địa chỉ đăng ký

26.1.1. Thông báo

a) Mọi thông báo, thư liên lạc gửi cho hoặc từ Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, VSDC, HNX sẽ được coi là được gửi hợp lệ bằng cách:

(i) công bố trên website của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, VSDC, HNX nơi Trái Phiếu được niêm yết và/hoặc đăng ký tập trung (nếu áp dụng); hoặc

(ii) giao trực tiếp tận tay, gửi qua fax, gửi thư điện tử; hoặc

(iii) qua tin nhắn điện thoại; hoặc

(iv) gửi bằng thư bảo đảm hoặc gửi qua dịch vụ chuyển phát của tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát đến địa chỉ và số fax tương ứng quy định tại Điểm 26.1.2 dưới đây; hoặc

(v) gửi bằng hình thức điện tử thông qua tài khoản giao dịch chứng khoán của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

b) Bất kỳ thông báo, thư liên lạc nào như vậy sẽ được coi là đã nhận được:

(i) được công bố trên website, thời điểm tròn 24 (*Hai mươi tư*) giờ từ thời điểm công bố;

(ii) nếu được chuyển giao tận tay, tại thời điểm giao;

(iii) nếu được gửi bằng thư bảo đảm, tại thời điểm kết thúc thời hạn 05 (*Năm*) Ngày Làm Việc sau khi gửi (có xác nhận của bưu điện);

(iv) nếu được gửi qua fax, khi người gửi nhận được báo cáo chuyển fax xác nhận rằng thông báo hoặc thông điệp đã được gửi đầy đủ đến máy fax của người nhận, hoặc cách thức nhận báo cáo xác nhận tương tự khác;

(v) nếu được gửi qua thư điện tử, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi thư điện tử đến đúng địa chỉ thư điện tử đăng ký trong Sổ Đăng Ký (hoặc tài liệu tương đương) hoặc theo thông báo bằng văn bản của người nhận (để tránh nhầm lẫn, người gửi sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu người nhận không nhận được thư điện tử của người gửi do địa chỉ thư điện tử đăng ký trong Sổ Đăng Ký (hoặc tài liệu tương đương)/theo thông báo bằng văn bản của người nhận bị sai, bị đầy dung lượng hoặc tự động chặn/trả lại thư điện tử của người gửi);

(vi) nếu được gửi qua tin nhắn điện thoại, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi tin nhắn điện thoại đến đúng số điện thoại đăng ký trong Sổ Đăng Ký (hoặc tài liệu tương đương) hoặc theo thông báo bằng văn bản của người nhận (để tránh nhầm lẫn, người gửi sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu người nhận không nhận được tin nhắn điện thoại của người gửi do số điện thoại đăng ký trong Sổ Đăng Ký (hoặc tài liệu tương đương)/theo thông báo bằng văn bản của người nhận bị sai, bị đầy dung lượng hoặc tự động chặn/trả lại tin nhắn điện thoại của người gửi);

(vii) nếu được gửi bằng hình thức điện tử thông qua tài khoản giao dịch chứng khoán của Người Sở Hữu Trái Phiếu, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi thông tin trên tài khoản giao dịch chứng khoán; hoặc

(viii) nếu gửi qua dịch vụ chuyển phát của công ty chuyển phát, tại thời điểm xác nhận được gói bưu kiện đựng thông báo hoặc thư liên lạc có liên quan.

c) Bất kỳ bên nào cũng có thể thay đổi địa chỉ liên hệ của mình bằng cách gửi thông báo bằng văn bản trước 05 (*Năm*) Ngày Làm Việc cho bên kia. Trong trường hợp Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC, việc thay đổi thông tin của các bên tuân thủ quy định của VSDC tại từng thời kỳ.

26.1.2. Địa chỉ đăng ký

Trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đã thông báo cho các bên liên quan về việc thay đổi địa chỉ ít nhất 05 (*Năm*) Ngày Làm Việc trước ngày gửi thông báo, thư liên lạc theo quy định tại Điểm 26.1.1 nêu trên, địa chỉ đăng ký của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sử dụng cho việc nhận thông báo và các mục đích khác quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này được ghi dưới đây:

Tổ Chức Phát Hành:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Người nhận: Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ

Địa chỉ: Số 25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 62915916 Fax: (028) 62915900

Email: fixedincome@hdbank.com.vn

Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký:

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD

Người nhận: Khối Ngân hàng Đầu tư

Địa chỉ: Số 23 A-B Nguyễn Đình Chiểu và Lầu 9, Số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 6283 6888 Fax: (028) 6283 8666

Email: ib@hdbs.vn

Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Người nhận: Phòng Dịch vụ Khách hàng Trung tâm

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28)38 242.897

Email: G-HO-TTVHGD-DVKHDonvi@ssi.com.vn

26.2. Sửa đổi và từ bỏ

Bất kỳ sửa đổi nào đối với Các Điều Kiện Trái Phiếu này phải được Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu (được thông qua hợp lệ bằng một Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu) chấp thuận trước bằng văn bản theo quy định pháp luật.

26.3. Luật điều chỉnh

Các Điều Kiện Trái Phiếu này được điều chỉnh bởi và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ và/hoặc liên quan tới Trái Phiếu trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hợp tác và các bên cùng có lợi. Trường hợp không tự thương lượng, hòa giải được thì mỗi bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết vụ việc.

26.4. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Trái Phiếu và Các Điều Kiện Trái Phiếu này, kể cả bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc tồn tại, hiệu lực hoặc việc chấm dứt của Trái Phiếu và Các Điều Kiện Trái Phiếu này, các bên sẽ nỗ lực để giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu tranh chấp đó không thể được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải, sẽ được chuyển đến và giải quyết tại tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ chào bán Trái Phiếu nhằm bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của NHNN, phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của HDBank.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ Đợt Chào Bán

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ chào bán Trái Phiếu nhằm bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của NHNN, phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của HDBank, cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ Đồng

1.1. Phương án sử dụng vốn Đợt Chào Bán 1:

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Quý I/2026 (*)	Quý II/2026 (*)	Tổng cộng
1	Sản xuất kinh doanh	250	250	500
2	Nông nghiệp, nông thôn	250	250	500
3	Tiêu dùng	500	500	1.000
4	Thương mại, dịch vụ	1.500	1.500	3.000
Tổng cộng		**2.500**	**2.500**	**5.000**

1.2. Phương án sử dụng vốn Đợt Chào Bán 2:

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Quý III/2026 (*)	Quý IV/2026 (*)	Tổng cộng
1	Sản xuất kinh doanh	250	250	500
2	Nông nghiệp, nông thôn	250	250	500
3	Tiêu dùng	500	500	1.000
4	Thương mại, dịch vụ	1.500	1.500	3.000
Tổng cộng		**2.500**	**2.500**	**5.000**

(*) Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn sẽ theo thời gian kết thúc đợt chào bán thực tế.

Hội đồng Quản trị của HDBank giao cho Tổng Giám đốc được toàn quyền quyết định số tiền và thời gian giải ngân thực tế của từng Đợt Chào Bán đối với từng ngành nghề kinh doanh phụ thuộc vào kết quả chào bán Trái Phiếu của từng Đợt Chào Bán tương ứng. Kế hoạch giải ngân thực tế sẽ được điều chỉnh linh hoạt theo thực tế hoạt động, nhu cầu vay vốn của khách hàng và tiến độ cho vay nền kinh tế của HDBank.

2. Kế hoạch trả nợ vốn thu được từ Đợt Chào Bán

2.1. Nguồn trả nợ

- Thanh toán Lãi và Gốc Trái Phiếu: Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn tiền thu được từ các khoản khách hàng thanh toán lãi, gốc của các khoản giải ngân/cho vay

dự kiến thu được từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu để thanh toán Lãi, Gốc Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu, ngoại trừ trường hợp việc thanh toán Lãi Trái Phiếu dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ thì Tổ Chức Phát Hành được ngừng trả Lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo.

- Tổ Chức Phát Hành dự kiến nguồn tiền thu được từ các khoản khách hàng thanh toán lãi, gốc của các khoản giải ngân/cho vay dự kiến thu được từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu sẽ đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền Lãi, Gốc Trái Phiếu cho các Người Sở Hữu Trái Phiếu trong suốt kỳ hạn Trái Phiếu, cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ Đồng

Kỳ thu nợ (*)	Lãi suất đầu ra dự kiến (tối thiểu) (%/năm) (**)	Dư nợ đầu kỳ	Lãi phải thu dự kiến	Gốc trả trong kỳ	Gốc + Lãi phải thu dự kiến	Dư nợ cuối kỳ
1	10,00%	10.000	1.000	-	1.000	10.000
2	10,00%	10.000	1.000	-	1.000	10.000
3	10,00%	10.000	1.000	-	1.000	10.000
4	10,00%	10.000	1.000	-	1.000	10.000
5	10,00%	10.000	1.000	-	1.000	10.000
6	10,00%	10.000	1.000	-	1.000	10.000
7	10,00%	10.000	1.000	5.000	6.000	5.000
8	10,00%	5.000	500	5.000	5.500	0
Tổng			**7.500**	**10.000**	**17.500**	

(*) Báo cáo theo kỳ tròn 01 (Một) năm kể từ ngày phát hành Trái Phiếu;

(**) Lãi suất đầu ra dự kiến được xác định trên cơ sở ngành nghề cho vay, quy định và chính sách cho vay của HDBank trong từng thời kỳ, theo nguyên tắc: Lãi suất đầu ra dự kiến = chi phí huy động vốn (bao gồm lãi suất phát hành Trái Phiếu, chi phí hoạt động khác (hành chính, nhân sự, quản lý phân bổ, ...)) + biên độ tối thiểu 2,00%/năm.

- Trường hợp nguồn tiền thu được từ các khoản khách hàng thanh toán lãi, gốc của các khoản giải ngân/cho vay dự kiến thu được từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu chưa đủ để thanh toán Lãi, Gốc Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng nguồn vốn huy động khác, nguồn vốn tự tích lũy, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và các nguồn thu hợp pháp khác và tiềm lực tài chính của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán Lãi, Gốc Trái Phiếu hoặc mua lại Trái Phiếu trước hạn.

2.2. *Kế hoạch trả nợ*

Theo kế hoạch kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, nguồn tiền thu được từ hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành sau khi trừ đi các chi phí vẫn bảo đảm thanh toán đầy đủ các khoản lãi và nợ gốc, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và Trái Phiếu đang dự kiến chào bán. Bảng dưới đây thể hiện kế hoạch trả nợ dự kiến của Tổ Chức Phát Hành cho mỗi Đợt

Chào Bán trong trường hợp không phát sinh mua lại Trái Phiếu trước hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ Đồng

Kỳ thanh toán (*)	Lãi suất Trái Phiếu dự kiến (tối đa) (%/năm) (**)	Dư nợ đầu kỳ	Lãi phải trả dự kiến	Gốc trả trong kỳ	Gốc + Lãi phải trả dự kiến	Dư nợ cuối kỳ
1	7,575%	10.000	757,5	-	757,5	10.000
2	7,575%	10.000	757,5	-	757,5	10.000
3	7,575%	10.000	757,5	-	757,5	10.000
4	7,575%	10.000	757,5	-	757,5	10.000
5	7,575%	10.000	757,5	-	757,5	10.000
6	7,575%	10.000	757,5	-	757,5	10.000
7	7,575%	10.000	757,5	5.000	5.757,5	5.000
8	7,575%	5.000	378,75	5.000	5.378,75	0
Tổng			**5.681,25**	**10.000**	**15.681,25**	

(*) Kỳ thanh toán tròn 01 (Một) năm kể từ ngày phát hành Trái Phiếu;

(**) Lãi suất Trái Phiếu được giả định giữ nguyên trong quá trình Trái Phiếu lưu hành, tham chiếu lãi suất của các Ngân Hàng Tham Chiếu, bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày 20/10/2025 + biên độ tối đa 2,90%/năm.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ Chức Kiểm Toán

- Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 và năm 2024

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Trụ sở chính: Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 230 796

Website: www.pwc.com/vn

- Tổ chức soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2025

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza, 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 7105 0000

Website: www.deloitte.com/vn

2. Tổ Chức Tư Vấn, Đại Lý Phát Hành, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 242 897 Fax: (028) 38 242 997

Website: www.ssi.com.vn

Ý kiến của Tổ Chức Tư Vấn

Trên cơ sở những thông tin về Phương án phát hành, Phương ấn sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu đã được Hội đồng Quản trị của Tổ Chức Phát Hành thông qua tại Nghị quyết số 209/2025/NQ-HĐQT ngày 27/10/2025, cùng với những nhận định về tình hình kinh tế vĩ mô nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng, với tư cách là Tổ Chức Tư Vấn cho (các) đợt chào bán Trái Phiếu, Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI nhận định kế hoạch chào bán Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành có tính khả thi, trừ trường hợp có những biến động bất thường và nằm ngoài tầm kiểm soát của Tổ Chức Phát Hành làm ảnh hưởng đến Đợt Chào Bán.

Tổ Chức Tư Vấn cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét của Tổ Chức Tư Vấn được đưa ra với góc độ của một tổ chức tư vấn, dựa trên kinh nghiệm thực tế cũng như các thông tin Tổ Chức Tư Vấn đã thu thập và đánh giá một cách khách quan trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính, kinh tế và chứng khoán nói chung. Những nhận xét đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn không hàm ý đảm bảo giá trị của các Trái Phiếu và chỉ mang tính chất tham khảo.

3. Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký ban đầu

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD

Trụ sở chính: Số 23 A-B Nguyễn Đình Chiểu và Lầu 9, Số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 6283 6888 Fax: (028) 6283 8666

Website: www.hdbs.vn

4. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán

Không có.

X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỦ TỊCH HĐQT	TỔNG GIÁM ĐỐC
Kim Byoungho	Nguyễn Hữu Đặng

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Phạm Văn Đẩu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Nguyễn Thị Thanh Hà

XII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I**: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, cấp thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023;
2. **Phụ lục II**: Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp thay đổi ngày 12/02/2020 và các quyết định sửa đổi, bổ sung;
3. **Phụ lục III**: Nghị quyết số 209/2025/NQ-HĐQT ngày 27/10/2025 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh v/v thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng vốn và phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu HDank phát hành ra công chúng năm 2026;
4. **Phụ lục IV**: Điều lệ của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;
5. **Phụ lục V**: Các Báo cáo tài chính của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh gồm:

- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán;
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán;
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025 đã được soát xét;
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý III năm 2025.

6. **Phụ lục VI**: Văn bản số 1867/2025/CV-HDBank ngày 27/10/2025 của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh về cam kết đáp ứng các điều kiện chào bán Trái Phiếu và thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư;
7. **Phụ lục VII**: Các Hợp đồng Đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu gồm:

- Hợp đồng Đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu HDBC7Y263301 số HDBC7Y263301/SSI-HDB/BHA ký ngày 27/10/2025 giữa Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI;
- Hợp đồng Đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu HDBC7Y263302 số HDBC7Y263302/SSI-HDB/BHA ký ngày 27/10/2025 giữa Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI;
- Hợp đồng Đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu HDBC8Y263401 số HDBC8Y263401/SSI-HDB/BHA ký ngày 27/10/2025 giữa Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI;
- Hợp đồng Đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu HDBC8Y263402 số HDBC8Y263402/SSI-HDB/BHA ký ngày 27/10/2025 giữa Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI.

HDBank
Cam kết lợi ích cao nhất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 05 năm 2026

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 552/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/12/2025)

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành *(đầy đủ)*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("**HDBank**" hoặc "**Tổ Chức Phát Hành**")
2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
3. Điện thoại: (028) 62 915 916 Fax: (028) 62 915 900 Website: www.hdbank.com.vn
4. Vốn điều lệ: 50.052.763.230.000 đồng *(theo Quyết định số 4065/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 30/12/2025 về việc sửa đổi nội dung vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh)*
5. Mã cổ phiếu: HDB
6. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Sở Giao dịch

   Số hiệu tài khoản: 119849 (Mã Citad: 79321001)
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023.

- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động trung gian tiền tệ khác *(Mã ngành: 6419)*

  Nội dung hoạt động của Ngân hàng theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 12/02/2020 (và các quyết định sửa đổi, bổ sung) như sau:

  - Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;
  - Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: Cho vay; Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; Bảo lãnh ngân hàng; Phát hành thẻ tín dụng; Bao thanh toán trong nước;
  - Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;
  - Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: Cung ứng phương tiện thanh toán; Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
  - Mở tài khoản: Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;
  - Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;

- Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;
- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
- Dịch vụ môi giới tiền tệ;
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định;
- Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất;
- Lưu ký chứng khoán;
- Kinh doanh mua, bán vàng miếng;
- Ví điện tử;
- Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa;
- Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;
- Mua nợ;
- Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động của ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, được quy định tại các quyết định sửa đổi, bổ sung của Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 12/02/2020.

- Sản phẩm/dịch vụ chính:
  - Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm huy động vốn, tín dụng, dịch vụ kinh doanh

ngoại tệ và thanh toán, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác;

- Hoạt động ngân hàng bán lẻ: tập trung phục vụ các tầng lớp dân cư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn/cho vay/thanh toán đáp ứng các nhu cầu tài chính của cá nhân; phát triển các sản phẩm thẻ.

8. Giấy phép thành lập và hoạt động: Giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/06/1992, được cấp đổi bởi Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 12/02/2020 và các quyết định sửa đổi, bổ sung.

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN ĐÃ ĐƯỢC CẤP

Căn cứ Nghị quyết số 209/2025/NQ-HĐQT ngày 27/10/2025 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh v/v thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng vốn và phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2026;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 552/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/12/2025 ("**Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán**");

Theo đó, phương án chào bán Trái Phiếu đã được phê duyệt với các thông tin như sau:

1. Tên Trái Phiếu: Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2026 ("**Trái Phiếu**").
2. Loại Trái Phiếu: Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Mệnh giá Trái Phiếu: 100.000 VND (*Một trăm nghìn đồng*)/Trái Phiếu.
4. Tổng số lượng và giá trị Trái Phiếu chào bán: Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán là 100.000.000 (*Một trăm triệu*) Trái Phiếu, tương ứng với tổng giá trị Trái Phiếu chào bán (theo mệnh giá) là 10.000.000.000.000 VND (*Mười nghìn tỷ đồng*), được chia làm 02 (*Hai*) Đợt chào bán như sau:

Đợt chào bán Trái Phiếu	Mã Trái Phiếu	Kỳ hạn Trái Phiếu	Số lượng Trái Phiếu dự kiến chào bán (Trái Phiếu)	Giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá (VND)
Đợt Chào Bán 1	HDBC7Y263301	07 năm	25.000.000	2.500.000.000.000
	HDBC8Y263401	08 năm	25.000.000	2.500.000.000.000
Đợt Chào Bán 2	HDBC7Y263302	07 năm	25.000.000	2.500.000.000.000
	HDBC8Y263402	08 năm	25.000.000	2.500.000.000.000
Tổng cộng			**100.000.000**	**10.000.000.000.000**

Đợt Chào Bán 2 chỉ được thực hiện sau khi kết thúc Đợt Chào Bán 1. Trường hợp Đợt Chào Bán 1 chưa phân phối hết số lượng Trái Phiếu chào bán thì số lượng Trái Phiếu chưa phân phối hết sẽ được chuyển sang Đợt Chào Bán 2 để phân phối tiếp.

5. Thời gian phân phối:

- Đợt Chào Bán 1: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán có hiệu lực;
- Đợt Chào Bán 2: Dự kiến Quý II/2026 – Quý IV/2026.

Thời gian chào bán của Đợt Chào Bán 2 không được kéo dài quá 90 ngày. Khoảng cách giữa Đợt Chào Bán 1 và Đợt Chào Bán 2 không quá 12 tháng.

6. Phương thức phân phối: (i) Bán trực tiếp cho nhà đầu tư tại Trụ sở chính, các Chi nhánh/Phòng Giao dịch của Tổ Chức Phát Hành; và (ii) Phân phối thông qua Đại lý phát hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI.

7. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI.

III. KẾT QUẢ CHÀO BÁN CỦA ĐỢT CHÀO BÁN 1

1. Số lượng Trái Phiếu đã phát hành Đợt Chào Bán 1: 46.946.000 Trái Phiếu, trong đó:

Mã Trái Phiếu chào bán	Số lượng Trái Phiếu dự kiến chào bán (Trái Phiếu)	Số lượng Trái Phiếu chào bán thành công (Trái Phiếu)	Số lượng Trái Phiếu chưa phân phối hết (Trái Phiếu)	Tỷ lệ Trái Phiếu được phân phối
HDBC7Y263301	25.000.000	22.822.000	2.178.000	91,29%
HDBC8Y263401	25.000.000	24.124.000	876.000	96,50%
Tổng cộng	**50.000.000**	**46.946.000**	**3.054.000**	**93,89%**

2. Ngày kết thúc Đợt Chào Bán 1: ngày 20/03/2026.

3. Thông tin tình hình sử dụng vốn thu được từ Đợt Chào Bán 1: toàn bộ số tiền thu được từ Đợt Chào Bán 1 đã được Tổ Chức Phát Hành sử dụng để bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của HDBank theo đúng nội dung và thời hạn đã nêu, cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Dự kiến Quý II/2026	Thực tế đã sử dụng (tính đến ngày 29/04/2026)
1	Sản xuất kinh doanh	500	500
2	Nông nghiệp, nông thôn	500	300
3	Tiêu dùng	1.000	894,6
4	Thương mại, dịch vụ	3.000	3.000
Tổng cộng		**5.000**	**4.694,6**

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

IV. NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI TRONG BẢN CÁO BẠCH *(cập theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 552/GCN-UBCK ngày 26/12/2025)*

Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng ngày 22/12/2025 đã được phê duyệt theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán ("**Bản Cáo Bạch**") được cập nhật, bổ sung một số thông tin tại Bản thông tin cập nhật Bản Cáo Bạch này ("**Bản Thông Tin Cập Nhật Bản Cáo Bạch**"). Ngoài các thông tin được đề cập tại Bản Thông Tin Cập Nhật Bản Cáo Bạch này, các thông tin khác liên quan Tổ Chức Phát Hành, Trái Phiếu và Các Điều Kiện Trái Phiếu không có phát sinh thay đổi so với thông tin đã trình bày tại Bản Cáo Bạch.

A. Cập nhật thông tin tại Mục IV: "TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH" của Bản Cáo Bạch

1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

- **Vốn điều lệ**: 50.052.763.230.000 đồng *(theo Quyết định số 4065/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 30/12/2025 về việc sửa đổi nội dung vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh)*

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành

Sau hơn 30 năm hoạt động, HDBank đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP tầm trung ở Việt Nam. Tại ngày 31/03/2026, Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 02 Văn phòng đại diện (gồm 01 Văn phòng đại diện khu vực miền Bắc tại Thành phố Hà Nội và 01 Văn phòng đại diện tại Myanmar), 87 Chi nhánh, 288 Phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước. Số lượng nhân viên của Ngân hàng và công ty con là 18.465 người.

Các mốc sự kiện quan trọng kể từ thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch:

Năm 2025	Năm 2026
▪ Trong năm 2025, HDBank ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 21.346 tỷ đồng, tăng 27,6% so với cùng kỳ năm trước. ROE tiếp tục duy trì ở mức cao, đạt 25,3%, thuộc nhóm dẫn đầu toàn ngành.	▪ Trong Quý I/2026, HDBank ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 6.107 tỷ đồng, tăng 14,04% so với cùng kỳ năm trước. ROE tiếp tục duy trì ở mức cao, đạt 24,29%, thuộc nhóm dẫn đầu toàn ngành.
▪ Tại thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản của HDBank đạt 931.104 tỷ đồng, tăng 33,5% so với cùng kỳ.	▪ Tại thời điểm 31/03/2026, tổng tài sản của HDBank đạt 984.216 tỷ đồng, tăng 5,70% kể từ đầu năm.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của HDBank tại ngày 22/05/2026

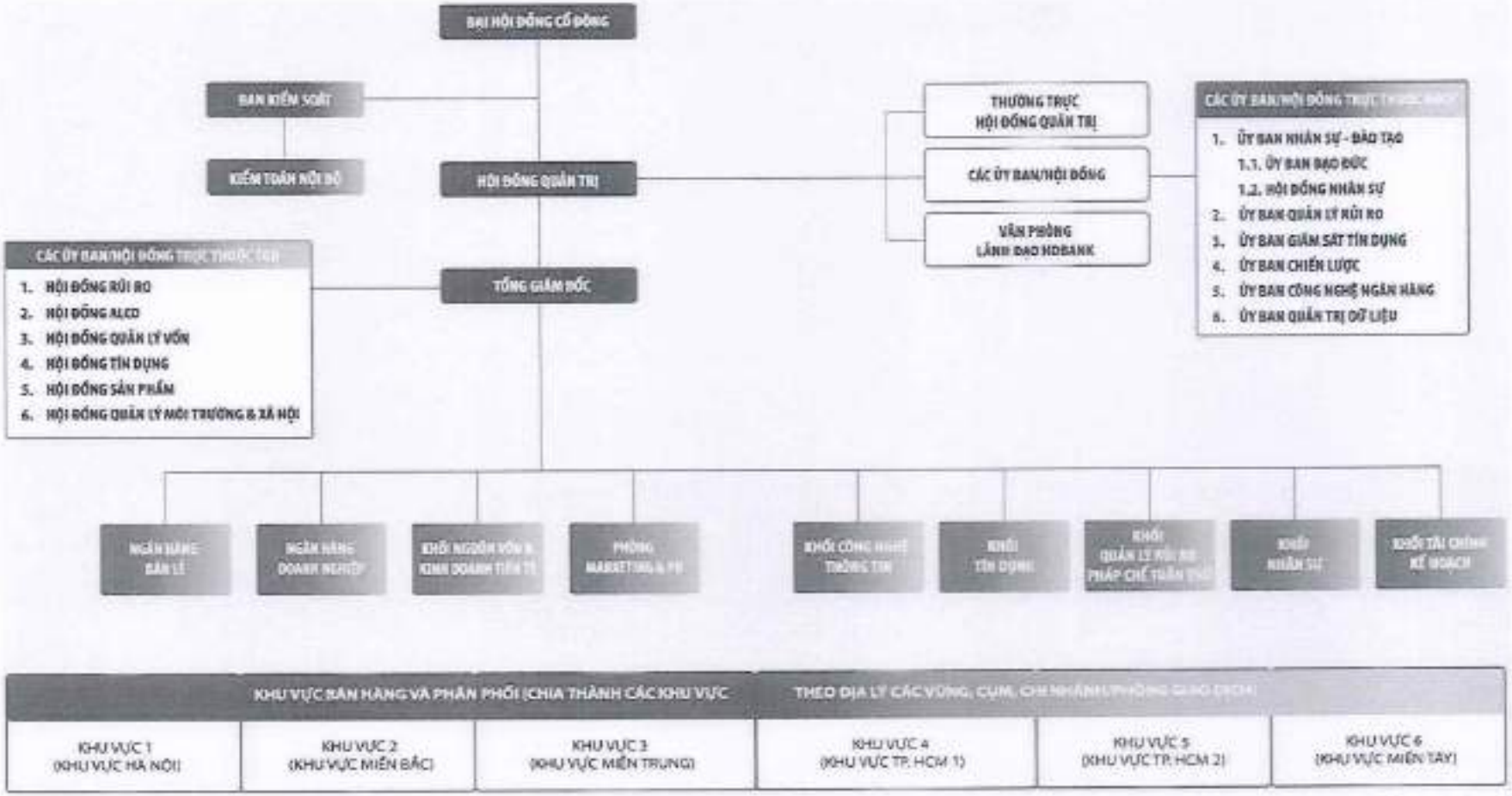


Nguồn: HDBank

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành

Hình 2: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của HDBank



Nguồn: HDBank

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Danh sách các công ty trong năm 2024, năm 2025 và đến thời điểm hiện tại, kèm thông tin cụ thể tính đến thời điểm nắm giữ gần nhất bao gồm:

5.1. Thông tin về công ty mẹ của Tổ Chức Phát Hành

Không có.

5.2. Thông tin về công ty con của Tổ Chức Phát Hành

Bảng 1: Danh sách công ty con của HDBank tại ngày 22/05/2026

STT	Tên công ty/ngân hàng	Ngày thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy phép thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu của HDBank tại công ty	Tỷ lệ sở hữu của công ty tại HDBank
1	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON	Ngày 08/05/2007 theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 05/GP-NHNN do NHNN cấp và các văn bản sửa đổi, bổ sung	Tài chính/ Ngân hàng	31/12/2024	50%	0%
				31/12/2025	50%	0%
				22/05/2026	50%	0%
2	Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki ("**Vikki Bank**")	Ngày 27/03/1992 theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 0009/NH-GP do NHNN cấp và các văn bản sửa đổi, bổ sung	Tài chính/ Ngân hàng	31/12/2024(*)	0%	0%
				31/12/2025	100%	0%
				22/05/2026	100%	0%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán HD ("**HDS**")	Ngày 28/12/2006 theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 47/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp và các văn bản sửa đổi, bổ sung	Chứng khoán	31/12/2024	29,99%	0%
				31/12/2025	29,99%	0%
				22/05/2026(**)	90%	0%

Nguồn: HDBank

(*) Tại thời điểm này, Vikki Bank chưa phải là công ty con của HDBank. Từ ngày 17/01/2025, Ngân hàng TMCP Đông Á (tiền thân của Vikki Bank) được chuyển giao bắt buộc cho HDBank theo Quyết định số 116/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(**) Tại thời điểm 31/12/2024 và 31/12/2025, HDS chưa phải là công ty con của HDBank. Căn cứ theo các nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 15/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026 và Nghị quyết HĐQT số 09/2026/NQ-HĐQT ngày 28/04/2026, vào ngày 22/05/2026 HDBank đã công bố thông tin về việc hoàn tất giao dịch nâng tỷ lệ sở hữu tại HDS lên 90%, theo đó HDS trở thành công ty con của HDBank và BCTC của HDS sẽ được hợp nhất vào BCTC hợp nhất của HDBank kể từ Quý II/2026

5.3. Thông tin về những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành

Không có.

5.4. Thông tin về những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Không có.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

HDBank được thành lập năm 1989 với vốn điều lệ ban đầu là 3.000.000.000 đồng. Kể từ khi thành lập đến nay, HDBank không có đợt giảm vốn điều lệ nào. Trải qua các lần tăng vốn, hiện tại HDBank đã nâng số vốn điều lệ lên 50.052.763.230.000 đồng.

Chi tiết quá trình tăng vốn điều lệ của HDBank kể từ thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch được trình bày dưới đây:

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (VND)	Giá trị vốn tăng thêm (VND)	Vốn điều lệ sau khi tăng (VND)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận
Tháng 12/2025	38.594.158.370.000	11.578.247.500.000	50.052.763.230.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	NHNN, UBCKNN

Nguồn: HDBank

7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

7.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của HDBank tại ngày 29/04/2026

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	**0**	**0,00**
2	**Trong nước**	**37.370**	**3.916.541.545**	**78,25**
a	Cá nhân trong nước	37.178	2.245.967.759	44,87
b	Tổ chức trong nước	192	1.670.573.786	33,38
3	**Nước ngoài**	**830**	**1.088.734.778**	**21,75**

a	Cá nhân nước ngoài	669	8.162.150	0,16
b	Tổ chức nước ngoài, trong đó:	161	1.080.572.628	21,59
	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	*13*	*195.222.809*	*3,90*
	Tổng cộng	**38.200**	**5.005.276.323**	**100,00**

Nguồn: Danh sách cổ đông của HDBank do VSDC cung cấp tại ngày 29/04/2026

7.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

7.3. Các loại chứng khoán khác

7.3.1. Trái phiếu phát hành ra công chúng

- Khối lượng trái phiếu phát hành ra công chúng đang lưu hành tại thời điểm 29/04/2026: 14.226 tỷ Đồng
- Đặc điểm: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành.

7.3.2. Trái phiếu phát hành riêng lẻ

- Khối lượng trái phiếu phát hành riêng lẻ đang lưu hành tại thời điểm 29/04/2026: 50.011 tỷ Đồng
- Đặc điểm:
  + 22.576 tỷ Đồng là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành;
  + 23.101 tỷ Đồng là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành;
  + 4.334 tỷ Đồng là trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản bảo đảm và không kèm chứng quyền.

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

8.1.1. Loại sản phẩm, dịch vụ

a) Cơ cấu doanh thu:

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu của HDBank (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2024		2025		% tăng/ giảm	Quý I/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi và các khoản thu	51.954	89,01%	61.577	85,58%	18,52%	18.136	91,67%

nhập tương tự							
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.391	4,10%	4.724	6,57%	97,57%	736	3,72%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.498	4,28%	3.250	4,52%	30,10%	724	3,66%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	412	0,71%	673	0,94%	63,35%	14	0,07%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	298	0,51%	952	1,32%	219,46%	43	0,22%
Thu nhập từ hoạt động khác	567	0,97%	765	1,06%	34,92%	127	0,64%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	250	0,43%	9	0,01%	-96,40%	4	0,02%
Tổng thu nhập hoạt động	**58.370**	**100,00%**	**71.950**	**100,00%**	**23,27%**	**19.784**	**100,00%**

Nguồn: HDBank

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu của HDBank (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2024		2025		% tăng/ giảm	Quý I/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	57.996	88,61%	67.992	85,08%	17,24%	19.917	90,76%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.296	5,04%	5.698	7,13%	72,88%	971	4,42%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.508	3,83%	3.252	4,07%	29,67%	725	3,30%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	412	0,63%	673	0,84%	63,35%	14	0,06%
Thu nhập từ mua bán chứng	298	0,46%	952	1,19%	219,46%	43	0,20%

Chỉ tiêu	2024		2025		% tăng/ giảm	Quý I/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
khoán đầu tư							
Thu nhập từ hoạt động khác	870	1,33%	1.026	1,28%	17,93%	185	0,84%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	72	0,11%	319	0,40%	343,06%	89	0,41%
Tổng thu nhập hoạt động	**65.452**	**100,00%**	**79.912**	**100,00%**	**22,09%**	**21.944**	**100,00%**

Nguồn: HDBank

b) Cơ cấu lãi thuần:

Bảng 6: Cơ cấu lãi thuần của HDBank (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2024		2025		% tăng/ giảm	Quý I/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	25.409	92,14%	28.964	81,64%	13,99%	6.901	86,00%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	516	1,87%	3.156	8,90%	511,63%	615	7,66%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	857	3,11%	1.356	3,82%	58,23%	349	4,35%
(Lỗ)/Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	69	0,25%	639	1,80%	826,09%	(6)	-0,07%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	68	0,25%	856	2,41%	1.158,82 %	49	0,61%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	250	0,91%	9	0,03%	-96,40%	4	0,05%
Lãi thuần từ hoạt động khác	408	1,48%	499	1,41%	22,30%	112	1,40%

Chỉ tiêu	2024		2025		% tăng/ giảm	Quý I/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Tổng lãi thuần từ hoạt động kinh doanh	27.577	**100,00%**	35.479	**100,00%**	**28,65%**	**8.024**	**100,00%**

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I/2026 của HDBank

Bảng 7: Cơ cấu lãi thuần của HDBank (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2024		2025		% tăng/ giảm	Quý I/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	30.857	90,67%	34.746	81,38%	12,60%	8.483	85,23%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.417	4,16%	4.126	9,66%	191,18%	847	8,51%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	844	2,48%	1.272	2,98%	50,71%	322	3,24%
(Lỗ)/Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	69	0,20%	639	1,50%	826,09%	(6)	-0,06%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	68	0,20%	856	2,00%	1.158,82 %	49	0,49%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	72	0,21%	319	0,75%	343,06%	89	0,89%
Lãi thuần từ hoạt động khác	706	2,07%	737	1,73%	4,39%	169	1,70%
Tổng lãi thuần từ hoạt động kinh doanh	**34.032**	**100,00%**	**42.695**	**100,00%**	**25,46%**	**9.953**	**100,00%**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I/2026 của HDBank

8.1.2. Hoạt động huy động vốn

Ngân hàng đang tập trung khai thác thị trường nội địa, nguồn vốn huy động hiện tại của HDBank phần lớn từ thị trường trong nước, theo số liệu hợp nhất trung bình chiếm 95,28%.

Thị trường huy động vốn nước ngoài chiếm tỷ trọng trung bình 4,72%.

a) Nguồn vốn huy động:

Theo BCTC hợp nhất Quý I/2026, tổng giá trị huy động vốn chính tại thời điểm 31/03/2026 của HDBank đạt 878.272 tỷ Đồng, tăng 5,97% so với cuối năm 2025, tập trung chủ yếu vào nguồn vốn huy động từ Tiền gửi của Khách hàng và Phát hành Giấy tờ có giá, chiếm khoảng 82,60% tổng nguồn vốn huy động.

Bảng 8: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
I. Loại hình							
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	15	0,00%	11.426	1,40%	76.073,33 %	8	0,00%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	97.368	15,95%	165.739	20,28%	70,22%	150.114	17,30%
Tiền gửi của khách hàng	437.505	71,67%	560.714	68,63%	28,16%	621.549	71,64%
Phát hành Giấy tờ có giá	75.560	12,38%	79.189	9,69%	4,80%	95.893	11,05%
Tổng cộng	**610.448**	**100,00%**	**817.068**	**100,00%**	**33,85%**	**867.564**	**100,00%**
II. Trong nước/Ngoài nước							
Trong nước	584.613	95,77%	778.879	95,33%	33,23%	827.862	95,42%
Ngoài nước	25.835	4,23%	38.189	4,67%	47,82%	39.702	4,58%
Tổng cộng	**610.448**	**100,00%**	**817.068**	**100,00%**	**33,85%**	**867.564**	**100,00%**

Nguồn: HDBank

Bảng 9: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
I. Loại hình							
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và	15	0,00%	11.426	1,38%	76.073,33 %	8	0,00%

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
NHNN							
Tiền gửi và vay các TCTD khác	99.461	16,09%	169.207	20,42%	70,12%	152.777	17,40%
Tiền gửi của khách hàng	437.505	70,76%	560.714	67,66%	28,16%	621.549	70,77%
Phát hành Giấy tờ có giá	81.350	13,16%	87.434	10,55%	7,48%	103.938	11,83%
Tổng cộng	**618.331**	**100,00%**	**828.781**	**100,00%**	**34,04%**	**878.272**	**100,00%**
II. Trong nước/Ngoài nước							
Trong nước	590.620	95,52%	787.259	94,99%	33,29%	837.257	95,33%
Ngoài nước	27.711	4,48%	41.522	5,01%	49,84%	41.015	4,67%
Tổng cộng	**618.331**	**100,00%**	**828.781**	**100,00%**	**34,04%**	**878.272**	**100,00%**

Nguồn: HDBank

b) Huy động từ Phát hành Giấy tờ có giá:

Theo BCTC hợp nhất Quý I/2026, tổng số dư Giấy tờ có giá phát hành tại thời điểm 31/03/2026 đạt 103.938 tỷ Đồng, chiếm 11,83% trong tổng nguồn vốn huy động. Điều này không chỉ giúp bổ sung nguồn vốn huy động trung dài hạn tương ứng với nhu cầu cho vay, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả mà còn giúp HDBank đa dạng hóa các sản phẩm huy động vốn để nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng và là thước đo uy tín, vị thế, thương hiệu của Ngân hàng trên thị trường.

c) Huy động từ tiền gửi của khách hàng:

Tiền gửi của khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn huy động, chiếm trung bình hơn 69% tổng nguồn vốn huy động của HDBank (hợp nhất) trong giai đoạn 2024 – 2025. Huy động từ tiền gửi khách hàng tăng trưởng liên tục, ổn định đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động tín dụng và các hoạt động đầu tư. Tại ngày 31/03/2026, tổng tiền gửi của khách hàng trên BCTC hợp nhất của HDBank đạt 621.549 tỷ Đồng, tăng 10,85% so với cuối năm 2025 và chiếm 70,77% tổng nguồn vốn huy động.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 10: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Công ty mẹ)

STT	Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
	Tổng tiền gửi của khách hàng (tỷ Đồng)	**437.505**	**560.714**	**621.549**
1	**Phân theo khách hàng (%)**	**100,00%**	**100,00%**	**100,00%**
-	Cá nhân(*)	76,10%	79,46%	83,11%
-	Tổ chức	23,90%	20,54%	16,89%
2	**Phân theo kỳ hạn (%)**	**100,00%**	**100,00%**	**100,00%**
-	Tiền gửi không kỳ hạn	11,73%	10,61%	8,25%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	15,02%	12,42%	10,68%
-	Tiền gửi tiết kiệm	73,03%	76,68%	80,92%
-	Tiền gửi ký quỹ	0,13%	0,12%	0,08%
-	Tiền gửi vốn chuyên dùng	0,10%	0,18%	0,07%
3	**Phân theo loại tiền (%)**	**100,00%**	**100,00%**	**100,00%**
-	VND	99,12%	97,73%	97,31%
-	Ngoại tệ	0,88%	2,27%	2,69%

Nguồn: HDBank

(*) Số liệu tại 31/12/2025, 31/03/2026 bao gồm cá nhân và hộ kinh doanh (theo thuyết minh BCTC riêng năm 2025 đã kiểm toán của HDBank và số liệu riêng của HDBank tại 31/03/2026)

Bảng 11: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Hợp nhất)

STT	Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
	Tổng tiền gửi của khách hàng (tỷ Đồng)	**437.505**	**560.714**	**621.549**
1	**Phân theo khách hàng (%)**	**100,00%**	**100,00%**	**100,00%**
-	Cá nhân(*)	76,10%	79,46%	83,11%
-	Tổ chức	23,90%	20,54%	16,89%
2	**Phân theo kỳ hạn (%)**	**100,00%**	**100,00%**	**100,00%**
-	Tiền gửi không kỳ hạn	11,73%	10,61%	8,25%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	15,02%	12,42%	10,68%
-	Tiền gửi tiết kiệm	73,03%	76,68%	80,92%
-	Tiền gửi ký quỹ	0,12%	0,12%	0,08%
-	Tiền gửi vốn chuyên dùng	0,10%	0,18%	0,07%
3	**Phân theo loại tiền (%)**	**100,00%**	**100,00%**	**100,00%**

-	VND	99,12%	97,73%	97,31%
-	Ngoại tệ	0,88%	2,27%	2,69%

Nguồn: HDBank

(*) Số liệu tại 31/12/2025, 31/03/2026 bao gồm cả nhân và hộ kinh doanh (theo thuyết minh BCTC hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán của HDBank và số liệu hợp nhất của HDBank tại 31/03/2026)

Về cơ cấu tiền gửi của khách hàng theo kỳ hạn, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi của Khách hàng cá nhân và hộ kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng (chiếm 83,11% tại thời điểm 31/03/2026), phù hợp với chiến lược phát triển là Ngân hàng bán lẻ của HDBank trong những năm qua.

Về kỳ hạn, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả tiền gửi tiết kiệm) của HDBank chiếm tỷ trọng lớn, trên 88% tổng huy động từ tiền gửi của khách hàng trong giai đoạn 2024 – 2025, đảm bảo tính ổn định cho nguồn vốn của toàn hệ thống. Tính tại ngày 31/03/2026, tiền gửi không kỳ hạn chiếm 8,25% và tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả tiền gửi tiết kiệm) chiếm 91,60% tổng tiền gửi của khách hàng.

Về loại hình tiền tệ, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi nội tệ luôn chiếm tỷ trọng lớn hơn nhiều so với tiền gửi ngoại tệ (trên 98% tổng tiền gửi của khách hàng trong giai đoạn 2024 – 2025). Tại ngày 31/03/2026, tổng số dư tiền gửi nội tệ đạt 604.850 tỷ Đồng, tăng 10,38% so với cuối năm 2025 và chiếm 97,31% tổng số dư tiền gửi của khách hàng.

Bảng 12: Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm	31/03/2026
VND	433.635	547.959	26,36%	604.850
Ngoại tệ	3.870	12.756	229,61%	16.699
Tổng	**437.505**	**560.714**	**28,16%**	**621.549**

Nguồn: HDBank

Bảng 13: Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm	31/03/2026
VND	433.635	547.959	26,36%	604.850
Ngoại tệ	3.870	12.756	229,61%	16.699
Tổng	**437.505**	**560.714**	**28,16%**	**621.549**

Nguồn: HDBank

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

8.1.3. Hoạt động tín dụng

a) Quy mô, cơ cấu và tăng trưởng tín dụng:

Tốc độ tăng trưởng tín dụng của HDBank tăng đều qua các năm. Tính đến 31/03/2026, tổng dư nợ tín dụng theo số liệu hợp nhất của HDBank đạt 635.085 tỷ Đồng (tăng 8,00% so với cuối năm 2025), trong đó gồm khoản tín dụng 14.921 tỷ Đồng thông qua đầu tư trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành. Với mục tiêu phát triển bền vững, HDBank xác định tăng trưởng tín dụng phải gắn với nhiệm vụ huy động vốn đồng thời phát triển dịch vụ cũng như kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và luôn đảm bảo tuân thủ theo các theo quy định của NHNN.

Xét về kỳ hạn các khoản vay:

Tại ngày 31/03/2026, dư nợ cho vay trung dài hạn theo số liệu hợp nhất của HDBank đạt 308.165 tỷ Đồng, chiếm 49,69% trong cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng, tăng 9,89% so với cuối năm 2025. Trong khi đó, dư nợ ngắn hạn tại 31/03/2026 là 311.999 tỷ Đồng (tương đương 50,31% trong cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng), tăng 7,63% so với thời điểm cuối năm 2025. Ngoài việc triển khai các sản phẩm tín dụng theo nhu cầu của khách hàng, việc cân đối thời hạn giữa vốn huy động và dư nợ cho vay luôn được HDBank chú trọng, nhằm đảm bảo sự an toàn và tính thanh khoản trong hoạt động kinh doanh.

Bảng 14: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025(*)		% tăng/ giảm	31/03/2026(*)	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
1	Nợ ngắn hạn	219.624	53,17%	281.510	51,35%	28,18%	303.616	50,95%
2	Nợ trung hạn	127.570	30,88%	166.725	30,41%	30,69%	174.698	29,32%
3	Nợ dài hạn	65.900	15,95%	99.992	18,24%	51,73%	117.600	19,73%
	Tổng cộng	**413.094**	**100,00%**	**548.227**	**100,00%**	**32,71%**	**595.914**	**100,00%**

Nguồn: HDBank

(*) Bao gồm Dư nợ cho vay khách hàng và dư nợ của hoạt động mua nợ theo kỳ hạn

Bảng 15: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025(*)		% tăng/ giảm	31/03/2026(*)	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
1	Nợ ngắn hạn	227.159	52,67%	289.874	50,83%	27,61%	311.999	50,31%
2	Nợ trung hạn	138.248	32,05%	180.431	31,64%	30,51%	190.565	30,73%
3	Nợ dài hạn	65.900	15,28%	99.992	17,53%	51,73%	117.600	18,96%

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025(*)		% tăng/ giảm	31/03/2026(*)	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
	Tổng cộng	**431.306**	**100,00%**	**570.297**	**100,00%**	**32,23%**	**620.164**	**100,00%**

Nguồn: HDBank

(*) Bao gồm Dư nợ cho vay khách hàng và dư nợ của hoạt động mua nợ theo kỳ hạn

Xét về nhóm ngành cho vay:

Phân theo ngành kinh tế, các khoản vay hoạt động phục vụ cá nhân và hộ gia đình luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng dư nợ cho vay của HDBank. Tính đến 31/03/2026, theo số liệu hợp nhất, các khoản vay hoạt động phục vụ cá nhân và hộ gia đình chiếm 28,47% trong cơ cấu dư nợ cho vay. Điều này là phù hợp với định hướng phát triển ngân hàng bán lẻ và SME của HDBank, đẩy mạnh khai thác khách hàng hệ sinh thái, tài trợ chuỗi và liên kết đối tác nền tảng. Đa dạng hóa kênh bán hàng qua App, Website HDBank mới theo tư duy E-Commerce. Bên cạnh đó, HDBank cũng xây dựng chiến lược cho vay hướng dòng vốn tín dụng đến những ngành là động lực tăng trưởng kinh tế như nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp SME, tài trợ chuỗi, tín dụng xanh, du lịch.

Từ năm 2018, HDBank đã tiên phong cho ra đời các chương trình cấp tín dụng xanh, hỗ trợ phát triển các lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, năng lượng tái tạo cùng phương án sản xuất thân thiện với môi trường. Trong năm 2024 – 2025, HDBank tiếp tục tiên phong tài trợ các dự án năng lượng tái tạo, triển khai các sản phẩm tín dụng xanh và ứng dụng giải pháp công nghệ giảm thiểu tác động môi trường, đặc biệt là giảm thải carbon. Tài chính xanh không chỉ là xu thế mà còn là cam kết của HDBank trong việc phát triển các dự án năng lượng tái tạo và cải thiện chất lượng môi trường sống, tích hợp hiệu quả với hoạt động kinh doanh nhằm mang lại giá trị lâu dài cho các bên liên quan và cộng đồng.

Bảng 16: Dư nợ cho vay khách hàng theo lĩnh vực kinh doanh (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025(*)		% tăng/ giảm	31/03/2026(*)	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
1	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	141.407	34,23%	145.615	26,56%	2,98%	152.294	25,56%
2	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	2.996	0,73%	4.596	0,84%	53,40%	4.099	0,69%

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025(*)		% tăng/ giảm	31/03/2026(*)	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	18.627	4,51%	20.338	3,71%	9,19%	20.837	3,50%
4	Hoạt động kinh doanh bất động sản	68.292	16,53%	81.626	14,89%	19,52%	83.737	14,05%
5	Xây dựng	42.190	10,21%	72.652	13,25%	72,20%	76.722	12,87%
6	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	7.052	1,71%	6.203	1,13%	-12,04%	8.678	1,46%
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác(**)	68.168	16,50%	104.072	18,98%	52,67%	116.721	19,59%
8	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	9.570	2,32%	8.563	1,56%	-10,52%	11.444	1,92%
9	Vận tải, kho bãi(***)	7.706	1,87%	25.143	4,59%	226,28%	24.912	4,18%
10	Hoạt động tài chính và bảo hiểm	30.707	7,43%	44.812	8,17%	45,93%	50.694	8,51%
11	Khác	16.378	3,96%	34.606	6,31%	111,30%	45.775	7,68%
Tổng cộng		**413.094**	**100,00%**	**548.227**	**100,00%**	**32,71%**	**595.914**	**100,00%**

Nguồn: HDBank

(*) Bao gồm dư nợ cho vay khách hàng và dư nợ của hoạt động mua nợ theo lĩnh vực kinh doanh

(**) Là Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác theo BCTC riêng năm 2025 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I/2026 của HDBank

(***) Là Vận tải kho bãi theo BCTC riêng năm 2025 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I/2026 của HDBank

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 17: Dư nợ cho vay khách hàng theo lĩnh vực kinh doanh (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025(*)		% tăng/ giảm	31/03/2026(*)	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
1	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	159.619	37,01%	167.685	29,40%	5,05%	176.544	28,47%
2	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	2.996	0,69%	4.596	0,81%	53,40%	4.099	0,66%
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	18.627	4,32%	20.338	3,57%	9,19%	20.837	3,36%
4	Hoạt động kinh doanh bất động sản	68.292	15,83%	81.626	14,31%	19,52%	83.737	13,50%
5	Xây dựng	42.190	9,78%	72.652	12,74%	72,20%	76.722	12,37%
6	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	7.052	1,64%	6.203	1,09%	-12,04%	8.678	1,40%
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác(**)	68.168	15,81%	104.072	18,25%	52,67%	116.721	18,82%
8	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	9.570	2,22%	8.563	1,50%	-10,52%	11.444	1,85%
9	Vận tải, kho	7.706	1,79%	25.143	4,41%	226,28%	24.912	4,02%

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025(*)		% tăng/ giảm	31/03/2026(*)	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
	bãi(***)							
10	Hoạt động tài chính và bảo hiểm	30.707	7,12%	44.812	7,86%	45,93%	50.694	8,17%
11	Khác	16.378	3,80%	34.606	6,07%	111,30%	45.775	7,38%
Tổng cộng		**431.306**	**100,00%**	**570.297**	**100,00%**	**32,23%**	**620.164**	**100,00%**

Nguồn: HDBank

(*) Bao gồm dư nợ cho vay khách hàng và dư nợ của hoạt động mua nợ theo lĩnh vực kinh doanh

(**) Là Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác theo BCTC hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I/2026 của HDBank

(***) Là Vận tải kho bãi theo BCTC hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I/2026 của HDBank

b) Hoạt động bảo lãnh:

Hoạt động bảo lãnh là một phần của hoạt động cấp tín dụng của HDBank. Tại thời điểm 31/03/2026, số dư bảo lãnh của HDBank đạt 36.563 tỷ Đồng, giảm 17,27% so với cuối năm 2025.

c) Chất lượng nợ cho vay:

Về phân loại dư nợ tín dụng, HDBank đặc biệt chú trọng công tác kiểm soát chất lượng nợ cho vay. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng tăng trưởng bền vững của HDBank. Tính đến ngày 31/03/2026, tỷ lệ nợ xấu (theo thông tư số 31/2024/TT-NHNN) của HDBank theo số liệu hợp nhất vẫn được duy trì ở mức an toàn, bằng 1,86% tổng dư nợ tín dụng (tại thời điểm 31/12/2025 tỷ lệ này là 1,66%).

Bảng 18: Phân loại chất lượng nợ cho vay khách hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025(*)		% tăng/ giảm	31/03/2026(*)	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	386.327	93,52%	519.158	94,70%	34,38%	568.514	95,40%
Nợ cần chú ý	19.557	4,73%	17.267	3,15%	-11,71%	13.502	2,27%
Nợ dưới tiêu chuẩn	3.406	0,82%	3.217	0,59%	-5,55%	3.990	0,67%
Nợ nghi ngờ	1.589	0,38%	5.106	0,93%	221,33%	4.264	0,72%
Nợ có khả năng mất vốn	2.214	0,54%	3.479	0,63%	57,14%	5.644	0,95%

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025(*)		% tăng/ giảm	31/03/2026(*)	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Tổng cộng	**413.094**	**100,00%**	**548.227**	**100,00%**	**32,71%**	**595.914**	**100,00%**

Nguồn: HDBank

(*) Bao gồm phân loại chất lượng dư nợ cho vay khách hàng và dư nợ của hoạt động mua nợ

Bảng 19: Phân loại chất lượng nợ cho vay khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025(*)		% tăng/ giảm	31/03/2026(*)	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	401.835	93,17%	538.183	94,37%	33,93%	589.008	94,98%
Nợ cần chú ý	20.915	4,85%	18.793	3,30%	-10,15%	15.522	2,50%
Nợ dưới tiêu chuẩn	4.200	0,97%	4.017	0,70%	-4,36%	4.915	0,79%
Nợ nghi ngờ	1.967	0,46%	5.500	0,96%	179,61%	4.731	0,76%
Nợ có khả năng mất vốn	2.389	0,55%	3.803	0,67%	59,19%	5.989	0,97%
Tổng cộng	**431.306**	**100,00%**	**570.297**	**100,00%**	**32,23%**	**620.164**	**100,00%**

Nguồn: HDBank

(*) Bao gồm phân loại chất lượng dư nợ cho vay khách hàng và dư nợ của hoạt động mua nợ

Bảng 20: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	31/12/2024	31/12/2025(*)	% tăng/giảm	31/03/2026(*)
Dự phòng cụ thể	2.022	2.516	24,43%	2.505
Dự phòng chung	3.165	4.085	29,07%	4.427
Tổng cộng	**5.188**	**6.601**	**27,24%**	**6.932**

Nguồn: HDBank

(*) Bao gồm số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng và số dư dự phòng rủi ro đối với hoạt động mua nợ

Bảng 21: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	31/12/2024	31/12/2025(*)	% tăng/giảm	31/03/2026(*)
Dự phòng cụ thể	2.578	3.230	25,29%	3.354

Dự phòng chung	3.301	4.249	28,72%	4.606
Tổng cộng	**5.879**	**7.479**	**27,22%**	**7.960**

Nguồn: HDBank

(*) Bao gồm số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng và số dư dự phòng rủi ro đối với hoạt động mua nợ

d) Tỷ lệ an toàn vốn:

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) hợp nhất của HDBank tại thời điểm 31/03/2026 là 16,16% và tại thời điểm 31/12/2025 là 16,72%. Tỷ lệ này qua các năm đều đáp ứng các quy định hiện hành của NHNN.

Bảng 22: Tỷ lệ an toàn vốn (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm	31/03/2026
Vốn tự có	**82.053**	**110.789**	**35,02%**	**117.284**
Vốn cấp 1	53.339	73.604	37,99%	78.158
Vốn cấp 2	30.619	39.090	27,67%	41.031
Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có	1.905	1.904	-0,05%	1.904
Tổng tài sản "Có" rủi ro	**602.788**	**676.586**	**12,24%**	**746.362**
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	**13,61%**	**16,37%**	**20,28%**	**15,71%**

Nguồn: HDBank, tỷ lệ tính theo Thông tư 41 và Thông tư 22/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41

Bảng 23: Tỷ lệ an toàn vốn (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm	31/03/2026
Vốn tự có	**87.255**	**117.422**	**34,57%**	**124.287**
Vốn cấp 1	54.362	75.487	38,86%	80.262
Vốn cấp 2	32.893	41.936	27,49%	44.025
Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có	-	-	-	-
Tổng tài sản "Có" rủi ro	**621.842**	**702.000**	**12,89%**	**769.082**
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	**14,03%**	**16,72%**	**19,17%**	**16,16%**

Nguồn: HDBank, tỷ lệ tính theo Thông tư 41 và Thông tư 22/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41

8.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán

a) Hoạt động kinh doanh ngoại hối:

Các loại ngoại tệ kinh doanh chủ yếu của HDBank bao gồm USD, EUR, GBP, JPY, AUD, CAD, CNY, SGD, THB... Mục đích chủ yếu của hoạt động kinh doanh ngoại tệ là phục vụ nhu cầu thanh toán quốc tế của khách hàng, kinh doanh chênh lệch tỷ giá và điều hòa trạng thái ngoại tệ của Ngân hàng. Năm 2025, thu nhập từ kinh doanh ngoại hối hợp nhất của HDBank đạt 3.252 tỷ đồng, tăng 29,67% so với năm 2024 và lãi thuần đạt 1.272 tỷ đồng, tăng 50,71% so với năm 2024. Trong Quý I/2026, thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối hợp nhất của HDBank lần lượt đạt 725 tỷ Đồng và 322 tỷ Đồng.

Bảng 24: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2024	2025	% tăng/giảm	Quý I/2026
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.498	3.250	30,10%	724
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.641	1.894	15,42%	375
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**857**	**1.356**	**58,23%**	**349**

Nguồn: HDBank

Bảng 25: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2024	2025	% tăng/giảm	Quý I/2026
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.508	3.252	29,67%	725
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.664	1.980	18,99%	403
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**844**	**1.272**	**50,71%**	**322**

Nguồn: HDBank

b) Hoạt động thanh toán trong nước:

Năm 2025, số lượng giao dịch thanh toán trong nước (bao gồm các kênh Citad, VCB Money, BIDV Epay và Napas 247) của HDBank đạt 238.648.521 giao dịch, tăng 66,14% so với năm 2024; doanh số thanh toán đạt 24.032.125 tỷ đồng, tăng 69,19% so với năm 2024. Trong Quý I/2026, số lượng giao dịch thanh toán trong nước của HDBank đạt 85.466.396 giao dịch và doanh số thanh toán trong nước đạt 6.737.947 tỷ Đồng, lần lượt tăng 79,97% và 63,59% so với cùng kỳ năm 2025.

c) Hoạt động thanh toán quốc tế:

Năm 2025, số lượng giao dịch thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại của HDBank đạt 60.637 giao dịch, tăng 3,45% so với năm 2024; doanh số thanh toán đạt gần 17,51 tỷ USD, tăng 7,89% so với năm 2024. Trong Quý 1/2026, số lượng giao dịch thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại của HDBank đạt 14.711 giao dịch; doanh số thanh toán đạt hơn 4,65 tỷ USD.

8.1.6. Hoạt động kinh doanh khác

a) Hoạt động đầu tư tài chính:

Bằng việc đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, HDBank là một trong những thành viên tích cực và thường xuyên trên thị trường. Trong năm 2025, HDBank nằm trong top 2 thành viên giao dịch Outright Trái phiếu chính phủ trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, top 3 nhà tạo lập thị trường chào giá Outright tốt nhất Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA) và HDBank chính thức được chấp thuận trở thành thành viên giao dịch đặc biệt trái phiếu riêng lẻ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNX) và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Bên cạnh đó, HDBank là một trong những thành viên năng động và đóng góp vào sự phát triển của thị trường giao dịch Trái phiếu Chính phủ nói riêng, thị trường tài chính nói chung. Danh mục nắm giữ cũng như doanh số giao dịch mua bán giấy tờ có giá của HDBank đa dạng về loại và kỳ hạn, nâng cao vị thế và uy tín trên thị trường.

Tính đến 31/03/2026, tổng giá trị đầu tư chứng khoán và góp vốn đầu tư dài hạn hợp nhất đạt 92.353 tỷ Đồng, trong đó hoạt động đầu tư và kinh doanh trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các Tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành đạt 52.321 tỷ Đồng, hoạt động đầu tư và kinh doanh trái phiếu Chính phủ đạt 23.860 tỷ Đồng, chiếm lần lượt 56,65% và 25,84% tổng danh mục đầu tư. Lợi nhuận từ các hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư và kinh doanh đạt 43 tỷ Đồng.

Bảng 26: Hoạt động đầu tư tài chính (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Tổng đầu tư chứng khoán	**70.800**	**97,23%**	**77.435**	**97,48%**	**9,37%**	**91.102**	**97,85%**
Trái phiếu Chính phủ(*)	36.199	49,71%	23.421	29,49%	-35,30%	23.860	25,63%
Trái phiếu và CCTG do các TCTD khác trong nước phát hành	27.949	38,38%	36.288	45,68%	29,84%	52.321	56,20%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	6.425	8,82%	17.726	22,32%	175,89%	14.921	16,03%
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	227	0,31%	-	0,00%	-100,00%	-	0,00%

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Góp vốn đầu tư dài hạn khác	2.019	2,77%	1.998	2,52%	-1,04%	1.998	2,15%
Tổng cộng	**72.819**	**100,00%**	**79.433**	**100,00%**	**9,08%**	**93.100**	**100,00%**

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I/2026 của HDBank

(*) Trái phiếu Chính phủ bao gồm: (i) Trái phiếu Chính phủ; và/hoặc (ii) Trái phiếu do Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành được Chính phủ bảo lãnh; và/hoặc (iii) Tín phiếu do NHNN phát hành

Bảng 27: Hoạt động đầu tư tài chính (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/ giảm	31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Tổng đầu tư chứng khoán	**70.800**	**98,78%**	**77.435**	**98,52%**	**9,37%**	**91.102**	**98,65%**
Trái phiếu Chính phủ(*)	36.199	50,50%	23.421	29,80%	-35,30%	23.860	25,84%
Trái phiếu và CCTG do các TCTD khác trong nước phát hành	27.949	38,99%	36.288	46,17%	29,84%	52.321	56,65%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	6.425	8,96%	17.726	22,55%	175,89%	14.921	16,16%
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	227	0,32%	-	0,00%	-100,00%	-	0,00%
Góp vốn đầu tư dài hạn khác	876	1,22%	1.166	1,48%	33,11%	1.251	1,35%
Tổng cộng	**71.676**	**100,00%**	**78.601**	**100,00%**	**9,66%**	**92.353**	**100,00%**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I/2026 của HDBank

(*) Trái phiếu Chính phủ bao gồm: (i) Trái phiếu Chính phủ; và/hoặc (ii) Trái phiếu do Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành được Chính phủ bảo lãnh; và/hoặc (iii) Tín phiếu do NHNN phát hành

d) Hoạt động tài chính tiêu dùng

Năm 2025, HD SAISON đạt được những kết quả kinh doanh tích cực như: lợi nhuận sau thuế đạt trên 1.098 tỷ Đồng, tăng 13,32% so với năm 2024; dư nợ tín dụng đạt 22.070 tỷ Đồng, tăng 21,18% so với năm 2024, đóng góp đáng kể vào hoạt động cho vay tiêu dùng của HDBank.

Tính đến 31/03/2026, tổng tài sản của HD SAISON đạt 25.207 tỷ Đồng, trong đó cho vay khách hàng đạt 24.250 tỷ Đồng, lần lượt tăng 3,93% và 9,88% so với cuối năm 2025, luôn tuân thủ các quy định về an toàn hoạt động của NHNN. Trong đó, hệ số an toàn vốn (CAR) luôn được HD SAISON duy trì ở mức cao, tại thời điểm 31/03/2026 tỷ lệ an toàn vốn là 23,57%, tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức 7,17%.

8.2. Tài sản

8.2.1. Tài sản cố định hữu hình

Bảng 28: Chi tiết tài sản cố định hữu hình (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2024			31/12/2025			31/03/2026		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	594	180	414	661	200	461	661	207	454
Máy móc thiết bị	469	225	244	520	265	255	551	276	275
Phương tiện vận tải	478	327	151	532	354	177	547	367	180
Thiết bị, dụng cụ quản lý	311	272	39	318	279	39	332	286	46
TSCĐ hữu hình khác	30	16	14	41	20	22	41	21	20
Tổng cộng	**1.881**	**1.020**	**861**	**2.072**	**1.118**	**954**	**2.132**	**1.157**	**975**

Nguồn: HDBank

Bảng 29: Chi tiết tài sản cố định hữu hình (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2024			31/12/2025			31/03/2026		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	594	180	414	661	200	461	661	207	454

Máy móc thiết bị	469	225	244	520	265	255	551	276	275
Phương tiện vận tải	478	327	151	532	354	177	547	367	180
Thiết bị, dụng cụ quản lý	413	348	65	415	357	58	418	355	63
TSCĐ hữu hình khác	30	16	14	41	20	22	41	21	20
Tổng cộng	**1.984**	**1.096**	**887**	**2.169**	**1.196**	**973**	**2.219**	**1.226**	**993**

Nguồn: HDBank

8.2.2. Tài sản cố định vô hình

Bảng 30: Chi tiết tài sản cố định vô hình (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2024			31/12/2025			31/03/2026		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất có thời hạn	116	17	99	116	19	97	116	19	97
Quyền sử dụng đất không thời hạn	612	0	612	612	0	612	612	0	612
Phần mềm máy vi tính	522	358	164	623	447	176	626	473	153
TSCĐ vô hình khác	1	0	1	1	0	1	1	0	1
Tổng cộng	**1.250**	**375**	**876**	**1.351**	**466**	**885**	**1.355**	**492**	**863**

Nguồn: HDBank

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 31: Chi tiết tài sản cố định vô hình (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2024			31/12/2025			31/03/2026		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất có thời hạn	116	17	99	116	19	97	116	19	97
Quyền sử dụng đất không thời hạn	612	0	612	612	0	612	612	0	612
Phần mềm máy vi tính	563	396	167	664	486	178	667	512	155
TSCĐ vô hình khác	1	0	1	1	0	1	1	0	1
Tổng cộng	**1.291**	**413**	**878**	**1.392**	**505**	**887**	**1.396**	**532**	**864**

Nguồn: HDBank

8.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

8.3.3. Định hướng công tác quản lý rủi ro năm 2026

Trong năm 2026, công tác Quản lý rủi ro tiếp tục được xác định là trọng tâm chiến lược, hướng tới tối ưu hóa hiệu quả vận hành trên nền tảng công nghệ. Ngân hàng tập trung triển khai, hiệu chỉnh và ứng dụng các mô hình IRB, IFRS 9 và hệ thống cảnh báo sớm (EWS) nhằm nâng cao chất lượng quyết định cấp tín dụng, tăng cường khả năng nhận diện sớm dấu hiệu suy giảm chất lượng tài sản và tối ưu hóa trích lập dự phòng theo mức độ rủi ro thực tế.

Song song với việc tuân thủ đầy đủ quy định của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng chủ động tiệm cận các chuẩn mực quốc tế cao hơn thông qua việc áp dụng các chỉ số RORWA/RAROC trong phân bổ vốn, qua đó tối ưu hóa hiệu quả sinh lời trên vốn theo khẩu vị rủi ro. Đồng thời, các hệ thống phòng chống gian lận tiếp tục được đẩy mạnh, cho phép phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi bất thường, gian lận và tấn công theo thời gian thực.

Bên cạnh đó, Ngân hàng ưu tiên nâng cao năng lực quản trị rủi ro ESG và an ninh mạng, góp phần củng cố khả năng chống chịu và đảm bảo hoạt động an toàn, bền vững trong bối cảnh chuyển đổi số. Công tác kiểm soát nội bộ được tăng cường, đồng thời văn hóa rủi ro được lan tỏa sâu rộng đến từng cán bộ nhân viên, từng bước đưa quản trị rủi ro trở thành lợi thế cạnh tranh cốt lõi.

Ngân hàng đã tuân thủ các yêu cầu của Thông tư 41/2016/TT-NHNN và Thông tư 13/2018/TT-NHNN, tạo nền tảng quan trọng để nâng cao năng lực quản trị rủi ro theo chuẩn

mực quốc tế. Trên cơ sở đó, Ngân hàng đang chủ động xây dựng lộ trình triển khai tính toán tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 14/2025/TT-NHNN, đồng thời thực hiện đánh giá tác động và kiện toàn Hệ thống kiểm soát nội bộ theo Thông tư 83 có hiệu lực từ ngày 01/07/2026.

Đây là bước đi chiến lược nhằm tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, tăng cường khả năng chống chịu rủi ro và từng bước hoàn thiện khung quản trị theo chuẩn mực Basel III, phù hợp với định hướng phát triển ngành Ngân hàng đến năm 2030 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

8.4. Thị trường hoạt động

8.4.1. Mạng lưới Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện

Sau hơn 30 năm hoạt động, HDBank đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP tầm trung ở Việt Nam. Tại ngày 31/03/2026, Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 02 Văn phòng đại diện (gồm 01 Văn phòng đại diện khu vực miền Bắc tại Thành phố Hà Nội và 01 Văn phòng đại diện tại Myanmar), 87 Chi nhánh, 288 Phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước. Số lượng nhân viên của Ngân hàng và công ty con là 18.465 người.

8.4.3. Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

b) Thị phần của HDBank trong ngành Ngân hàng:

Bảng 32: Thị phần của HDBank trong ngành Ngân hàng tại thời điểm 31/12/2025

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Cho vay khách hàng(*)	Tiền gửi của khách hàng
HDBank	**931.104**	**78.286**	**546.371**	**560.714**
Thị phần của HDBank trong ngành Ngân hàng	4,40%	4,40%	3,86%	4,38%
Thứ hạng của HDBank trong ngành Ngân hàng	#8	#8	#10	#10

Nguồn: Số liệu được tổng hợp và tính toán từ BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 của các Ngân hàng TMCP đại chúng dựa trên cơ sở dữ liệu của FiinPro-X

(*) Số liệu chưa bao gồm dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

8.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh

Thông tin về một số dự án đã và đang được HDBank triển khai để phát triển hoạt động kinh doanh như sau:

Bảng 33: Thông tin về các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đã và đang triển khai

STT	Tên Dự án/ Nội dung	Tiến độ triển khai	Đánh giá ảnh hưởng của Dự án tới hoạt động kinh doanh của HDBank
1	Kiosk Banking - Tối ưu mạng hóa lưới Chi	Hoàn tất quy hoạch mạng lưới toàn quốc, đưa vào vận hành mô hình Kiosk tại các	Góp phần chuyển đổi mô hình phục vụ theo hướng tinh gọn – hiệu quả. Tối ưu hóa chi phí vận hành, cải thiện năng lực phục vụ tại điểm chạm vật lý, đặc biệt tại các khu vực tăng trưởng chiến

STT	Tên Dự án/ Nội dung	Tiến độ triển khai	Đánh giá ảnh hưởng của Dự án tới hoạt động kinh doanh của HDBank
	nhánh & ATM	khu vực đô thị đông dân.	lược (Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, vùng ven).
2	Dự án Tư vấn Quản trị ESG và tài chính bền vững	Đang trong giai đoạn nghiệm thu dự án và dự kiến hoàn thành trong Quý II/2026.	Góp phần nâng cao uy tín và vị thế của HDBank, thu hút các nhà đầu tư dài hạn hướng tới phát triển bền vững thông qua việc xây dựng chiến lược và hệ thống quản trị ESG toàn diện trên toàn hệ thống, tăng cường hiệu quả quản trị rủi ro ESG, hoàn thiện khung tài chính xanh và bền vững, và triển khai công cụ báo cáo ESG tiên tiến.
3	Chương trình mở rộng độ phủ ngân hàng tại nông thôn	Đang triển khai dự án. Tiến hành triển khai phạm vi trên toàn hệ thống HDBank từ tháng 12/2024 và tiếp tục triển khai đến nay.	Là một trong các chương trình thể hiện định hướng chiến lược "tài chính toàn diện". Không chỉ mở rộng cơ hội tiếp cận dịch vụ ngân hàng cho khu vực nông thôn, chương trình còn giúp HDBank khai phá dư địa tăng trưởng mới, đa dạng hóa danh mục khách hàng và thúc đẩy hoạt động tín dụng lành mạnh.
4	Chương trình giải pháp ngành cho các ngành ưu tiên	Đã triển khai toàn hệ thống HDBank. Ban hành các hướng dẫn định hướng tiếp cận khách hàng chuyên biệt theo ngành (nông nghiệp, y tế, giáo dục, năng lượng, giao thông vận tải, may mặc, hàng tiêu dùng...).	Là chương trình tạo lợi thế cạnh tranh theo chiều sâu. Việc thiết kế giải pháp tài chính chuyên biệt theo đặc thù từng ngành trọng tâm theo định hướng chiến lược của Ngân hàng giúp HDBank tối ưu hóa cấu trúc tín dụng – tăng trưởng hiệu quả – kiểm soát rủi ro theo ngành. Các gói sản phẩm, chương trình kinh doanh theo ngành được xây dựng linh hoạt, đồng bộ với chu kỳ kinh doanh và cấu trúc dòng tiền của doanh nghiệp trong các lĩnh vực trọng tâm của Ngân hàng như: Logistics, Xây dựng, FMCG, Nông nghiệp và Chăn nuôi. Sự tinh chỉnh này không chỉ giúp khách hàng tối ưu hóa chi phí vốn, khơi thông dòng tiền sản xuất kinh doanh mà còn tạo ra lợi thế cạnh tranh khác biệt cho HDBank trên thị trường tài chính, đồng thời nâng cao vị thế ngân hàng đồng hành cùng phát triển kinh tế quốc gia ở các ngành kinh tế trọng điểm.
5	Mở rộng quy mô nền tảng VCF (Value Chain Finance)	Đã golive Nền tảng chuỗi và mở rộng triển khai đến các nhóm ngành ưu tiên. Tích hợp dữ liệu chuỗi cung ứng – kết nối hệ sinh thái đầu	Là chương trình tiên phong trong chiến lược phục vụ toàn diện chuỗi giá trị doanh nghiệp. Các sản phẩm tài trợ chuỗi tiếp tục được may đo và tinh chỉnh theo từng ngành trọng điểm, từng chuỗi giá trị của doanh nghiệp đầu mối uy tín trên thị trường; kết hợp với giải pháp tài trợ chuỗi qua nền tảng Platform - định vị là một "hệ sinh thái tài

STT	Tên Dự án/ Nội dung	Tiến độ triển khai	Đánh giá ảnh hưởng của Dự án tới hoạt động kinh doanh của HDBank
		vào – đầu ra.	chính số" giúp kết nối liền mạch dòng vốn giữa ngân hàng, doanh nghiệp đầu mối và hệ sinh thái của doanh nghiệp đầu mối. VCF giúp HDBank không chỉ cung cấp tài chính cho doanh nghiệp chính mà còn mở rộng phục vụ đến nhà cung cấp, đại lý, đối tác... Nhờ đó, ngân hàng nâng cao khả năng giữ chân doanh nghiệp lớn, đồng thời khai thác hiệu quả phân khúc SMEs vệ tinh – một nguồn CASA và tín dụng chất lượng cao.
6	Khách hàng đặc biệt (Priority Banking)	Triển khai mô hình kinh doanh Khách hàng đặc biệt tại tất cả Đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống HDBank.	Đây là phân khúc mang lại giá trị tài chính và thương hiệu lớn cho ngân hàng. Chương trình giúp HDBank giữ chân khách hàng có giá trị vòng đời cao (CLV), tăng thu nhập ngoài lãi, đồng thời nâng cao hình ảnh chuyên nghiệp – đẳng cấp trong thị trường tài chính.
7	Phát triển đối tác chiến lược	Đã hoàn tất bộ giải pháp và triển khai trên toàn quốc.	Là chương trình chiến lược mở rộng nền tảng khách hàng thông qua hệ sinh thái sản phẩm – dịch vụ tích hợp giữa khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân. Không chỉ giúp gia tăng CASA từ khách hàng doanh nghiệp, chương trình còn xây dựng kết nối chặt chẽ với chủ doanh nghiệp, tạo đòn bẩy phát triển mảng tài sản, thẻ và ngân hàng số. Đây là một trong những mô hình bán chéo kiểu mẫu, hướng đến tăng CLV & giảm chi phí thu hút khách hàng mới (CAC).
8	Tăng trưởng CASA	Đang triển khai dự án liên tục.	Là mục tiêu trọng tâm của chiến lược tối ưu chi phí vốn. Việc tăng trưởng CASA không chỉ giúp cải thiện NIM mà còn hỗ trợ mở rộng quy mô tín dụng, phát triển sản phẩm dịch vụ ngân hàng bán lẻ/ngân hàng doanh nghiệp và duy trì nền tảng thanh khoản ổn định cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Nguồn: HDBank

8.6. Chiến lược kinh doanh

8.6.2 Các mục tiêu chủ đạo trong định hướng kinh doanh năm 2026

- ***Mục tiêu 1 – HDBank kiên định với mục tiêu trở thành ngân hàng dẫn đầu về đổi mới và chuyển đổi số***

  Năm 2026, HDBank tập trung phát triển các sản phẩm, dịch vụ và giải pháp tài chính số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, tối ưu hóa quy trình vận hành và không ngừng nâng cao trải nghiệm khách hàng.

- ***Mục tiêu 2 – Nâng cao chuẩn mực quản trị và an toàn hệ thống***

  HDBank sẽ tiếp tục phát triển toàn diện hệ thống quản trị rủi ro, tuân thủ pháp luật, minh bạch hóa sản phẩm và thông tin, đồng thời nâng cao tiêu chuẩn an toàn hệ thống và bảo mật dữ liệu.

  Mục tiêu là xây dựng HDBank trở thành đối tác tài chính được khách hàng, nhà đầu tư, cơ quan quản lý và cán bộ nhân viên tin tưởng và đồng hành lâu dài.

- ***Mục tiêu 3 – Lấy khách hàng là trung tâm của mọi quyết định kinh doanh***

  Năm 2026, HDBank triển khai đồng bộ các chuẩn mực dịch vụ, đẩy mạnh cá nhân hóa giải pháp tài chính theo nhu cầu thực tế của từng phân khúc khách hàng. Sự tận tâm không chỉ nằm ở thái độ phục vụ, mà còn ở trách nhiệm đồng hành cùng khách hàng trong suốt vòng đời tài chính, giúp khách hàng phát triển an toàn, hiệu quả và bền vững.

- ***Mục tiêu 4 – Kinh doanh có trách nhiệm và nhân văn***

  HDBank kiên định chiến lược tăng trưởng bền vững gắn liền với trách nhiệm xã hội. Hoạt động kinh doanh phải đảm bảo minh bạch, nhân văn và phù hợp với khả năng tài chính của khách hàng.

  Song song, HDBank tiếp tục đóng góp tích cực cho cộng đồng thông qua các chương trình an sinh xã hội, giáo dục tài chính, đúng với tinh thần kinh doanh tử tế – phát triển có trách nhiệm.

- ***Mục tiêu 5 – Tăng cường gắn kết con người – phát triển bền vững***

  HDBank luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc công bằng, chuyên nghiệp, tạo điều kiện để mỗi cán bộ nhân viên phát triển sự nghiệp dài hạn, có cơ hội cống hiến và trưởng thành.

  HDBank xác định con người là nguồn lực quý giá nhất của ngân hàng, và phát triển con người là một trong ba trụ cột của HDBank, bên cạnh trụ cột nguồn vốn và công nghệ.

9. Thông tin về cổ đông lớn sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên

Tại thời điểm 29/04/2026, HDBank có 01 cổ đông lớn là tổ chức với thông tin như sau:

Tên cổ đông lớn	:	**Công ty Cổ phần Sovico**
Năm thành lập	:	2008
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	Giấy đăng ký kinh doanh số 0103028102 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/11/2008 và các lần đăng ký thay đổi
Quốc tịch	:	Việt Nam
Địa chỉ trụ sở chính	:	Phòng 1102, Tầng 11, Tòa Nhà Pacific Place, Số 83B Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Hà Nội
Vốn điều lệ	:	5.000.000.000.000 VND
Người đại diện theo pháp	:	Ông Phạm Khắc Dũng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm

luật		Tổng Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền tại HDBank	:	Không có
Số lượng cổ phần của Cổ đông lớn sở hữu tại HDBank	:	500.140.707 cổ phần, tương đương với tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 9,99% vốn điều lệ
Số lượng cổ phần của Người có liên quan của Cổ đông lớn sở hữu tại HDBank	:	- Ông Phạm Khắc Dũng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc, sở hữu 54.441.226 cổ phần, tương ứng 1,09% vốn điều lệ - Ông Chu Việt Cường, Người quản lý, sở hữu 7.494 cổ phần, tương ứng 0,0001% vốn điều lệ - Ông Nguyễn Cảnh Sơn, Người quản lý, sở hữu 1.384.235 cổ phần, tương ứng 0,03% vốn điều lệ
Lợi ích liên quan đối với HDBank	:	- Hợp đồng, giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa đại diện theo ủy quyền của Cổ đông lớn và người có liên quan của họ với HDBank: Không có - Không có lợi ích mâu thuẫn với HDBank

Nguồn: HDBank

10. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng

10.1. Hội đồng Quản trị

10.1.1. (Ông) Kim Byoungho – Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 275.728 cổ phần, tương ứng 0,0055% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2025 (triệu Đồng)	**03 tháng đầu năm 2026 (triệu Đồng)**	**ESOP (cổ phần)**	**Cổ tức**
7.480	515	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 29/04/2026: Không có các khoản nợ khác ngoài

sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.1.2. (Bà) Nguyễn Thị Phương Thảo – Phó Chủ tịch HĐQT thường trực

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 169.574.091 cổ phần, tương ứng 3,3879% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 1.384.235 cổ phần, tương ứng 0,0277% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2025 (triệu Đồng)	**03 tháng đầu năm 2026 (triệu Đồng)**	**ESOP (cổ phần)**	**Cổ tức**
3.129	1.291	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 29/04/2026: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.1.3. (Ông) Lưu Đức Khánh – Phó Chủ tịch HĐQT

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 13.351.889 cổ phần, tương ứng 0,2668% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2025 (triệu Đồng)	**03 tháng đầu năm 2026 (triệu Đồng)**	**ESOP (cổ phần)**	**Cổ tức**
738	560	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 29/04/2026: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.1.4. (Ông) Nguyễn Thành Đô – Phó Chủ tịch HĐQT

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 420.195 cổ phần, tương ứng 0,0084% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 138.420 cổ phần, tương ứng 0,0028% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2025 (triệu Đồng)	**03 tháng đầu năm 2026 (triệu Đồng)**	**ESOP (cổ phần)**	**Cổ tức**
2.991	1.175	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 29/04/2026: Không có

10.1.5. (Ông) Phạm Quốc Thanh – Phó Chủ tịch HĐQT

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 10.561.732 cổ phần, tương ứng 0,2110% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 127 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2025(*) (triệu Đồng)	**03 tháng đầu năm 2026 (triệu Đồng)**	**ESOP (cổ phần)**	**Cổ tức**
4.586	1.917	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

(*) Thù lao cơ bản năm 2025 bao gồm thù lao Tổng Giám đốc và thù lao Phó Chủ tịch HĐQT theo BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2025

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 29/04/2026: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.1.6. (Ông) Lê Mạnh Dũng – Thành viên HĐQT độc lập

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2025 (triệu Đồng)	**03 tháng đầu năm 2026 (triệu Đồng)**	**ESOP (cổ phần)**	**Cổ tức**
2.133	758	Không có	Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 29/04/2026: Không có

10.2. Ban Kiểm soát

10.2.1. (Ông) Đào Duy Tường – Trưởng BKS

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 124.167.780 cổ phần, tương ứng 2,4807% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 7.527.196 cổ phần, tương ứng 0,1504% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 của thành viên BKS được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2025 (triệu Đồng)	**03 tháng đầu năm 2026 (triệu Đồng)**	**ESOP (cổ phần)**	**Cổ tức**
5.852	2.632	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 29/04/2026: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.2.2. (Bà) Đường Thị Thu – Thành viên BKS

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 47.983 cổ phần, tương ứng 0,0010% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời

điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ

- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 của thành viên BKS được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2025 (triệu Đồng)	**03 tháng đầu năm 2026 (triệu Đồng)**	**ESOP (cổ phần)**	**Cổ tức**
1.819	796	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 29/04/2026: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.2.3. (Bà) Bùi Thị Kiều Oanh – Thành viên BKS

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 của thành viên BKS được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2025 (triệu Đồng)	**03 tháng đầu năm 2026 (triệu Đồng)**	**ESOP (cổ phần)**	**Cổ tức**
1.665	729	Không có	Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 29/04/2026: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.2.4. (Ông) Nguyễn Lê Hiếu – Thành viên BKS

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 1.107.389 cổ phần, tương ứng 0,0221% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 của thành viên BKS được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2025 (triệu Đồng)	03 tháng đầu năm 2026 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.696	746	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 29/04/2026: Không có

10.3. Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng

10.3.1. (Ông) Nguyễn Hữu Đăng – Tổng Giám đốc

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2025(*) (triệu Đồng)	03 tháng đầu năm 2026 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
2.877	2.331	Không có	Không có

(*) Thù lao cơ bản năm 2025 bao gồm thù lao Phó Chủ tịch HĐQT và thù lao Tổng Giám đốc theo BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2025

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 29/04/2026: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.3.2. (Ông) Trần Hoài Nam – Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 4.321.881 cổ phần, tương ứng 0,0863% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 10.959 cổ phần, tương ứng 0,0002% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 của thành viên Ban TGĐ được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2025 (triệu Đồng)	03 tháng đầu năm 2026 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
2.936	1.652	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 29/04/2026: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.3.3. (Ông) Nguyễn Minh Đức – Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 699.742 cổ phần, tương ứng 0,0140% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 3.600 cổ phần, tương ứng 0,0001% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 của thành viên Ban TGĐ được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2025 (triệu Đồng)	03 tháng đầu năm 2026 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
3.134	1.574	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 29/04/2026: Không có

10.3.4. (Ông) Nguyễn Văn Hào – Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 599.587 cổ phần, tương ứng 0,0120% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 của thành viên Ban TGĐ được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2025 (triệu Đồng)	03 tháng đầu năm 2026 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
2.740	1.605	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 29/04/2026: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.3.5. (Ông) Trần Thái Hòa – Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 1.120.521 cổ phần, tương ứng 0,0224% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 của thành viên Ban TGĐ được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2025 (triệu Đồng)	03 tháng đầu năm 2026 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
2.431	1.297	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 29/04/2026: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.3.6. (Ông) Đàm Thế Thái – Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 729.726 cổ phần, tương ứng 0,0146% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2025(*) (triệu Đồng)	03 tháng đầu năm 2026 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.410	886	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

(*) Thù lao cơ bản năm 2025 tính từ thời điểm được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/06/2025 theo BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2025

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 29/04/2026: Không có

10.3.7. (Ông) Phạm Văn Đầu – Giám đốc Tài chính

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 194.638.356 cổ phần, tương ứng 3,8887% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 11.100 cổ phần, tương ứng 0,0002% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 của Giám đốc Tài chính được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2025 (triệu Đồng)	03 tháng đầu năm 2026 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
1.959	580	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 29/04/2026: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

10.3.8. (Bà) Hồ Đăng Hoàng Quyên – Kế toán trưởng

- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 12.706 cổ phần, tương ứng 0,0003% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 29/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 của Kế toán trưởng được hưởng theo quy định của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại HDBank trong năm 2025 và 03 tháng đầu năm 2026 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2025 (triệu Đồng)	03 tháng đầu năm 2026 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phần)	Cổ tức
2.769	1.244	Không có	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của HDBank: Không mâu thuẫn
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 29/04/2026: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

11. Chính sách chi trả cổ tức

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 07/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026, Lợi nhuận chưa phân phối có thể sử dụng để chia cổ tức năm 2025 là 14.136.046 triệu Đồng, tuy nhiên HDBank chưa có kế hoạch chia cổ tức cụ thể. Tỷ lệ và hình thức chi trả cổ tức sẽ được HĐQT trình ĐHĐCĐ bằng văn bản để thông qua kế hoạch chia cổ tức cụ thể vào thời điểm phù hợp với kế hoạch phát triển kinh doanh của HDBank.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

13.1. Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất

Bảng 38: Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Nội dung	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
1	Chi phí các hợp đồng thuê mặt bằng làm trụ sở làm việc của HDBank	353	385	115
2	Bất động sản là tài sản HDBank đang sở hữu	1.298	1.309	1.309
	a) Nhà cửa (nguyên giá)	570	581	581
	b) Quyền sử dụng đất (nguyên giá)	728	728	728

Nguồn: HDBank

13.2. Thông tin về các trái phiếu chưa đáo hạn

Tính đến thời điểm 29/04/2026, số dư trái phiếu HDBank đang lưu hành mà chưa đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi là 64.237 tỷ Đồng, cụ thể như sau:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng: 14.226 tỷ Đồng
- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 50.011 tỷ Đồng

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 39: Thông tin về các trái phiếu chưa đáo hạn

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại trái phiếu	Kỳ hạn	Giá trị tại 31/12/2024(*)	Giá trị tại 31/12/2025(*)	Giá trị tại 29/04/2026(*)
Trái phiếu tăng vốn cấp 2	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	0	0	0
	Từ 5 năm trở lên	35.644	39.963	41.661
Trái phiếu thường	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	16.550	18.254	18.256
	Từ 5 năm trở lên	4.650	4.320	4.320
Tổng cộng		**56.844**	**62.537**	**64.237**

Nguồn: HDBank

(*) Giá trị trái phiếu được tính theo mệnh giá

13.3. Thông tin về các cam kết chưa thực hiện khác

Bảng 40: Thông tin về các cam kết chưa thực hiện (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
1	Bảo lãnh vay vốn	809	10	11
2	Cam kết giao dịch hối đoái	199.138	175.879	226.104
	Cam kết mua ngoại tệ	*6.817*	*3.923*	3.485
	Cam kết bán ngoại tệ	*8.977*	*2.087*	2.939
	Cam kết giao dịch hoán đổi	*183.344*	*169.869*	219.680
	Cam kết giao dịch tương lai	-	-	-
3	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	46.477	21.896	15.093
4	Bảo lãnh khác	24.925	21.910	21.160
5	Các cam kết khác	12.364	8.754	8.054
6	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	3.336	4.603	4.933
7	Nợ khó đòi đã xử lý	20.135	29.593	30.534
8	Tài sản và chứng từ khác	47.589	63.177	65.016
	Tổng cộng	**354.773**	**325.823**	**370.905**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I/2026 của HDBank

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

B. Cập nhật thông tin tại Mục V: "KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH" của Bản Cáo Bạch

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

1.1.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Bảng 41: Một số chỉ tiêu cơ bản về hoạt động kinh doanh của HDBank (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm	Quý I/2026
Tổng giá trị tài sản	684.976	913.235	33,32%	966.836
Thu nhập lãi thuần	25.409	28.964	13,99%	6.901
Tổng thu nhập hoạt động	27.577	35.479	28,65%	8.024
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	17.949	26.429	47,24%	6.154
Lợi nhuận trước thuế	15.695	19.645	25,17%	5.683
Lợi nhuận sau thuế	12.457	15.664	25,74%	4.546
Tỷ lệ trả cổ tức	25%	N/A	N/A	N/A

Nguồn: HDBank

Bảng 42: Một số chỉ tiêu cơ bản về hoạt động kinh doanh của HDBank (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm	Quý I/2026
Tổng giá trị tài sản	697.366	931.104	33,52%	984.216
Thu nhập lãi thuần	30.857	34.746	12,60%	8.483
Tổng thu nhập hoạt động	34.032	42.695	25,46%	9.953
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	22.051	31.095	41,01%	7.366
Lợi nhuận trước thuế	16.730	21.346	27,59%	6.107
Lợi nhuận sau thuế	13.248	17.074	28,88%	4.902
Tỷ lệ trả cổ tức	25%	N/A	N/A	N/A

Nguồn: HDBank

Kết thúc năm 2025, HDBank đã hoàn thành 100,79% kế hoạch lợi nhuận trước thuế hợp nhất và 100,23% kế hoạch riêng lẻ và các chỉ tiêu tài chính cơ bản khác vượt kế hoạch chiến

lược và cam kết với nhà đầu tư. Một số điểm nhấn nổi bật như sau: Tổng tài sản của HDBank tại 31/12/2025 theo BCTC hợp nhất đạt 931.104 tỷ đồng, tăng 33,52% so với thời điểm cuối năm 2024 và đạt 104,57% so với kế hoạch; Quy mô vốn chủ sở hữu tại 31/12/2025 đạt 78.286 tỷ đồng, tăng 38,18% so với thời điểm cuối năm 2024. Hiệu quả kinh doanh được cải thiện mạnh mẽ với Lợi nhuận sau thuế trong năm 2025 đạt 17.074 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng trưởng cao là 28,88% so với cùng kỳ năm 2024. Lợi nhuận năm 2025 của HDBank đạt kết quả tích cực là nhờ tăng cường hiệu quả hoạt động và áp dụng các sáng kiến chuyển đổi số của HDBank. Trong đó, thu nhập lãi thuần đạt 34.746 tỷ đồng, tăng 12,60% so với cuối năm 2024, chi phí hoạt động và chi phí dự phòng rủi ro kiểm soát trong hạn mức đề ra.

Trong Quý I năm 2026, HDBank ghi nhận lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 6.107 tỷ đồng, tăng 14,04% so với cùng kỳ năm trước. ROE tiếp tục duy trì ở mức cao, đạt 24,29% thuộc nhóm dẫn đầu toàn ngành. Tại thời điểm 31/03/2026, tổng tài sản hợp nhất của HDBank đạt 984.216 tỷ đồng, tăng 38,37% so với cùng kỳ.

1.1.2. Các chỉ tiêu khác

a) Cơ cấu chi phí trong thu nhập:

Bảng 43: Cơ cấu chi phí trong thu nhập của HDBank (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	2024	2025	% tăng/ giảm	Quý I/2026
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26.545	32.613	22,86%	11.235
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	*51,09%*	*52,96%*		*61,95%*
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	1.875	1.567	-16,43%	121
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động dịch vụ	*78,42%*	*33,17%*		*16,44%*
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác)	9.630	9.050	-6,02%	1.869
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động(*)	*34,92%*	*25,51%*		*23,29%*
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	2.254	6.784	200,98%	471
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	*12,56%*	*25,67%*		*7,65%*

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I/2026 của HDBank

(*) Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động – Chi phí hoạt động/Tổng thu nhập hoạt động (thuần) (riêng)

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 44: Cơ cấu chi phí trong thu nhập của HDBank (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	2024	2025	% tăng/ giảm	Quý I/2026
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	27.138	33.246	22,51%	11.434
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	*46,79%*	*48,90%*		*57,41%*
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	1.879	1.572	-16,34%	124
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động dịch vụ	*57,01%*	*27,59%*		*12,77%*
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác)	11.981	11.601	-3,17%	2.587
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động(*)	*35,21%*	*27,17%*		*25,99%*
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	5.321	9.748	83,20%	1.258
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	*24,13%*	*31,35%*		*17,08%*

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I/2026 của HDBank

(*) Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động = Chi phí hoạt động/Tổng thu nhập hoạt động (thuần) (hợp nhất)

b) Cơ cấu chi phí hoạt động:

Trong cơ cấu chi phí hoạt động hợp nhất của HDBank, chi phí nhân viên luôn có tỷ trọng cao nhất, chiếm lần lượt 57,34% và 60,03% chi phí hoạt động trong năm 2025 và Quý I/2026; chi phí về tài sản có tỷ trọng cao thứ hai trong tổng chi phí hoạt động, lần lượt là 11,02% trong năm 2025 và 12,45% trong Quý I/2026; chi phí quảng cáo, tiếp thị và khuyến mãi có tỷ trọng cao thứ ba trong tổng chi phí hoạt động, lần lượt là 7,00% trong năm 2025 và 4,48% trong Quý I/2026.

Bảng 45: Cơ cấu chi phí hoạt động của HDBank (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2024		2025		% tăng/ giảm	Quý I/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Chi phí nhân viên	5.332	55,37%	4.881	53,93%	-8,46%	1.057	56,52%
Chi về tài sản	1.037	10,77%	1.134	12,53%	9,35%	289	15,45%
Chi phí hoa hồng cho đại lý	0	0,00%	0	0,00%	0,00%	0	0,00%

Chỉ tiêu	2024		2025		% tăng/ giảm	Quý I/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Chi phí hội nghị, lễ tân và khánh tiết	411	4,27%	214	2,36%	-47,93%	57	3,05%
Chi phí quảng cáo, tiếp thị và khuyến mãi	777	8,07%	793	8,76%	2,06%	104	5,56%
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng(*)	430	4,47%	543	6,00%	26,28%	155	8,29%
Chi phí khác	1.643	17,06%	1.485	16,41%	-9,62%	208	11,12%
Tổng chi phí hoạt động	**9.630**	**100,00%**	**9.050**	**100,00%**	**-6,02%**	**1.870**	**100,00%**

Nguồn: HDBank

(*) Là Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng theo BCTC riêng năm 2025 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I/2026 của HDBank

Bảng 46: Cơ cấu chi phí hoạt động của HDBank (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2024		2025		% tăng/ giảm	Quý I/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Chi phí nhân viên	6.915	57,72%	6.652	57,34%	-3,80%	1.553	60,03%
Chi về tài sản	1.162	9,70%	1.279	11,02%	10,07%	322	12,45%
Chi phí hoa hồng cho đại lý	418	3,49%	437	3,77%	4,55%	110	4,25%
Chi phí hội nghị, lễ tân và khánh tiết	459	3,83%	233	2,01%	-49,24%	69	2,67%
Chi phí quảng cáo, tiếp thị và khuyến mãi	858	7,16%	812	7,00%	-5,36%	116	4,48%
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng(*)	430	3,59%	543	4,68%	26,28%	155	5,99%
Chi phí khác	1.739	14,51%	1.645	14,18%	-5,41%	262	10,13%
Tổng chi phí hoạt động	**11.981**	**100,00%**	**11.601**	**100,00%**	**-3,17%**	**2.587**	**100,00%**

Nguồn: HDBank

(*) Là Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng theo BCTC hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I/2026 của HDBank

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

1.2.1. Những nhân tố thuận lợi

Năm 2026, HDBank có tiềm năng duy trì vị thế là một trong những ngân hàng tăng trưởng tốt nhất tại Việt Nam. Với chiến lược tập trung vào tín dụng xanh, chuyển đổi số và phát triển bền vững, ngân hàng sẽ không chỉ mở rộng thị phần mà còn nâng cao giá trị thương hiệu, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội. HDBank sẽ tiếp tục chuyển dịch mạnh mẽ với sự kết hợp giữa công nghệ hiện đại và mô hình kinh doanh bền vững.

1.2.2. Những yếu tố bất lợi

Năm 2026, ngành ngân hàng phải đối mặt với nhiều cơ hội và thách thức. Áp lực từ tỷ giá, lãi suất và sự cạnh tranh đòi hỏi ngành ngân hàng phải linh hoạt ứng phó. Các chuyên gia nhận định, sự đổi mới và quản trị rủi ro hiệu quả sẽ là chìa khóa để ngành ngân hàng vươn xa hơn trên thị trường tài chính quốc tế.

1.2.3. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Năm 2026, tình hình thế giới dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; Tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng chậm lại, xung đột địa chính trị tiếp tục diễn biến khó lường.

Nền kinh tế Việt Nam vừa có những thuận lợi rất cơ bản, vừa tiếp tục chịu "tác động tiêu cực kép" từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập bên trong; Thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhất là triển khai các giải pháp trong điều hành kinh tế vĩ mô, vừa phải kiểm soát lạm phát, vừa phải thúc đẩy tăng trưởng... Tuy nhiên, với những thành quả đạt được của năm 2025, nhiều tổ chức quốc tế đều nhận định lạc quan về triển vọng tăng trưởng của kinh tế Việt Nam năm 2026. Với sự ổn định trong chính sách, thúc đẩy chuyển đổi số, và cam kết phát triển bền vững, Việt Nam có tiềm năng duy trì vị thế là điểm sáng tăng trưởng tại khu vực Đông Nam Á và trên thế giới. Nhằm tạo ra những đột phá trong hoạt động, bên cạnh những nền tảng đã đạt được trong năm 2025, HDBank kiên trì với các mục tiêu chiến lược đã đề ra và tiếp tục duy trì tốc độ phát triển trên nền tảng số, đẩy mạnh triển khai hoàn thiện các sáng kiến theo chiến lược, mạnh mẽ vượt qua những khó khăn chung của ngành ngân hàng, sớm trở thành một trong những ngân hàng TOP đầu ở Việt Nam và vươn tầm quốc tế. Song hành với các thuận lợi và thách thức của nền kinh tế, ngành Ngân hàng nói chung và HDBank nói riêng vẫn có các cơ hội để phát triển, tăng trưởng, kết quả hoạt động kinh doanh vẫn duy trì ở mức ổn định và tăng trưởng tốt.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Tình hình công nợ

Bảng 47: Các khoản phải thu và phải trả của HDBank (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Các khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
I	Nợ phải thu	55.128	38.600	40.195

1	Các khoản phải thu	48.166	22.151	18.762
2	Các khoản lãi, phí phải thu	5.271	5.988	8.289
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	156	34	29
4	Tài sản có khác	1.582	10.474	13.162
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các Tài sản Có nội bảng khác	-47	-47	-47
II	**Nợ phải trả**	**18.271**	**19.757**	**18.397**
1	Các khoản lãi, phí phải trả	7.869	9.104	9.767
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	0	0	0
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	10.402	10.653	8.629

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I/2026 của HDBank

Bảng 48: Các khoản phải thu và phải trả của HDBank (Hợp nhất)

Đơn vị tính: tỷ Đồng

STT	Các khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
I	**Nợ phải thu**	**56.044**	**39.669**	**41.334**
1	Các khoản phải thu	48.316	22.310	18.958
2	Các khoản lãi, phí phải thu	5.384	6.221	8.448
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	156	73	100
4	Tài sản có khác	2.235	11.120	13.883
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các Tài sản Có nội bảng khác	-47	-54	-55
II	**Nợ phải trả**	**19.571**	**21.314**	**20.113**
1	Các khoản lãi, phí phải trả	8.013	9.307	9.961
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	0	0	0
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	11.558	12.008	10.152

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I/2026 của HDBank

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

2.1.2 Trái phiếu chưa đáo hạn

Bảng 49: Danh sách trái phiếu chưa đáo hạn tại thời điểm 29/04/2026

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
I	**Năm 2019**				
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDB1926_03	1.000.000.000	Cố định	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và là nợ thứ cấp của HDBank
II	**Năm 2021**				
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBH2126008	1.000.000.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
2	HDBD2126019(*)	4.333.560.000.000	Cố định	5	Trái phiếu chuyển đổi, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, không có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền
III	**Năm 2022**				
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBH2227007	1.000.000.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
2	HDBL2232004	100.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là nợ thứ cấp của HDBank
3	HDBL2232005	26.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là nợ thứ cấp của HDBank
4	HDBL2232009	34.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm bằng tài sản và là nợ thứ cấp của HDBank

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
IV	**Năm 2023**				
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBL2331004	1.500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
2	HDBL2331005	2.322.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
3	HDBL2331006	848.600.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
4	HDBL2331007	2.534.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
5	HDBL2331008	375.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
6	HDBL2331009	420.400.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
V	**Năm 2024**				
Trái phiếu ra công chúng					
1	HDBC7Y202302	1.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
2	HDBC7Y202303	1.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDBL2427001	2.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
2	HDBL2427015	1.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
3	HDBL2427018	2.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
4	HDBL2426019	900.000.000.000	Cố định	2	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
5	HDBL2426026	850.000.000.000	Cố định	2	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
6	HDBH2429027	1.150.000.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
7	HDBL2427028	1.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
8	HDBL2431002	300.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
9	HDBL2431003	1.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
10	HDBL2432004	200.000.000.000	Cố định	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
11	HDBL2432005	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
12	HDBL2432006	500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
13	HDBL2432008	500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
					thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
14	HDBL2431009	200.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
15	HDBL2431012	200.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
16	HDBL2432014	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
17	HDBL2432017	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
18	HDBL2432020	200.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
19	HDBL2431021	440.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
20	HDBL2432022	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
21	HDBL2432023	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
22	HDBL2432024	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
23	HDBL2432025	1.000.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
24	HDBL2431029	500.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
VI	**Năm 2025**				
Trái phiếu ra công chúng					
1	HDBC7Y253201	2.500.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank theo quy định của pháp luật hiện hành
2	HDBC8Y253301	2.500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank theo quy định của pháp luật hiện hành
3	HDBC7Y253202	32.400.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank theo quy định của pháp luật hiện hành
4	HDBC8Y253302	2.499.200.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank theo quy định của pháp luật hiện hành
Trái phiếu riêng lẻ					
1	HDB12501	2.000.000.000.000	Cố định	2	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
2	HDB12506	2.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
3	HDB12507	800.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
4	HDB12508	1.000.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, và không phải là nợ thứ cấp của HDBank

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
5	HDB12509	120.000.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
6	HDB12513	80.000.000.000	Cố định	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
7	HDB12514	1.050.000.000.000	Cố định	5	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
8	HDB12515	2.000.000.000.000	Cố định	2	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, và không phải là nợ thứ cấp của HDBank
9	HDBL2528004(*)	1.313.200.000.000	Thả nổi	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm
10	HDBL2528015(*)	1.313.200.000.000	Thả nổi	3	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm
11	HDB12502	500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
12	HDB12503	500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
13	HDB12504	500.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
14	HDB12510	300.000.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
15	HDB12511	500.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
16	HDB12512	600.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
17	HDB12516	1.000.000.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Loại hình trái phiếu
					thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank
VII	**Năm 2026**				
Trái phiếu ra công chúng					
1	HDBC7Y263301	2.282.200.000.000	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank theo quy định của pháp luật hiện hành
2	HDBC8Y263401	2.412.400.000.000	Thả nổi	8	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank theo quy định của pháp luật hiện hành
Tổng (I + II + III + IV + V + VI + VII)		**64.237.160.000.000**			

Nguồn: HDBank

(*) Trái phiếu phát hành riêng lẻ ra thị trường quốc tế, bằng đồng USD được quy đổi theo tỷ giá tại thời điểm 29/04/2026: USD/VND = 26.264,00

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

2.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 50: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2024	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 31/12/2025	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 31/03/2026
		Số phải nộp	Số đã nộp		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	853	3.859	-2.302	2.411	1.132	-2.411	1.131
Thuế giá trị gia tăng	58	436	-449	45	52	-58	39
Thuế thu nhập cá nhân	73	403	-447	29	135	-153	12
Thuế nhà thầu	16	125	-112	29	11	-33	7
Khác	9	10	-19	-	0	0	-
Tổng cộng	**1.009**	**4.833**	**-3.328**	**2.515**	**1.330**	**-2.655**	**1.190**

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý I/2026 của HDBank

Bảng 51: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2024	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 31/12/2025	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 31/03/2026
		Số phải nộp	Số đã nộp		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	916	4.190	-2.592	2.514	1.232	-2.518	1.228
Thuế giá trị gia tăng	60	519	-521	58	63	-75	46
Thuế thu nhập cá nhân	74	459	-499	34	150	-168	15
Thuế nhà thầu	16	127	-114	30	14	-34	9
Khác	9	10	-19	-	0	0	-
Tổng cộng	**1.075**	**5.304**	**-3.744**	**2.634**	**1.459**	**-2.795**	**1.298**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I/2026 của HDBank

2.1.4. Trích lập các quỹ

Bảng 52: Tình hình trích lập các quỹ

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Trích lập các quỹ	Năm 2024	Năm 2025
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.246	1.566
2	Quỹ dự phòng tài chính	1.246	1.410
3	Quỹ phúc lợi	20	25
4	Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	25	30
5	Trích quỹ công ty con (phần thuộc sở hữu của cổ đông HDBank)	92	104
Tổng cộng		**2.628**	**3.136**

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và năm 2026 của HDBank

2.1.5. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Năm 2026, tình hình thế giới dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; Tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng chậm lại, xung đột địa chính trị tiếp tục diễn biến khó lường.

Nền kinh tế Việt Nam vừa có những thuận lợi rất cơ bản, vừa tiếp tục chịu "tác động tiêu cực kép" từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập bên trong; Thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhất là triển khai các giải pháp trong điều hành kinh tế vĩ mô, vừa phải kiểm soát lạm phát, vừa phải thúc đẩy tăng trưởng,... Tuy nhiên, với những thành quả đạt được của năm 2025, nhiều tổ chức quốc tế đều nhận định lạc quan về triển vọng tăng trưởng của kinh tế Việt Nam năm 2026. Với sự ổn định trong chính sách, thúc đẩy chuyển đổi số, và cam kết phát triển bền vững, Việt Nam có tiềm năng duy trì vị thế là điểm sáng tăng trưởng tại khu vực Đông Nam Á và trên thế giới. Nhằm tạo ra những đột phá trong hoạt động, bên cạnh những nền tảng đã đạt được trong năm 2025, HDBank kiên trì với các mục tiêu chiến lược đã đề ra và tiếp tục duy trì tốc độ phát triển trên nền tảng số, đẩy mạnh triển khai hoàn thiện các sáng kiến theo chiến lược, mạnh mẽ vượt qua những khó khăn chung của ngành ngân hàng, sớm trở thành một trong những ngân hàng Top đầu ở Việt Nam và vươn tầm quốc tế. Song hành với các thuận lợi và thách thức của nền kinh tế, ngành Ngân hàng nói chung và HDBank nói riêng vẫn có các cơ hội để phát triển, tăng trưởng, kết quả hoạt động kinh doanh vẫn duy trì ở mức ổn định và tăng trưởng tốt.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 53: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của HDBank (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
1. Quy mô vốn				
Vốn điều lệ	*tỷ Đồng*	35.101	50.053	50.053
Vốn tự có	*tỷ Đồng*	82.053	110.789	117.284
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)(*)	%	13,61%	16,37%	15,71%
2. Chất lượng tài sản				
Tỷ lệ nợ quá hạn(**)	%	4,72%	3,70%	3,33%
Tỷ lệ nợ xấu(**)	%	1,28%	1,50%	1,69%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	62,13%	63,48%	63,86%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	88,48%	95,56%	95,45%
3. Khả năng thanh khoản				
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	17,98%	17,32%	17,64%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn(***)	%	17,20%	20,09%	22,89%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi (LDR)(***)	%	68,48%	66,96%	67,70%
4. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	32,29%	30,90%	29,93%
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,46%	2,46%	2,42%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	4,71%	4,13%	3,23%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	1,95%	1,96%	1,93%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	25,63%	24,64%	23,94%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	*Đồng*	N/A	N/A	N/A
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	1,87%	8,90%	7,66%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	3,29%	16,07%	10,82%

Nguồn: HDBank

Bảng 54: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của HDBank (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
1. Quy mô vốn				
Vốn điều lệ	*tỷ Đồng*	35.101	50.053	50.053
Vốn tự có	*tỷ Đồng*	87.255	117.422	124.287
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)(*)	%	14,03%	16,72%	16,16%
2. Chất lượng tài sản				
Tỷ lệ nợ quá hạn(**)	%	5,07%	3,99%	3,71%
Tỷ lệ nợ xấu(**)	%	1,48%	1,66%	1,86%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	62,91%	64,25%	64,53%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	88,82%	95,74%	95,59%
3. Khả năng thanh khoản				
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	17,67%	17,77%	17,33%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn(***)	%	18,15%	20,68%	23,65%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi (LDR)(***)	%	70,95%	68,79%	69,82%
4. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	32,47%	31,64%	30,26%
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,57%	2,62%	2,55%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	5,58%	4,84%	3,88%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	2,04%	2,10%	2,05%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	25,71%	25,30%	24,29%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	*Đồng*	3.671	3.584	952
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	4,16%	9,66%	8,51%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	8,47%	19,33%	13,87%

Nguồn: HDBank

(*) Tỷ lệ an toàn vốn CAR riêng lẻ và hợp nhất áp dụng theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN do NHNN ban hành quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư 22/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41

(**) Theo quy định Thông tư số 31/2024/TT-NHNN của NHNN ngày 30/06/2024

(***) Theo quy định Thông tư số 22/2019/TT-NHNN của NHNN ngày 15/11/2019 và Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-NHNN.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC của Tổ Chức Phát Hành

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam là Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC riêng và hợp nhất năm 2025 của HDBank. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán tại BCTC riêng và hợp nhất năm 2025 đều là ý kiến chấp nhận toàn phần, cụ thể như sau:

3.1. BCTC năm 2025 đã kiểm toán

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán về BCTC riêng: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng."*

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán về BCTC hợp nhất: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất."*

4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm

4.1. Kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với Tổ Chức Phát Hành

- Tên tổ chức xếp hạng tín nhiệm: Công ty Cổ phần FiinRatings (Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm số 02/GCN-DVXHTN do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 20/03/2020) ("**FiinRatings**")
- Thời điểm xếp hạng tín nhiệm: ngày 29/03/2026
- Kết quả xếp hạng: HDBank được FiinRatings thông báo cập nhật kết quả Xếp hạng Tín nhiệm Tổ chức phát hành ở mức điểm "A" với triển vọng xếp hạng "Thuận lợi"
- Nguồn: Website của FiinRatings

[*Phần còn lại của trang được cố ý để trống*]

5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

5.1. Kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ thông qua

Bảng 55: Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của HDBank

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2026	
	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
Thu nhập lãi thuần(*)	44.760	28,82%
Lợi nhuận sau thuế	24.080	41,03%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi thuần(*)	53,80%	9,48%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	>25%	N/A
Tỷ lệ chi trả cổ tức(**)	N/A	N/A

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của HDBank; HDBank

(*) Là Thu nhập lãi thuần, số liệu cơ sở để HDBank tính toán các chỉ tiêu tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Tổng Giám đốc HDBank do HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

(**) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 07/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026, Lợi nhuận chưa phân phối có thể sử dụng để chia cổ tức năm 2025 là 14.136.046 triệu Đồng, tuy nhiên HDBank chưa có kế hoạch chia cổ tức cụ thể. Tỷ lệ và hình thức chi trả cổ tức sẽ được HĐQT trình ĐHĐCĐ bằng văn bản để thông qua kế hoạch chia cổ tức cụ thể vào thời điểm phù hợp với kế hoạch phát triển kinh doanh của HDBank.

5.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch kinh doanh nêu trên

- Cơ sở để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 2026:

HDBank xây dựng kế hoạch và tính toán khả năng có thể đảm bảo đạt mục tiêu trên cơ sở các căn cứ sau:

- Tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, tuân thủ cho vay theo quy định của NHNN và định hướng mục tiêu của HĐQT. Thực hiện chọn lựa, sàng lọc khách hàng tốt và hiệu quả cao để thực hiện cấp tín dụng; gia tăng cho vay khách hàng trong hệ sinh thái, chủ yếu KHCN và SME, đa dạng hóa việc cho vay để giảm thiểu rủi ro tập trung danh mục;
- Tập trung huy động vốn dân cư, vốn thị trường 1 cho đầu tư, gia tăng tỷ lệ CASA để tận dụng nguồn vốn giá rẻ;
- Khai thác nguồn khách hàng hiện hữu và của hệ sinh thái nhằm gia tăng các sản phẩm dịch vụ của HDBank, gia tăng thu kinh doanh ngoại hối và các hoạt động đầu tư để gia tăng thu dịch vụ và các khoản thu nhập ngoài lãi;
- Kiểm soát tín dụng, thực hiện các biện pháp xử lý để giảm nợ xấu đảm bảo ở mức an toàn, tuân thủ tỷ lệ nợ xấu < 2%;

- Quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả chi phí hoạt động;
- Đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực hoạt động, chuyển hình thức kinh doanh đa kênh thành hợp kênh trên nền tảng trực tuyến.

- Cơ sở để đạt được kế hoạch cổ tức 2026:
  - Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2026 của ngân hàng;
  - Căn cứ nhu cầu nâng cao năng lực tài chính của ngân hàng;
  - Căn cứ phê duyệt của cấp có thẩm quyền (NHNN, Bộ Tài chính).
- Kết quả thực hiện đến thời điểm hiện tại:

Trong Quý I năm 2026, HDBank ghi nhận thu nhập lãi thuần hợp nhất đạt 8.483 tỷ đồng, tăng 14,51% so với cùng kỳ năm ngoái và hoàn thành 19% kế hoạch năm; lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 4.902 tỷ đồng, tăng 12,48% so với cùng kỳ năm ngoái và hoàn thành 20,36% kế hoạch năm. ROE hợp nhất tiếp tục duy trì ở mức cao, đạt 24,29%, thuộc nhóm dẫn đầu toàn ngành. Tổng thu nhập hoạt động hợp nhất đạt 9.953 tỷ đồng, tăng trưởng bền vững nhờ sự đóng góp tích cực từ các hoạt động cốt lõi cùng các chỉ tiêu kinh doanh số tiếp tục tăng trưởng mạnh.

C. Cập nhật thông tin tại Mục VI: "THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN" của Bản Cáo Bạch

1. Cập nhật nội dung "**Tổng số lượng và tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá**" đối với Đợt Chào Bán 2 tại Trang 1; Mục VI.3 và Mục VI.6 của Bản Cáo Bạch như sau:

Đợt chào bán Trái Phiếu	Mã Trái Phiếu	Kỳ hạn Trái Phiếu	Số lượng Trái Phiếu chào bán (Trái Phiếu)(*)	Giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá (VND)
Đợt Chào Bán 2	HDBC7Y263302	07 năm	27.178.000	2.717.800.000.000
	HDBC8Y263402	08 năm	25.876.000	2.587.600.000.000
Tổng cộng			**53.054.000**	**5.305.400.000.000**

(*) Số lượng Trái Phiếu chào bán của Đợt Chào Bán 2 bao gồm:

- ***Trái Phiếu HDBC7Y263302: 27.178.000 Trái Phiếu**, trong đó:*
  - *Số lượng Trái Phiếu chào bán dự kiến của Đợt Chào Bán 2 ban đầu: 25.000.000 Trái Phiếu*
  - *Số lượng Trái Phiếu của kỳ hạn tương ứng phân phối tiếp từ Đợt Chào Bán 1: 2.178.000 Trái Phiếu*
- ***Trái Phiếu HDBC8Y263402: 25.876.000 Trái Phiếu**, trong đó:*
  - *Số lượng Trái Phiếu chào bán dự kiến của Đợt Chào Bán 2 ban đầu: 25.000.000 Trái Phiếu*
  - *Số lượng Trái Phiếu của kỳ hạn tương ứng phân phối tiếp từ Đợt Chào Bán 1: 876.000 Trái Phiếu*

2. Cập nhật nội dung "**Các loại thuế có liên quan**" tại Mục VI.24 của Bản Cáo Bạch như sau:

24.1. Thuế thu nhập cá nhân

Thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu của cá nhân sẽ được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại:

- Trước ngày 01/07/2026: Thông tư số 111/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15/08/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/10/2013, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15/06/2015 và có hiệu lực từ ngày 30/07/2015.
- Từ ngày 01/07/2026: Luật Thuế Thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 do Quốc hội ban hành ngày 10/12/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Theo đó sẽ được khấu trừ thuế với mức thuế như sau:

- Thu nhập từ Lãi Trái Phiếu được xem là thu nhập từ đầu tư vốn. Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ đầu tư vốn là 5%; và
- Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần.

24.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tổ chức nước ngoài có thu nhập phát sinh tại Việt Nam đều là đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 do Quốc hội ban hành ngày 14/06/2025 (có hiệu lực từ ngày 01/10/2025), Nghị định số 320/2025/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 15/12/2025 (có hiệu lực cùng ngày) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Hiện nay, đến khi có hướng dẫn thay thế chính thức, việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ lãi trái phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu của tổ chức nước ngoài thực hiện theo Thông tư số 103/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/08/2014 (có hiệu lực từ ngày 01/10/2014), với mức thuế suất áp dụng như sau:

- Mức thuế suất áp dụng đối với tiền lãi từ Trái Phiếu là 5%; và
- Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu là 0,1% trên tổng thu nhập doanh thu chuyển nhượng Trái Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

D. Cập nhật thông tin tại Mục VIII: "KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN" của Bản Cáo Bạch

1. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ Đợt Chào Bán

1.2. Phương án sử dụng vốn của Đợt Chào Bán 2:

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Quý III/2026(*)	Quý IV/2026(*)	Tổng cộng
1	Sản xuất kinh doanh	250	250	**500**
2	Nông nghiệp, nông thôn	250	250	**500**
3	Tiêu dùng	500	500	**1.000**
4	Thương mại, dịch vụ	1.500	1.805,4	**3.305,4**
Tổng cộng		**2.500**	**2.805,4**	**5.305,4**

(*) Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn sẽ theo thời gian kết thúc đợt chào bán thực tế

E. Tài liệu đính kèm Bản Thông Tin Cập Nhật Bản Cáo Bạch

- Quyết định số 2474/2026/QĐ-TGĐ ngày 27/05/2026 của Tổng Giám đốc HDBank v/v triển khai chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2026 – Đợt Chào Bán 2;
- Quyết định số 4065/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 30/12/2025 v/v sửa đổi nội dung vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của HDBank;
- Điều lệ mới nhất của HDBank;
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của HDBank (*kèm Thư ủy quyền ký Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam*);
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý I năm 2026 của HDBank (*kèm Quyết định số 3967/2025/QĐ-TGĐ ngày 23/07/2025 của Tổng Giám đốc HDBank v/v ủy quyền cho Ông Trần Hoài Nam – Phó Tổng Giám đốc*).

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 05 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỦ TỊCH HĐQT	TỔNG GIÁM ĐỐC
Kim Byoungho	Nguyễn Hữu Đặng

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Phạm Văn Đẩu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 05 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Nguyễn Thị Thanh Hà

HDBank
Cam kết lợi ích cao nhất

Số: 209/2025/NQ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---***---

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

V/v thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng vốn và phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2026

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP. HỒ CHÍ MINH

- *Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (nếu có);*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (nếu có);*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (nếu có);*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (nếu có);*
- *Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("**HDBank**");*
- *Căn cứ Tờ trình số 21/2025/TT-TGĐ-ALM ngày 20/10/2025 của Tổng Giám đốc HDBank về việc phát hành Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2026;*
- *Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết bằng văn bản của các Thành viên Hội đồng Quản trị ngày 24/10/2025,*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương phát hành Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2026 ("**Trái Phiếu**") với tổng mệnh giá tối đa 10.000.000.000.000 đồng (*Mười nghìn tỷ đồng*).

Điều 2. Phê duyệt các nội dung liên quan đến việc phát hành Trái Phiếu, bao gồm:

2.1. Phương án phát hành Trái Phiếu theo Phụ lục 01 đính kèm Nghị quyết này ("**Phương Án Phát Hành**").

2.2. Phương án sử dụng vốn và phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu theo Phụ lục 02 đính kèm Nghị quyết này ("**Phương Án Sử Dụng Vốn**");

2.3. Thực hiện đăng ký tập trung Trái Phiếu tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("**VSDC**") và đăng ký niêm yết Trái Phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("**HNX**") sau khi hoàn tất đợt chào bán Trái Phiếu ("**Đăng Ký Và Niêm Yết**").

Điều 3. Giao và ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện các công việc liên quan, bao gồm:

3.1. Căn cứ tình hình cụ thể, xem xét và quyết định tổ chức thực hiện, triển khai các vấn đề liên quan tới việc phát hành, chào bán Trái Phiếu ra công chúng, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

a. Quyết định thời điểm chào bán Trái Phiếu ra công chúng;

b. Tổ chức thực hiện Phương Án Phát Hành và Phương Án Sử Dụng Vốn;

c. Xem xét, quyết định nội dung cụ thể của các điều khoản và điều kiện Trái Phiếu ("**Các Điều Kiện Trái Phiếu**");

d. Đàm phán, xem xét, quyết định nội dung, ký kết và triển khai thực hiện các thỏa thuận, hợp đồng, tài liệu liên quan đến việc chào bán, phát hành Trái Phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn ở Hợp đồng dịch vụ tư vấn chào bán, đại lý phát hành Trái Phiếu, tư vấn đăng ký lưu ký, tư vấn niêm yết; Hợp đồng dịch vụ đăng ký và lưu ký Trái Phiếu trước khi đăng ký Trái Phiếu; Hợp đồng đại diện người sở hữu Trái Phiếu; Hợp đồng/thỏa thuận đặt mua Trái Phiếu được ký kết với mỗi bên mua Trái Phiếu (nếu có); các thỏa thuận, hợp đồng và tài liệu khác liên quan đến Trái Phiếu (sau đây gọi chung là "**Tài Liệu Giao Dịch**") và các bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các Tài Liệu Giao Dịch này;

e. Quyết định việc sửa đổi và điều chỉnh Phương Án Phát Hành, Phương Án Sử Dụng Vốn và các Tài Liệu Giao Dịch (nếu có) trong phạm vi thẩm quyền phê duyệt, theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và thực hiện các thủ tục liên quan đến việc đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng;

f. Quyết định việc bổ sung, sửa đổi và điều chỉnh nội dung Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu (bao gồm nội dung Các Điều Kiện Trái Phiếu) và các bộ hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong quá trình đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng;

g. Quyết định việc mua lại Trái Phiếu trước hạn;

h. Quyết định các chi phí có liên quan đến việc phát hành Trái Phiếu theo đúng quy định của HDBank; và

i. Quyết định các vấn đề khác liên quan đến Trái Phiếu (nếu có) nhằm thực hiện chào bán Trái Phiếu ra công chúng đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và HDBank.

3.2. Căn cứ tình hình cụ thể, xem xét và quyết định tổ chức, triển khai thực hiện các công việc liên quan tới việc Đăng Ký Và Niêm Yết; thay đổi và/hoặc hủy Đăng Ký Và Niêm Yết theo quy định, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

a. Quyết định và ký kết các hồ sơ, tài liệu nộp cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc Đăng Ký Và Niêm Yết phù hợp với quy định của pháp luật;

b. Làm việc và giải trình với các cơ quan chức năng và các đơn vị có liên quan về hồ sơ Đăng Ký Và Niêm Yết và các vấn đề khác liên quan đến việc Đăng Ký Và Niêm Yết; và

c. Quyết định và thực hiện các công việc cần thiết khác (nếu có) nhằm thực hiện thành công việc Đăng Ký Và Niêm Yết tại VSDC và HNX.

3.3. Quyết định và thực hiện các công việc phát sinh trong thời hạn lưu hành Trái Phiếu phù hợp với quy định pháp luật và quy định của HDBank để hoàn tất (i) việc đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng; (ii) việc phát hành, chào bán, phân phối và chuyển giao Trái Phiếu; (iii) việc Đăng Ký Và Niêm Yết; và (iv) việc công bố thông tin và báo cáo liên quan đến Trái Phiếu.

3.4. Được ủy quyền lại cho người khác thực hiện các công việc được giao, và chịu trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản trị về kết quả thực hiện khi kết thúc chào bán từng đợt chào bán Trái Phiếu và sau khi hoàn thành các nghĩa vụ liên quan tới các Trái Phiếu.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, các Khối/Phòng/Ban/Đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP. HỒ CHÍ MINH
HDBank
TP. HỒ CHÍ MINH

KIM BYOUNGHO

Nơi nhận:
- *BKS, KTNB;*
- *Như Điều 4;*
- *Website HDBank – Nhà Đầu tư;*
- *Lưu VPLD.*

Phụ lục 01:

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH
TRÁI PHIẾU HDBANK RA CÔNG CHÚNG NĂM 2026

(Đính kèm Nghị quyết số 209/2025/NQ-HĐQT ngày 27/10/2025 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh)

Phương án phát hành trái phiếu này ("**Phương Án Phát Hành**") là cơ sở cho việc chào bán ra công chúng các trái phiếu bằng tiền Đồng, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thoả mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành, với tổng mệnh giá tối đa 10.000.000.000.000 VND (*Mười nghìn tỷ đồng*) ("**Trái Phiếu**"). Phương Án Phát Hành này chỉ quy định các điều kiện, điều khoản chính của Trái Phiếu và nội dung chính của việc chào bán Trái Phiếu. Các điều kiện, điều khoản cụ thể của Trái Phiếu và nội dung khác của việc chào bán Trái Phiếu sẽ được quy định trong các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành ("**Các Điều Kiện Trái Phiếu**") và các hợp đồng, thỏa thuận và tài liệu khác được ký kết bởi hoặc nhân danh Tổ Chức Phát Hành nhằm mục đích chào bán Trái Phiếu.

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

1. Thông tin chung:

- Tên tổ chức phát hành: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh ("**HDBank**" hoặc "**Tổ Chức Phát Hành**").
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 62 915 916 Fax: (028) 62 915 900
- Website: www.hdbank.com.vn
- Vốn điều lệ: 35.101.422.540.000 VND (*theo Quyết định số 2785/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 26/12/2024 về việc sửa đổi nội dung về Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh*).
- Mã cổ phiếu: HDB
- Giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/06/1992, được cấp thay đổi bởi Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp thay đổi ngày 12/02/2020 và các quyết định sửa đổi, bổ sung.

2. Ngành nghề kinh doanh chính

Hoạt động trung gian tiền tệ khác (Mã ngành: 6419).

Sản phẩm/dịch vụ chính:

- Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm huy động vốn, tín dụng, dịch vụ kinh doanh ngoại tệ và thanh toán, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác;

- Hoạt động ngân hàng bán lẻ: tập trung phục vụ các tầng lớp dân cư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn/cho vay/thanh toán đáp ứng các nhu cầu tài chính của cá nhân; phát triển các sản phẩm thẻ.

3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm:

3.1. Một số chỉ tiêu tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh:

Dưới đây là một số chỉ tiêu tài chính của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán Trái Phiếu và đến thời điểm hiện tại:

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		06 tháng 2025	
	Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ
Vốn tự có	61.900	57.895	87.255	82.053	95.444	88.921
Tổng tài sản	602.315	589.986	697.366	684.976	784.096	768.570
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	52.641	47.041	57.996	51.954	32.981	29.860
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	4.268	1.290	5.321	2.254	5.466	4.012
Lợi nhuận trước thuế	13.017	12.736	16.730	15.695	10.068	9.268
Lợi nhuận sau thuế	10.336	10.186	13.248	12.457	8.034	7.374
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	24,21%	25,50%	25,71%	25,63%	26,50%	25,82%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/ Tổng tiền gửi (LDR)	68,69%	66,16%	70,95%	68,48%	77,47%	75,29%
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	12,57%	12,21%	14,03%	13,61%	13,02%	12,53%
Tỷ lệ nợ xấu (NPL)	1,79%	1,51%	1,48%	1,28%	1,94%	1,78%

3.2. Tình hình thanh toán gốc, lãi đối với các trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán Trái Phiếu và đến thời điểm hiện tại:

HDBank đã thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền gốc, tiền lãi đối với các trái phiếu đã phát hành và đến hạn thanh toán, đồng thời không phát sinh tranh chấp, kiện tụng đối với các trái phiếu do HDBank phát hành trong năm 2022, 2023, 2024 và tính đến thời điểm hiện tại.

3.3. Tình hình thanh toán các khoản nợ đến hạn:

HDBank cam kết không có bất kỳ khoản nợ phải trả nào quá hạn trên 01 (*Một*) năm và đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

3.4. Ý kiến kiểm toán đối với các Báo cáo tài chính:

Trong năm 2023 và 2024, đơn vị kiểm toán cho HDBank là Công ty TNHH PwC (Việt Nam) đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Theo đó, Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của HDBank đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng và hợp nhất của Ngân hàng (và công ty con) tại các ngày 31/12/2023 và 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất của Ngân hàng (và công ty con) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.

II. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ chào bán Trái Phiếu nhằm bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của HDBank.

III. CÁC ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN CHÍNH CỦA TRÁI PHIẾU

1. **Tổ Chức Phát Hành:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.
2. **Tên Trái Phiếu:** Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2026.
3. **Loại Trái Phiếu:** Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành.
4. **Đồng tiền phát hành và thanh toán:** Đồng Việt Nam (VND).
5. **Mệnh giá:** 100.000 VND (*Một trăm nghìn đồng*)/Trái Phiếu.
6. **Giá chào bán:** bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu, tương đương 100.000 VND (*Một trăm nghìn đồng*)/Trái Phiếu.
7. **Hình thức Trái Phiếu:** Trái Phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ và/hoặc dữ liệu điện tử, có phát hành Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái Phiếu (nếu có yêu cầu) hoặc hình thức khác trong trường hợp pháp luật hiện hành hoặc các quy chế có liên quan của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("**VSDC**"), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("**HNX**") và các cơ quan quản lý có thẩm quyền yêu cầu.
8. **Đối tượng mua Trái Phiếu:** Đối tượng mua Trái Phiếu là các tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài.
9. **Phương thức phát hành:** Phát hành ra công chúng, theo phương thức (i) bán trực tiếp cho các nhà đầu tư tại Trụ sở chính, các Chi nhánh/Phòng Giao dịch của HDBank và/hoặc (ii) thông qua Đại lý phát hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI.
10. **Địa điểm phát hành:** Tại Trụ sở chính, các Chi nhánh/Phòng Giao dịch của HDBank và/hoặc Đại lý phát hành.

11. **Kỳ hạn trái phiếu:** 07 năm và 08 năm.

STT	Đợt chào bán Trái Phiếu	Mã Trái Phiếu	Kỳ hạn Trái Phiếu
1	Đợt Chào Bán 1	HDBC7Y263301	07 năm
		HDBC8Y263401	08 năm
2	Đợt Chào Bán 2	HDBC7Y263302	07 năm
		HDBC8Y263402	08 năm

12. **Ngày phát hành dự kiến:** Toàn bộ số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán được chia làm 02 (*Hai*) Đợt chào bán sau khi HDBank được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("**UBCKNN**") cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng.

Ngày phát hành Trái Phiếu là ngày kết thúc Đợt chào bán tương ứng đối với mỗi Trái Phiếu ("**Ngày Phát Hành**").

13. **Ngày thực hiện quyền mua lại:**

Với Trái Phiếu kỳ hạn 07 năm: là ngày tròn 02 năm kể từ Ngày Phát Hành.

Với Trái Phiếu kỳ hạn 08 năm: là ngày tròn 03 năm kể từ Ngày Phát Hành.

14. **Số lượng và giá trị trái phiếu chào bán:** Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán là 100.000.000 (*Một trăm triệu*) Trái Phiếu, tương ứng với tổng giá trị Trái Phiếu chào bán (theo mệnh giá) là 10.000.000.000.000 VND (*Mười nghìn tỷ đồng*), được chia làm 02 (*Hai*) Đợt chào bán như sau:

STT	Đợt chào bán Trái Phiếu	Mã Trái Phiếu	Số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán (Trái Phiếu)	Giá trị Trái Phiếu đăng ký chào bán theo mệnh giá (VND)
1	Đợt Chào Bán 1	HDBC7Y263301	25.000.000	2.500.000.000.000
		HDBC8Y263401	25.000.000	2.500.000.000.000
2	Đợt Chào Bán 2	HDBC7Y263302	25.000.000	2.500.000.000.000
		HDBC8Y263402	25.000.000	2.500.000.000.000
Tổng cộng			**100.000.000**	**10.000.000.000.000**

Đợt Chào Bán 2 chỉ được thực hiện sau khi kết thúc Đợt Chào Bán 1. Trường hợp Đợt Chào Bán 1 chưa phân phối hết số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán thì số lượng Trái Phiếu chưa phân phối hết sẽ được chuyển sang Đợt Chào Bán 2 để phân phối tiếp.

15. **Thời điểm phát hành dự kiến:** Trong năm 2026, sau khi HDBank được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng, cụ thể như sau:

STT	Đợt chào bán Trái Phiếu	Mã Trái Phiếu	Thời gian dự kiến chào bán
1	Đợt Chào Bán 1	HDBC7Y263301	Quý I/2026 – Quý II/2026
		HDBC8Y263401	
2	Đợt Chào Bán 2	HDBC7Y263302	Quý II/2026 – Quý IV/2026
		HDBC8Y263402	

Thời điểm phát hành cụ thể sẽ do Tổng Giám đốc hoặc Người được Tổng Giám đốc ủy quyền hợp lệ của HDBank quyết định.

16. **Thời gian phân phối:** Dự kiến tối thiểu 20 (*Hai mươi*) ngày, tối đa 90 (*Chín mươi*) ngày theo quy định của pháp luật (chưa tính trường hợp gia hạn thời gian phân phối theo quy định, nếu cần thiết).

17. **Lãi suất dự kiến:**

Lãi suất Trái Phiếu ("**Lãi Suất**") là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + Biên Độ

Trong đó:

- "**Biên Độ**" được xác định tùy theo kỳ hạn của Trái Phiếu và **tối đa là 2,90%/năm**. Biên Độ cụ thể của mỗi Trái Phiếu sẽ do Tổng Giám đốc của HDBank quyết định trước khi triển khai mỗi Đợt chào bán phù hợp tình hình thị trường tại thời điểm phát hành.
- "**Lãi Suất Tham Chiếu**" dùng để xác định Lãi Suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (*Mười hai*) tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức ("**website**") của 04 (*Bốn*) ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (mỗi ngân hàng này được gọi là "**Ngân Hàng Tham Chiếu**") tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Trong trường hợp website thể hiện nhiều địa điểm/khu vực, ưu tiên lấy lãi suất tại địa bàn nơi các Ngân Hàng Tham Chiếu đó đặt hội sở chính. Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến bốn chữ số ở phần thập phân sau dấu phẩy.
- "**Kỳ Tính Lãi**" là khoảng thời gian định kỳ 01 (*Một*) năm/lần kể từ Ngày phát hành Trái Phiếu.
- "**Ngày Xác Định Lãi Suất**" (i) đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đăng ký mua Trái Phiếu của mỗi Đợt chào bán; hoặc (ii) đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là ngày làm việc thứ 07 (*Bảy*) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi đó.

18. **Phương thức thanh toán gốc, lãi trái phiếu:**

- Tiền gốc Trái Phiếu: Thanh toán 01 (Một) lần vào Ngày đáo hạn, hoặc Ngày mua lại trước hạn Trái Phiếu (nếu có), hoặc vào ngày đến hạn khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu.
- Tiền lãi Trái Phiếu: Thanh toán sau, trả định kỳ 01 (Một) năm/lần vào các ngày tròn 01 (Một) năm kể từ Ngày phát hành Trái Phiếu.

- Tổ Chức Phát Hành được ngừng trả lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ.

19. Thứ tự ưu tiên thanh toán trái phiếu:

- Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành. Trái Phiếu phát hành trong cùng một đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.
- Trong mọi trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng thanh toán và/hoặc chấm dứt hoạt động, Trái Phiếu có thứ tự thanh toán sau các nghĩa vụ và khoản nợ của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (không phải là chủ nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành) hiện tại và trong tương lai của Tổ Chức Phát Hành.

20. Mua lại trái phiếu trước hạn:

a. Mua lại Trái Phiếu vào Ngày thực hiện quyền mua lại:

Tổ Chức Phát Hành có quyền (nhưng không phải nghĩa vụ) mua lại trước hạn toàn bộ nhưng không mua lại một phần Trái Phiếu vào Ngày thực hiện quyền mua lại Trái Phiếu trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp các quy định về tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo pháp luật hiện hành. Giá mua lại mỗi Trái Phiếu sẽ bằng mệnh giá. Trong trường hợp này, người sở hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu mà mình đang nắm giữ cho Tổ Chức Phát Hành.

b. Mua lại Trái Phiếu theo thỏa thuận:

Tổ Chức Phát Hành có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu từ bất kỳ người sở hữu Trái Phiếu nào theo bất kỳ giá nào, vào bất kỳ lúc nào và bằng bất kỳ phương thức nào phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, với điều kiện sau khi thực hiện việc mua lại, Tổ Chức Phát Hành vẫn đảm bảo tuân thủ và phù hợp các quy định về tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo pháp luật hiện hành. Mỗi người sở hữu Trái Phiếu có quyền quyết định việc bán lại Trái Phiếu của mình cho Tổ Chức Phát Hành hay không. Việc chào mua các Trái Phiếu được thực hiện công khai đối với tất cả những người sở hữu Trái Phiếu.

c. Mua lại Trái Phiếu bắt buộc khi xảy ra Sự kiện vi phạm:

Tổ Chức Phát Hành sẽ mua lại bắt buộc toàn bộ Trái Phiếu theo yêu cầu của người sở hữu Trái Phiếu khi xảy ra bất kỳ Sự kiện vi phạm nào, chi tiết được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

Để làm rõ, trong tất cả các trường hợp mua lại Trái Phiếu trước hạn tại Mục 20 này, Tổ Chức Phát Hành chỉ được mua lại Trái Phiếu trước hạn với điều kiện sau khi thực hiện vẫn đảm bảo tuân thủ và phù hợp các quy định về tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo pháp luật hiện hành. Chi tiết các điều khoản về mua lại Trái Phiếu được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

21. Quyền liên quan đến Trái Phiếu:

- Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không được bảo đảm của Tổ Chức Phát Hành, đủ điều kiện được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành;

- Trong trường hợp HDBank bị phá sản, giải thể, người sở hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi HDBank đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác;
- HDBank được ngừng trả lãi khi đến hạn thanh toán lãi Trái Phiếu và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của HDBank bị lỗ;
- Trong thời hạn Trái Phiếu, người sở hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với HDBank hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác;
- Các quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến Trái Phiếu được quy định cụ thể tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

22. **Quyền của Người sở hữu Trái Phiếu:**
    - Được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi Trái Phiếu khi đến hạn và đảm bảo việc thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) theo các văn kiện Trái Phiếu có liên quan;
    - Được dùng Trái Phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, để lại thừa kế, chiết khấu và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm trong các quan hệ dân sự và quan hệ thương mại theo quy định của pháp luật hiện hành;
    - Được tham dự, lấy ý kiến và biểu quyết tại Hội nghị người sở hữu Trái Phiếu về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu;
    - Các quyền khác của người sở hữu Trái Phiếu được quy định cụ thể tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

23. **Tổ chức tư vấn:** Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI.

24. **Đại lý phát hành:** Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI.

25. **Đại lý đăng ký, lưu ký ban đầu:** Công ty Cổ phần Chứng khoán HD.

26. **Đại diện người sở hữu Trái Phiếu:** Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI.

27. **Đăng ký và Niêm yết:** Toàn bộ Trái Phiếu chào bán thành công sẽ được đăng ký tập trung tại VSDC và đăng ký niêm yết tại HNX theo quy định của pháp luật hiện hành.

28. **Các điều kiện, cam kết khác liên quan đến Trái Phiếu:** được quy định cụ thể tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và do Tổng Giám đốc hoặc Người được Tổng Giám đốc ủy quyền hợp lệ của Tổ Chức Phát Hành quyết định.

29. **Sửa đổi, bổ sung:** Việc sửa đổi, bổ sung Phương Án Phát Hành này (ngoại trừ nội dung về loại Trái Phiếu chào bán, số lượng Trái Phiếu từng loại chào bán, nguyên tắc xác định lãi suất và kỳ hạn Trái Phiếu) sẽ được thực hiện theo quyết định của Tổng Giám đốc hoặc Người được Tổng Giám đốc ủy quyền hợp lệ của Tổ Chức Phát Hành.

30. **Luật điều chỉnh:** Luật Việt Nam.

Phụ lục 02:

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU HDBANK PHÁT HÀNH RA CÔNG CHÚNG NĂM 2026

(Đính kèm Nghị quyết số 209/2025/NQ-HĐQT ngày 27/10/2025 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh)

I. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu:

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ chào bán Trái Phiếu nhằm bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của HDBank, cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

1. Phương án sử dụng vốn Đợt Chào Bán 1:

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Quý I/2026(*)	Quý II/2026(*)	Tổng cộng
1	Sản xuất kinh doanh	250	250	500
2	Nông nghiệp, nông thôn	250	250	500
3	Tiêu dùng	500	500	1.000
4	Thương mại, dịch vụ	1.500	1.500	3.000
Tổng cộng		**2.500**	**2.500**	**5.000**

2. Phương án sử dụng vốn Đợt Chào Bán 2:

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Quý III/2026(*)	Quý IV/2026(*)	Tổng cộng
1	Sản xuất kinh doanh	250	250	500
2	Nông nghiệp, nông thôn	250	250	500
3	Tiêu dùng	500	500	1.000
3	Thương mại, dịch vụ	1.500	1.500	3.000
Tổng cộng		**2.500**	**2.500**	**5.000**

(*) Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn sẽ theo thời gian kết thúc đợt chào bán thực tế.

Hội đồng Quản trị giao cho Tổng Giám đốc được toàn quyền quyết định số tiền và thời gian giải ngân thực tế của từng Đợt chào bán đối với từng ngành nghề kinh doanh phụ thuộc vào kết qua chào bán Trái Phiếu của từng Đợt chào bán tương ứng. Kế hoạch giải ngân thực tế sẽ được điều chỉnh linh hoạt theo thực tế hoạt động, nhu cầu vay vốn của khách hàng và tiến độ cho vay nền kinh tế của HDBank.

II. Phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu:

1. Nguồn trả nợ:

- Thanh toán lãi và gốc Trái Phiếu: Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn tiền thu được từ các khoản khách hàng thanh toán lãi, gốc của các khoản giải ngân/cho vay dự kiến thu được từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu để thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu cho các người sở hữu Trái Phiếu, ngoại trừ trường hợp việc thanh toán lãi Trái Phiếu dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ thì Tổ Chức Phát Hành được ngừng trả lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo.

  Tổ Chức Phát Hành dự kiến nguồn tiền thu được từ các khoản khách hàng thanh toán lãi, gốc của các khoản giải ngân/cho vay dự kiến thu được từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu sẽ đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền lãi, gốc Trái Phiếu cho các các người sở hữu Trái Phiếu trong suốt kỳ hạn Trái Phiếu, cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

Kỳ thu nợ (*)	Lãi suất đầu ra dự kiến (tối thiểu) (%/năm) (**)	Dư nợ đầu kỳ	Lãi phải thu dự kiến	Gốc trả trong kỳ	Gốc + Lãi phải thu dự kiến	Dư nợ cuối kỳ
1	10,00%	10.000	1.000	-	1.000	10.000
2	10,00%	10.000	1.000	-	1.000	10.000
3	10,00%	10.000	1.000	-	1.000	10.000
4	10,00%	10.000	1.000	-	1.000	10.000
5	10,00%	10.000	1.000	-	1.000	10.000
6	10,00%	10.000	1.000	-	1.000	10.000
7	10,00%	10.000	1.000	5.000	6.000	5.000
8	10,00%	5.000	500	5.000	5.500	0
TỔNG			**7.500**	**10.000**	**17.500**	

(*) Báo cáo theo kỳ tròn 01 (Một) năm kể từ ngày phát hành Trái Phiếu;

(**) Lãi suất đầu ra dự kiến được xác định trên cơ sở ngành nghề cho vay, quy định và chính sách cho vay của HDBank trong từng thời kỳ, theo nguyên tắc: Lãi suất đầu ra dự kiến = chi phí huy động vốn (bao gồm lãi suất phát hành Trái Phiếu, chi phí hoạt động khác (hành chính, nhân sự, quản lý phân bổ, ...)) + biên độ tối thiểu 2,00%/năm.

- Trường hợp nguồn tiền thu được từ các khoản khách hàng thanh toán lãi, gốc của các khoản giải ngân/cho vay dự kiến thu được từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu chưa đủ để thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu cho các nhà đầu tư, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng nguồn vốn huy động khác, nguồn vốn tự tích lũy, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và các nguồn thu hợp pháp khác và tiềm lực tài chính của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán đầy đủ lãi, gốc Trái Phiếu hoặc mua lại Trái Phiếu trước hạn.

2. **Kế hoạch trả nợ:**

Theo kế hoạch kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, nguồn tiền thu được từ hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành sau khi trừ đi các chi phí vẫn bảo đảm thanh toán đầy đủ các khoản lãi và nợ gốc, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và Trái Phiếu đang dự kiến chào bán. Bảng dưới đây thể hiện kế hoạch trả nợ dự kiến của Tổ Chức Phát Hành cho mỗi Đợt chào bán trong trường hợp không phát sinh mua lại Trái Phiếu trước hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

Kỳ thanh toán (*)	Lãi suất Trái Phiếu dự kiến (tối đa) (%/năm) (**)	Dư nợ đầu kỳ	Lãi phải trả dự kiến	Gốc trả trong kỳ	Gốc + Lãi phải trả dự kiến	Dư nợ cuối kỳ
1	7,575%	10.000	757,5	-	757,5	10.000
2	7,575%	10.000	757,5	-	757,5	10.000
3	7,575%	10.000	757,5	-	757,5	10.000
4	7,575%	10.000	757,5	-	757,5	10.000
5	7,575%	10.000	757,5	-	757,5	10.000
6	7,575%	10.000	757,5	-	757,5	10.000
7	7,575%	10.000	757,5	5.000	5.757,5	5.000
8	7,575%	5.000	378,75	5.000	5.378,75	0
TỔNG			**5.681,25**	**10.000**	**15.681,25**	

(*) Kỳ thanh toán tròn 01 (Một) năm kể từ ngày phát hành Trái Phiếu.

(**) Lãi suất Trái Phiếu được giả định giữ nguyên trong quá trình Trái Phiếu lưu hành, tham chiếu lãi suất của các Ngân Hàng Tham Chiếu, bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày 20/10/2025 + biên độ tối đa 2,90%/năm.

HDBank
Cam kết lợi ích cao nhất
Số: 2474/2026/QĐ-TGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---------***---------

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v triển khai chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2026 – Đợt Chào Bán 2

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (nếu có);*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (nếu có);*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (nếu có);*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (nếu có);*
- *Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("**HDBank**");*
- *Căn cứ Nghị quyết số 209/2025/NQ-HĐQT ngày 27/10/2025 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh v/v thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng vốn và phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2026;*
- *Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái phiếu ra công chúng số 552/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/12/2025;*
- *Căn cứ tình hình thực tế,*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thông qua việc triển khai Đợt Chào Bán 2 của Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2026 thực hiện theo Nghị quyết số 209/2025/NQ-HĐQT ngày 27/10/2025 đã được Hội đồng Quản trị HDBank phê duyệt với một số nội dung chính như sau:

1. **Tên trái phiếu**: Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2026 ("**Trái Phiếu**").
2. **Loại trái phiếu**: Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của HDBank theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. **Thông tin trái phiếu chào bán**:

Mã Trái Phiếu	Kỳ hạn Trái Phiếu	Lãi suất Trái Phiếu	Số lượng Trái Phiếu chào bán (Trái Phiếu)	Giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá (VND)
HDBC7Y263302	07 *(Bảy)* năm	Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + **2,80%/năm** *(Hai phẩy tám phần trăm một năm)*	27.178.000	2.717.800.000.000
HDBC8Y263402	08 *(Tám)* năm	Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + **2,90%/năm** *(Hai phẩy chín phần trăm một năm)*	25.876.000	2.587.600.000.000
Tổng cộng			**53.054.000**	**5.305.400.000.000**

Trong đó:

- "**Lãi Suất Tham Chiếu**" dùng để xác định Lãi Suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (*Mười hai*) tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức ("**website**") của 04 (*Bốn*) ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (mỗi ngân hàng này được gọi là "**Ngân Hàng Tham Chiếu**") tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Trong trường hợp website thể hiện nhiều địa điểm/khu vực, ưu tiên lấy lãi suất tại địa bàn nơi các Ngân Hàng Tham Chiếu đó đặt hội sở chính. Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến bốn chữ số ở phần thập phân sau dấu phẩy.
- "**Kỳ Tính Lãi**" là khoảng thời gian định kỳ 01 (*Một*) năm/lần kể từ Ngày phát hành Trái Phiếu.
- "**Ngày Xác Định Lãi Suất**" (i) đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đăng ký mua Trái Phiếu của Đợt chào bán; và (ii) đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là ngày làm việc thứ 07 (*Bảy*) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi đó.
- Số lượng Trái Phiếu chào bán của Đợt Chào Bán 2 bao gồm:
  - **Trái Phiếu HDBC7Y263302: 27.178.000 Trái Phiếu**, trong đó:
    + Số lượng Trái Phiếu chào bán dự kiến của Đợt Chào Bán 2 ban đầu: 25.000.000 Trái Phiếu
    + Số lượng Trái Phiếu của kỳ hạn tương ứng phân phối tiếp từ Đợt Chào Bán 1: 2.178.000 Trái Phiếu
  - **Trái Phiếu HDBC8Y263402: 25.876.000 Trái Phiếu**, trong đó:
    + Số lượng Trái Phiếu chào bán dự kiến của Đợt Chào Bán 2 ban đầu: 25.000.000 Trái Phiếu
    + Số lượng Trái Phiếu của kỳ hạn tương ứng phân phối tiếp từ Đợt Chào Bán 1: 876.000 Trái Phiếu

4. **Giá chào bán**: bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu, tương đương 100.000 VND (*Một trăm nghìn đồng*)/Trái Phiếu.

5. **Thời gian chào bán dự kiến**: Quý II/2026 – Quý IV/2026.

6. **Phương án sử dụng vốn thu được từ Đợt Chào Bán 2**: HDBank dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ chào bán Trái Phiếu nhằm bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của HDBank, cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Quý III/2026(*)	Quý IV/2026(*)	Tổng cộng
1	Sản xuất kinh doanh	250	250	**500**
2	Nông nghiệp, nông thôn	250	250	**500**
3	Tiêu dùng	500	500	**1.000**
4	Thương mại, dịch vụ	1.500	1.805,4	**3.305,4**
Tổng cộng		**2.500**	**2.805,4**	**5.305,4**

(*) Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn sẽ theo thời gian kết thúc đợt chào bán thực tế

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ban Điều hành, Giám đốc/Phó Giám đốc các Khối/Trung tâm, các Đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật và của HDBank./.

Nơi nhận:
- *Như Điều 2;*
- *Lưu: VT*

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HỮU ĐẶNG